

TRẦN TRUNG QUÂN



HẬU TRƯỜNG
SÂN KHẤU
CẢI LƯƠNG

TRẦN TRUNG QUÂN

HẬU TRƯỜNG
SÂN KHẤU
CẢI LƯƠNG

Hậu trường sân khấu cải lương • Trần
Trung Quân • Cover and layout by
Midway • Feb 2022

Lời dẫn nhập

Đã hơn nửa thế kỷ qua, bộ môn sân khấu Việt Nam sinh ra trong một hoàn cảnh thật đặc biệt và trưởng thành theo dòng sinh mệnh nổi trôi của dân tộc. Nền ca kịch cải lương, không thể phủ nhận mãi mãi là một chất liệu dinh dưỡng tinh thần của dân gian. Trải qua biết bao nhiêu chặng đường thử thách gian lao, trải qua những biến cố thăng trầm của lịch sử Việt Nam, cải lương đã chuốc lấy muôn vàn nghịch cảnh cay đắng, những bể bàng khốn khổ. Có một thời kỳ tan vỡ và suy tệt vong vì chế độ Cộng Sản cưỡng bách cải lương từ bỏ nhiệm vụ thiêng liêng phụng sự đại chúng, chỉ đơn thuần phục vụ cho các đường lối tuyên truyền của Đảng, biến cải lương thành một loại dụng cụ máy móc không hơn không kém. Trên các lộ trình chông gai đó, bộ môn sân khấu đã kiên trì sinh sản ra không biết bao nhiêu cánh hoa đẹp với ngàn hồng vạn tia được thể hiện qua những nghệ sĩ thiên tài của nhiều thế hệ khác nhau.

Chúng tôi trân trọng kính mời bạn đọc cùng chúng tôi bước vào thế giới cải lương, để quan sát tường tận mọi khía cạnh sinh hoạt bên trong hậu trường sân khấu cải lương, vì còn nhiều điều bí mật mà từ trước nay chưa hề được tiết lộ. Bạn đọc sẽ khám phá ra nhiều chân trời mới lạ. Để trở thành một diễn viên

chuyên nghiệp, các điều kiện tối cần thiết là: Giọng ca, sắc vóc, khả năng diễn xuất. Chưa đủ. Phải gặp người đồ đầu nhiệt tình dìu dắt, tận tâm dạy dỗ, phải gặp nhiều cơ hội may mắn. Cũng chưa đủ. Điều kiện cuối cùng là: phải có duyên nợ với sân khấu, và trời có an bài cho làm kiếp nghệ sĩ hay không?

Trên cuộc hành trình tiến thân lập nghiệp dài đằng đẵng, diễn viên sống với những chuỗi ngày hụp lặn trong lửa đảo, trong sự bội phản, đương đầu với biết bao tình huống trái ngang, tiếp thu tủi hận, tiêu pha nước mắt nhiều hơn niềm sung sướng. Họ sống với hai khuôn mặt trong một con người. Một, nụ cười hiển lộ niềm vinh quang khi đứng trên sàn gỗ sân khấu. Một, cho tiếng khóc thầm trong đêm khi trực diện với thực tế túng quẫn, thiếu ăn thiếu mặc của đồng nghiệp, và của chính mình ở bên trong hậu trường sân khấu.

Cũng trong quyển sách này, chứng liệu lịch sử đã phơi bày ra ánh sáng, lột trần mọi chi tiết mờ ám về cái chết thảm thương của danh tài Thanh Nga. Tiếng sủng nghiệt ngã, được chủ trương bởi một tập thể cố tình tạo ra oan nghiệt cho đất nước, rải lên da thịt Thanh Nga để hình thành một cái chết bi thảm nhất, tội nghiệp nhất trong làng văn nghệ Việt Nam.

Cuối cuộc đời của một nghệ sĩ cải lương dù là thiên tài, dù là một diễn viên xuất sắc, tên tuổi lừng lẫy, bằng nhiều Con đường, bằng nhiều nguyên nhân đã đem đến cho họ một sự kết thúc tang thương. Bốn mươi phần trăm nghệ sĩ cải lương đã chết dưới găm sân khấu, nơi vừa hề, cạnh rạp hát hoặc đình chùa... họ đã chết lạnh lẽo, không một tiếng trống tiếng kèn!

Một bài thơ truyền miệng trong giới cải lương sau đây, có thể nói lên đầy đủ một hình ảnh không đẹp đẽ gì cho lắm của một người nghệ sĩ cả đời phụng sự cho sân khấu:

Ngày còn đội mào mang hia
Gánh nẩy núa kéo, gánh kia giựt giành
Nói chi mấy lúc mạnh lành
Cái đời nghệ sĩ ngon lành biết bao
Ngất khi sút huyết, ho lao
Kính phong mắc gió ma nào cũng lơ
Một đồng xu cũng không ngờ
Đừng nói chi chuyện sữa, bơ, mật, đường
Chết thì chịu, có ai thương
Nhịn năm, sáu bữa xương sườn lòi ra
Mang chi cái kiếp đào hoa
Mai kia có chết thành ma không nhà
Vái cùng ông địa ông tà
Phò hộ nghệ sĩ thoát qua tai nạn
Còn thời trọn mất phông mang
Hết thời dọc sá dọc đàng bỏ thầy.

Phải mất 24 năm sống với cái lương, kinh nghiệm về cái lương và bỏ công sưu tập, tìm tòi, phỏng vấn những nghệ sĩ tài danh để hoàn tất tác phẩm này. Nhưng chắc rằng vẫn phải còn thiếu sót, chúng tôi ước mong các bạn đồng nghiệp trong ngành sân khấu vui lòng bổ túc thêm để góp phần vào công cuộc phát triển bộ môn cải lương, một bộ môn ra đời và trưởng thành từ trong lòng quê hương.

Paris ngày, 24-1-1993

Trần Trung Quân

8 hậu trường sân khấu cải lương

1.

Tám giờ ba mươi rồi, kéo màn được chưa Quân?
Đứng phía trong “cánh gà”, tôi vén màn nhìn xuống hàng ghế dưới sân khấu, lòng bồi hồi, rung cảm lạ kỳ. Số khán giả mua vé vô xem chật rạp, không đúng như chúng tôi dự liệu trước đó mấy ngày. Tôi nói với bác Michel Mỹ, người điều khiển chương trình xuất hát tối nay:
- “Kéo” đi Bác. Đúng giờ, mình mở màn. Chần chừ, không khí trong rạp sẽ “nguội” đi, không tốt.

Bác Michel Mỹ sửa thế đứng, vuốt lại bộ côm-lê, húng hắng lấy giọng. Mặc dầu đứng sau tấm màn nhung lớn, cầm mi-cô-rô giới thiệu chương trình, nhưng bác vẫn ngại ngại, sợ khán giả thấy bộ tịch mình không được nghiêm chỉnh.

“Kính thưa cô bác, kính thưa anh chị em, chúng tôi trân trọng giới thiệu màn một vở tuồng *Tóc Em Bay Giữa Trùng Dương* của soạn giả Trần Trung Quân. Bắt đầu...”

Nghệ sĩ Ngọc Lưu cảm khúc gỗ, nện xuống sàn sân khấu âm ầm ầm ba lần, thực hiện đúng nghi thức kéo màn.

Đèn chuyển màu, từ sáng trắng, chậm chậm đổi sang màu xanh lục. Nữ nghệ sĩ Mỹ Hòa trong vai “Quận Chúa”, Hữu Phước, Hùng Tiến, cả ba tuần tụt bước ra sân khấu diễn lớp đầu.

Giàn đờn góp mặt toàn những chư vị yêu nhạc, thích sân khấu, nhưng chưa hội đủ tầm vóc nhạc sĩ cỡ nhà nghề. Bác Phan Tư gồng cây violon, bác Mỹ gò cây đờn tranh. Nguyên đoàn hát mà chỉ hiện diện hai cây đờn, về mặt nghệ thuật, thật là một điều thiếu sót đáng trách. Tuy nhiên, năm 1978, tại Pháp, kiếm đồ con mắt cũng không ra một người thứ ba chơi đờn vọng cổ. Miễn cưỡng chấp nhận. Vì có còn hơn không. Quan trọng ở chỗ “có tấm lòng” và yêu chuộng sân khấu. Nơi xứ người, muốn phô trương nền ca kịch nước nhà là một chuyện không dễ làm.

Hành trình gian lao, đương đầu mọi sự trở ngại khiến một ngày kia bộ môn Cải Lương gần như bị tan rã ở hải ngoại, chúng tôi sẽ viết ở một chương khác.

Theo nguyên tắc, có thể nói “bất di bất dịch”, một đoàn Cải Lương phải trang bị các nhạc khí cho một vở tuồng gồm 6 loại đờn sau đây:

1- Đờn Kim: Đờn Kim, còn gọi là “Nguyệt cầm”. Loại đờn này có hai dây to và tám phím. Nhạc sĩ thủ cây Kim phải ngồi ngay chính giữa phía dưới sân khấu, nhiệm vụ chính giữ “Song Lang” đồng thời điều khiển luôn ban nhạc.

Âm thanh cây đờn Kim không trong và lạnh lót như đờn Tranh hoặc Lục Huyền cầm. Tuy vậy, nó lại mang âm hưởng nhiều cho nên khi hòa tấu với cây đờn Tranh thì nghe rất êm tai. Dựa vào hơi thấp hay cao của ca sĩ, đờn Kim nương theo giọng hát mà đờn. Và có 5 dây Hò. Hò nhứt “lót” vào bậc thứ

nhút dây Tiếu; hò nhì, ăn khớp vào bậc chữ Xự dây Tiếu; hò ba ăn vào bậc chữ Xang; hò tư, dân trong nghề thường gọi là dây Chinh, công dụng vào bậc chữ Xê; hò năm dùng vào bậc chữ Cống, cũng dây Tiếu. .

Trường hợp nam nghệ sĩ hát Vọng Cổ, cây Kim thường đồn dây Hò nhút, nữ nghệ sĩ ca, đồn dây Hò tư. Nam diễn viên hơi cao như Minh Cảnh chẳng hạn thì phải đến Hò nhì, thay vì Hò nhút. Nếu nữ nghệ sĩ hát hơi rất cao, nhạc sĩ phải “trở”, đồn dây Hò năm, không nên khảy dây Hò tư.

2- Đòn Tranh: Đòn Tranh, dân gian thường kêu là đồn Thập Lục, tổng cộng 16 dây. Tiếng đồn Thập Lục nghe rất thanh tao, vì chuyên sử dụng dây kim và mỗi tiết điệu đều “nhấn” mạnh trên phím nên tiếng ngân kéo dài vô tận. Giống như cây đồn Kim, đồn tranh cũng thay đổi “cung bậc” theo dây Hò và tùy thuộc vào hơi cao thấp của nghệ sĩ. Vì có tới 16 dây nên tạo được ba âm giai: Thượng, trung, hạ. Tiếng đồn nghe êm dịu và dễ thấm vào tâm hồn người nghe.

3- Đòn Cò: Đòn Cò còn có một cái tên khác, đồn Nhị. Đòn cấu tạo thành hai dây, không xài phím, dùng dây cung kéo thành âm thanh. Đòn Cò là một loại đồn hữu dụng nhất trong âm nhạc Việt Nam. Sự hữu dụng của nó tương tự như cây Violon đối với âm nhạc Tây Phương. Đòn Cò bắt buộc phải có mặt trong Hát bội, nhạc Cải Lương, nhạc lễ nghi của triều đình Việt Nam. Ngay cả trong các buổi lên Đồng, đám Bống rỗi hay các thầy cúng tụng kinh cầu siêu đều sử dụng đến cây đồn Cò.

4- Đòn Sến: Đòn Sến, hai dây tơ nhưng lại đủ cung bậc như cây đồn Banjo. Đòn Sến ít nhấn nốt và nhiều chữ nên lúc đồn nghe lạ tai, cảm thấy lâng lâng trong lòng. Có nhiều

nhạc sĩ đàn ba dây, âm điệu nghe giống như cây đàn Tỳ.

5- Đàn Guitare: Đàn Guitare thường gọi là Lục Huyền Cầm hoặc Tây Ban Cầm. Đàn có 6 dây, nhưng dây thứ sáu ít khi xài đến. Nguồn gốc đàn Guitare xuất xứ từ Tây Ban Nha du nhập vào âm nhạc Việt Nam khoảng thập niên 40. Tiếng đàn thánh thót như cây đàn Tranh, nếu nhấn phím đàn ở bậc cao. Đàn Guitare sử dụng vào Vọng Cổ, bài Oán nghe thấm thía, nhưng nếu đàn cho các điệu Bắc và Nam thì nghe không “thấm” bằng đàn Kim.

6- Violon: Đàn Violon, tiếng Việt có tên là đàn Vĩ Cầm. Đàn có 4 dây, dùng cây cung kéo như đàn Cò. Cây Vĩ Cầm “xâm nhập” vào Việt Nam cùng một thời kỳ với cây Guitare. Người đầu tiên sử dụng cây Vĩ Cầm đàn Vọng Cổ là ông Jean Tịnh. Cây Vĩ Cầm để phụ họa hay “bê” theo đàn Tranh, đàn Guiatare trong Vọng Cổ.

Nếu đàn các bài bản ngắn, tiếng đàn kêu lớn, “lấn áp” các cây đàn khác, nghe chói tai, không hay.

Ngoài những loại đàn vừa kể, Cải Lương Việt Nam còn dùng đến những cây đàn như: Tỳ Bà, Cây Tam, Độc Huyền, Gáo...

Bác Michel Mỹ, thời Pháp thuộc, giữ ngạch *Commissaire* (“ông Cò”). Năm 1955 bác về Pháp, chuyển qua ngạch công chức, ngồi tà tà cạo giấy đợi ngày về hưu. Xa quê hương bác nhớ đủ thứ. Nhớ thời oanh liệt, nhớ tuổi xuân, nhớ những mối tình hồi trai trẻ, đặc biệt là nhớ tiếng đàn tranh tuyệt diệu của nhạc sư Hai Biểu. Bác cũng biết đàn vọng cổ, nhưng chỉ đàn ở mức độ “tài tử”, chớ chưa tạo được “ngón”

điều luyện như một nhạc sĩ chuyên nghiệp. Chúng tôi xin miễn bàn luận khả năng bác đàn hay hoặc dở. Điều cần đề cập tới là bác yêu thích Cải Lương, nặng lòng với anh em nghệ sĩ, thường hay giúp đỡ người Việt Nam tỵ nạn CS sang Pháp sau năm 1975. Bác và bác gái, nữ nghệ sĩ Lê Hoa, không ngần ngại tốn kém, ngay từ buổi đầu đã đón anh em chúng tôi về nhà, nuôi ăn ở, cho mượn chỗ tập vở tuồng *Tóc Em Bay Giữa Trùng Dương* hơn hai tháng trời. Nhờ Bác chỉ dẫn, giúp đỡ từ việc nhỏ đến việc lớn.

Năm 1975, nghệ sĩ Cải Lương sang Pháp tỵ nạn đếm được trên đầu ngón tay: Hữu Phước, Dũng Thanh Lâm, Hà Mỹ Liên, Ngọc Lưu, Hùng Tiến, Phượng Mai (định cư bên Đức), v.v. Đến năm 1979, Hương Lan, Chí Tâm, Phương Thanh, Minh Tâm, Tài Lương, Kim Chi, Minh Thanh, Kiều Lệ Mai, Minh Đức mới qua tới. Giữa thập niên 80, lần lượt các nghệ sĩ qua Pháp: Thành Được, Mộng Tuyền, Hà Mỹ Xuân (em ruột Hà Mỹ Liên). Có Đào Bạch Lê sang năm 1990. Hồi đó kếp đủ, đào thiếu. Tôi liền mời nữ nghệ sĩ Mỹ Hòa tập hát Cải Lương. Thoạt nghe, Mỹ Hòa hơi lưỡng lự, bởi từ trước đến giờ cô chỉ chuyên môn hát tân nhạc.

Tôi khuyến khích:

- Mỹ Hòa đừng sợ, cứ hát đại đi. Anh em chúng tôi sẽ luyện Mỹ Hòa từ điệu hát cho đến cách ra bộ diễn trên sân khấu.

Mỹ Hòa hỏi lại:

- Thời gian học hát bao lâu? - Một tháng, hai tháng. Sau đó là nghề dạy nghề. Em chỉ sợ làm trò cười cho thiên hạ.

Tôi giải thích dài dòng mà thâm ý gần như năn nỉ Mỹ Hòa:

- Mỹ Hòa thông cảm dùm. Hiện giờ thiếu đào chánh, trong khi gần tới ngày trình diễn, tôi chưa kiếm ra người nhận vai. Đã là nghệ sĩ, mình trau dồi thêm bộ môn nào khác, càng hay, biết đâu tài nghệ mình sẽ trở thành đa diện. Và lại trong lúc này tôi không biết kiếm ra ai nữa, ngoài Mỹ Hòa. Hát giúp tụi này, có nghĩa là giúp cho phía chiến tuyến của người quốc gia tại Pháp tăng cường thêm phương tiện đấu tranh văn nghệ. Cộng Sản có chính phủ, có tòa đại sứ, có nhân lực và tài chánh. Chúng ta ra đi hai bàn tay trắng, nước mắt, coi như mất tất cả. Bây giờ nên dùng văn nghệ phục vụ Cộng đồng. Với ý hướng đó, chúng ta nên duy trì liên tục nền sân khấu Việt Nam ở hải ngoại.

Mỹ Hòa tỏ vẻ cảm động:

- Được. Em nhận lời. Với điều kiện, các anh phải chỉ hết “ngón nghề”, bằng không lời hứa của em cũng không giúp các anh được điều gì.

Tôi trả lời:

- Mỹ Hòa yên tâm. Tôi cam kết sẽ “dẫn đường đưa lối” cho Mỹ Hòa hát Cải lương chuyên nghiệp trong suốt thời gian chúng ta còn lưu vong trên đất Pháp.

Giải quyết xong việc mời Mỹ Hòa “gia nhập” ngành Cải Lương, tôi yên lòng đi vận động mượn vốn ứng tiền đặt cọc thuê rạp Maubert (quận 5, Paris).

Lúc đó Dũng Thanh Lâm đang làm trong một xưởng đúc sắt dưới Port de Bouc (Marseille). Tôi viết thư kêu Dũng Thanh Lâm lên Paris mở một cuộc họp nội bộ anh em nghệ sĩ. Đề tài chúng tôi nêu ra để thảo luận rất giản dị: đào đâu ra

tiền để ứng tiền rạp? Hí viện Maubert, sào huyệt của CSVN hoạt động văn nghệ tuyên truyền, văn nghệ vạ tuế Hồ Chí Minh. Nơi đây cán bộ CSVN làm chỗ rao giảng thánh kinh Karl Marx, lừa đảo thế giới từ thời Nguyễn Tất Thành (tức Hồ Chí Minh) còn hàn vi dẫm gót giang hồ bôn ba trên đất Pháp. Mấy chục năm sau, con cháu Ông Hồ cư trú dài hạn rạp Maubert.

Hàng năm, vào dịp Tết nguyên đán, anh em sinh viên quốc gia tổ chức văn nghệ mừng xuân, họp bạn, đấu tranh chống tà thuyết CS. Nhưng chưa bao giờ anh em sinh viên thành lập hẳn một đoàn Cải Lương với dự tính hoạt động lâu dài, hất cẳng CSVN vắng khỏi “vùng cấm địa” Maubert.

Năm 1978, rạp Maubert thuê xuất buổi chiều giá 7.000F. Thuê xuất tối từ 19 giờ đến 24 giờ giá 21.000F. Nên nhớ năm 1977 một ly cà phê 2F50. Lương SMIC (tối thiểu) 2.700F. Thuở bấy giờ, chân ướt chân ráo đặt chân tới Pháp, Công việc an cư lạc nghiệp chưa xong, đa số anh em nghệ sĩ chúng tôi nói tiếng Pháp còn lập cập với ngôi thứ động từ avoir, être, đường xá không biết, mọi cảnh vật đều bỡ ngỡ, đều xa lạ. Thêm vào đó, còn phải lo đi làm kiếm cơm, chạy giấy tờ bảo lãnh đoàn tụ gia đình, trần trọc hàng đêm sợ thân nhân bên nhà CS bắt đi tù cải tạo lao động... Lo lắng trăm bề. Con “đại hồng thủy” mất nước còn nóng bỏng, tâm trí đảo điên. Và lòng căm thù sôi sùng sục vì CS phá tan đất nước, tù đầy dân miền Nam nên phải vong quốc.

Hùng Tiến sốt sắng đề nghị:

- Hay là mình vay nợ trước, đợi bán vé rồi trả sau? Anh Hữu Phước thực tế:

- Rách như tụi mình, vác mặt tới hỏi nợ ai cho mượn?

Mỹ Hòa nảy ra sáng kiến:

- Bây giờ mình phân phối, giao anh em nghệ sĩ mỗi người một số vé cầm trên tay đích thân đi mời bạn bè thân hữu mua ủng hộ. Bán vé một tháng trước, gom số tiền thu được đem thanh toán tiền rạp.

Anh em nghệ sĩ hoan hô ý kiến Mỹ Hòa.

Dũng Thanh Lam yêu cầu đặt tên đoàn hát. Tòì đặt tên là đoàn Cải Lương *Tiếng Hát Quê Tòì*, Đoàn *Tiếng Hát Quê Tòì*, hình thành buổi đầu với sự góp mặt của các nghệ sĩ: Dũng Thanh Lâm, Hữu Phước, Ngọc Lưu, Hùng Tiến, Mỹ Hòa, Hà Mỹ Liên, Thượng Phố, Tony Hiếu, Phan Tư, Michel Mỹ, Lệ Hoa... Về sau chúng tôi mời Kim Chi, Minh Thanh, Kiều Lệ Mai, Minh Đức, Việt Hùng, Hùng Cường, Kim Tuyến (định cư bên Mỹ) cộng tác.

Trước năm 1975, khoảng hai ba năm một lần, Chính phủ VNCH gởi đoàn Cải Lương sang Pháp trình diễn giúp vui kiều bào. Năm 1969 đoàn *Thanh Minh Thanh Nga* diễn tại Paris. Năm 1971 đoàn *Kim Chung* tới Pháp. Nhưng sau khi mất nước, đây là lần đầu tiên một đoàn Cải Lương do anh em nghệ sĩ chúng tôi tự đứng ra thành lập vào năm 1978. Thành lập bằng cách góp sức, góp công chứ không góp của. Bởi vì nghệ sĩ ty nạn tiền sống chưa đủ, tiền đầu hùn vốn lập đoàn hát? Đồng bào tại Pháp nhiệt tình ủng hộ. Chúng tôi kêu điện thoại, đến tận nhà bán vé. Không đầy hai tuần lễ đã bán trên 800 vé. Giá vé đồng hạng 60F. Nhờ vậy nên mới có thể trang trải trả tiền rạp đầy đủ trước khi kéo màn.

2.

Muốn tạo dựng một đoàn Cải Lương, dù đoàn nhỏ (tiểu ban), phải hội đủ những yếu tố: Đào kép, nhạc sĩ, nhạc cụ, tranh cảnh, y phục, kiếm cung,... và hàng chục món cần thiết lật vật. Trong một vở tuồng bắt buộc phải có tối thiểu hai kép mùi, hai kép độc, hai đào thương, hai đào lẳng, một anh hề và từ ba đến năm diễn viên phụ. Nội việc tìm họa sĩ vẽ tranh cảnh, thật là một vấn đề nan giải. Diễn tuồng tình cảm xã hội thì rất ít tốn kém, ít lệ thuộc vào tranh cảnh, y phục. Nhưng hát tuồng giả sử, hương xa, cổ tích Việt Nam, những người thợ rành may y phục kiểu các quan triều đình, lập nghiệp tại Pháp rất hiếm, nên không có cách chi tìm ra những người thợ chuyên môn đồ hát Cải Lương. Chúng tôi lên Tati (Barbes) mua vải đem về vẽ kiểu, ra mẫu, nhờ người quen coi theo đó mà may. Lúc mặc vô, trông thật buồn cười, cảm bào nhà vua không giống vua, quân phục tướng chẳng ra tướng. Về phần “cân đai, chiến bào, mào”, chúng tôi tới khu Pigalle mua vải kim tuyến giả, màu sắc sỡ và lược thùng cạc-tông vác về

tự biến chế lấy. Kiếm, guom làm sẵn giá 1.500F tới 3.000F, vượt quá khả năng tài chánh nên giao Ngọc Lưu ra công chế tạo. Anh chịu khó đi nhặt những miếng nhôm vụn tại các đồng rác vùng Noisy-Le-Grand, chỗ về cửa, gọt, đóng cang, chải chuốt thành cây kiếm để “lòe” mắt khán giả. Thành thử, khi giao chiến, các diễn viên đã được căn dặn trước: “Hò hét, giương oai, múa võ miệng thôi, cầm tuyệt cái màn rút kiếm ra nổi hứng đánh thật, chém thật”. Kiếm nhôm nên rất mềm, chỉ cần lo dểnh một chút, người này chém người kia đổ “một đường guom” thì kiếm vẹo quặp lại làm đôi. Khán sẽ già cười rần và cả đoàn ê mặt. Tuy dặn dò đến mỗi miệng nhưng vẫn gặp tai nạn “TỔ trác” như thường.

Diễn đến màn hồi hộp, cụp lạt nhất. Vừa ca dứt bản *Kim Tiền Huế*, Hữu Phước “trụ bộ”, rút kiếm ra nghinh chiến, đấu guom với Dũng Thanh Lâm. Tôi đứng sau cánh màn nhắc nhở:

- Anh Ba (anh Hữu Phước người con thứ ba trong gia đình) đừng đừng. Kiếm “dỏm” đó nghen. Anh chém ầu, vẹo kiếm, người ta cười chết.

Lợi dụng trong lúc “đối phương” (Dũng Thanh Lâm) diễn những động tác “võ tướng” trước khi “lâm trận”, Hữu Phước lui sát vô bức màn, trả lời với tôi:

- Quân à, đoạn này mày viết là hai bên giao chiến, một tướng tử trận một tướng còn sống mà.

- Lỡ rồi anh Ba. Ngọc Lưu làm kiếm giả, đánh khi gi được. Anh “cuơng” đại đi. Cứ nói với Lộc Bình Sơn (Dũng Thanh Lâm): “Lần này, ta chỉ cảnh cáo nhà ngươi. Ta hẹn cũng ngày này, mùa thu năm sau, trên đỉnh núi Cô Tô, ta sẽ cùng nhà ngươi một mất một còn”.

Anh Hữu Phước kèn cựa:

- Tao đã lỡ “tuốt” guom ra, lấy có gì đứt vô vô trở lại?
- Vậy anh cứ “trụ bộ” chờ đó, đừng di động, chờ khoảng 40 giây, tôi sẽ gỡ thế kệt này cho anh.

Tôi liền nhờ anh Minh đóng mạnh lên ba hồi trống “lâm triều”... Hồi trống vừa chấm dứt thì trong hậu trường quân sĩ hô to “Quận chúa giá lâm”...

Quận Chúa Lam Kiều Ngân (Mỹ Hòa) bất chợt giá lâm ngự triều, các quan văn quan võ đều quỳ xuống bái lễ. Hai võ tướng đang “ghim”, vội vàng đứt guom vô vô, qui phục bái lễ. Quận Chúa truyền phán thượng lệnh:

- Các người cùng thờ một chúa, phò một triều, tại sao không lấy tình đệ huynh cư xử, đối đãi hòa nhã thương yêu như người thân thuộc, lại gây thù hiềm giao chiến lẫn nhau?

Hai võ tướng đồng nhận tội, cúi đầu yên lặng chờ Quận Chúa quyết định, không dám bày tỏ một lời biện giải trình lên Quân Chúa.

Cốt truyện không có viết đoạn Quận Chúa “giá lâm” trong trường hợp này. Nhưng sợ gây kiể, vẹo guom đao tôi kêu Mỹ Hòa “giá lâm” bất thành linh, giảng hòa hai võ tướng để tránh tình trạng bị lộ tẩy làm kiể giả để phải vụng về cáo lỗi “ tạm ngưng trình diễn trong chốc lát vì lý do kỹ thuật”.

Hoàn tất phần vụ áo mào, y trang, kiể cung đầu vào đó. Bây giờ xúc tiến đến việc tìm người vẽ tranh cảnh. Ngày trình diễn cận kề, song tranh cảnh vẫn dậm chân tại chỗ. Họa sĩ tài hoa người Việt vẽ tranh trù tượng, tranh lập thể, hiện thực theo các trường phái Tây Phương nhiều vô

số kể. Còn họa sĩ chuyên môn vẽ tranh cảnh Cải Lương, thật tinh mà nói, tại Pháp truy tìm năm mươi năm mới hy vọng gặp. Họa sĩ vẽ tranh Cải Lương có đường hướng riêng, năng khiếu riêng, chẳng cần học trường hội họa, trường Mỹ Thuật Pháp (Beaux Arts).

Điều trọng yếu, người họa sĩ đó phải có khái niệm tổng quát về Cải Lương và nét vẽ mang đặc tính dân gian, bình dị, linh hoạt và hình ảnh thôn dã Việt Nam. Sau cùng, nhờ bạn quen giới thiệu, tôi đến thăm lượng anh Jean Tường, sinh viên du học Pháp từ năm 1960. Anh Tường lãnh vẽ một cảnh trong tuồng mô tả: mái nhà tranh cất ở miền thôn quê. Mái nhà phía trước kê một cái lu chứa nước mưa, hàng Cột chống mái hiên theo kiểu nhà ba gian. Sân nhà trong giàn trầu, giàn khổ qua và mấy cây cau đang trở bông. Phía sau là cánh đồng ruộng, mà ruộng lúa đã gặt xong, chỉ còn trơ vơ những gốc rạ thẳng tắp. Thời tiết nhằm vào mùa đông.

Tôi tin lời anh Tường hứa hẹn. Trả tiền công anh đành hoảng. Tôi cũng tin anh là người trí thức, sinh viên du học (theo lời anh tự giới thiệu, anh là họa sĩ có chân trong Hàn Lâm Viện Pháp!), là một nhân tài về hội họa.

Năm 1975, đợt ly hương chúng tôi, bỏ nước đi sau những đợt di cư qua Pháp vì nhiều lý do: Đi lính Tây thời kỳ đệ nhất Thế chiến (1914-1918), đệ nhị Thế chiến 1945. Thành phần con nhà địa chủ miền Nam đi du học, dân Pháp hồi hương năm 1955, và đợt sinh viên đậu điểm cao được chính phủ VNCH trợ cấp học bổng vào những thập niên 50, 60, 70, thành phần cựu chiến binh Đông Dương Pháp, thành phần Cộng Sản Bắc Việt gọi đi tu nghiệp...

Quê người đất khách, gặp đồng hương sống lâu năm mừng còn hơn trúng số. Chúng tôi hỏi sinh hoạt nước Pháp, dân tình nước Pháp, văn hóa nước Pháp. Nhớ cái gì hỏi cái đó. Hỏi để học, để thích nghi vào xã hội xứ người.

Hàng ngày ra quán cà phê Balto, quảng trường Maubert (quận 5 Paris) ngồi đầu lảo thời sự, bàn luận “chiến lược” diệt Cộng và chiếm lại miền Nam. Vì sống trong mơ, mơ trọn đời người, nên toàn bàn luận những chủ đề ảo tưởng. Ảo tưởng gắn liền với tâm huyết, tâm huyết thúc đẩy con người ta đôi khi dám làm liều những chuyện “đội đá vá trời”, và đôi khi lại làm toàn những chuyện “mò trắng đáy nước”. Nhưng nếu tiêu tan ảo tưởng, chết lịm mộng mơ, chắc con người chỉ sống như một thi hài còn hơi thở. Sống để ăn và để chết trong lãng quên.

Những năm ấy, (1975-1982) khu Maubert là nơi người Việt qui tụ, địa điểm hẹn hò vui nhộn. Nơi người Việt gặp đồng hương, đi chợ mua thực phẩm Á Đông của hai tiệm Thanh Bình và Vinaco. Quán Cà Phê Balto, chỗ người Việt viễn xứ “chiếm ngụ” đông đảo, ngồi chật bàn từ sáng đến chiều tối. Người Việt tha hương chúng tôi chia ra nhiều khuynh hướng: Khuynh hướng chống Cộng đến thác. Khuynh hướng hoan hô CS đến kiếp sau. Khuynh hướng mở miệng ra thì ca tụng nước Pháp hết minh. Và khuynh hướng lừng khừng, không thân Cộng không ngả theo quốc gia, đứng giữa ngậm miệng “làm tính và làm tiền”. Do nhiều khuynh hướng, nhiều chánh kiến dị biệt, người ta mới phân ra thành nhiều nhóm, nhiều phe phái để tiện bề diễn giải lập trường chính trị... “nói dóc”.

Đợt rời xứ sở năm 1955, giờ đây đã “mất mờ tóc bạc”, chễm chệ bước lên hàng “*tonton*”. *Tonton* lớn tuổi, “tiếp thu” nhiều mảnh đời dâu bể. *Tonton* có quyền dệt những kinh nghiệm không tưởng dạy lớp trẻ chúng tôi những mảnh lời sống tại Paris.

Tôi lễ độ hỏi làm quen:

- Thưa *Tonton* tên chi?

- Moi, tên Nguyễn De Vulve!

- Bác lấy họ *De* khi nhập Pháp tịch?

- Đúng thế. Họ “*De*” là họ quý phái nhất nước Pháp.

- Bác qua đây lâu chưa?

- Lâu rồi, hồi năm 1945 lận. Lúc đó Charles de Gaulle chưa lên thiếu tướng. “*Thằng*” Nguyễn Văn Thiệu chưa đi lính. “*Thằng*” Ngô Đình Diệm còn chạy theo Nhật, theo Cường Để xin làm thủ tướng.

- Bác quen ông Diệm.

- Ai lạ gì “*nó*”. “*Nó*” người Công Giáo, chung một đạo với bác.

- Hồi trong quân đội Pháp, bác phục vụ binh chủng nào?

- Lúc giải ngũ, bác mang cấp bậc “*commandant*”. Bác chuyên môn nấu bếp cho tướng Salan.

- Chắc bác đã có gia đình?

- Có. Bác gái người Đám. Bác có 5 thằng con trai. Năm thằng đều đậu kỹ sư “*ưu hạng*” về môn nguyên tử lực. Các tướng lĩnh trong quân đội Pháp hiện nay đa số là thuộc cấp của bác hồi đệ nhị thế chiến.

- Đang chấm thất nghiệp, cần học nghề, nạp đơn xin ở đâu, thưa bác?

- Lên điện Champs Elysée nạp đơn. Để bác về bác điện thoại thẳng Giscard d'Estaing (tổng thống Pháp) một tiếng, tụi chính phủ Raymond Barre sẽ kiếm cho cháu một trường học nghề theo ý thích.

- Tiếng Pháp khó lắm hả bác?

- Khó thần sâu. Hồi xưa bác đậu bằng chính trị học trường Polytechnique, tiếng Pháp nói rào rào. Thế mà thỉnh thoảng *verbre être, temps présent* bác còn lọng cọng, hướng chi dốt như tụi cháu.

- Theo quan niệm của bác, VNCH, Cộng Sản, bác thích bên nào?

- VNCH bám đít Mỹ, Cộng sản VN bọ đít Nga, bác theo Tây. Người Việt mình rất ấu trĩ, đụng ai thi theo đó. Phải chi mình theo Tây từ thời ông bà mình tới giờ, nước mình đâu có bị giặc già!

Bác Nguyễn De Vulve mỗi ngày ngồi chung bàn với tôi, kể chuyện “đời xưa” sáng đến chiều. Dĩ nhiên, toàn những chuyện nằm chiêm bao. Tỉnh giấc chiêm bao, bác sống bằng tưởng tượng. Tưởng tượng thết rồi bác nghĩ rằng bác là ông “*commandant*” thật. Hồi đầu tôi nể bác. Và sau điều tra lại, tôi biết bác nói láo, tôi đâm ra tội nghiệp bác. Người lính thợ của Pháp, ly hương trên 40 năm, nỗi buồn gặm nhấm xé nát tâm hồn, mặc cảm tự ti đã hành hạ bác năm này qua năm nọ. Bác cần cù dựng lên một dĩ vãng “bọt biển” để tiếp tục sống qua ngày đoan tháng.

Phe quốc gia chống Cộng phân tán ra cả chục nhóm. Mỗi nhóm ngồi riêng một bàn. Bàn này chỉ trích bàn kia, bàn kia công phạt lại bàn nọ. Tiệm cà phê Balto hốt bạc. Khách Việt Nam trung thành tới ủng hộ ngày lẫn đêm.

Anh L.V.T., thủy thủ trọng pháo, quân chủng Hải Quân, trán nổi phồng chi chít đường gân máu, thuyết trình cuộc hành quân tái chiếm Sài Gòn.

- Giả sử tôi có một chiếc dương vận hạm, một chiếc trực lồi hạm, hai pháo hạm, tôi sẽ cho đổ bộ thẳng Kho 5, Nhà Bè, làm điểm xuất phát tiến quân tới đường Phan Đình Phùng, chiếm đài phát Sài Gòn, phong tỏa Dinh Độc Lập, đảo chánh CS trở tay không kịp. Tụi nó tiêu tưng cái rụp.

Anh N.V.Đ., hạ sĩ nhất binh chủng Không Quân nhả tâm bác bỏ ý kiến thủy thủ L.V.T.:

- Ông ngu bỏ mẹ. Tàu anh vừa xả tốc lực vô tới cửa sông Lòng Tàu, pháo binh CS nó đã bắn “xum bà chè”. Bộ nó để yên anh chạy vô tới Kho 5 à? Đi hành quân mà tính theo kiểu như người ta ngồi du thuyền, dạo mát trên sông hồng bằng.

Thủy thủ L.V.T. mặt trắng bệch, hỏi gần:

- Kế hoạch của mày ngon cỡ nào? Đâu mày nói tao nghe? Nói nghe không lọt lỗ tai, tao tạt ly cà phê vô mặt cho bỏ cái tật chè tạo ngu hoài.

- Ông sao “nóng” quá. Đây nè. Tôi nói ông nghe. Số tiền đi mua mấy chiến hạm như anh đòi hỏi, nó tốn hai, ba tỷ đô la. Thay vì anh mua cho tôi hai chiếc F5E, tôi cất cánh từ Thái Lan bay tuốt qua Sài Gòn, canh ngay Dinh Độc Lập, tôi “dộng” nó vài trái bom CBU thì tụi nó chết sạch bách.

Thủy thủ L.V.T. hỏi móc là:

- Mày biết lái không?

- Sao không? Hồi trước tôi là xạ thủ trực thăng Gunship, lén nhìn phi công nó lái dễ thấy mẹ.

- Ủ! Cho dù mày biết lái đi nữa, cao xạ phòng không, họa tiễn SAM nó không hạ mày à?

Hai người bạn ly hương cãi nổi gân cổ. Ai cũng cho kế hoạch của mình siêu đẳng. Cãi nguyên buổi chiều thấy cũng không đi tới đâu. Thay thế vào màn đấu võ miệng, hai người bạn tranh luận bằng những cú đấm trời long đất lở. Một người gậy sóng mũi, một người bể nguyên hàm răng hạ. Ông chủ quán kêu Cảnh sát. Cảnh sát tử tế mời hai anh về bót “điều đình”. Từ đó đến nay, hai anh bạn thể không chơi chung nữa. Năm 1989, thủy thủ sĩ L.V.T. ngồi quán cà phê métro Porte de Choisy khoe với những người bạn mới sang Pháp ty nạn rằng, xưa kia anh là trung tá Hải Quân, hạm trưởng chiến hạm HQ 504.

Buổi tối, đoàn *Tiếng Hát Quê Tôi* mở màn hát chính thức. Ban chiều, chúng tôi hát “phúc khảo” dợt lại lần chót vô tưởng. Bây giờ là 12 giờ trưa. Chúng tôi mượn xe anh Ngọc Lưu, chạy riết lên nhà họa sĩ Jean Tường, nằm trong vùng Bois Colombes, (ngoại ô Paris) chở tranh cảnh ra rạp Maubert. Nhìn những tấm tranh đề-co anh Tường vẽ, chúng tôi bần rùn tay chân. Sai bét hết. Tranh vẽ theo kiểu đầu trâu đít ngựa. Rồi VN năm 11 tuổi, đi theo chương trình Con lai hồi hương, họa sĩ Tường quên hết cảnh vật thôn quê Việt Nam. Đầu óc anh in đậm quang cảnh nước Pháp. Hàng cây cau anh vẽ giống cây dừa, lu nước vẽ in hệt thùng chứa rượu champagne, mái nhà tranh không khác chi một nông trại nhỏ nuôi trầu của miền quê nước Pháp. Tệ hại hơn, giàn khổ qua, anh Tường vẽ đúng theo tàng cây cổ thụ trong vườn Luxemboug. Thì ra, anh Tường đã không nhớ mái nhà tranh hoặc chưa lần nào thấy bờ ruộng, con đường

nhỏ dẫn vào các làng mạc Việt Nam. Tại sao anh không nói thật chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa hình chụp cảnh trí VN cho anh về. Té ra, anh Tường lơ ba hoa chích chòe tài nghệ của mình do tánh hay tự ái vật, về bừa đi, bởi đã đóp tiền trước rồi. Anh vô trách nhiệm. Nhưng chúng tôi, ban tổ chức, dân trong nghề, thấy như vậy tức trào bản hòng.

Anh Hữu Phước rửa lấm bầm:

- Nó chơi mình đó Quân. Ăn cướp, họa sĩ con mẹ gì?

Tôi bắt lặc:

- Đâu còn kịp nữa. Đành chịu! Số con rệp! Ra quân buổi đầu toàn gặp chuyện gì đâu.

Anh Ngọc Lưu trưng những bằng có dị đoan, tiên đoán chúng tôi chưa thoát qua năm xui tháng hạn:

- Nước Việt Nam mình hồi trước, mỗi khi cày trở đất, gieo mạ, nông dân đều nấu mâm xôi cúng thần đất, làm lễ “hạ điền”. Minh dân nghệ sĩ, khai trương đoàn hát mà quyết luôn nghi lễ cúng Tổ. Quên cúng Tổ, vái Tổ, tôi nói rồi mấy ông xem thử coi, từ đây tới ngày kéo màn sẽ còn đủ thứ rắc rối nữa.

Anh Hữu Phước phụ họa:

- Phải đó Quân. Tao nói thiệt, mấy bữa rày đêm nào tao cũng chiêm bao thấy Tổ hiện về. Cúng đi. Đừng có ngang bướng, thiếu tin tưởng thần linh, Tổ sẽ phạt tội mình tàn mạt tới chết.

Tôi nói:

- Được mà. Có gì khó đâu. Một lát, sẵn trên đường về, ghé vào siêu thị Casino mua một con gà, nấu cháo xé phay cúng Tổ buổi trưa nay.

Anh Hữu Phước hình như ngán ăn gà đông lạnh, anh biểu tôi thay đổi thực đơn cúng Tổ:

- Quân à, ông Tổ Cải Lương người sanh quán Vĩnh Long, dân miền Tây nuôi cá đìa, ăn cá từ nhỏ đến lớn. Nghe ông Năm Châu kể, Tổ thích ăn gỏi cá hơn thịt gà. Mấy cúng tầm bậy, phạm thượng, tội chết bà nghe mấy.

Tôi hiểu ý anh Hữu Phước:

- Tôi nghe anh. Mình mua cá lóc, đem về nướng trui trộn gỏi lễ Tổ. Rượu nên cúng rượu đế hay rượu đồ?

Anh Ngọc Lưu trả lời:

- Rượu Hennessy! Qua đây rồi mình cần thích nghi với thời thế, cúng rượu trắng, chứng tỏ mình thiếu lòng thành đối với Tổ.

Tôi ngẫm hiểu anh Ngọc Lưu đang thêm Hennessy:

- Tôi sẽ làm theo ý hai anh.

Buổi lễ cúng Tổ cử hành tại nhà bác Michel Mỹ. Những đĩa gỏi cá lóc nướng trui rau sống do chị Lệ Hoa trở tài nấu, trông thấy bắt thèm. Ngoài gỏi cá, cháo cá, chúng tôi chưng thêm một con vịt quay dâng lên bàn Tổ. Đèn cây cháy sáng rực, khói nhang bay nghi ngút. Tất cả anh em nghệ sĩ trong đoàn đều có mặt, sắp hàng trước bàn Tổ xá ba xá, làm râm khăn nguyện theo lời anh Hữu Phước dặn.

- Lạy Tổ, người linh thiêng hiện về hưởng đồ cúng của chúng con. Chấp nhận lòng thành kính cẩn của chúng con. Xin người phù hộ chúng con bán hết vé, hát không đàm hơi, diễn xuất thần. Nếu thành công xuất hát này, chúng con nguyện suốt đời phụng sự sân khấu, sẽ tiếp tục kiếp con tầm do Tổ lưu truyền lại. Chúng con là những đứa con Việt

Nam tha hương, lưu lạc xứ người nhưng quyết chí sống cho bức màn nhung và chết cho nền ca kịch dân tộc.

Bái lễ xong, anh em trong đoàn khóc nức nở. Khóc vì họ biết rồi đây thân phận nghệ sĩ chắc không còn sân khấu, không còn ánh đèn màu, không còn khối đông khán gia hàng đêm đến thưởng thức tài nghệ của họ như | hồi còn trong nước. Nghệ sĩ thiếu sân khấu, như cá mắc cạn trên đồng khô. Nghệ sĩ không có một chỗ đứng hát, đứng giúp vui cho đời, nghệ sĩ sẽ chết dần mòn, chết tàn tạ theo năm tháng, theo tuổi đời. Nghệ sĩ và sân khấu, trời sanh ra, phải dính liền nhau như “tơ với tầm vắt vương đến thác”.

Ông Tổ Cải Lương chúng tôi tên thật Tống Hữu Định, bút hiệu Tịnh Trai, người ta còn gọi ông là Thầy Phó Mười Hai - gọi Thầy Phó vì ông từng làm Phó Tổng đất Văng (sau đổi thành tỉnh Vĩnh Long và gọi Mười Hai là theo hạng thứ trong gia đình. Ông sanh năm 1896 tại làng Long Châu, Vĩnh Long và mất năm 1932.



Tống Hữu Định, Tổ cải lương. Hình: T.L.

Ông là một danh sĩ tài hoa, vốn dòng dõi một công thần nhà Nguyễn - ngài Tống Phước Hiệp, thần hoàng bốn tỉnh -

người có công trùng tu và tân tạo Văn Thánh miếu mà cũng là người nâng đỡ chu toàn nền Cổ nhạc Long Hồ.

Nhưng ông cũng là người ăn chơi nổi tiếng, hào hoa đứng đầu tỉnh Vĩnh Long vào những năm 1915-1920. Lúc sanh tiền ông hay tổ chức đờn ca tiệc tùng, đá gà nòi, bài bạc, đờn hát, ngâm thơ đủ thú. Đệ nhất thế chiến 1914-1918, ông tổ chức hát dạo quyên tiền giúp quốc trái (Một hình thức ủng hộ thực dân Pháp, để có cơ hội phát triển bộ môn Cải Lương ở buổi đầu) nhưng chưa bao giờ lên hát trên Sài Gòn. Họa chăng ông là người ham dạo chơi đó đây, nên ông từng ghé Mỹ Tho ngủ đêm tại đây để chờ sáng đáp xe lửa lên Sài Gòn, nhân dịp đó có lẽ ông đã từng xem hát bóng có đờn tài tử tại Mỹ Tho, cũng như ông từng lên ngồi uống rượu nhà hàng P.T. (góc D'Espagne -Aviateurs Garros, sau là góc Lê Thánh Tôn-Thủ Khoa Huân) và tại nhà hàng Lương Hữu, khách sạn của ông Bảy Phương (đường Crabelli, sau là đường



Một ban nhạc đờn ca tài tử xưa. Hình: T.L.

Nguyễn Thiệp), ông thấy giàn đờn tài tử, ông chớp để bụng mang về nhà bày đờn ca ngồi trên ván ngựa, v.v.

Tuồng Cải Lương được diễn lần thứ nhất tại nhà Thầy Phó Mười Hai (Vũng Liêm) là ngày 15-11-1918, kể đó diễn nơi Sa Đéc và Vũng Liêm.

Lúc bấy giờ, nói đến tên ông Tống Hữu Định, trong giới âm nhạc tài tử ai đều cũng biết. Ông là người có sáng kiến khai sinh ra điệu ca bộ, ông tổ chức nghệ thuật sân khấu Cải Lương. Khoảng đầu năm 1916, trong một buổi hòa tấu nhạc tại nhà ông, bài ca Tứ Đại Oán *Bùi Kiệm Thi Rót Trờ Về* được trình diễn bằng hình thức “ca ra bộ”, vừa ca vừa ra bộ. Ba người thủ vai: Bùi Ông, Bùi Kiệm, Kiều Nguyệt Nga (Cô Ba Định thủ vai Nguyệt Nga, ông giáo Du trong vai Bùi Ông và ông giáo Diệp Minh Ký trong vai Bùi Kiệm).

Ông Tống Hữu Định nổi tiếng là người hào hoa phong nhã hiếu khách, say mê nghệ thuật đờn ca, hàng tuần vào ngày thứ bảy đều có tổ chức hòa nhạc, tiệc tùng tại nhà ông với đôi ba người tài tử nghệ sĩ. Phong trào âm nhạc tài tử nhờ đó mà phát triển mạnh mẽ ở miền Tây cách đây 75 năm.

Ông vừa là người có tâm hồn nghệ sĩ vừa là một nhà thơ, đã đứng ra vận động thành lập Hội Văn Thánh, quyền tiền trùng tu Văn Thánh miếu Vĩnh Long.

3.

Tại Paris, năm 1978, cơ sở ấn loát do người Việt chủ trương rất hiếm. Nhà in “Mẹ Thương Quê Mẹ” của anh V., là nhà in đầu tiên hoạt động sau khi mất miền Nam có thể in sách, bích chương, truyền đơn bằng tiếng Việt. Bên phía Cộng Sản, lẽ tức nhiên họ cũng có cơ sở ấn loát, in tờ báo Đoàn Kết. Hai năm sau, anh M.T.N. lập nhà in trên đường Saint Jacques. Tôi mang bản kèm tới anh V. yêu cầu in 500 tờ bích chương màu khổ lớn, 3.000 tờ bướm bướm khổ A4 rải quảng cáo, 2.000 vé vô cửa, Anh V., một nhà trí thức, sang Pháp khoảng năm 1960, ngoại giao bất thiệp, quen biết rộng rãi giới văn nghệ sĩ danh tiếng nước Pháp. Anh cầm cây viết làm toán cộng, trừ, nhân, chia, khảo giá miễn phí. Tốt nghiệp đại học Sorbone, anh làm toán nhanh hơn máy điện tử. Tính xong, anh ngẩng đầu lên nhìn tôi bằng lối nhìn “đồng hương”, lối nhìn người cùng chung một nước, nhả nhận nói:

- Chúng ta cùng đồng bào với nhau. Anh em tổ chức văn nghệ ở đây khó khăn lắm. Thông cảm anh em. Bây giờ tôi

tính theo giá “đồng hương”. Nếu người Pháp, tôi lấy 9.000F. Với các anh, tôi bớt còn 6.500F.

Tôi xuống nước nhỏ:

- Bớt chút đỉnh đi anh. 6.500F sợ không đủ tiền trả.

Anh V. dứt khoát:

- Bớt thêm nhà in lỗ nặng. Giấy, mực, tiền công tôi đã tính kỹ, 6500F. Các anh cũng thông cảm ngược lại tôi, bớt hoài nhà in lấy gì mà sống.

Tôi già từ anh V., lòng cảm thấy buồn người. Chẳng có gì để buồn anh V. Buồn là buồn kiếp ăn nhờ ở đậu xứ người. Muốn thực hiện mộng ước, muốn phô diễn nghệ thuật sân khấu Việt Nam, bộ môn ca kịch này tôi đam mê từ hồi nhỏ, sao khó khăn vạn lần hơn so với lúc còn trong nước. Tôi khốn khổ, lận đận cũng vì Cải Lương gần trọn một kiếp người. Trái ngang ở chỗ, dựng nghiệp cầm ca, dựng cuộc đời tôi phải làm lại từ hai bàn tay trắng, từ chỗ bắt đầu, từ con số không to lớn! Tôi tới tìm anh M.T.N. Tôi quen anh M.T.N. trước đó mấy tháng tại nhà Cô ba Lê Kim Huệ, nhân dịp anh đến nhận in quyển kinh tụng Tứ Thời của tôn giáo Cao Đài. Cựu sĩ quan quân VNCH, tốt nghiệp khóa 16 trường Võ Bị Đà Lạt. Cuộc sống binh nghiệp đã rèn luyện anh trở thành một con người trực tính, thẳng thắn, nói là làm. Hai chúng tôi kéo ra quán cà phê gần trụ sở Institut Franco Vietnamien (đường Saint Jacques, quận 5 Paris) bàn chuyện thời sự, chuyện CS bắt giam các anh em văn nghệ sĩ trong nước, chuyện phải làm sao tranh đấu vinh danh những người đã nằm xuống, v.v. Thảo luận khoảng 20 phút, tôi xin phép anh Ngọc cất ngang câu chuyện thời sự, nhờ anh in bích chương quảng cáo xuất hát Cải Lương.

Anh Ngọc hỏi ngay:

- Anh đã đi khảo giá nơi khác chưa?

Tôi trả lời:

- Dạ có.

- Họ đòi bao nhiêu?

- 6.500F!

- Nếu vậy tôi nhận in 3.500F, chịu chưa?

- Chịu quá. Công in có 3.500F, anh em tụi tôi còn dư được 3.000F. Số tiền này dành mua vài may y phục, và nhiều thứ lặt vặt xài cho đến ngày hát.

Ngồi phi cơ trên đường bay qua Pháp, tôi tâm sự với Dũng Thanh Lâm:

- Tao nghe chị Thanh Nga nói: “Bên Pháp người Việt ít lắm, lập đoàn Cải Lương trước sau gì cũng tán gia bại sản”. Tao chưa biết tính sao!

Dũng Thanh Lâm than thở:

- Tụi mình sống mà không có sân khấu, làm sao sống nổi. Mà ráng tính kế hoạch, tới Pháp tập trung anh em, dạy họ hát, tao thấy có thể làm được.

Tôi hỏi lại Dũng Thanh Lâm:

- Nếu tao soạn tuồng có tính cách thời sự, đã đến lúc tao đưa văn nghệ vào môi trường đấu tranh, mày nghĩ sao?

- Mày viết cái gì, tao hát cái đó, do mày quyết định hết.

- Nhưng tao dạn trước, hát bất cứ nơi đâu, trước khi kéo màn mình phải chào cờ, chào lá quốc kỳ (cờ vàng ba sọc đỏ). Cờ bại trận, lá cờ đại biểu cho một thời đại dù thời đại

đó phải hay quấy, nó vẫn là lá cờ biểu tượng cho tổ quốc Việt Nam. Mà đồng ý chứ? Hơn nữa mình đã sống, đã lớn lên dưới màu cờ này.

- Tao đã nói, đoàn hát chào cờ nào tao cũng theo, ngoại trừ chào cờ Cộng Sản.

- Vấn đề chót, mà nên hiểu, muốn cho người ngoại quốc biết đến văn hóa mình, biết trình độ văn minh của Việt Nam mình, thì điều thuận lợi nhất là phổ biến kịch nghệ sân khấu, điệu nhạc Cải Lương. Nếu họ hiểu nhạc cổ truyền VN, chắc chắn họ sẽ dễ hiểu người Việt Nam và nước Việt Nam hơn.

Dũng Thanh Lâm hơi bực mình:

- Mà nói hơi nhiều. Tao giao hết “quyền sự phụ” nơi đây. Qua tới Pháp hãy hay. Tao bỏ tất cả, nhưng tao không thể nào bỏ Cải Lương.

Sống với nhau từ thuở “hàn vi”, tôi biết Dũng Thanh Lâm đã giao trọn thẩm quyền cho tôi “đạo diễn” ngoài cuộc đời lẫn trên sân khấu. Miễn sao lập thành đoàn hát “Cải Lương” là Lâm thỏa mãn nguyện vọng.

“Cải Lương” được định nghĩa là “Sửa đổi cho tốt đẹp hơn”. Ngày xưa tại Việt Nam chưa có điệu hát, lối diễn tuồng nào ngoài hát Chèo, hát Tuồng ở miền Bắc, hát Bội ở miền Trung. Tới năm 1917, Cải Lương xuất hiện góp phần giải trí cho quần chúng. Người ta nhận xét điệu hát này mang sắc thái canh tân, mới mẻ hơn bộ môn hát Bội. Cho nên suy luận rằng đó là một công việc cải thiện từ một điệu hát cổ biến hóa, cải tiến cho hoàn hảo hơn. Do đó người ta dùng hai tiếng “Cải Lương”, lâu dần hai tiếng Cải Lương

chính thức có mặt trong văn học sử Việt Nam. Danh từ “Cải Lương” bắt nguồn từ câu “cải lương phong tục”.

Hạ màn nhất. Hè Tony Hiếu đứng diễn ngoài màn *decor fixe* chờ thay “đại cảnh” hát màn nhì. Trong khoảng thời gian đó anh em nghệ sĩ chúng tôi lo đếm tiền dưới sự kiểm soát “ủy ban” tài chánh. Ai cũng sợ đếm một mình. Sợ nghi qua nghi lại, sanh ra hiểu lầm rồi gây nên xích mích. Thà ngồi đếm tập thể, công khai, tránh cái nạn sau này “thị phi”, đổ thừa “Tiền bổng dung thiếu, tiền không có cánh mà bay”. Tổng số tiền thu được trong buổi diễn tuồng *Tóc Em Bay Giữa Trùng Dương* là 34.000F. Số thu chênh lệch quá xa so với số chi. Số chi là 55.000F, tức đoàn đã mắc nợ 21.000F. Thù lao anh em nghệ sĩ, tiền vé xe lửa, ăn uống, đồ xăng chạy công việc, mượn người phát quảng cáo, xài hầm bà lằng, v.v. Không có người giữ sổ sách, kế toán dùm, chúng tôi cú tính nhầm, phỏng định rồi xài bừa. Giờ chót cộng sổ sách thì thiếu hụt trầm trọng.

Anh Hữu Phước nhăn mặt:

- Thu kiểu này bà cố nội cũng lìa.

Cô Hà Mỹ Liên tin dị đoan, trách anh em trong đoàn:

- Tòì đã nói, cúng Tổ mà cúng rượu Hennessy. Tổ trác ráng chịu.

Anh Hùng Tiến châm thêm dầu:

- Cúng Tổ nhưng mấy cha không chịu quỳ lạy, đứng chống hông xá xá chiếu lệ. Nhang chưa tàn thì đã “rinh” đĩa gỏi cá xuống nhậu ào ào. Bất kính Tổ, Tổ hại sạt nghiệp, cắn răng sám hối là vừa. Bày đặt la lối gì nữa.

May sao lúc ấy cô ba Lê Kim Huê vô hậu trường thăm anh em nghệ sĩ. Tôi than van với cô Ba:

- Lỡ nhiều quá Cô à!

Cô Ba hỏi:

- Bao nhiêu?

- Khoảng 20.000F.

- Thôi, anh em cứ hát đi. Lần đầu tiên có đoàn của người quốc gia hát ở Paris. Bà con họ thích lắm, ráng tổ chức thêm nhiều xuất hát khác. Tôi cho anh em mượn 15.000F phụ trả nợ.

Tôi hết sức cảm ơn cô. số tiền cô cho mượn năm 1978, năm năm sau Đoàn *Tiếng Hát Quê Tôi* cũng không có du tới 1.000F trả góp dẫn cho cô Ba. Năm 1980, cô ba Lê Kim Huê tuyên bố trước anh em nghệ sĩ chúng tôi:

- Hát lỗ lỗ hoài. Các anh mới qua còn nghèo, làm sao có tiền trả nổi, vậy số tiền đó hãy coi như tôi tặng anh em nghệ sĩ.

Thời gian thấm thoát đã hơn 10 năm. Ngày nay cô ba Lê Kim Huê mất mờ, già yếu, đã trở nên đàng trí, chắc cô không thể nào đọc những dòng chữ trên trang giấy này. Thay mặt anh em nghệ sĩ, tôi trân trọng tạ ơn cô, một chức sắc Cao Đài đại diện Tòa Thánh Tây Ninh tại Pháp, một nhà hảo tâm từng bỏ tiền ủng hộ vô vị lợi tất cả hội đoàn quốc gia chống Cộng ở Paris.

4.

Trước khi nói tới những điều “vinh quang lẫn bất hạnh”, những mẫu chuyện vui buồn phía sau hậu trường sân khấu Cải Lương, xin mạn phép bạn đọc cho tôi một vài phút kể đại cương những đặc điểm của ngành Cải Lương.

Cải Lương có một nghệ thuật duy nhất là tả chân. Phương thức dàn cảnh trên sân khấu, động tác diễn, điệu bộ ca hát hoàn toàn dựa theo lối tả thực, như cuộc sống ngoài đời. Xã hội sống, diễn biến như thế nào, Cải Lương có nhiệm vụ tả đúng như thế đó. Cách thức dàn cảnh trước năm 1950 thường phỏng theo Tây phương: phân hồi, chia từng màn. Mỗi màn có trang trí tranh cảnh, mô tả đúng với cốt truyện của vở kịch. Đầu thập niên 60, các đại ban dựng nhiều cảnh rất vi đại, không thua gì Opéra của Pháp. Những người chuyên môn về dàn cảnh, ăn lương khá cao. Nếu gặp những chuyên viên có tài, họ đóng góp kỹ thuật dàn cảnh rất nhiều, giúp soạn giả xây dựng vở tuồng theo

ý muốn một cách dễ dàng. Nhờ đó kỹ thuật sân khấu càng ngày càng phát triển không ngừng.

Chuyên viên phụ trách y phục cũng thế. Họ phải nghiên cứu các loại tuồng Hương Xa như Mông Cổ, La Mã, Ai Cập, Ấn Độ, Ba Tư... Y phục luôn luôn mặc đúng theo nhân vật, thời đại, sinh hoạt xã hội của vở tuồng viết ra. Soạn giả khi viết tuồng Hương Xa rất cẩn thận, hàng ngày mò vô thư viện, bảo tàng viện khảo sát từng chi tiết: cách ăn mặc, y phục, mào, giày dép, kiếm, đao, cung, nỏ vào những thời đại xa xưa để tránh khỏi sai lầm tuồng Mông Cổ mà cho đội khăn viền kim tuyến như tuồng Ấn Độ. Tuồng xã hội cũng phân biệt nội dung vở kịch viết cốt truyện xảy ra ở thời kỳ nào, tiền chiến hoặc hiện đại.

Cải Lương diễn xuất theo lối tả chân, điệu bộ phải diễn sống thực như ngoài đời. Diễn thực, diễn nội tâm như buồn, giận, vui mừng, hờn oán, căm hận đó là biệt tài của người nghệ sĩ. Nếu diễn không đúng như ngoài đời, người nghệ sĩ sẽ bị đào thải, bởi anh ta bất tài.

Điệu bộ và thể hiện sự “màu mè” là hai điểm căn bản của người diễn viên. Ngoài tài năng thiên phú, người nghệ sĩ Cải Lương cần phải có kinh nghiệm trong đời sống, càng trải qua kinh nghiệm càng nhiều càng tốt. Nhờ từng trải “đường đời” người nghệ sĩ mới có thể “lột” hết tinh thần của vai tuồng mình đang diễn. Một nụ cười, ánh nhìn, liếc, trừng, nhíu mày, roi nước mắt, v.v. là hình thức diễn tả nội tâm của vai trò mình thủ diễn. Đặc biệt các loại tuồng xã hội, những hình thức làm “màu mè” như: hi, nộ, ái, ố... phải được diễn một cách tự nhiên, không nên la hét, ra bộ thừa thãi, tay chân cử động quá lố.

Buổi trình diễn Cải Lương đầu tiên đêm 20-12-1978, dù lỗ nặng, nhưng Cộng đồng người Việt Paris vô cùng thích thú, khắp nơi kêu điện thoại, gởi thơ khuyến khích chúng tôi hát tiếp. Sẵn đà “khởi hứng”, trong 3 năm kế đó tôi viết thêm các tuồng: *Chiều Về Trên Sông Lạnh, Giòng Sông Ly Biệt, Tình Sứ Công Chúa Huyền Trân, Trăng Thề Soi Lửa Hận, Tiếng Khóc Giữa Rừng Khuya, Nước Mắt Người Đi...*

Ngày 3-5-1979, ông Trần Viết Long (Bầu Long) mời tôi và Dũng Thanh Lâm tới nhà ông “dùng cơm”. Chúng tôi tới. Trà nước xã giao thân mật xong xuôi, ông bầu Long “dạy” chúng tôi công thức thương mại hóa Cải Lương.

Ông nói:

- Quân à, qua đây rồi, thù oán cũ bỏ đi. Cộng Sản cũng là người Việt Nam. Theo tôi, chúng ta, chỉ làm nghệ sĩ thuần túy, đứng ngoài chính trị. Tôi mời anh em hợp tác với vợ chồng tôi tái dựng lại đoàn *Kim Chung*. Quân viết tuồng, ăn lương tháng. Nhưng yêu cầu Quân nên viết các loại tuồng cổ tích như Tấm Cám, Trọng Thủy Mỵ Châu, Lục Vân Tiên... Quân và Lâm có đồng ý không?

Tôi thay mặt Dũng Thanh Lam hỏi lại ông bầu Long:

- Thưa ông Long, không nhìn nhận chế độ phi nhân CS, bỏ nước chạy tỵ nạn, đã là một hành vi chính trị rồi. Ông yêu cầu tôi làm văn nghệ ru ngủ quần chúng, văn nghệ thuần túy thương mại. Ông đã quá lắm khi mời chúng tôi hợp tác.

Ông bầu Long trầm tĩnh:

- Quân bớt nóng, nghe tôi phân bày cái đã. Đại sứ Võ Văn Sung chi tiền, giao hết cho vợ chồng tôi thành lập đoàn,

muốn hát gì hát, họ không kiểm soát, miễn đừng đả kích chế độ trong thời gian này. Kệ họ, họ đưa tiền mình cứ làm. Đối với khán giả, mình giải thích rằng đoàn *Kim Chung* không dính líu đến chính trị. Làm tiền trước đi, chuyện gì sau đó hãy tính sau. Quân còn trẻ, Quân chưa hiểu chính trị. Chính trị nó rắc rối, nó phức tạp lắm.

- Đại sứ VC Võ Văn Sung đưa trước ông bao nhiêu?

- Thú thực ông ta mới ứng trước có 40.000F.

Tôi nháy mắt Dũng Thanh Lâm, cả hai chúng tôi bước ra mở cửa đi về, không nói một lời từ biệt ông bà Kim Chung.

Tháng 9-1979, đoàn *Kim Chung* ra mắt khán giả tại hi viện Maubert trình diễn vở tuồng Phụng Nghi Đình. Khán giả đồng loạt tẩy chay, khi kéo màn hát, hiện diện khoảng 70 khán giả “gà nhà” đến xem. Đoàn *Kim Chung* mất uy tín và giải tán sau đó.

Trước khi chia đôi đất nước, ông Trần Viết Long lập gánh *Tiếng Chuông Vàng Kim Chung* ngoài Bắc, thường trực hát tại thủ đô Hà Nội. Ngày 20-7-1954, Hiệp định Genève ký chia đôi Việt Nam, đoàn *Kim Chung* tản cư vào Nam “đóng đô” rạp Aristo (Trung Ương Hi Viện, sau đổi thành nhà Hàng Lê Lai, đường Phạm Ngũ Lão, bên hông ga xe lửa Sài Gòn). Đoàn *Kim Chung* lúc ấy lực lượng nghệ sĩ gồm có: Kim Chung Huỳnh Thái, Phúc Lai, Tư Vững, hè Ba Hội, Bích Hợp, Túy Liễu, Sĩ Toàn, Ngọc Toàn, Tư Uẩn,... Từ năm 1954 đến năm 1975, bầu Long lập thành tổ hợp Công Ty *Kim Chung*, tổng số 5 đoàn hát. Ông lăng-xê những nghệ sĩ trẻ: Minh Cảnh, Minh Vương, Minh Phụng, Chí Tâm, Phương Bình, Lệ Thủy, Mỹ Châu và tất cả nghệ sĩ mang nghệ danh bắt đầu bằng chữ “Minh” là do ông bầu Long đặt. Ban Cố

vấn ông bầu Long toàn những sư tử “tiên ông”, nằm bên cạnh mâm đèn liệt giường liệt chiếu: ông Hoàng, Phạm Thọ Minh, soạn giả Lê Khanh, Yên Lang, Mai Quân... phát minh những kế hoạch thàn sâu qui khóc giúp đoàn *Kim Chung* hốt bạc. Năm 1968, Cảnh Sát Việt Nam Cộng Hòa bắt tổng giam hai soạn giả Thu An, Mai Quân và khép vào tội “giao liên, nằm vùng”. Ông bầu Long móc tiền túi chi 700.000\$ (tiền VNCH) chạy lo lót nhân viên cao cấp chính phủ. Ra tòa, Thu An, Mai Quân trắng án, tự do ngoài vòng pháp luật. Khi Cộng Sản chiếm Sài Gòn, ông Lê Khanh mang K54 kè kè bên hông, đến còng tay những soạn giả từ xưa mang khuynh hướng chống Cộng, trong số ấy có soạn giả Hoa Phượng. Soạn giả Mai Quân “vô khu” đầu tháng 5-75 “ra thành”, nghiêm nhiên nắm chúc Trường Ty Sân Khấu Miền Nam, tác oai tác quái, bắt giam người này, đấu tố người kia, cấm Chế Linh, Nhật Trường, Hùng Cường vĩnh viễn không được hát. Soạn giả Thu An phụ tá ông Trần Bạch Đằng “thủ trưởng” Ủy Ban Kiểm Duyệt Văn Hóa Đòi Trụy. Soạn giả Hoa Phượng chết trong khám Chí Hòa năm 1986.

Năm 1979 tại Pháp, bỗng nhiên phong trào Cải Lương lại ăn khách. Bà con cô bác xúi chúng tôi tổ chức hát nữa đi, 3 tháng tổ chức một kỳ xem cho đỡ buồn. Chúng tôi lên tinh thần. Ông bà chủ tiệm Vinaco (Place Mutualité-Maubert) bỏ vốn đỡ đầu chúng tôi hát vở *Chiều Về Trên Sông Lạnh*. Lần này tập tuồng nghèo hơn lần trước, ăn mì gói, uống nước lạnh cầm canh, chỗ tập nhỏ khoảng 15 m², gấp loại tuồng chương, diễn viên đánh kiếm miệng, biểu diễn các thế võ cũng... bằng miệng. Anh Hữu Phước đưa ra sáng kiến:

- Quân à, anh thấy tiện lợi hơn, nếu mỗi lần tập đánh chuông mình đưa anh em vô vườn Luxembourg đất rộng, dễ tập. Em thấy sao?

- Thấy sao gì nữa. Sáng kiến của anh tụi tôi hoan nghinh hết mình.

Lựa đúng ngày thứ bảy, anh em chúng tôi dẫn nguyên đoàn tới vườn Luxembourg, kiếm chỗ trống mặc sức hò hét, ra oai, múa kiếm, tung chương loạn lên. Du khách đi dạo ngang trở mắt nhìn xem, họ cứ ngỡ chúng tôi là nhóm người Trung Hoa đang tập Tài Chí Công, luyện võ Tàu, v.v.

Sanh ra đời đã mang “nghịch” vào thân, nghịch tơ tằm, nghệ sĩ Hữu Phước đã được Trời ban một giọng hát truyền cảm đặc biệt, khó đào tạo một người thứ hai như anh. Khởi đầu sự nghiệp, năm 1954, Hữu Phước ca “độc chiếc” tại quán Họa Mi thuộc khu Đại Thế Giới của ông Bảy Viễn (đường Trần Hưng Đạo). Chủ quán là cô Năm Cần Thơ. Giàn nhạc là các nhạc sĩ Sáu Tung, Ba Khuê, Hai Thơm, Mười Lương (chồng cô Năm Cần Thơ) đờn vĩ cầm. Nhạc sĩ Mười Lương, ông thầy đầu tiên huấn luyện, đào tạo Henri Trần Quang trở thành danh ca Hữu Phước. Mỗi đêm Hữu Phước tới quán Họa Mi chuyên ca Vọng Cổ, các bài bản ba Nam sau Bắc.

Tháng 2-1955 Hữu Phước thành lập gia đình, cuộc đời nghệ sĩ rẽ sang con đường mới. Nhạc sĩ Hai Ngưu dẫn anh lên Đà Lạt tìm cách tiến thân. Trên miền Tây Nguyên Đà Lạt, qua sự giới thiệu của nhạc sĩ Hai Ngưu, Hữu Phước “diện kiến” ông Phan Văn Bản tức Ba Bản, bầu gánh *Thủ Đô*, chủ hãng đĩa Hoàn Sơn. Ông Ba Bản thu nhận Hữu Phước với chức vụ thư ký riêng và phụ trách kỹ thuật thu âm. Một

tháng sau, hôm ấy chiều thứ sáu, ông chủ hãng đĩa Hoành Sơn ra lệnh Hữu Phước vô văn phòng ông “trình diện”, và biểu Hữu Phước ca “thử giọng”. Ông chủ ngồi lắng nghe say sưa. Nghe xong, ông chủ phán một câu ngắn ngủi:

- Thăng này có tài.

Lời ông chủ hãng đĩa “phán”, tương tự như lời một ông vua khen thưởng quần thần. Con đường công danh từ đây có dịp thăng tiến, thăng tiến đến mức tột đỉnh sự nghiệp. Ban giám đốc hãng đĩa Hoành Sơn cho anh hát 20 câu Vọng Cổ thu vào đĩa nhựa (loại đĩa quay 78 vòng). Bài Vọng Cổ tựa đề *Mặt Trận Ái Tình* của Thu An và bà bầu Ba Bản viết chung. (Bà bầu Ba Bản đậu cử nhân văn chương năm 1953). Lần thu đĩa hát đầu đời đó, Hữu Phước đóng một vai khiêm nhượng, vai con quạ. Anh ca có mấy câu:

Quạ quạ, ta là quạ đây.

Ăn khế trả vàng

May túi ba gang

Đựng vàng ta trả...

Đĩa thứ nhì, hát vở *Tình Huỳnh Đề* cũng do Thu An và bà bầu Ba Bản hợp soạn. Hữu Phước đóng vai đứa em, cùng hát với Văn Chung, Cô Thanh Hương. (cô Thanh Hương lúc ấy là vợ Văn Chung. Về sau hai người ly dị, Thanh Hương tái giá với nam nghệ sĩ Hùng Minh. Văn Chung xuất thân Cảnh sát Quốc gia, ban đầu đóng vai kép độc-mùi, khoảng 10 năm sau đó anh đổi cách diễn, nhảy sang qua lãnh vực chuyên diễn hề độc. Không ngờ đi đúng sở trường, Văn Chung thành công vượt bậc. Thập niên 70, anh là một trong những kép hề ký giao kèo cao nhất. Anh Văn Chung qua Mỹ

tháng 4-1992, hiện định cư tại tiểu bang California). Nhạc sĩ Mười Lương tức Trần Hữu Lương, cúng tổ, đặt nghệ danh cho anh là “Hữu Phước”. Tháng 9-1955, Đài phát thanh Đà Lạt thành lập tại Hotel du Parc, anh và nhạc sĩ Hai Ngưu phụ trách ban văn nghệ trên Đài. Bài Vọng Cổ mà anh Hữu Phước thu vào hãng đĩa ASIE, phát thanh trên Đài Pháp Á năm 1957 bán chạy nhất, cả nước đều say mê: bản *Năm Xương Tàn* của Quy Sắc-Thái Thụy Phong.

Cuối năm 1955, anh trở lại Sài Gòn, gia nhập gánh *Kim Thoa* do nữ nghệ sĩ Kim Thoa làm bầu. Phải kể đây là lần đầu tiên Hữu Phước lên sân khấu. Đoàn *Kim Thoa* tập trung các nghệ sĩ Tám Thưa, Năm Nghĩa, Bạch Huệ, Văn Lục. Nấc thang tiến thân ở giai đoạn này để lên sân khấu trước sau gì cũng đều nhờ ông Ba Bần hướng dẫn. Ông Ba Bần gởi gắm Hữu Phước cho bà Kim Thoa dìu dắt. Ngày khai trương đoàn hát, ngày rất long trọng đối với ông bà bầu lẫn anh em nghệ sĩ, thành hay bại cũng do ngày khai trương. Đoàn *Kim Thoa* trình diễn vở tuồng *Lấp Sông Gianh* của soạn giả Kinh Luân. Thời gian đó, chính phủ ông Hồ Chí Minh rất ghét giải pháp thống nhất hai miền, tổng tuyển cử dưới sự giám sát của Ủy ban Kiểm Soát Đình Chiến. Soạn giả Kinh Luân “chơi một màn” độc quyền yêu nước, viết vở *Lấp Sông Gianh* trình diễn tại rạp Nguyễn Văn Hào ngụ ý kêu gọi hai chính phủ Bắc-Nam mau mau thống nhất quê hương. Nghệ sĩ đang hứng khởi diễn màn đầu, khán giả nín thở theo dõi những tình tiết éo le của vở kịch, thi bỗng đâu một trái lựu đạn chẳng biết do ai chủ trương, do ai đích thân ném lên sân khấu gây ra tiếng nổ “kinh thiên động địa”. Nghệ sĩ nằm la liệt, đèn tắt tối thui, máu chảy linh láng từ sàn sân khấu

xuống giàn đòn. Tiếng la hét, tiếng cầu cứu vang dội, khán giả đập lên nhau chạy thoát ra ngoài, hú hồn hú vía. Nghệ sĩ Phước Cương, người “khai quang điểm nhãn”, cầm cây sơn đầu tiên vẽ mặt, dạy Hữu Phước hóa trang, chết lúc 4 giờ sáng. (Ông Phước Cương là thân phụ nữ kịch sĩ Kim Cương. Cô Kim Cương viết vở thoại kịch *Dưới Hai Màu Áo* ký bút hiệu Hoàng Dũng). Soạn giả Nguyễn Huỳnh (tên thật Nguyễn Huỳnh Phước, năm 1969 mang cấp bậc thiếu tá Cảnh sát VNCH, chồng nữ nghệ sĩ Hoài Dung bị thương nặng. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Mai tắt thở tại chỗ. Kịch sĩ Duy Lân cụt một giò, ông Bảy Xê, cô Kim Thoa bị thương nhẹ.

Đoàn ăn nguyên một trái lựu đạn “ngọt xót”. Nhưng nghiệp vẫn là nghiệp. Bà Kim Thoa không chịu thua định mệnh, cầm đầu cầm cổ chạy vay nợ, tái lập gánh *Kim Thoa*. Lần ra quân kỳ này, đoàn gom góp một số nghệ sĩ trung thành còn lại gồm các nghệ sĩ: Hữu Phước, Văn Sa, (Văn Sa về sau tàn tạ tên tuổi, đi làm cận vệ cho ông bầu Xuân, chủ nhân đoàn *Dạ Lý Hương*. Ông bầu Xuân tên thật Diệp Nam Thắng, chủ hãng giấy Kiss Me, tù trần tại Sài Gòn tháng 2-1992), Từ Anh, Văn Lang (anh Văn Lang trước kia thuộc loại kếp đẹp đoàn *Việt Kịch Năm Châu*), Hai Tiên, Cô Ngọc Lợi (vợ lớn soạn giả Nguyễn Huỳnh), Hề Minh (Anh Hề Minh uống rượu như hũ chim, sáng say chiều xin, qua đời tại Sài Gòn năm 1989). Đoàn *Kim Thoa* trôi giạt xuống các tỉnh ở miền Tây, càng hát càng lỗ vốn. Nhằm tháng 7, tháng 8, trời mưa dầm dề suốt tuần lễ, đoàn ế khách, bầu và nghệ sĩ đói lả ruột. Sau hết, định mệnh vẫn là định mệnh, đoàn *Kim Thoa* ngã gục trước tình hình ế ẩm, nợ chồng chất, làm một buổi tiệc đơn giản chia tay và cũng để vĩnh biệt nhau. Đoàn rã gánh tại tỉnh lỵ Gò Công!

Hữu Phước ôm rương son phấn lên Sài Gòn tiếp tục hát cho Đài Pháp Á. Ngày 9-5-1956, vợ anh hạ sinh đứa con đầu lòng tại Hòa Hưng, Sài Gòn. Anh đặt tên đứa con gái cưng, Trần Thị Ngọc Ánh. Bé Ngọc Ánh giống bố như đúc, bụ bẫm dễ thương. Ông thầy bói Trương Quýnh, Ngã Ba Ông Tạ (đường Lê Văn Duyệt) xú quẻ tiên tri cuộc đời bé Ngọc Ánh có cái trúng có cái trật. Ông nói: *“Con nhỏ này ngày sau lớn lên công thành danh toại. Một vợ một chồng, hạnh phúc tới ngày răng long tóc bạc. Danh nổi như cồn. Tài nghệ không ai sánh bằng! Tiền vô như nước”*.

Do cảm mến giọng hát, tính nghệ sĩ hay do tình yêu chớm nở trong lòng? Ba trạng thái khó phân biệt, nó lộn xà ngẫu, nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan đi tìm Hữu Phước. Anh Hữu Phước không từ chối. Hai người yêu nhau. Theo lời anh Hữu Phước: *“Chúng tôi yêu nhau vì mến tài, vì tuổi trẻ bông bột. Yêu trong vòng lễ giáo, chỗ chưa có đứa nào xâm phạm tiết hạnh của đứa nào”*. Có thể anh Hữu Phước nói thật. Có thể chỉ có trời... mới biết. Cô Út Bạch Lan chính là người tiền cử, giới thiệu anh Hữu Phước trở lại sân khấu lần thứ nhì gia nhập đoàn *Thanh Minh-Năm Nghĩa*, sau khi đoàn *Kim Thoa* rã gánh, thất nghiệp dài dài. Chính thức được thu nhận vào đoàn, nhưng chưa có vai nào trống để anh nhảy vô thế. Cũng may, đang lúc đoàn *Thanh Minh-Năm Nghĩa* tập vở *Đứa Con Hai Giòng Máu* của soạn giả Lê Khanh. Đúng hai tuần nữa sẽ khai trương. Kép chánh của đoàn là Út Nhị tự nhiên dò chứng, bỏ tuồng ngang, ra bến xe đò mua vé đong tuốt về Mỹ Tho đi bụi đời, nhậu nhẹt say li bì không biết ngày đêm và cũng chẳng biết đường về.

Đoàn bắt Hữu Phước thử lại hơi ca lần chót, trước khi chấp thuận anh thế kép Út Nhị. Anh đóng vai Văn Khiết,

vai đứa cháu là bé Juliette Nga (Thanh Nga). Đoàn *Thanh Minh-Năm Nghĩa* trình diễn tuồng *Đứa Con Hai Giòng Máu* tại rạp Thành Xương (sau đổi thành rạp Diên Hồng, đường Phạm Ngũ Lão). Hát đúng 2 tháng, tên tuổi Hữu Phước được khán giả khắp nơi ái mộ. Đoàn Thanh Minh ký giao kèo với anh mỗi năm 260.000\$.

Mỗi nghệ sĩ tài danh đều lưu lại hậu thế một vai “để đời” (trong nghề gọi là vai vàng). Anh Hữu Phước tạo được ba vai “vàng”:

Vai 1- Vai Lý Anh Huy trong tuồng *Tình Mộng* của Thu An-Phong Anh do đoàn *Kim Chuông* trình diễn. Vai Lý Anh Huy diễn tả một đứa con mang hai dòng máu Việt-Chiêm Thành, kéo quân về tàn sát quê hương và xử tử luôn mẹ của mình. Vai nổi bật ở khía cạnh nội tâm giằng co giữa sự phản quốc, giết mẹ và khi “tình mộng” thì mọi việc đã quá trễ.

Vai 2- Duy Bạt, tuồng *Gió Ngược Chiều*, ông Năm Châu viết phỏng theo một tác phẩm của văn hào Victor Hugo, diễn trên đoàn *Thanh Minh*, hát chung với Thanh Nga, Bảy Nhiêu, Út Trà Ôn, Hữu Phước đóng vai trò một vị nam tước đội lớp sở khanh, quyến rũ Công chúa, dụ dỗ nàng làm gián điệp và tiến hành âm mưu lật đổ triều đình.

Vai 3- Cậu Tư Kiên, tuồng *Con Gái Chì Hằng* của Hà Triều-Hoa Phượng, đoàn Thanh Minh trình diễn. Hữu Phước diễn vai một người cậu của một đứa cháu bất hiếu với mẹ, dạy dỗ cháu nên người, thờ cha kính mẹ. Cậu Tư Kiên sống nghề lái heo, vắn khắn rần, mặc bộ đồ bà ba đen, có râu mép, què mùa, bình dị... Vai trò nói lên nỗi đau khổ, hình ảnh đáng kính trọng của một bà mẹ Việt Nam suốt đời tận tụy, hy sinh cho con.

Để diễn sống thực vai cậu Tư Kiên, mỗi buổi sáng khoảng 5 giờ, Hữu Phước chạy xe qua Cầu Chữ Y, đứng trước cửa lò heo Chánh Hưng quan sát những người lái heo, dân thôn quê chở ghe heo lên Sài Gòn bán. Quan sát cách mặc, quần áo, hút thuốc re, tư thế đứng, ngồi, ăn, uống, nói chuyện, cách phát âm giọng



Hữu Phước. Hình: T.L.

miền Tây “rặt”. Anh mất 3 tháng thực tập lấy ở nhà, nhìn vô kiếng diễn đúng các động tác thói quen của một người dân quê miền Nam. Đã trên 30 năm, chưa người nghệ sĩ nào có đủ khả năng thay thế Hữu Phước trong vai Cậu Tư Kiên.

Nghề nghiệp Hữu Phước “chín mùi” trên sân khấu Việt Nam, ngoài tài năng, phần lớn nhờ ông Ba Vân, Năm Châu, bà Kim Cúc, bà Phùng Há cố vấn, đạo diễn từng cử chỉ, từng điệu bộ diễn xuất. (Bà Phùng Há bệnh bán thân bất toại hôm tháng 8-1991 tại Sài Gòn).

Hữu Phước đoạt huy chương vàng Giải Thanh Tâm năm 1960, xuất sắc vai bác sĩ Vũ, vở *Đôi Mắt Người Xưa* của Nguyễn Phương và Hoàng Thị Nguyệt (Vợ ông Tám Vân). Người sáng lập giải Thanh Tâm là cố ký giả Trần Tấn Quốc, chồng nữ nghệ sĩ Thanh Loan. Bà Thanh Loan “vô

chiến khu” theo Cộng sản cùng với Trần Đình, Trương Nhu Tảng, Trần Bữu Kiếm, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, Trần Hữu Trang. Soạn giả Trần Hữu Trang viết vở tuồng nổi tiếng: *Đời Cô Lựu*.

Bé Ngọc Ánh, hằng đêm theo cha đến rạp, xem đào-kép tập ca, tập hát. Năm vừa lên 6 tuổi, bé đã ca trôi chảy bản *Văn Thiên Tường, Tây Thi, Lưu Thủy, Vọng Cổ*. Thiên tài bé Ngọc Ánh phát triển quá sớm. Em dạn dĩ, đóng vai đào con khi lần đầu bước ra sân khấu. Thời gian đó, cha em, tức Hữu Phước chơi thân hai nữ nghệ sĩ Út Bạch Lan, Thanh Hương. Thi sĩ kiêm soạn giả Kiên Giang (Hà Huy Hà) thấy vậy, đề nghị Hữu Phước ghép hai chữ “Hương Lan” đặt tên nghệ danh bé Ngọc Ánh. Hương Lan trước năm 1975 đi hát nhiều đoàn nhưng thiên tài của cô chưa “bùng khởi” đến mức công chúng mê say. Tháng 9-1975, kết kết hôn với nghệ sĩ Chí Tâm. Hai vợ chồng sang Pháp năm 1978. Bốn năm sau đó Hương Lan và Chí Tâm chính thức ly dị. Thập niên 80, có người nói, là “thập niên của Hương Lan”. Giọng Hương Lan pha “đồng” lẫn kim”: mùi, truyền cảm, lạnh lót, trầm bổng, đôi khi nhẹ nhàng, êm dịu. Giọng hát “ngọt, bùi”, hát tự nhiên không cần kỹ thuật hoặc điều luyện. Hương Lan ca tân nhạc ra tân nhạc, hát cổ nhạc ra cổ nhạc. Đứng trên hai lãnh vực tân-cổ, Hương Lan sáng chói cả hai. Thu băng không nghỉ, đi “show” khắp thế giới. Thầy bói năm xưa đoán trúng về đường công danh Hương Lan. Nhưng về đường hạnh phúc, sự thật thấy đã đoán sai.

Giữa thập niên 60, trong đoàn *Kim Chung 2*, người ta thấy em bé Chí Tâm đang học đàn, theo đoàn hát lo dựng cảnh, phụ tá âm thanh, ánh sáng, vv. Một thời gian sau, Chí

Tâm đóng kép phụ cho Công Ty Kim Chung, chuyên hát tuồng chèo, đánh kiếm và bay trên sân khấu. Chí Tâm biết hát, biết đàn (Guitare, Kim, Sến, Độc Huyền), họa sĩ vẽ cảnh sân khấu... Nghĩa là về phía nghệ thuật Cải Lương, Chí Tâm rất nhiều tài. Chí Tâm có vợ khác, không hiểu vì duyên có nào, anh lại ly dị một lần nữa. Năm 1991, Chí Tâm qua Mỹ định cư. Hiện anh sinh sống ở thành phố Houston, bang Texas.



Đệ nhứt đào thương Út Bạch Lan (trái). Nghệ sĩ cải lương Thanh Hương (phải, trên). Tên hai người bạn thân của Hữu Phước hợp thành nghệ danh của Hương Lan. Hình: T.L.



5.

Bà bầu Kim Chuồng, lúc ngồi “trà đạo” với chủ nợ cho vay ăn lời cắt cổ, bình phẩm một câu mà ai muốn liên hệ tới Cải Lương cũng đều xanh mặt: “Thế gian này có nhiều cách giết người. Cách giết người hiệu quả nhất là xúi người ta làm bầu Cải Lương!”

Làm bầu Cải Lương vinh, nhục, bán vợ độ con, tuổi “xế chiều” vất vưởng trên hè phố như thế nào, chúng tôi sẽ kể nơi đoạn tiếp dưới đây. Biết rằng nhiều người khoái nắm “chúc” ông Bầu. Và khi đoạt xong chúc ông bầu, hố vực thăm hiểm nguy hân hoan chờ đợi những ai “sanh nghề bầu thì sẽ tử vì nghiệp bầu”. Nhưng đời sống Cải Lương đã chứng nghiệm cho thấy các chư vị từng trải qua giai đoạn “ông Bầu”, nếu không chết yểu, khi về già cơ thể cũng bị bạc nhược: cẳng run, tay run, mắt lơ lảo, trí óc lú trước lẫn sau. Một số ông bầu tuổi chưa ngoài 50 đã vương chứng bệnh “ngọa triều”. Ấy là chưa kể đến tình trạng ngủ bò ngủ bụi, đói khát xòe tay xin thân nhân từng chục bạc hốt thuốc

bắc điều trị bá bệnh, ngứa tay ăn mày từng điều thuốc, ly cà phê và cuối cùng chết lạnh ngắt, chết thui thui trong một đường đường nào đó.

Thử liệt kê một danh sách ngắn từ năm 1917 đến 1975, nước Việt Nam có bao ông bầu Cải Lương?

Giai đoạn vừa khai sanh sân khấu Cải Lương, sử liệu ghi nhận gánh hát đầu tiên ra đời tại Mỹ Tho là gánh *Thầy Năm Tú*. Kế đến, gánh *Đồng Bào Nam* của cô Tư Sụ, *Nam Đồng Ban*, *Tái Đồng Ban* của ông Hai Cu, *Văn Hí Ban* của ông Huỳnh Kim Vui, *Sĩ Đồng Ban* của ông Bảy Sô, *Kỳ Lân Ban* của Bà Huyện Xây Vũng Liêm (Vĩnh Long), *Tân Phước Ban*, *Bác sĩ Minh*.

Soạn giả viết tuồng cho các đoàn nêu trên: Trương Duy Toàn, Đào Châu, Mộc Quán, Nguyễn Trọng Quyền, Trần Phong Sắc, Ngô Vinh Khang.

Nghệ sĩ nổi danh vào thời kỳ Cải Lương vừa hình thành:

Nữ nghệ sĩ: Hai Cúc, Năm Phỉ, Phùng Há, Tư Sạng, Hai Xiêm, Mười Nhường, Ba Hui, Hai Phụng, Bảy Ngọc, Tư Mão, Hai Vui, Ba Nhàn...

Nam nghệ sĩ: Bảy Thông, Tám Cang, Hai Giỏi, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mẹo, Tư Út, Ba Du, Hai Bông, Năm Long, Mười Mùi, Hai Quán, Bộ Thế, Sáu Cụt, Tư Thạch...

Đoàn hát xuất hiện đợt thứ nhì: *Tân Thịnh*, *Tập Ích ban*, *Trần Đắc*, *Tân Hí Ban*, *Vi Hí ban*, *Nhã Tĩnh ban*, *Phước Cương*, *Huỳnh Kỳ*, *Nhạn Trắng*, *Mộng Vân*, *Sao Mai*, *Hề Lập*, *Năm Phỉ*, *Nam Phương*, *Phụng Hào*, *Việt Kịch Năm Châu*, *Kim Thoa*, *Hậu Tấn*.

Đoàn hát xuất hiện đợt thứ ba, đến khi mất miền Nam: Đoàn *Nguyệt Kiều* của bầu Quý; đoàn *Hoa Sen*, Ông Bay Cao; đoàn *Thủ Đố*, ông Ba Bản; đoàn *Dạ Lý Hương*, bầu Xuân; *Hương Mùa Thu*, soạn giả Thu An, *Ngọc Hương* (tiền do ban kinh tài VC đóng góp); *Trăng Mùa Thu*, ông Tu Hiếu; đoàn *Thái Dương*, bà Tiêu Thị Mai, vợ ông Tôn Ngọc Chắc, chủ rạp Quốc Thanh; đoàn *Thanh Minh-Thanh Nga*, bà Bầu Tho (bà bầu Tho qua đời năm 1991, nghèo đến độ không có tiền mua quan tài chôn. Bảo Quốc cũng không khá gì, anh em nghệ sĩ già đứng lạc quyền bạn bè trả chi phí ma chay, chôn cất bà bầu Tho); đoàn *Ut Bạch Lan - Thành Được* của Út Bạch Lan và Thành Được; đoàn *Kim Chuông* do cô Bảy Kim Chuông làm chủ, Công Ty *Kim Chung* (5 đoàn) của ông Trần Viết Long; đoàn *Thống Nhất*, bầu Út Trà Ôn; đoàn *Thế Hệ Dũng Thanh Lâm* của nghệ sĩ Dũng Thanh Lâm; đoàn *Hùng Cường-Bạch Tuyết* của Hùng Cường, Bạch Tuyết (Người đưa Hùng Cường mượn vốn lập gánh là bà Khang, chị ruột Hương Huyền-Hương Sắc); đoàn *Việt Hùng-Minh Chí* (cũng do bà Khang bỏ vốn đưa Việt Hùng mượn).

* * *

Gánh *Sao Ngàn Noi* ránh lết từ quận Mỏ Cày qua tới Giồng Trôm (tỉnh Bến Tre) thì nằm ụ, ngất ngư, hết đường cựa quậy. Bầu Quỳnh người ngợm xanh như tàu lá bởi thiếu ăn, mất ngủ. Máy phen toan tính uống thuốc xịt rầy (DDT) tự vận. May nhờ thân bằng quyến thuộc xúm lại giải nghĩa lời hơn lẽ thiệt, khuyên lon ông hồi tâm tỉnh trí, bỏ lơ mơ chắc ông đã đi đời nhà ma rồi. Bầu Quỳnh một mình một côi chống đỡ tứ phía. Nhiều bữa chán đời hết muốn sống, ông nốc sạch hai lít rượu để giải sầu, say túy lúy, lăn đùng ra ngủ khò dưới bến sông Hàm Luông.

Phân loại xếp hạng thi đoàn *Sao Ngàn Núi* nằm hạng cá kè, quanh năm lần quần kiếm ăn trong các nhà lồng chợ. Nhà lồng ban ngày dùng nhóm chợ làng, ban đêm hạ vải bố xuống che thành rạp, chằm đèn măng xông, kéo màn hát. Rạp đâu có ghế, khán giả ngồi bệt dưới đất, lỗ con mắt xem đào kếp miệt vườn biểu diễn nghệ thuật Cải Lương hạng bét. Đào kếp loại cây nhà lá vườn nhưng nghệ sĩ, vẫn là nghệ sĩ. Bầu Quỳnh hợp khấn nhân viên, nghệ sĩ trao đổi ý kiến nội bộ. Phiên họp được triệu tập trong lúc nhà bếp gánh *Sao Ngàn Núi* không còn một chai nước mắm. Bầu Quỳnh than trời trách đất:

- Mua cái gì mua thú đất, mua lỗ bờ sông! Chùng nào trời tạnh mưa vậy cả?

Chín Đình, gã kếp chánh nguyên tuần nay làm biếng nhảy xuống ao tắm rửa, lác nổi đây háng thọc tay gai xồn xột, hả hợng góp ý kiến:

- Minh đổi tên gánh, xả xui đi ông Bầu? Tên *Sao Ngàn Núi* từ lúc khai trương đến giờ bị điếm gờ, hát lỗ là liên tu bất tạn. “Sao tàn trăng lặn”, đoàn mang cái tên tiền định như các vì sao: mọc rồi lặn, lặn rồi mọc, làm ăn sao khá nổi? *Trăng Ngàn Phương* còn chết yểu, hướng hò *Sao Ngàn Núi*!

Bầu Quỳnh tròn trừng con mắt, nghiêng răng trèo trẹo, thiếu điều muốn chém thàng kếp chánh một dao bõ ghét:

- Mày ăn không coi nổi, ngồi không coi hướng nên phun ra ý kiến “thất đức” quá, Chín Đình! Nghe mày phát ngôn mà chướng tai gai mắt. Tên *Sao Ngàn Núi*, cái tên mang ý nghĩa “tứ hải giai huynh đệ”. Tao ấp ủ trong lòng rồi đây khắp bàng dân thiên hạ đều sẽ biết danh tiếng đoàn hát của tao, nên không ngại tốn hao ngả nguyên con bò trả công

thầy pháp trấn bùa bằng hiệu *Sao Ngàn Núi*. Tao cam đoan chưa thằng học giả nào nghĩ ra nổi danh xưng *Sao Ngàn Núi*. Câm họng lại đi thằng hà bá. Hề mở miệng thì trù ẻo. Đồ thú “nuôi báo cô”

Mấy bữa nay kếp Chín Đình tòm tem với con vợ thằng cha chủ ấp Ninh Lợi. Con mề cung tiền cấp bạc (dù bạc các), sống ngáp ngáp qua ngày. Đoàn ế khách, lỗ vốn sạt nghiệp, kệ mẹ ông bầu, mắc mớ gì mà phải lo lắng nhúc đầu, Chín Đình ngang tàng trả đũa:

- Nè ông Bầu, tôi hát rách đóc giọng, múa kiếm rụng ròi tay chân, bộ ở không nằm ngửa ăn lương ông sao? Ông không có quyền chửi tôi theo kiểu mẹ chồng nguyệt háy nàng dâu nghe ông. Ông muốn gì?

- Tao muốn mày ngậm họng.

- Tôi muốn ông xin lỗi.

- Tao đuổi mày!

- Giỡn mặt hoài ông Bầu? Đuổi kếp chánh, ông bầu tính làm giấy khai tử đoàn *Sao Ngàn Núi* tại bến Giồng Trôm này à? Tôi thách ông?

Bầu Quỳnh đổi sắc mặt, từ đỏ lừm biến qua màu xanh lá mạ, cười gằn:

- Chín Đình, mày phản tao chưa được đâu Chín Đình. Ngày giờ này sinh mạng này đang nằm trong tay tao. Mày nhớ lại đi, mày ở lỗ nào chun lên? Ai móc mày lên? Ai đánh bóng tên Chín Đình nổi tiếng ngày nay? Từ đầu chí đuôi có phải tao không? Mà quên nữa, tao nói luôn điều này. Ví dụ thôi, tao đuổi mày, mày đi đâu? Thằng chủ tịch xã Phước Hòa mấy tháng nay nó liếc xéo liếc ngang mấy hoài, coi bộ

nó thêm mảy lăm. Chủ nhật tuần trước ngồi nhậu với tao dưới bến đò, nó hỏi tao: “Kép Chín Đình có thích đi quân dịch không anh bầu?” Tao trả lời khéo: “Lờ nó đi anh chủ tịch. Nó ca “bùì” lăm. Tổng cổ nó lên Quang Trung, quận Giồng Trôm sẽ mất đi một thằng ca vọng cổ số dzách. Ngồi chung bàn rượu, mình coi nhau như bạn. Đã là bạn bè, bạn ngó lơ mấy cái vụ quân dịch, giúp tôi một tay”. Mấy tinh kỹ chưa? Mấy chi bước ra khỏi gánh *Sao Ngàn Núi* nửa bước thôi, thằng chủ tịch xã Phước Hòa thộp cổ mảy cái cạch. Vài bữa sau mảy vác Garant thực tập 2 tháng cơ bản huấn luyện tân binh quân dịch. Rồi biết đâu chừng mảy, trời kêu ai nấy dạ, đạn tránh người, người đâu tránh đạn, ít tháng sau lại nghe tin mảy trèo lên bàn thờ ngồi chễm hễm, nghêu ngao hát vọng cổ với ba cây nhang, hai cay đèn cây đồ chơi.

Chín Đình lạnh cẳng, im thin thít, một hồi lâu mới hả miệng nói léo nhéo:

- Tôi nghe lời ông Bầu. Kể từ nay tôi xin ngậm họng.

Bầu Quỳnh lên giọng anh cả:

- Thôi! bỏ qua. Huê nghe mảy?

- Dạ.

Này giờ tìm khe hở để thọt miệng xen vô buổi họp trù trù tâm sự, nhưng kếp chánh và ông bầu cãi không dứt hơi. Vừa nghe Chín Đình “dạ” ngăn ngùn một tiếng rồi đứng như trời trồng, khoanh tay dựa cột nhà lồng chợ nghe nhân viên “nội các” đoàn *Sao Ngàn Núi* kiểm điểm tình hình nội bộ, đào Mỹ Hương lẹ miệng cướp lời Hai Cang, quản lý đoàn:

- Thưa ông, con “kẹt”!

Bầu Quỳnh đưa cặp mắt kinh nghiệm “đờ đờ”, soi mới nhìn Mỹ Hương từ dưới bụng “rà” dài dài lên khuôn mặt ngây thơ, con nít trên. Bụng con nhỏ nổi u lên một cục, giống như ô gò mối. Ông chắc lưỡi hít hà:

- Chết mẹ rồi! Con ngu quá vậy?

Đào Mỹ Hương thổ lộ nỗi buồn:

- Con muốn chết quá! Tại con hết. Con lỡ dại nghe lời hứa ngon ngọt nên mới ra nông nỗi này. Đã thế, khi nghe tin con “kẹt” cả lũ ác tâm xúm nhau bỏ rơi con.

Nói tới đây, Mỹ Hương mắc nghẹn nơi cổ họng, ứ ứ lên mấy cái rồi khóc rống như trâu nghe rống khi khát sữa, dậm chân dậm ngực coi bộ sắp chết đến nơi. Mà có chết chóc gì đâu. Bầu Quỳnh liếc nhanh qua từng thằng, như thôi miên tất cả đám đực rựa trong đoàn: Kép phụ, soạn giả, vũ sư, thầy đồn, nhân viên dàn cảnh... Cả lũ ngồi im phăng phắc, đếch có đứa nào dám nhúc nhích, cục cựa. Trời đất ơi! Còn gì nữa mà nói. Nhè đào chánh, đào cột trụ hái ra bạc, *Sao Ngàn Nơi* sống, chết cũng nhờ con nhỏ này. Thế mà cái quân trâu chó, dám cả gan coi ông bầu chẳng ra cái thá gì? Quất con nhỏ một bụng thè lè. Không hỏi ông một tiếng, không một lá trâu trái cau sính lẽ tạm gọi là “dạm hỏi” hay “đính hôn”! Ai? Ai Vô đây trồng khoai đất này?

Bầu Quỳnh quyết liệt:

- Qua nói để tụi bây liệu hồn mà khai thật. Thằng nào là cha ruột của đứa bé đang đập đang chòi trong bụng đào Mỹ Hương? Nói mau. Tụi bây trốn, tụi bây “chạy làng” tới đâu, tao rượt tới đó. Tạo điều tra biết ra thằng nào làm chuyện tán tận lương tâm này, tao sẽ băm nó nát như tương tàu. Đứa nào? Khai lẹ lên.

Chả có thằng nào ngu dại hé răng lạy ông con ở bụi này. Tụi nó ngồi ì ra đó, đực mặt nhả khói thuốc tỉnh bơ, mặc ông bầu tính sao thì tính. Bầu Quỳnh quay sang tra vấn đào Mỹ Hương, con nhỏ mới 17 tuổi đã có chửa hoang:

- Sao con không uống thuốc ngừa?

Đào Mỹ Hương trở mặt ngạc nhiên:

- Chưa ai dạy con. Thuốc ngừa là thuốc gì? Mấy tiệm thuốc Bắc bên chợ Mỹ Tho có bán không, thưa ông?

- Con ngu hết thuốc chữa?

Soạn giả Bình Nguyên lém linh đưa ra giải pháp thần diệu cứu nguy gánh hát:

- Chèo ghe đưa Mỹ Hương qua Mỏ Cày, giao Mụ Mười nạo thai đi ông Bầu?

Xuất thân thợ hót tóc vườn, nhiều bữa vắng khách, ngập ruồi, bầu Quỳnh ngâm thơ *Lục Vân Tiên* của cụ Nguyễn Đình Chiểu. Đọc thuộc lòng từng cái dấu phết, dấu chấm. Truyện *Lục Vân Tiên* rần đòi, dạy nhân gian ăn ở có hậu, có đức hạnh, tôn trọng “hiếu đễ”, chung thủy đạo phu thê... Bầu Quỳnh lạm Vân Tiên như dân ghiền lạm thuốc phiện. Ông “bước xuống đời” với mớ hành trang luân lý của người xưa. Chủ trương đại đồng huynh đệ, lấy tình lấy nghĩa lý phục nhân tâm và nhất là cấm sát sanh hại vật. Nay soạn giả Bình Nguyên đáng lên kế sách giết người - đồ bá láp - ông nổi cơn điên, la hét om sòm:

- Nạo bà cố nội mày. Hối nằm trong bụng bà già mảy, sao mày không biểu má mày đi trực thai? Con nhỏ nó khổ. Không nghĩ kế tìm cách cứu vớt, lại ác ôn xúi tao nhúng tay giết trẻ thơ! Đồ trời đánh thánh đâm! Tao hỏi thiệt, chính mày phá trình nó phải không?

Bình Nguyên mặt tái nhợt, gân cổ giật giật:

- Con thể trước bàn thờ tổ, trước Thần Hoàng Bổn Thổ, con chưa bao giờ xâm phạm... tiết trinh em Mỹ Hương?

- Thế tại sao đêm mùng 9 tháng 5, mày với con Mỹ Hương ngủ chung một ghế bố?

- Con thức, dợt nó bản *Tứ Đại Oán*. Đến 3 giờ sáng, con mệt nhừ, ngủ như chết, có biết trời trăng gì đâu?

- Nghĩa là đêm đó, mày chưa xò múi con nhỏ?

- Dạ. Con thể! - Còn mấy đêm sau? mày cũng dợt *Tứ Đại oán*, cũng nằm chung ghế bố với nó. Tao hỏi, mấy đêm lửa gần rơm, lửa không ngán khói sao?

- Dạ... Con thú thật! Lửa “tình” có... cháy! Nhưng con xin nói thêm, Mỹ Hương đã mất trinh trước khi trao thân cho con!

- Trời đất ơi! nông nổi này tao biết giải quyết sao đây?

Thình lình, ông bầu các có hỏi quản lý Hai Cang:

- Còn mày. Cách đây 3 tháng. Mày dắt con nhỏ qua Cẩn Thơ lên đài thu đĩa. Mày với con nhỏ ngủ đêm ở đâu?

Hai Cang sượng ngắc, trả lời lí nhí:

- Khách sạn Thanh Đề! -

Phòng mấy giường?

- Một giường. Con nằm dưới đất, Mỹ Hương ngủ trên giường.

- Giường đôi hay giường chiếc?

- Giường đôi!

- Hai đứa muốn một phòng, phòng kê có một cái giường? Đêm khuya canh vắng, lửa lòng tụi bây bốc cháy

bất tử. Làm sao tin nổi hai đứa giữ trong sạch suốt đêm ngủ chung giường?

Ông lườm Mỹ Hương, cất giọng gắt gao:

- Con nên thú thật. Thành chó đẻ nào phá trinh con?

Mỹ Hương khóc thút thít:

- Con nói hết, xin ông Bầu tha thứ con. Cái bữa ông sai con lên quận, cầm theo tờ giấy phép xin chữ ký ông quận chứng thực. Từ trước nay gánh *Sao Ngàn Núi* chuyên trình diễn lậu, bán vé không khai báo. Lỡ có bề gì, lời thôi đến chính quyền, ông Bầu khó ăn nói. Con còn nhớ ông dặn con rằng: “Con đẹp lại đóng vai chính, ra quận xin xỏ giấy tờ nó dễ thông qua hơn. Tới cửa công quyền mà giao mấy thằng đực rựa biết đến bao giờ cho xong. Làng chàng còn bị bắt quân dịch nữa, chó chơi sao”.

Con đến văn phòng quận lúc hai giờ chiều. Người tùy phái bảo con đứng chờ. Ông quận bận họp hành quân: “Cô Mỹ Hương ráng chờ khoảng 1, 2 tiếng đồng hồ, tan buổi họp, ngài quận trưởng ký giấy phép ngay cho cô”.

Con chờ tới 6 giờ chiều. Sốt ruột, trời chạng vạng tối sợ hết đồ máy về Phước Hòa. Trong lúc còn đang phân vân thì may ghê, người tùy phái gọi con vô văn phòng. Ông quận trưởng lịch thiệp ôm eo ếch diu con tới bia-rô. Ông lăn xăn lít xít khui chai xá xị con cộp ân cần mời con uống. Xong, đứng sát bên người con, túm tế vịn vai con, đỡ con nhẹ nhẹ ngồi xuống bộ ghế sa-lông mới tinh.

Ông quận nói:

- Tội nghiệp cô! Bắt cô đợi nguyên buổi chiều. Tôi ân hận hết sức. Cô biết không, VC hiện chặn đánh đại đội Bảo An

trên khúc Sông Hàm Luông. Giờ, cô về cũng không được. Mặt trận đang đánh lớn. Nếu cô thấy không ngại, tôi mời cô ở lại quận ngủ tạm qua đêm. Chỗ nghỉ vừa an toàn, vừa đầy đủ tiện nghi. Đợi êm êm, sáng mai tôi biểu lính lái ho-bo đưa Cô về trồng. Cô Mỹ Hương thấy sao?

Con đâu biết tính sao mà trả lời câu hỏi “thấy sao?” Con nói với ông:

- Ngủ lại trong quận, người ta dị nghị chết?

Ông quận cười hiền hậu:

- Dị nghị khi khô gì. Dân chúng ra quận lo giấy tờ, trẻ đồ máy, xin ngủ ở đây là chuyện thường. Anh là người biết trách nhiệm, hăng say phục vụ, nên hết hơi hết sức bảo vệ an ninh đồng bào. Em hãy nghe lời anh, ngủ lại đây để bảo toàn sinh mạng. Thời buổi giặc giã, đẹp như em đi về ban đêm ban hôm, rủi xảy ra chuyện gì cấp trên quở phạt anh. Lạng quạng vắng chức quận trưởng như chơi, nếu lỡ em đập trúng mìn hoặc bị lạc đạn tử thương.

Nghe ông nói những lời thật thà chất phác, thương nước thương đồng bào, con bỗng có cảm tình, mềm lòng nghe lời ông.

- Ông mời con dùng cơm. Săn bụng đói meo, con vui vẻ nhận lời. Bữa cơm nhà giàu có khác. Mâm dọn đầy thức ăn đồ Tây đồ Mỹ: 1 phong bánh bít-ky, hai hộp bê-tê gan bò Hòa Lan, hai đĩa hột gà chiên ốp-la, một chai rượu màu đỏ. Ông quận bảo: “rượu chất Tây, dân quê ít ai dám uống”. Con nuốt không trôi, cầm đũa gấp cho qua bữa. Ông quận hiểu ý:

- Đồ nhập cảng đủ chất vitamin. Ăn đồ Việt Nam hoài, thiếu chất bổ nên sanh đủ thứ bệnh. Em tập ăn cho quen, ngon lắm.

- Dạ. Đại úy cứ để em tự nhiên. Em gấp từ từ.

Ăn xong, ông cắt trái táo ra làm 6 mồi con dùng tráng miệng.

Trong khi ngồi xĩa răng, hỏi lăng nhăng về lai lịch ba má, ông ngoại bà ngoại, ông nội bà nội con, thì ông quận sàng qua ngồi chung một ghế với con, nhét vô giỏ xách con một bao thơ tiền. Ông giải nghĩa:

- Em cầm tạm chút ít tiền lẻ này xài đỡ. Khi nào hết, anh “chu cấp” thêm. Chả bao nhiêu, đừng ngại, vồn vện có 5.000 đồng.

Trời đất thánh thần ơi! Gánh *Sao Ngàn Nơ* trình diễn thụt con mắt, lắc hàu bao, bỏ ống ba năm chưa dư nổi 200 đồng. Từ nhỏ lớn giờ, con chưa hề cầm trong tay tờ giấy 100, nói chi tới một bó bạc 5.000\$. Quả là của trời cho. Trên cái thế gian lừa đảo này, theo con nghĩ, chỉ còn một người độc nhất tốt bụng là ông quận trưởng Giồng Trôm. Trong lòng ngổn ngang nỗi vui mừng, tim bị con chấn động của số bạc 5.000 từ trên trời rớt xuống nhịp đùng đùng, nhưng con vẫn cố sức làm tỉnh, cung kính chấp tay nói ọ ẹ mấy lời cảm ơn ông quận:

- Em... em đòi đòi ghi ơn Đại úy.

Ông xấn tới, lịch lăm đẩy nhẹ con ngã vào lòng ông, bàn tay trù mến vuốt mái tóc con. Và ông ngọt lịm đổi cách xưng hô:

- Có lẽ duyên kiếp do trời định nên hai đứa mình gặp nhau. Em! Mỹ Hương, anh... anh yêu em!

Không hiểu tại sao tự dưng sao con bắn loạn tinh thần, mất hết nghị lực để kháng những cử chỉ thân mật “bướm ong” của viên đại úy quận trưởng?

Dẫn con vô phòng riêng, ông lụi hụi kê ghế bố nhà binh nằm bên cạnh. Chiếc giường tân thời, nệm có lò xo nhúng lên nhúng xuống êm hơn gối vải sa-ten trộn bông gòn, mát ruồi ruồi, ông nhường con ngủ. Giường lạ, chỗ lạ khó lắm mới vỗ được giấc. Nhưng con vừa thiêm thiếp chợp mắt, thì nghe tiếng động trở mình của ông quận làm ghế bố kêu kọt kẹt. Ông thản nhiên bò lên nằm sát người con rồi thở thè bằng giọng nói tình thiết là tình: trầm, ấm, dễ thương:

- Hương à, Hương đẹp như tiên nga. Hương biết không? Nhưng sao lại khổ sai đời mình vào số kiếp nghệ sĩ? Nghèo khổ, đói rách, trôi nổi nay đây sông mai cuối sông. Thân gái côi chiếc, xung quanh không ai có lòng tốt bảo bọc em. Rồi mai này tương lai em đi về đâu? Lương gánh cá kèo làm sao đủ sống? Hơn thế nữa, căn cứ theo lời em tâm sự hồi đầu hôm, em còn phải trả hiếu, cung cấp phụng dưỡng cha mẹ già ở dưới Bạc Liêu. Anh thấy chưa có cô gái nào bạc phước như em. Thà đừng gặp, thà đừng quen em, chớ biết em, nhìn em cực khổ anh không nỡ. Anh có ý kiến thế này: anh chính thức cưới em?

Con chung hừng, hỏi ngược lại ông:

- Đại úy cưới em?

- Ủ! Cưới em.

- Đại úy bao nhiêu niên kỷ?

- 41 tuổi!

- Bằng tuổi ba em!

- Có ai tính được tuổi đời trên mỗi trái tim? Trái tim 17 và trái tim 41 có khác chi đâu. Và tình yêu thì như em biết, không bao giờ ngăn cách bởi biên giới tuổi tác.

- Em hiểu.

- Anh rất ghét thói sở Khanh. Yêu ai, anh cưới liền người đó.

- Còn vợ con Đại úy, Đại úy tính bỏ ở đâu?

Ông quận trưởng len lén hôn nhẹ lên môi con:

- Vợ anh? Chán lắm em ơi! Xấu như ma. Thân hình bà mềm phều phào như da thằng chống chết trôi. Vừa già vừa hôi nách. Lúc mới ra trường, kẹt cấp bậc nhỏ, không có tiền lấy vợ đẹp, quơ đại con mụ này để làm điểm tựa tiến thân. Ông cụ thân sinh của bà, cấp bậc đại tá, Phó trưởng phòng Tổng Quản Trị, bộ Tổng tham mưu. Chính ông nâng đỡ, chạy chọt anh ngồi ghế quận trưởng Giồng Trôm. Mang ơn nghĩa ông già vợ, anh nhắm mắt ngó lơ để cho bà sanh mấy đứa con. Con cái tới tuổi mọc lông mọc cánh rồi, anh phải sống đời anh chứ.

Con thắc mắc hỏi thêm:

- Cưới em, có cách nào Đại úy miễn hôn thú với em?

- Em khờ ghê! Anh là quận trưởng. Anh có thẩm quyền hạ lệnh chủ tịch Hội Đồng Xã ký bao nhiêu tấm hôn thú mà chẳng có?

- Em nói giả dụ thôi, lỡ bà xuống đây đánh ghen, Đại úy đưa em trốn nơi đâu?

- Đừng lo em à. Đám cưới xong, anh sẽ làm đơn xin đổi xuống tuốt dưới Cà Mau. Hai đứa mình đi xa. Đi về một phương trời xa thăm thẳm. Nơi hẻo lánh xa xôi đó, chúng mình sẽ hạnh phúc bên nhau suốt đời. Phần con mụ vợ ó dâm của anh, anh nhất định bỏ không thương tiếc.

Ông quận trưởng còn hứa hẹn và kèm thêm lời thề độc để bảo đảm rằng, nếu kết duyên vợ chồng với ông, ông sẽ bảo trợ đoàn hát mình và tặng ông bầu 10.000\$ dùng vào sở phí khuếch trương gánh *Sao Ngàn Núi* tiến lên thành một đại ban ngang hàng với *Thanh-Minh*, *Hoa Sen*, *Thủ Đô*... Ông quận đặt còm-măng trên Sài Gòn mua máy đèn, nhờ người xuất ngoại mua y trang bên Hồng Kông đem về, muốn họa sĩ giỏi vẽ tranh cảnh lộng lẫy, tăng cường thêm đào kép lớn từ thủ đô xuống trả lương cao cho anh em nghệ sĩ trong đoàn sống dư dả. Chẳng hiểu tại cô hồn giục con hay tại con yếu lòng, nằm xuôi lơ để mặc ông quận tán tỉnh, hôn con lia lịa, hôn muốn đứt thở. Rồi ông tháo dây lưng quần. Rồi... tuột quần con,... rồi... rồi...

Ông Bầu nổi điên:

- Rồi... Con mất trinh?

- Dạ!

- 5000\$, đáng giá 200 gia lúa Nàng Hương. Con bị thằng quận trưởng lừa, con biết chưa? Nhưng hôm trước, sao con đưa “qua” mượn có ba ngàn, hai ngàn kia đâu?

- Con gọi ba má con.

- Thật hết nói nổi! Chắc tao chết mất. Tụi bây hành tao thét, có ngày tao vô nhà thương điên cho mà coi.

Mỹ Hương thút thít:

- Ông bầu cứu con!

- Ông cứu con. Nhưng con hãy tính nhắm ngón tay, cố nhớ con tắt kính vào ngày thứ mấy đặng tao đo lường coi một trong ba thằng: Quận trưởng, Hai Cang, Bình Nguyên, thằng nào là cha ghê, cha ruột đứa bé chưa sanh?

- Con quên tuốt lượt ngày tắt kinh. Tối hôm qua, bà bầu lấy thước đo bụng con, bà nói con có chứa khoảng 3 tháng!

- Lỡ mất trình với thằng quận trưởng! Thế tại sao con hiến thân làm chi với hai thằng mắc dịch này?

- Anh Bình Nguyên ngày nào cũng ỉ ôi bên tai con cho anh “yêu” một lần, một lần rồi thôi, anh sẽ luyện con ca những bài bản lớn và viết cho con đóng những vai “mùi” như chị Út Bạch Lan, lấy nước mắt khán giả. Phần chú Hai Cang, hễ thấy con một mình, không có ai chung quanh, tò tò theo con, nói điều hay lẽ phải rằng: “bị mất cho chú “yêu” một lần”, giống như anh sáu Bình Nguyên, cũng kèo nài yêu một lần rồi thôi, thì chú dìu dắt con tiến thân, “gài” con hát trên đài Cần Thơ.

Bầu Quỳnh chườm như tát nước vào mặt quản lý Hai Cang:

- Mấy dụ dỗ nó, mấy đạt mục đích xong, sao mày không gọi con nhỏ lên đài thu đĩa? Mày lừa nó phải không? Đồ quản lý mất tư cách.

Hai Cang rên rỉ:

- Xin ông bầu đừng hiểu lầm tôi. Quả tình tôi thương trộm nhớ thâm Mỹ Hương từ lúc ông Bầu mới dẫn về. Nói có trời đất làm chứng, lòng tôi chưa bao giờ dám có ý nghĩ bậy bạ, lừa gạt nó. Nhưng thằng nhạc sĩ Trần Trịnh, Giám đốc đài phát thanh Cần Thơ chủ trương “kỳ thị” Cải Lương, nó ghét lây luôn tôi nên tìm mọi cách từ chối Mỹ Hương thu đĩa trên đài.

Ông Bầu trở lại “quay” đào Mỹ Hương:

- Từ đó đến nay, quận trưởng Giồng Trôm có lần nào gặp lại con không?

- Dạ không! Tắt kinh khoảng 1 tháng, Con ói, mưa tới mặt xanh. Hoảng hồn, con chạy rút lên quận tìm ảnh báo tin. Cả chục lần, lần nào cũng vậy, ảnh cho tùy phái ra nói là ảnh đi vắng bận hành quân chưa về.

Ông Bầu nạt nộ:

- Hành quân con mẹ gi! Nó quất ngựa truy phong rồi con ạ! - Ông xoay qua soạn giả Bình Nguyên - Mây viết đơn, đưa tao ký, gởi thẳng lên tỉnh trưởng Trần Ngọc Châu, tao thua thẳng quận ở tù rục xương.

Soạn giả Bình Nguyên vâng dạ rất u lễ phép. Thảo đơn từ, soạn vọng cổ, nghề ruột của nó. Tuy nhiên, thảo lá đơn kiện ông quận trưởng quận Giồng Trôm “sở Khanh”, lừa tình ái, gạt gẫm gái “vị thành niên”, Bình Nguyên sẽ “bào” lời văn muốt mát, gò những câu thống thiết, “đấu tố” xả láng để gây tiếng vang ngoài tỉnh ly Bến Tre với thâm ý vừa chạy tội cho mình vừa chơi cạn tàu ráo máng ông quận trưởng đều cáng. Vì chậm chân chậm tay, “huống” sau ông quận trưởng, có nghĩa là ăn đồ dư, đồ thừa của thiên hạ, càng nghi càng ảm ức. Hẳn quyết phen này tố khổ ông quận trưởng đến nơi đến chốn. Tố bỏ ghét, tố trả thù một người mà hẳn không biết mặt mũi.

* * *

Cuộc họp chán phèo, kéo dài qua tới ngày hôm sau, tìm giải pháp chấn chỉnh nội bộ gánh *Sao Ngàn Núi*. Khê khả rượu đế hết chai đầy đến chai voi, hội viên khan cổ họng, sửa lỗi nhải hoài cái triết lý “nhân tâm”: Con người hơn thú vật ở chỗ sống có “nhân tâm”. Con người không tẻ gia, trị được loạn nội bộ để phạm tội cang thường đạo lý thì làm sao bình trị được thiên hạ, lãnh đạo một đoàn hát gồm những

thành phần cứng đầu cứng cổ? Bầu Quỳnh lè nhè không cặn để tài “làm người đạo lý”. Hết giảng đạo đức, ông quay sang chửi xéo những thằng đàn ông vô giáo dục, bản tính súc sanh lừa gạt lòng dạ ngây thơ con nhỏ Mỹ Hương. Quản lý Hai Cang ê ẩm, bèn xử dụng chiến thuật “đánh trống lảng”. Hắn khôn ngoan lèo lái ông bầu trở lại thực tế, tính chuyện nổi cơm đoàn hát. Tế nhị khuyên bầu Quỳnh tạm gác chủ đề “đào Mỹ Hương mất trinh”. Bàn ngay kế hoạch tài chánh, đường lối quảng cáo, phương thức bán vé và chọn ngày lành tháng tốt tái khai trương, đồng thời lo đóng tiền lời chủ nợ.

Hai Cang vẽ thời khóa biểu làm việc:

- Thưa ông bầu, hiện tại gánh mình đang lâm nguy. Nước mắm cạn hũ, gạo cạn lu, dầu lửa cạn thùng. Dịch đói tràn vô tới nhà bếp gánh *Sao Ngàn Núi*. Trong khi ấy, đào kép tập chưa nhuyễn tuồng bởi vì kẹt vụ Mỹ Hương. Đã kẹt thì kiếm cách gỡ, đề nghị ông bầu nên có quyết định sớm sớm, đừng tui con còn kịp giờ thi hành phận sự.



Thanh Nga và Năm Phi đều có vai trong *Phụng Nghi Đình*. Hình: T.L.

Ông Bầu thất vọng thấy rõ:

- Hai Cang, mấy tình gỡ cách nào?

- Hát vở *Phụng Nghi Đình*, ngày khai trương phải lựa tuồng có tích truyện tàu để câu khách.

Ông bầu ngao ngán:

- Con Hương bỗng dung có chữa lằng òm. Biết giao cho đứa nào thay thế nó đây? Hồng lẽ hát *Phụng Nghi Đình* mà Điều Thuyền vác cái bụng sinh chương như cái trống châu nhón nhơ trước mặt Lữ Bố. Truyện Tàu chớ hề nói Điều Thuyền có chữa. Kẹt là kẹt ở chỗ đó.

Bình Nguyên lạnh trí, ngồi chồm hồm dậy tuôn ra sáng kiến, mở “gút”, lấy điểm với ông bầu:

- Mình diễn tuồng mới đi ông bầu?

- Tuồng gì?

- Tình cảm xã hội hiện đại. Con bắt đầu soạn tối mai. Tạm thời đặt tên tuồng là “*Đứa Con Vô Thừa Nhận*”. Đây, con kể sơ sơ ông bầu nghe thử. Nhân vật chính, cô gái con nhà lễ giáo lên tỉnh thành trọ học, bị một gã sở Khanh con nhà giàu quyền rũ phá trinh tiết, nàng mang bầu. Bất hạnh thay, khi trở về nhà lại bị cha mẹ đánh đập, anh em nguyên rủa, xóm giềng thờ ơ lạnh nhạt... Con kể vắn vắn cho ông bầu nghe phớt qua thôi. Đợi lúc ngồi viết con mới đi sâu vào cốt truyện. Vai này nên giao Mỹ Hương đóng. Mỹ Hương hiện giờ bụng bự thè lè, rất hợp vai tuồng. Kéo màn hát lại rai độ 5, 6 tháng, đợi Mỹ Hương đẻ xong, mình tái diễn vở *Phụng Nghi Đình*, phải nhẹ gánh lo cho mình không?

Bầu Quỳnh gật gù:

- Mày giỏi à Nguyên. Soạn lẹ đi con. Hai Cang, mày chuẩn bị kêu họa sĩ vẽ tranh cảnh, rải buom bướm khắp Giồng Trôm thông báo vở tuồng *Đứa Con Vô Thừa Nhận* của thằng Nguyên nghe. Tao đồng ý hát tình cảm xã hội. Nhưng mày nhớ dù cốt truyện xã hội, cũng nên chêm vọng cổ nhiều nhiều, tuồng ít ca vọng cổ dễ bị nhàm chán, khán giả trốn mình, tẩy chay mình thì đời thất vọng nghe chưa.

Bình Nguyên lên tinh thần:

- Ông Bầu khỏi lo. Mỗi màn con đệm giá chót từ 10 câu vọng cổ trở lên.

- Ủ, tao chịu. Hể tao chịu thì khán giả chịu. Tối nay chấm mực viết liền đi con.

- Dạ. Bầu Quỳnh ực cạn xì rượu trắng, đứng lên cẳng nghiêng cẳng xéo tuyên bố bế mạc cuộc họp. Nhân viên đoàn nô nức đi lo nhiệm vụ, chuẩn bị hát tuồng *Đứa Con Vô Thừa Nhận*.

6.

Cội nguồn bản *Vọng Cổ*, theo tài liệu lưu lại, tên cũ *Vọng Cổ* là *Dạ Cổ*. Ông Cao Văn Lầu, sinh năm 1890, quê quán Bạc Liêu, năm 1920 sáng tác bản *Dạ Cổ*. Thời gian ông chế bản *Dạ Cổ* ông vừa đúng 30 tuổi. Ông cưới vợ năm 1910, hai ông bà sống chung 10 năm nhưng không có con để nối dõi tông đường. Cha mẹ ông Lầu ép buộc ông phải lấy vợ khác. Ông mắc bệnh ưu sầu, ngày đêm nằm gác tay lên trán khóc thầm vì không nỡ bỏ vợ, người đàn bà 10 năm chia sẻ ngọt bùi với ông và lòng dạ thủy chung tuyệt đối. Tuy nhiên, ông lại không dám vượt nền lễ giáo gia đình, làm trái ý cha mẹ ông.

Mỗi buổi sáng, ông đi lang thang ra đồng ruộng mênh mông, đầu óc suy nghĩ miên man, tìm cách lựa lời nói sao cho vợ ông hiểu nỗi lòng của ông trước khi hai người chia tay. Ông biết đòn cổ nhạc. Sống trong tâm trạng đau khổ của một người sắp tan rã hạnh phúc, sắp xa vĩnh viễn người vợ thân yêu. Ông nghĩ rằng lấy người đàn bà khác, dù có

sanh cho ông bảy con kháu khinh, chưa chắc gì ông thương người ta. Trong lúc buồn tê tái, ông cảm hứng sáng chế ra một bản nhạc, viết thành 20 câu và đặt tên cho điệu nhạc ấy là “Dạ Cổ Hoài Lang” (**Đêm Khuya** Nghe Tiếng Trống Nhớ Chồng). Bản nhạc gói trọn mẫu tâm tình thầm kín gửi riêng đến vợ ông. Chẳng ngờ, 7 tháng sau khi vừa hoàn tất bản nhạc *Dạ Cổ Hoài Lang* thì vợ ông lại thụ thai đứa con đầu lòng. Những năm kế tiếp, bà sanh thêm 5 người con. Sau này người ta đổi tên bản *Dạ Cổ Hoài Lang* thành “Vọng Cổ Hoài Lang” (Trông Mối Tình Xưa Nhớ Đến Chồng).

Nhạc lý bản *Dạ Cổ Hoài Lang*

(đòn dây Bắc)

- 1- hò liu xang xế cống
- 2- liú cống, liú cống xê xang,
- 3- xừ xang xê hò liú cống xế xang hò,
- 4- liú xế xang xự xê xang liú hò,
- 5- xừ liú, xáng ũ liú cống xê,
- 6- liú xáng xàng xê liú xê xáng ú liú.
- 7- hò liú xang, xang xế cống,
- 8- xê xê liú xừ, liú liú xừ xang.
- 9- xừ xang xế, liú xê xang xừ,
- 10- xê liú xừ, liú liú xừ xang,
- 11- xừ, xê liú xừ, liú cống xê liú hò,
- 12- liú xê xang xự, cống xê xang liú hò.
- 13- xừ xang xừ cống xế,
- 14- xê liú xừ, liú liú xừ xang,

- 15- *xử xang xể, hò lúu cống xể xang hò,*
 16- *liu xáng xàng, xể liu xể xáng ú liu.*
 17- *hò xự cống xể xang hò,*
 18- *xê liu xú, lúu liu xử xang,*
 19- *xử xang xể, hò lúu cống xể xang hò,*
 20- *lúu xáng xàng xể liu xể xáng ú liu.*

Lời Bản Vọng Cổ đầu tiên của Việt Nam trong điệu Dạ Cổ Hoài Lang ca theo nhịp đôi như sau:

- 1- *Từ là từ phu tướng*
 2- *Bừu kiếm sắc phong lên đàng.*
 3- *Vào ra luống trông tin chàng,*
 4- *Đêm năm canh mơ màng,*
 5- *Em luống trông **tin nhàn,***
 6- *Ôi, gan vàng quặn đau.*
 7- *Đường dầu xa ong bướm,*
 8- *Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang*
 9- *Còn đêm luống trông tin bạn,*
 10- *Ngày mới mòn như đá vọng phu,*
 11- *Vọng phu vọng, luống trông **tin chàng,***
 12- *Lòng xin chó phụ phàng.*
 13- *Chàng hồi chàng có **hay,***
 14- *Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.*
 15- *Biết bao thuở đó đây xum vầy,*
 16- *Duyên sắt cầm đừng lợt phai.*
 17- *Thiếp cũng nguyện cho chàng,*

18- *Nguyên cho chàng hai chữ bình an.*

19- *Mau trở lại gia đình,*

20- *Cho én nhận hiệp đôi.*

Theo thời gian, bản Vọng Cổ nguyên thủy “Tù là tù phu tướng” ca giọng Bắc, nhịp đôi. Bản nhạc thông dụng đến 1926 thì chuyển thành nhiều nhịp. Nhịp đôi ca giọng Bắc giống điệu *Hành Vân*, sau tăng lên nhịp bốn, soạn giả viết nhiều lời hơn, ca sĩ kéo dài giọng ngân, và từ giọng Bắc biến thành giọng Nam pha lẫn hơi *Oán* do lẽ đó quần chúng thích nghe hơn những bài bản ngắn khác.

Đầu thập niên 40, Vọng Cổ tăng lên nhịp tám. Bản Vọng Cổ nhịp tám do ca sĩ Lư Hoài Nghĩa (tức Năm Nghĩa, chồng bà bầu Thơ, chủ gánh *Thanh Minh-Thanh Nga*) ca mở màn, chậm, kéo hơi ngân dài ở những chữ cuối câu. Từ nhịp tám, không đầy năm năm sau đó thấy tuồng viết tăng lên 16 nhịp. Mãi đến năm 1959, bản Vọng Cổ mới tăng lên nhịp 32. Bản Vọng Cổ nhịp 32 do soạn giả Kiên Giang (Hà Huy Hà, tác giả bài thơ *Hoa Tim Thôi Cải Lên Áo Trắng*) viết 6 câu với nhan đề: **Đội Gạo Đường** Xa, Hữu Phước đơn ca trên hăng đĩa Lam Sơn.

Nói Lối

Thầy Tử Lộ vào châu Khổng Tử,

Gục đầu nức nở khóc như mưa.

Nhớ những ngày rau cháo muối dưa,

Con đội gạo đường xa nuôi mẹ.

Vọng Cổ

Câu 1- *Nhưng hỡi ôi! Sau khi chiếm bảng khô nguyên thì mẹ cha đã vội bước qua đời...*

Trên đường vinh quy bái tổ, lòng con đau xót vô hồi...

Tiếng trống dập dồn, tiếng chào mừng rộn rã, lời chúc tụng hoan hô, không có che lấp được nỗi buồn riêng của một vị tân quan, khi liên tường đến phút trở về gặp lại mẹ cha trong làn hương khói...

Câu 2- Thấy ôi! Nhớ những ngày cùng song thân nương nấu dưới mái thảo đường...

Bên án thư con dùi mài kinh sử suốt đêm trường...

*Ngày nay, mang giày cỏ mặc **áo rơm, vượt dặm đường xa đội gạo qua tiếng** hát thiết tha.*

Thơ Văn Tiên:

Còn cha còn mẹ như tiên,

Mất cha mất mẹ như chim lạc đàn.

Ai bỏ cha mẹ cơ hàn.

Ngày sau trời phạt kêu đàng xin ăn...

Câu 3- Trên đường gió bụi, sỏi đá gai chông dẫu làm rách chiếc áo rơm, đôi giày cỏ hay rướm máu gót chân, nhưng không có làm sòn lòng người đội gạo khi nhớ đến cha mẹ thường nhắc câu : “Ngọc bất trác bất thành khí, nhơn bất học bất tri lý” và thường khuyên con dùi mài kinh sử để chờ dịp khoa thi, chân con bước vội vàng trên đường gai góc mà con đang ngỡ bước vào cửa trường thi hầu chiếm giải mây rồng...

Câu 4- Nhờ chí công ăn học, người được bảng hổ để tên nên vinh quy bái tổ rục rờ tông đường...

Nhưng về đến quê xưa thi cha mẹ không còn...

Ngày nay con được làm quan.

Có xe song mã, có vàng đầy kho.

Đi đâu có trống có cò.

Cổng chào kết tụi, bến đò rắc hoa.

Nhưng con không còn mẹ còn cha.

*Lòng con nào khác **đám** ma ban chiều...*

Câu 5- Hỡi quân hầu! Hỡi ngựa xe, hỡi cò quạt, hãy cùng ta dừng lại phút giây trước năm mộ hoang tàn...

Vì ngày vinh quy bái tổ chính là ngày giỗ của song đường...

Ta tạm cởi chiếc áo nhà quan mặc lại áo rom, mang giày cỏ, đầu đội chiếc **thúng** rách ngày xưa, ta muốn đi, đi trên con đường cũ tưởng niệm song thân. Vì con đường gai góc từ nhà cũ đến làng xa chính là con đường đã đưa ta đến cổng quan trường...

Câu 6- Nghe chuyện thầy Tử Lộ đội gao cúng tế mẹ cha cho nên vua nước Sở liền cho quân sĩ kiệu chiếc **thúng** rách, áo rom và đôi giày cỏ tả tơi về tận triều ca rồi nhờ các văn gia thi sĩ viết lại một tấm gương hiếu thảo của một vị quan đã đội gao đường xa nuôi mẹ cha từ thuở cơ hàn... (xuống xê).

Hỡi ai bất hiếu bất nhân,

Xem gương Tử Lộ ăn năn sửa mình.

Lo cho cha mẹ tận tình,

Tròn câu hiếu đạo, vẹn gìn phận con.

Năm 1960 Vọng Cổ tăng lên 64 nhịp. Tuy nhiên khi đòn, nhạc sĩ bấm phím thành 128 nhịp. Do những cái “láy” của soạn giả viết lời ca, người đòn giữ nhịp “chẻ” bên chân trái, tăng số nhịp lên gấp đôi, chân mặt giữ nhịp chánh.

Bản Vọng Cổ 64 nhịp của soạn giả Viễn Châu viết lần đầu tiên tựa đề “Ba Râu Đi Chợ Lớn”. Nội dung bản Vọng

Cổ nhằm chỉ trích với dụng ý mỉa mai một số gian thương buôn bán bất chính trên thị trường Việt Nam vào thập niên 60. Bản nhạc có tính cách trào phúng do nghệ sĩ Văn Hường thu trên hãng đĩa Hồng Hoa.



Danh hài Văn Hường. Hình: T.L.

Nói Lối

*Chú Hai ôi! Tôi có đứa con gái
út tên là con bầy Cường,
Nó theo chồng lên Chợ Lớn đã ba năm.
Ba năm trường tôi mới được lên thăm,
Thân già cả gặp bầm không chỗ nói.*

Vọng Cổ

Câu 1- Nội cái vụ ra bến xe gặp một lũ tiểu yêu đứa lôi đứa kéo, làm tôi rách tiêu cái khăn xéo và điều thuốc rê cũng văng tuốt xuống đáy xe đồ... (xuống hò)

Tôi ngồi cả canh mà anh sắp-phơ ảnh ngáy khò khò...

Ai nghĩ coi trong vé xe nó để khởi hành đúng năm giờ rưỡi vậy mà gần tám giờ nó chưa chịu “đề ba”... (nhịp song lang); buồn miệng tỉnh hút thuốc thì sợ khói bay làm ngạt cả cô em bên cạnh, muốn ăn trầu thì sợ cổ trầu nó trúng bà xã ngồi kế bên; bực mình quá tôi hỏi thẳng lơ thì nó đổ thừa cho anh sắp-phơ, hỏi thẳng sắp phơ thì nó đổ thừa cho anh bán vé...(chữ cống).

Câu 2- Chùng chiếc xe đồ ề ạch lết đến bắc Mỹ Thuận thì bị kẹt cả trăm chiếc xe hàng...

Đậu nối đuôi nhau dài gần hai cây số, tôi mới ghé vào một quán cơm làm đỡ một đĩa cơm gà;

trời thần ơi! gà chết từ tám đời vương mà nó cũng đem bán đại cho ông già...

Ráng nuốt cho hết đĩa cơm; hút hết một gói thuốc rê bự xộn, chiếc xe mới lù lù ở bến trôi qua, vừa leo lên xe thì tôi nghe ôi thôi điếc tai như là một đám giặc chòm: đi xá lị đây cô, hủ tiểu bột lọc đây bà, bác đông thử vài ba lon ốc gạo, ông mua dùm ít chục nem chua...

Câu 3- Tôi móc túi lấy tiền ra mua mỗi thứ một mớ tình lên Chợ lớn cho mấy đứa cháu ngoại nó mừng... Xe chạy qua khỏi cầu An-Hữu một hồi tôi cầm gói ốc gạo lên coi thì trong 10 phần có tới tám phần ốc chết. Vạch gói ổi ra, thí ổi làm mặt chỉ có 2, 3 trái tốt, còn mấy trái dưới toàn là ổi thúi hoặc sâu. Tôi mở chín mười lớp lá chuối lấy ra một cục nem thì thấy cục thịt nhỏ bằng ngón tay út mà đen đen mốc mốc, tôi nổi góa liệng cái giò xuống đường nghe một cái xạch, ngồi làm thỉnh mà chán nản sự đời...

Câu 4- Khi xe đến Chợ Lớn, nghỉ xong rồi, tôi biểu chồng con Cường dẫn tôi đi chơi chỗ này chỗ nọ, từ Chợ Quán, Năn-Xy, Chí Hòa, Phú Thọ, cho đến lăng Ông Bà Chiểu, Thị Nghè...

Tần Thuận, Phú Xuân, Xóm Chiếu, Nhà Bè...

Nó lại đưa tôi đi coi cạp trong sở thú mà bây giờ họ gọi là Thảo Cầm Viên, sẵn dịp vui chon, lên Lăng Cha Cả, quẹo qua Ông Tạ xuống tới Hòa Hưng đi dạo mấy vòng, tuốt lên Tân Định, vòng qua Phú Nhuận tôi mới trở về nhà...

Câu 5- Chồng con Cường còn rủ tôi đi coi hát bóng, mèn ơi! Cái rạp lớn bằng mấy cái đình dưới tôi mà chi có năm đồng bạc, là coi đặng hai người, văn hát về nhà bằng xe thổ mộ mà tôi đã bắt tức cười... Xe ngựa dưới mình ngồi ngó ra đằng trước còn xe ngựa trên này ngồi thông chum dưới đất day mặt ra phía sau lưng, còn vô tiệm mua hàng đừng thấy nó để cái bảng “giá nhất định” mà làm tàng mua đại thì có ngày tự vận, một cái mền rẻ tôi nó mua có bảy mươi đồng bạc mà nó thách tôi bốn trăm đồng...

|Câu 6- Bữa về dưới này tôi không dám đi xe buýt trước, tôi mua vé một chiếc xe khác và có hỏi kỹ về tới Sa-Đéc đường hoàng, chừng xe qua Bắc Mỹ Thuận, tới ngã ba chỗ cây xăng thì chiếc xe đậu lại và anh lơ lẽ phép mời tôi xuống, tôi nói: Tôi đi Sa Đéc mà! Dạ, bác chịu khó đi xe lăm-bít-ta về Sa Đéc, xe cháu chạy về Cà Mau. Tôi nổi ôn nói: Chớ sao hồi nãy anh bán vé nói xe này về Sa Đéc? Anh lơ nói: Dạ tại nó ẩu, chớ xe cháu về Cà Mau. Nó vừa nói vừa lấy gói đồ, vừa kéo tôi xuống đất, tôi chưa kịp nói vài câu phải quấy thì chiếc xe đã rồ máy bỏ mình tôi đứng ở bên đường...

Tho Văn Tiên

Chuyện đời nghĩ cũng vui vui.

Khi không nó bỏ mình ngồi ở ngã ba.

Tôi bao chiếc lăm-bít-ta.

Lôi về Sa Đéc hết ba chục đồng!

DẠ CỔ HOÀI LANG

Sáng tác: CAO VĂN LẬU 1915
Ký âm: VŨ RỪNG SAO BIỂN



The musical score is written on ten staves. The lyrics are in Vietnamese. The central image shows an elderly man with glasses, wearing a white shirt, playing a đàn nguyệt (moon lute). The background of the image is a dark, textured surface.

Lyrics (from top to bottom):

Từ từ từ phôi bóng, hân hoan tới phùng âm, vang xa vọng vọng xa
vọng, ... đến tận cùng ... vọng xa vọng xa xa
vọng quên đau ... vọng phôi phôi rồi
không ... vọng vọng ... vọng phôi phôi phôi
vọng vọng vọng vọng vọng vọng ... vọng vọng ... vọng vọng vọng vọng
lưu âm vọng vọng vọng vọng vọng vọng ... vọng vọng ... vọng vọng vọng vọng

7.

Thời tiết tháng mười thật dễ chịu. Đất khô ráo, đường sá không gặp nạn sinh lầy, đọng vũng. Xe ngựa, xe kéo thường mắc lầy hay bị trượt bánh lật úp xuống kinh, rạch đều đều. Phương tiện giao thông tấp nập trở lại. Nắng chiều đậu từng tia sáng trên lá cây bản, bông điên-diễn, cỏ cây bồng sồng để chào mùa đông và đón mùa xuân sắp về. Đồng lúa chín vàng, ruộng đang mùa gặt, từng đoàn người lum khum cắt lúa, đập lúa, và đổ vô bao chỉ xanh vác dần xuống ghe chở ra các chành gạo bán.

Dân tát đìa bắt cá rô, cá lóc chia mỗi nhóm 9, 10 người reo hò xuống ao “giậm” cá. Lúa đầy bồ, cá đầy ghe, cuộc sống có phần sung túc, dân chúng quận Giồng Trôm vui vẻ, xôn xao bán tán chương trình giải trí. Ở đây chả có trò mua vui nào ngoài việc xem Cải Lương.

Tin đồn tuồng *Đứa Con Vô Thù Nhận* lan truyền qua tới cồn Ông Phụng. Đệ tử ông Đạo Dừa (kỹ sư Nguyễn Thành Nam) sau giờ tụng kinh gõ mõ, mõ xẻ, phân tích vở *Đứa*

Con Vô Thừa Nhận: “Chiến tranh kéo dài đằng đằng, người chết như rạ, con mồ côi cha, mồ côi mẹ thiếu gì, đếm không xuể. Soạn giả khéo khai thác thời buổi loạn ly, tình cảnh trái ngang của xã hội, chắc tưởng không tẻ lắm”.

Đoàn Sao Ngân Nơi hụt hơi chuẩn bị, cải tổ nhân sự, ráo riết tập tuồng, diễn phúc khảo năm lần bảy lượt. Tung nhân viên đi quảng cáo khắp bốn phương trời. Cộng Sản nằm vùng cũng nghe, lính Nghĩa Quân cũng biết. Nghệ thuật không phân biệt chủ nghĩa hay triết lý, không chia rẽ Quốc, Cộng, ai có tiền mua vé thì có quyền thưởng ngoạn ánh đèn sân khấu. Chỉ yêu cầu một điều, hai bên đừng ném lựu đạn, chọn rạp hát làm bãi chiến trường một sống một chết. Theo quan niệm ông Bầu Quỳnh, làm như vậy là thiếu tinh thần mã thượng. Hai bên muốn ăn thua, cứ lấy cái hẹn đi rồi lội qua cồn Ông Phụng, đất rộng, rừng dừa rậm rạp, rộng hàng ngàn mẫu, mặc sức nổ tiểu liên, đại liên, pháo kích, v.v.

Nhân ngày tái xuất hiện, Đoàn tinh tủy một lá bài một ăn một thua. Vé đồng hạng. Ai Vô sớm ngồi hàng đầu, ai vô sau ngồi hàng kế, ai đi trễ thì chịu khó đứng thẳng người coi hát. Chủ trương bình đẳng, chẳng khinh ai, chẳng trọng ai. Toàn thể nhân viên hữu trách xã Phước Hòa được mời mua vé ủng hộ. Ông Chủ tịch xã mua 20 vé, tạo tiếng vang “Mạnh Thường Quân” ở địa phương. Ông viện lẽ “vì lý do an ninh”, yêu cầu ban quản lý đoàn bắt một cái ghế đầu phía sau hậu trường, không phải để ông đặt bàn tọa ngồi xem hát mà để “rửa mắt, ngắm nghía các cô đào non làm mặt hóa trang, thay đổi y phục.

Xã trưởng đạo này có mời “cán câu” bà bầu Quỳnh. Bà đi công chuyện, luôn luôn có ông xã trưởng hộ tống bên dít.

Ông, người “phong nhâ”, nên khoái chi xộp. Sở phí mua heo cúng Tổ, mua vải bố vẽ cảnh, mua dầu đốt đèn măng-xông, mua tạp lục đủ mọi thứ, hết thấy ông chủ tịch xã móc tiền túi trả đẹp. Thịnh thoảng ông mua tặng riêng bà bầu vài xấp vải Mỹ A, một chiếc vòng cẩm thạch giá 1, 2 ngàn đồng. Có lúc đoàn hết gạo, mắm muối sạch láng, nhân viên gánh hát bụng đói sôi ột ột. Ông tỏ lòng nhân đạo, thương nhân tình thế thái, nhét vô nịt vú bà Bầu 1.000\$ phụ giúp nuôi ăn nghệ sĩ.

Trụ sở hội đồng xã làm bằng cột bê tông cốt sắt, mái nhà lợp ngói tàu xây cất đầu năm 1956, cách chợ Phước Hòa độ 150 thước. Tính theo tọa độ quân sự - đồn Phước Hòa phòng vệ bởi 1 trung đội nghĩa quân - nằm trong tầm tác xạ B40 bắn từ phía bên kia bờ rạch Tầm Nứa. (tầm tác xạ B40 300 thước, tầm hữu hiệu 150 thước). Gánh Sao Ngàn Noi “trần thủ” trong nhà lồng chợ. Đoàn hát và xã Phước Hòa gần sát nách. Gần nên dễ chạy qua chạy lại. Có ai chạy đi đâu? Duy có ông xã trường năng chạy tới chạy lui chăm lo thăm viếng bà Bầu.

Lính Nghĩa Quân ban ngày một mớ túa ra đi tán gái, một mớ cầm câu cá rô, quân số còn lại cà rịch cà tang kéo qua bên chợ nhập quốc cần, từ sáng đến chiều.

Thời đó, tỉnh trưởng Trần Ngọc Châu Có người em ruột, thượng úy Trần Ngọc Hiền, sĩ quan tình báo VC, nằm vùng Bến Tre, đứng trung gian liên lạc hai phía: ông Châu và Cộng Sản địa phương, hai anh em tự ý thỏa hiệp ngầm, tạm “hòa bình chung sống”. Nghĩa là, VC để yên Bến Tre, nếu có đánh, đánh giả vờ “cho vui”. Bù lại, ông Trần Ngọc Châu cung cấp một số tin tức gián điệp quan trọng phía VNCH.

Tỉnh Bến Tre quê hương bà Nguyễn Thị Định, người xách động phong trào “Phụ Nữ Búi Tóc”, nửa đêm nổi dậy đốt đuốc biểu tình, tuần hành qua đầu thôn cuối xóm la làng chống Mỹ Diệm, mấy năm dưới quyền trung tá Trần Ngọc Châu yên tĩnh, không có những mặt trận nổ lớn, xác chất ngập hành lang quân y viện. Ông Ngô Đình Diệm trầm trồ khen ngợi và tưởng thưởng trung tá Châu Bảo Quốc Huân Chương Đệ Nhị Đẳng. Ông Trần Ngọc Hiến năm 1975 được thăng thượng tá, CSVN đuổi ông về hưu non. Tháng 11-1991, ông Hiến trên đường Công Lý đạp xe đạp tới Bưu Điện Sài Gòn, chẳng may bị xe hơi bộ đội cán nằm bất tỉnh. Ông lành bệnh nhưng thành phế nhân đến già, tay trái xuội, chân trái cũng xuội. Ông Trần Ngọc Châu hiện định cư tại Hoa Kỳ. Một số tài liệu nói mang máng ông Châu từng cộng tác với CIA và cộng tác với cả VC. Đặc biệt thời gian gần mất Sài Gòn, ông Châu hướng dẫn phái đoàn dân biểu đối lập, thành phần thứ ba bay lên Lộc Ninh chụp hình lưu niệm với Trần Văn Trà, Nguyễn Hữu Thọ.

Nhân dịp nói đến tỉnh Giồng Trôm, mời bạn đọc quan sát một vòng Bến Tre, thử xem Bến Tre của ông bầu Quỳnh có những đặc điểm gì?

Con sông Tiền Giang, chảy đến vùng Cái Bè, Vĩnh Long, thì mở ra 3 nhánh lớn: Sông Mỹ Tho với 2 cửa, cửa Tiểu và cửa Đại; Sông Hàm Luông Sông Cổ Chiên với 2 cửa, cửa Cổ Chiên và cửa Cung Hầu. Giữa ba nhánh ấy là hai đảo rất lớn: đảo Bến Tre và đảo Mỏ Cày. Hai đảo ấy hợp thành tỉnh Bến Tre (Thời đệ nhất VNCH đặt tên Kiến Hòa).

Phía bắc, đảo Bến Tre lớn nhất, nhưng lại có con Sông Ba Lai đi từ gần chòm đảo, chảy đến đó, chia thành hai phần:

phần bắc là Bình Đại, phần nam là Giồng Trôm. Phía biển có cồn Hồ, cũng sắp dính vào đất liền. Đảo Mỏ Cày, Thạnh Phú dài hơn, nhưng lại hẹp hơn; ngoài biển cũng có cồn.

Địa thế nằm ở hạ lưu sông Cửu Long, lẽ cố nhiên đất không cao, nhưng rất tốt, chỉ có miền gần biển, có chỗ còn là cát; đất mặn, có những rừng sát. Các con sông rộng hai, ba, bốn cây số, nước chảy rào rạt nhưng đến lúc thủy triều lên thì lại dồn nước sông lên, tràn vào các muong. Vùng đông của Thạnh Phú hãy còn rừng rất lớn, rừng chà, bàn, dừa nước.

Khí hậu Bến Tre giống như các tỉnh miền Tây. Nóng, ẩm. Nhưng vì ở sát biển, giữa các cửa sông rất lớn, nên nước thủy triều có ảnh hưởng tới sinh hoạt đời sống con người. Ở đây mỗi ngày nước dâng lên 2 lần, cao 1 thước đến 2 thước. Có khi con nước trước chưa rút, con nước sau đã lên, dân địa phương gọi là “nước lũng”.

Bến Tre gồm các quận: Châu Thành, Ba Tri, Bình Đại, Giồng Trôm, Chợ Lách, Mỏ Cày...

Thời vua nhà Nguyễn, đây là phủ Hoằng Trị, gồm các quận Bảo Hậu, Bảo An, Tân Ninh, Duy Ninh trực thuộc tỉnh Vĩnh Long.

Quân châu thành lập trên con sông Bến Tre, con sông chảy xuyên qua tỉnh lỵ, tạo cho thị xã một phương tiện dễ dùng đường thủy, xuôi ra tất cả các con sông lớn nhỏ, đi Mỹ Tho, Giồng Trôm, tới sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên và Mỏ Cày.

Bến Tre cách Sài Gòn 86 cây số, cách Hà Nội 1810 cây số. Đường bộ: đi Mỹ Tho, Bình Đại, Giồng Trôm, Ba Tri, An Thủy, Mỏ Cày, Cái Mơn, Thạnh Phú sang tới Trà Vinh.

Từ thị xã Bến Tre đi, hướng nam, nương theo bờ Sông Bến Tre, qua sông Hàm Luông ở chỗ hẹp nhất, 14 cây số, Mỏ Cày. Đi tiếp, 24 cây số, đến bờ sông Cổ Chiên. Tới Cái Mon 39 cây số, phía bắc đến bờ sông Hàm Luông, phía nam đến Nhuận Phú.

51 cây số, Mỏ Cày, 59 cây số, chỗ rẽ vào chợ Cái Quao. 82 cây số, thị trấn Thạnh Phú (nơi bà Nguyễn Thị **Định chỉ huy chiến dịch “Đồng Khởi” chống chánh phủ VNCH**). Phía đông Thạnh Phú là khu rừng lớn sát biển, gồm các rừng lá, rừng chè, bần, dừa nước. Dừa nước là một thứ dừa, thân lè tè mặt đất, nhưng lá vọt lên cao. Dừa nước mọc ở bờ rạch, ưa nước mặn, nước lợ.

Đi tiếp 10 cây số nữa, đến ấp Giao Thới, bờ biển phía Đông.

Đường Tân Lợi, Bến Tre, Giồng Trôm, Ba Tri.

Đường bắt đầu từ đỉnh đảo giữa, Tân Lợi, bờ Sông Tiền Giang, cạnh cù lao Năm Thôn. Đi thẳng hướng đông. 27 cây số, Bến Tre. 45 cây số, Giồng Trôm. Đồng bằng Cửu Long không phẳng lì, mà có những sống đất, như ngọn sóng, người ta gọi là “giồng”. Giồng Trôm, nơi đoàn *Sao Ngàn Nơi* dờ sống dờ chết.

Bờ biển Bến Tre, trừ một số chỗ cát còn mặn và bùn lầy, gần Thạnh Phú còn rừng rậm, nhiều nơi nước ngập tới bụng, phần lớn là đất màu mỡ, rất tốt cho việc trồng lúa và hoa màu. Bến Tre là vựa lúa lớn của miền sông Cửu Long. Thời VNCH nông dân cấy lúa hai mùa.

Ngoài lúa, nông dân còn trồng khoai, bắp, lúa mạch, lúa mì, dừa, mía, bông, thuốc lá và các cây ăn trái như dứa, mận, chôm chôm, măng cầu, vú sữa, sầu riêng.

Bến Tre là nơi trồng dừa nhiều nhất ở miền Nam.

Bờ biển và các sông nhiều cá. Biển nhiều cá thiều, cá mối, cá cơm, cá đồng.

Một số ít hành nghề thủ công nghiệp: dệt lụa, đan chiếu, quần dây dừa, sản xuất gạch ngói, ép dầu...

Tháng 7 năm 1867, các nhà nho lập ra đạo nghĩa quân do ông Phan Tôn và Phan Liêm lãnh đạo, tấn công quân Pháp ở Hương Điền. Một nhà nho của Bến Tre, ông Đồ Chiểu (Nguyễn Đình Chiểu) tuy mù cả hai mắt, nhưng đau xót trước cảnh quân Pháp tiến chiếm Việt Nam và sự nhu nhược của triều đình Huế, đã suốt đời làm các bài thơ yêu nước, nói lên tình cảnh lâm than của dân chúng. Ông viết truyện “Lục Vân Tiên”, dùng truyện cũ, để nói lên những lời nghĩa khí, hô hào chống Pháp và kêu gọi giữ nền luân lý Cổ truyền dân tộc.

Vợ chồng bầu Quỳnh “bước qua cổng vu quy” tính đến nay đã 9 năm. Chín năm chăn gối, đầu áp tay ôm, thế mà chưa có một lần bà bầu thọ thai. Ông buồn ử dột, nhưng giấu kỹ trong lòng. Bạn bè khuyên ông “đớp” thêm con vợ thứ nhì lấy giống nối dõi tông đường. Nhưng ông là người chịu ảnh hưởng thơ Lục Vân Tiên. Tập thơ nhồi sọ con người sống liêm khiết, thủy thủy chung chung, phản bội sẽ bị trời hại, bị quả báo nhãn tiền. Do đó, bầu Quỳnh trong tim chỉ mang một bóng hình bà vợ. Thầy lang băm, thầy thuốc bắc chẩn mạch quả quyết ông bị “thận suy, tim yếu, gan nóng!” Thận suy, tim yếu thì “làm ăn” cái quái gì nổi mà đòi có con. Phụ họa thầy thuốc, mấy ông thầy bói mù, để đồng xu lên mu rùa lắc lắc gieo quẻ, xác nhận số ông “tuyệt tự đường

con cái”. Và “cậu trạng” nhập đồng nhập cốt về tiết lộ ngôi mà ông cố nội ông bầu chôn trùng “mạch trùng”, cả giòng họ lần lần sẽ chết ráo trời. Nghe qua lạnh xương sống, ông Bầu tự an ủi: “Số mình vậy thì chịu vậy, sanh con nó chết trùng, tội nghiệp con”.



Chợ Giồng Trôm, Bến Tre xưa. Hình: T.L.

Gánh Sao Ngàn Nơì bò tới Giồng Trôm nầy cách đây hai năm. Vợ chồng ông Bầu chơi thân thiết với ông Xã trưởng. Tình thâm giao nở rộ cũng đúng hai năm chẵn. Đoàn gác cẳng nằm ì, bữa hát bữa hạ màn ngủ sớm. Ông bầu ra lệnh “nghỉ hè” dài hạn có khi 3, 4 tháng... Đào kép tự động lặn lội tìm cách kiếm ăn: người thi gieo mạ, đi cấy ăn lúa đông, đắp bờ ruộng mướn, mần cỏ mía lảnh tiền ngày; người làm thợ mộc, người bán nước đá bào pha xi-rô, v.v. Đợi khi ông bầu chạy được nợ, nuôi nổi đào kép, bầu đoàn thê tử, anh em nghệ sĩ lục tục trở về phụng sự “nghiep tổ”. Đoàn tái khai trương. Rồi tái khai trương. Tái hoài hoài! Năm thứ nhì,

nhân một ngày đẹp trời, mà đẹp thật. Viên Chủ tịch xã vừa hào hiệp giúp ông bầu 2000\$, nuôi đoàn hát ngáp ngáp độ 1 tháng, thi bà Bầu mới từ ngoài chợ Châu Thành Bến Tre về, nhào tới hôn ông Bầu chùn chụt.

- Minh ơi! Em có chưa!

Ông Bầu lạnh xương sống:

- Xạo hoài. Mà sao bà biết! Lấy cái gì làm chắc?

Bà bầu ỏng ẹo:

- Em ra tinh “thủ thỏ”, sao không chắc?

Bầu Quỳnh tê điếng:

- Ai đưa bà đi?

- Anh chủ tịch xã, chó ai!

Ông Bầu xụ mặt một đống, trả lời lủng lơ:

- Xét cho cùng, thằng chủ tịch xã quá tử tế! Nó giúp hết mình. Ngay cả việc lái đồ máy đưa bà đi thủ thỏ, nó cũng không ngại hao tổn sức lực. Tôi thiếu nó nhiều thứ nợ, nợ tiền, nợ ân tình... biết chừng nào tôi trả hết cho đây?

Bà Bầu nhi nhánh:

- Nợ nần gì. Anh Chủ tịch hay có lòng nhân thương người, mình khéo lo xằng. Em sẽ sanh một đứa con, con cầu tự đúng như mình hằng cầu nguyện đất trời. Minh mừng với em chứ?

Ông Bầu cay đắng:

- Mừng thấy mở tổ! Nhờ mẹ bà hiển linh, hóa phép ban ân sủng cho vợ chồng mình một đứa con, đứa con phước đức do Trời Phật ban thưởng. Mà y tá họ nói còn mấy tháng nữa bà chuyển bụng?

Bà Bầu đáp gọn bân:

- Tháng ba sang năm.

- Bà bớt ăn thịt heo mỡ. Chịu khó uống sữa bột nhiều nhiều. Người ta nói uống “sữa bột Mỹ quốc Viện Trơ” để con nước da trắng bóc.

Bà Bầu ngoan ngoan:

- Dạ, em nghe lời mình.

Nói xong, bà Bầu ọ ọ hai ba cái, te te đi tuốt về phía cầu ao phụ một tay nấu “com hội” với mấy cô vũ nữ trong đoàn. (Các cô vì không có giọng ca nhưng thích làm nghệ sĩ, người ta dạy các cô vũ, đóng vai tỳ nữ tuồng Tàu, lúc vua mở yến tiệc. Ngoài nghề vũ, múa, các cô được giao làm tất cả công việc nặng nhẹ trong đoàn: giặt quần áo, may vá y phục, nấu com, lo việc lật vạt sân khấu phụ giúp đoàn hát. Lâu lâu gặp một viên chức trong làng, xã trên đường lưu diễn “đá lòng neho”, ưng thuận cưới làm vợ. Các cô già từ sân khấu không một lời vinh biệt (đây cũng là một hình thức núp danh nghệ sĩ dạng dễ kiếm chồng).

Bà Bầu đi rồi, bầu Quỳnh đứng ngẩn ngơ. Ông tỉnh nhắm trong bụng: Tháng ba năm tới “khai hoa nở nhụy”? Vậy thì con vợ mình nó đậu thai khoảng tháng tám? Ủa, mà hôm tháng tám vừa qua, ông vắng nhà nguyên một tháng. Mọi trí nhớ ra coi. Hồi này lớn tuổi, đầu óc lú lú lẫn lẫn, mới thấy đó đã quên đó. Nhưng cho dù lú lẫn cách mấy đi nữa, bầu Quỳnh vẫn nhớ rành rành tháng này là tháng 10. Cách đây hai tháng, ông cùng Hai Cang qua Cần Thơ vay nợ. Bà chủ nợ, nhà ở tận mãi trong chợ Bình Thủy. Hai thầy trò ngồi xe lamбет-ta vô Bình Thủy. Xui tận mạng, chiếc xe đang phóng

ngon trốn thì bị một xe tuần tiểu cảnh sát chặn lại. Tài xế, hành khách lọt tọt bước xuống trình giấy tờ. Ông Bầu móc túi trên, túi dưới, túi sau, túi trước! Giấy căn cước đâu? Cái bóp đựng giấy tờ đâu? Hỡi ơi! Quân hà bá thiên lôi đã móc túi ông rồi! Tụi nó chôm-chĩa khi hai thầy trò còn đứng lơ ngơ ngoài bến xe.

Thằng cảnh sát bắt quân dịch nhà nghề, hỏi móc lò:

- Ông trốn quân dịch?
- Không! Tôi từng đánh giặc.
- Chống ai?
- Việt Minh. Chống luôn Pháp.
- Binh chủng?
- Bộ binh, quân đội Hòa Hảo, Tiểu đoàn Nguyễn Trung Trực, dưới quyền chỉ huy của thiếu tướng Lê Quang Vinh (tự Ba Cụt).
- Ông chưa đi lính Việt Nam Cộng Hòa?
- Chưa! Năm nay 47 tuổi, quá tuổi động viên.
- Giấy tờ chứng minh?
- Tui bị móc bóp!
- Nếu vậy, mời ông về bóc khai mất giấy tờ.

Cảnh sát tính “ôm” ông về bóc tạm giam, nhưng bị cái tật làm biếng lấy khẩu cung, sẵn tiện đường, tụi nó thấy ông vô Trung Tâm Nhập Ngũ số 4 cho gọn việc bàn giao sổ sách.

Hai Cang vắt giò lên cẳng chạy chọt chính quyền. Một mặt, cầu cạnh nhạc sĩ Trần Trịnh, Giám đốc đài Cần Thơ can thiệp. Quay tới quay lui, quay ngang quay dọc mất cha nó một tháng trời mới lòi ông Bầu ra khỏi Trung Tâm Nhập

Ngũ, sau khi sao lục khai sinh, trích sổ bộ căn cước ở ty cảnh sát Bến Tre chứng thực bầu Quỳnh, Hoàng Văn Quỳnh già xụ, quá lóp tuổi “*anh đi quân dịch là thương nòi giống*”.

Ông bầu khừ hồi quận Giồng Trôm cuối tháng tám. Bước qua tháng chín, đụng phải thời kỳ ông có lời cầu nguyện ăn chay nằm đất, kiêng cử gần đàn bà ba tháng. Ông phát lời cầu nguyện nếu vay được nợ, nợ 10 phân để hồi sinh gánh Sao Ngàn Noi. Nguyễn Trời Phạt thì phải giữ đúng lời. Kể từ đầu tháng tám đến giờ, ông chưa có một lần “nắm chè” với bà Bầu. Thế mà... thế mà... con vợ lại hơn hờ báo tin bụng mang dạ chứa từ tháng 9 lặn. Kỳ vậy cà? Nhức đầu ghê! Đàn bà khó hiểu quá đi thôi. Muốn có chứa thì có, chẳng màng tới ba cái vụ “gối chăn, ái ân” chồng chồng, vợ vợ gì cả.

8.

Soạn giả Bình Nguyên nuốt khói thuốc *Melia* ngùn ngụt, ngồi trầm tư mặc tưởng, hồn bay cao vút lên chín tầng mây khi nghe kếp Chín Đình xuống “ngọt ngất” mỗi câu vọng Cổ. Gặp những chữ hơi “trắc”, giọng Chín Đình ca sượng, ca chưa chín, Bình Nguyên rút cây viết chỉ sửa tại chỗ và lên mặt thầy đời:

- Tuồng vừa tập, vừa sửa lời văn là để cho soạn giả lẫn nghệ sĩ phải biết cách ăn khớp, phải hiểu tường tận nội dung cốt truyện. Người viết nên biết mình viết với mục đích gì, câu khách chỗ nào, gọt văn lấy nước mắt khán giả chỗ nào. Diễn viên cần nắm vững vai trò, lột trần nội tâm nhân vật của cốt truyện. Chữ đâu phải miệng ca chóp chép mà bộ tướng đứng cứng đờ như cột đèn.

Kếp đọc Văn Tín, hai năm nay trong đầu có âm mưu đào ngũ khỏi gánh *Sao Ngàn Núi*, trả mối thù ông bầu Quỳnh ép hấn diễn những vai bị khán giả kẻ bêu môi người khinh khi ra mặt. Đầu quân gánh lạ, hấn sẽ hù ông bầu mới đòi đóng

kép mùi. Kép mùi khán giả mê mệt, đàn bà con gái ngủ nằm chiêm bao thấy hần. Diễn kép độc, chuyên dò trò lừa gạt, biểu diễn thói sở Khanh hại người, cả đời bị quần chúng ghét bỏ, ngóc đầu sao nổi. Hần chu miệng “sửa lung” soạn giả Bình Nguyên:

- Ê Nguyên, bản *Lý Ngưu Ô* diễn đoạn sở Khanh, mày viết cho tao, lời văn nghe không được cảm động, mày sửa mùi mùi lại dùm tao.

Bình Nguyên tự ái, sùng sỏ:

- Giọng mày ù ù như bò cái rợn đực. Sở trường của mày tới chết chỉ đóng kép độc. Sửa văn mùi, mày hát ai nghe. Tao nói mày cứ cãi buống. Diễn “độc” mà diễn có tài thì vẫn nổi tiếng như thường. Hơn nữa, văn tao viết, thằng nào đòi sửa, tao đề nghị ông bầu đá đít ra khỏi đoàn.

Kép Văn Tin hậm hức lặn đi chỗ khác.

Bầu Quỳnh ngồi dựa lưng ghế đầu nhìn không chớp mắt lên sân khấu để “kiểm duyệt” vở tuồng. Nghệ sĩ diễn dứt màn một, ông ghé tai nói nhỏ với Bình Nguyên:

- Vai này thằng Chín Đình hốt khách. Nó diễn xuất thần, mày có thấy vậy không?

Bình Nguyên nói vuốt đuôi:

- Con thấy hết. Vai con viết riêng cho nó. Vai có thiệt ngoài đời. Nó vót con Mỹ Hương, gạt con nhỏ. Thề thốt yêu con nhỏ tới ngày nhắm mắt. Rõ là thằng chuyên môn sống bằng đầu môi chót lưỡi. Nghe tin Mỹ Hương có thai với ông quận trưởng, nghĩa là ông quận hốt tay trên, “ngậm” tiết trinh con nhỏ trước nó, nó phản phúc một cách trắng trợn!

Ông Bầu giảng hòa:

- Thôi nín đi mày. Kệ cha nó, buoi xối nội bộ anh em hoài, khán giả biết chuyện họ chê đoàn hát tụi mình không tôn trọng đạo đức ông bà, xúm lại tẩy chay thì vô nộ, tan hàng rã đám cả lũ.

Bình Nguyên ngán ông bầu hay nổi con bất thính linh, đứng lên bỏ đi ra ngoài, tránh chạm trán việc phê bình thẳng kếp chánh, một thằng kếp vô duyên và vô tích sự trong phạm vi “cư xử trường đời”.

Dựa theo bản Vọng Cổ ông Sáu Lầu sáng chế năm 1920 “*Từ là từ phu tướng*”, nhạc lý cấu trúc theo thể thức “*Hô liu xang xê cống*”, các soạn giả viết hạ giọng ở hai chữ Bình, Trắc cuối cùng của mỗi câu và vẫn giữ nhịp đôi.

Sang giai đoạn Vọng Cổ nhịp tư và nhịp tám, thể thức viết cũng vẫn giữ nguyên thủy, nhưng chữ viết nhiều hơn hai lần để người ca cho trôi vắn:

Đến thời kỳ tiến tới lên 16 nhịp, soạn giả lồng vào bản Vọng Cổ những điệu hò, ngâm thơ Văn Tiên, v.v.

Theo thông lệ, trong vở tuồng, khi một diễn viên ca dứt câu Vọng Cổ, ngay chỗ nhịp *song lang* chót, nhạc sĩ đờn nhồi 12 nhịp hoặc 8 nhịp mới bắt qua ca câu kế tiếp. Khoảng thời gian “nhồi đờn”, vai tuồng ngưng ca. Để tránh không khí nguội lạnh của vở kịch, soạn giả bắt hai vai đối thoại, nói lối thêm, dân trong nghề gọi là “*nói lối giặm*”. Nói dứt *lối giặm* thì diễn viên ca tiếp.

Để gia tăng sự hồi hộp, “chụp sân khấu” gây cho khán giả một cảm giác mê ly, mùi mẫn và giúp diễn viên vô Vọng Cổ

êm ái, soạn giả dùng phương pháp “gối đầu bản *Vọng Cổ*”. Có nhiều phương pháp dùng gối đầu bản *Vọng Cổ*:

1- Dùng bản ngắn cổ điển.

2- Dùng câu lối văn xuôi.

3- Dùng câu lối văn vần, thí dụ: Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, Thơ tứ tuyệt ...

4- Dùng bản tân nhạc hay Ngâm Tao Đàn, Ngâm Sa Mạc.

Năm, sáu chục năm về trước, soạn giả thường dùng các bản ngắn cổ điển và *Vọng Cổ*: Sơn Đông Hương Mã, Cao Phi, Giang Tô, Thủ Phong Nguyệt, Hương Mã Hội Thành, Lý Con Sáo, Sương Chiều, Lưu Thủy Hành Vân.

Khoảng thập niên 60 soạn giả gối đầu vô *Vọng Cổ*: *Nói Lối, Ngâm Tứ Tuyệt, Thơ lục bát, Tân Nhạc, Ngâm Tao Đàn, Sương Chiều, Khóc Hoàng Thiên, Đảo Ngu Cung*, v.v.

Một số người tự nhận “văn minh” phê bình *Vọng Cổ* mang giọng buồn thê lương nên nghe “nhức tai”. Thật đó là một thành kiến không ưa Cải Lương hoặc không hiểu Cải Lương. Không hẳn tất cả bản *Vọng Cổ* đều buồn thảm và yếu đuối. Tùy soạn giả viết, tùy làn hơi nghệ sĩ trình bày, nhiều bản *Vọng Cổ* có tính cách khôi hài, mỉa mai thế sự do các danh hài ca nghe vui nhộn, chẳng có gì buồn thảm. Qua những giọng ca trong trẻo, làn hơi thanh thoát rung cảm nhẹ nhàng của Lê Thủy, Thanh Kim Huệ, Phượng Liên, Ngọc Giàu, Diệu Hiền, Thanh Thanh Hoa, Thanh Nga trước năm 1975, *Vọng Cổ* đã lột sạch tính chất thê lương và hàm xúc sự lạc thú, yêu đời.

Nguồn gốc dân tộc tính trong bản *Vọng Cổ* là để tả tâm sự của con người lúc buồn hay khi vui, lúc nghiêm trang hay

khôì hài ðều bàng bạc sắc thái dân gian. Đất tạo người, người làm nên phong tục, văn hóa. Người và đất gắn liền nhau. Nhạc dùng để tả cảnh, tả tình, tả đất. Đất Việt Nam sanh ra Vọng Cổ. Và do ðó, Vọng Cổ là một bản nhạc ðược phổ biến rộng rãi nhất trong dân gian từ thành thị ðến thôn quê, và ba miền Nam, Trung, Bắc. Hơn 70 năm qua, bản Vọng Cổ ngự trị thân mến trên quê hương Việt Nam. Một ðiệu nhạc ðược ða số dân chúng tán thưởng tức nó phải có “dân tộc tính” và mô tả những uẩn khúc trong lòng người Việt Nam. Linh Mục Vũ Văn Thiện ca ngợi bản Vọng Cổ ðăng trên báo *Thăng Tiến* số phát hành ngày 17-11-73 như sau:

“Điệu nhạc Vọng Cổ thu hút quá mãnh liệt tâm hồn người dân miền Nam, thậm chí một người Bắc như tôi cũng thấm thía cái sức thôi miên có một không hai ðó. Nó như nắm lấy trái tim, xoắn chặt gan ruột. Có những lỗ tai quê mùa không chấp nhận một thứ âm nhạc nào, ðã phải bịt rịt chung quanh sáu câu Vọng Cổ. Đều nhạc thần diệu này mới ra ðời chỉ có ba bốn chục năm nay, không thể không trả lời cho một nhu cầu thiết thực của người dân luôn mang tâm trạng lo âu chiến tranh, tâm trạng lưu ðày ngay trên quê hương mình...”

“Ngày nay, nhạc ðiệu Cải Lương, trẻ tuổi nhất của nền quốc nhạc bốn ngàn năm văn hiến Việt Nam ðã thay thế chỗ tổ tiên của nó xâm lăng thôn quê và thành thị. ðến như dân Hà Nội mà cũng mê say Vọng Cổ thì thôi! Tôi còn nhớ rạp Quang Lạc và Tổ Như ðất khách nhất tại Thăng Long, cũng là rạp chuyên diễn tuồng Vọng Cổ Nam Việt: các gánh hát có khi từ trong Nam ra, song cũng có khi tuyển mộ ðào kép ngay tại chỗ”.

Kép Chín Đình tập lại màn hai, diễn chung với Mỹ Hương. Trước mặt ông Bầu, cả hai đứa đều lấy hết sức bình sinh thi thố tài năng. Hai đứa đối thoại, ngâm thơ, nói lối, xuống Vọng Cổ nghe dựng tóc gáy. Hết còn chỗ chê. Đào kép miệt vườn, loại hạng bét, hát đoàn cá kẻo mà diễn xuất đầu có thua gì nghệ sĩ danh tiếng trên Sài Gòn?

Ông Bầu cầm cây kim rao điệu *Xuân Nữ* dọn đường Mỹ Hương vô Vọng Cổ. Con nhỏ mới vừa dồn hơi tỉnh “xuống” ngọt, thi cũng vừa lúc ấy, trước cửa rạp, có ba tiếng súng nổ long óc. Giàn đòn ngưng bật. Mọi người nằm rạp xuống đất tránh đạn.

Bản năng phản ứng lấy có. Đội súng nổ xong xuôi mới lấy thị trấn đạn. Lính quỳnh rồi làm bậy. Theo nguyên tắc, đạn xoáy đường khung tuyến vọt khỏi họng súng trước khi phát ra tiếng nổ.

Một toán lính nghĩa quân, khoảng 7, 8 đứa chạy vòng vòng, ghim chặt bá súng bao vây đoàn *Sao Ngàn Núi*. Hình như tụi nó đang ở trong tư thế xung phong?

Phía ngoài rạp, bà con đang nhóm chợ chiều, bán cá ươn, rau, thịt, hàng dư thừa buổi chợ sáng, hốt hoảng chạy tán loạn.

Ông chủ ấp Ninh Lợi mặt đằng đằng sát khí, tay run run nắm cứng khẩu Colt 45, miệng la bai bai:

- Thằng Chín Đình đâu, ra đây mau?

Nghe gọi đến tên mình, kép Chín Đình mặt cắt không còn chút máu, run lấy bầy, bò xuống giàn đơn chấp tay xá xá ông bầu Quỳnh:

- Con lạy ông Bầu, làm ơn cứu con. Con chết! Con chết mất ông Bầu ơi!

Ông Bầu tỉnh hồn, tưởng Việt Cống đánh úp giữa ban ngày. Bỗng tự nhiên thấy kếp Chín Đình kêu cứu thảm thiết, ông chung hừng:

- Mà bị tội gì?

Kếp Chín Đình mồ hôi mẹ mồ hôi con tuôn ào ạt, lú lười, nói không ra lời:

- Nó bắn con! Tội nghiệp con ông bầu ơi!

Nói đến đây, kếp Chín Đình buông lỏng thân hình, ngất xỉu ngang xương, quy xuống đất nằm sòng suốt, mắt đứng tròn. Anh em trong đoàn bu lại người cạo gió, kẻ giựt “tóc mai”, kêu hồn hú vía Chín Đình.

Đứng trước cửa rạp, oai phong lẫm liệt, tiến tới tấm vách chung hình ảnh đào kếp, ông chủ ấp Ninh Lợi chìa khẩu Colt 45 nhắm ngay bức ảnh Chín Đình nổ hết băng đạn. Khung ảnh nát bấy. Bắn coi mò như vừa đã nư giận, ông chủ ấp điểm tĩnh lấp băng đạn mới, khoanh tay đứng chờ Chín Đình, nếu hấn ló đầu ra thì lấy cò ban “củ ân huệ”.

Quản Lý Hai Cang đi guốc trong bụng sự việc, biết thằng chủ ấp muốn “thịt” kếp Chín Đình thiệt rồi, khẩn cấp “nặn” sáng kiến cố vấn ông Bầu:

- Ông Bầu ra gặp nó liền đi, chần chờ nó “xung phong”, nó nổ loạn lên, anh em chết oan, ai đền nhân mạng?

Ông Bầu quỳnh quáng hỏi Hai Cang:

- Gặp nó nói cái gì?

- Điều đình!

- Điều đình cái gì?

- Điều đình ngưng bắn!

- Ai bắn ai?
- Chủ ấp Ninh Lợi bắn Chín Đình?
- Tại sao?
- Tại vợ thằng chú ấp ngoại tình.

Chỉ cần nghe hai tiếng “ngoại tình”, ông Bầu đã hiểu rõ mọi nguyên nhân. Lấy hết can đảm, can đảm của một người “anh lớn”, gánh nặng trách nhiệm, sẵn sàng hứng đạn chết thay đàn em, bước ra ngoài gặp chủ ấp Ninh Lợi.

Cùng lúc, Hai Cang vẫy tay gọi đào phụ, Trang Đài tới, dặn:

- Em phóng theo ông Bầu tiếp một tay, vượt cơn giận thằng Tư Nên xuống, để lâu cô hồn nhập, nó “ria” ngậm củ tỏi hết cả đoàn, nghe chưa.

Đào Trang Đài tự tin:

- Ôi, tưởng ai, nhà anh Tư Nên! Em ho một búng, ảnh rút quân về ngay.

- Giỏi. Ra ngoài ho dùm đi em. Trăm sự nhờ em.

- Em đi liền, hả?

- Khoan, chờ 1, 2 phút. Đợi ông Bầu giáng “huê” đôi lời trước đã.

Vén tấm vải bố, khum người chui ra ngoài sân rạp, trầm tĩnh từ từ tiến tới đứng trước mặt gã chú ấp. Ông bầu nhìn gã bằng ánh mắt van lơn, và từ tốn nói:

- Chuyện đâu còn đó. Qua xin em bớt nóng. Qua hứa sẽ bắt nó qui trước mặt em xin lỗi. Tư Nên, qua với em là chỗ thâm tình. Vì sự nghiệp nghệ thuật sân khấu, vì miếng cơm manh áo anh em nghệ sĩ, em nể tình qua, dằn cơn giận xuống đi em.

Ông chủ ấp có tính hảo ngọt, nghe ông Bầu tí tê phải quấy, lệ làng đứt khẩu súng sáu vô bao. Bà con chòm xóm thở phào, nhẹ nhõm.

Ông chống nạnh đứng thẳng người, giọng nhát gừng truyền lệnh thẳng đệ tử trung bằng có.

Thằng đệ tử, loại cận vệ ruột, tay bung một gói đồ, hất hất cái mặt kênh kiêu:

- Chúng tôi trả ông vương miện của vua Chế Bồng Nga.

Ông Bầu sượng ngắt, miễn cưỡng với tay nhận mào vua Chế Bồng Nga thêu kim tuyến lấp lánh.

Chủ ấp Tư Nền hỏi móc họng:

- Hơn năm tháng nay, đoàn hát ông Bầu bị kẻ gian ăn trộm mất cái mào này phải không?

Bầu Quỳnh giả bộ thật thà:

- Qua chưa am tường lắm, nhờ em nói rõ, em luộm mào Chế Bồng Nga này ở đâu?

- Dưới gầm giường vợ tôi!

- À, thì ra là vậy. Thôi, qua hiểu rồi. Tư Nền em, qua thông cảm nỗi khổ của em. Giờ em tính xử tội “nó” như thế nào, đặng qua liệu, qua làm theo ý em?

- “Mời” nó về trụ sở! Dạy nó một bài học nhớ đời! Nó thiếu ăn nên dụ khị vợ tôi lấy tiền đớp hít. Thì bây giờ tôi sẽ cho nó ăn đòn no bụng trừ cơm. Cho nó ăn đòn no nê rồi tổng lên Quang Trung thi hành nghĩa vụ quân dịch. Thưa ông Bầu, xã Phước Hòa chúng tôi từ xưa nay không bị cái nạn vi phạm luân thường đạo lý như thế này. Thảm trạng vợ dối chồng, chồng gạt vợ chỉ xảy ra từ khi đoàn *Sao Ngàn Núi* về đây hát xướng. Nó lấy vợ ai, kệ bà nó. Nhưng nó lấy vợ tôi, tức nó là cán bộ Việt Cộng nằm vùng.

Ông Bầu vịn vai Tư Nền, vỗ trên lưng bịch bịch, làm như chỗ thân tình còn hơn anh em ruột thịt:

- Em có lý. Bao nhiêu tội lỗi của tụi nó qua nhận hết. Qua chỉ xin một điều, nếu em thật lòng mến qua. Gánh hát khai trương chiều ngày thứ bảy tuần tới mà không có nó, đoàn kể như sập tiệm. Bởi vì nó là kép chánh. Mất kép chánh bà con sẽ trả vé, đoàn phải hồi tiền lại. Trong khi nợ nần qua thiếu ngập lên tới cần cổ. Em nán nán thêm một chút, giúp qua nghe Nền. Em đợi qua kéo màn hát một hai tuần kiếm chút cháo trả nợ. Sau khi đó, em muốn thộp cổ nó giờ nào tùy ý em quyết định.

Tư Nền đang ăm ớ, đứng lúng túng chưa dứt khoát biện pháp trừng trị Chín Đình vì không nỡ làm ê mặt ông Bầu, thì cô đào Trang Đài, nhảy ầm tới ôm cổ Tư Nền cứng ngắt. Trang Đài xì xọn:

- Anh không thương em sao?

Tư Nền kệt thấy rõ, mắt lão liên nhìn ông bầu, nhìn đoàn tùy tùng vũ trang đi đánh ghen, mở miệng mất quai. Con nhỏ vỗ đùi díp quá, vừa giải vây Chín Đình, vừa bao vây ngược lại Tư Nền. Giữa chỗ đông người mà con nhỏ cay nghiệt hỏi lớn một câu: “*Anh không thương em sao?*” Phải trả lời, tỏ ra mình đàn ông chớ. So với con vợ nhà quê, đào Trang Đài trẻ trung, mặt sáng láng có duyên ra phết, nước da trắng toát, thân hình hấp dẫn hết chỗ chê. Ấy là chưa kể tới bộ ngực vun vun, ngực dậy thì... chớ bộ ngực đồ bỏ sao? Cu xừ ạch đùi để mịch lòng con nhỏ, cả đời kiếm không ra một mẫu người lý tưởng thứ hai như Trang Đài.

Tư Nền thì thăm:

- Anh thương em nhiều nhất.

- Thương em sao anh còn ghen với vợ anh?

- Anh tự ái?

- Cả tháng nay trong người em rất khó chịu, thèm ăn mà sống, xoay xoay. Hễ ngón hai ba chén cơm thì ối tới mặt xanh.

Tư Nền cảm động:

- Con hai đứa mình?

- Ủ!

- Anh cưới em?

- Đám cưới tinh sau. Việc trước nhất anh nên rút quân về. Tụi em còn phải tập tuồng gấp cho kịp ngày khai trương.

Tư Nền như con gà chết:

- Ủ, anh về!

Tư Nền xiết tay bầu Quỳnh, giả là:

- Ông Bầu coi như không có chuyện gì nhé! Tôi say quá nên có những hành động vô trật tự. Tôi xin lỗi ông bầu và mong rằng trong tương lai tình giao hảo giữa tôi và ông Bầu càng ngày càng tốt đẹp hơn. Đêm khai trương, tôi ủng hộ 15 vé.

Ông bầu Quỳnh cũng vuốt ngọt Tư Nền:

- Dù sao qua cũng mang ơn em. Em là người có lòng đại lượng. Em ăn ở hiền lành, trời Phật phù hộ em mãi mãi.

Dân đi chợ, tò mò đứng xem trận địa” từ đầu đến cuối. Họ ngạc nhiên không hiểu dựa vào đâu mà Trang Đài dàn xếp để được một “nền hòa bình” quá dễ như vậy? Có người trào bọt mép tuôn hết lời khen ngợi đào Trang Đài:

- Cô ta giỏi thiệt. Cô xù xì vô lỗi tai ông chủ ấp cái gì không biết, vậy mà ông chủ ấp tui nghiu rút toán lính Nghĩa Quân ra về suôn sẻ. Nếu thương thuyết dở, có lẽ súng đã nổ vang rung chuyển trời đất rồi, biết bao nhiêu người chết vì lạc đạn? Có oan uống cho người ta không!

Chủ ấp Tư Nền rút quân đi đâu? Mới tàng tàng ra tới ngã tư đường cái thì chạm cánh quân của ông Chủ tịch xã Phước Hòa tiến theo đội hình hàng dọc, dàn quân phục kích Tư Nền. Coi, súng nổ rang trời, xã Phước Hòa nghe lỏng lẻo. Tình hình lộn xộn mà. Chẳng lẽ ông chủ tịch xã điếc? Cho dù điếc cũng phải nghe. Tổ chức hành chánh thời VNCH thiết lập theo mô hình đi một đường từ trên xuống dưới. Xã Phước Hòa còn đang ới ới kêu lính về tập hợp, thì máy truyền tin các xã lân cận lẹ mồm lẹ miệng hơn, eo éo gọi tứ phương. Xã Tân Hiền lẻo mép báo cáo trước lấy điểm: “Bên Phước Hòa hình như đang chạm địch. Chúng tôi chưa bắt được liên lạc Phước Hòa”. Quận trưởng quận Giồng Trôm cuống quýt nhảy lên đầu máy chỉ huy phản công:

- Đây, đại bàng Bình Minh (danh hiệu quân sự quận Giồng Trôm), Chôm Chôm (danh hiệu xã Phước Hòa) nghe rõ trả lời?

Ông Chủ tịch xã cầm ống liên hợp, thận trọng trả lời:

- Bình Minh, đây Chôm Chôm, nghe rõ năm trên năm.

- Tình trạng của anh ra sao? Có cần tôi cho “gà cô gáy” (pháo binh) yểm trợ anh không? Nghe rõ trả lời.

- Kinh trình đại bàng, tình hình ở đây yên tĩnh một trăm phần trăm.

- Nguyên nhân gây ra súng nổ?

- Thành chủ Ấp Ninh Lợi dắt đàn em đi đánh ghen đoàn Sao Ngân Nơ!

- Đào hát có ai bị thương không? Nếu có, anh báo tôi ngay. Tôi gọi trực thăng cứu thương vô chờ họ ra ty Y Tế Bến Tre cứu cấp?

Ông Quận Trưởng ban lệnh cứu nạn nhân nhưng phân biệt đào kép rõ ràng. Ý ông muốn nói, nếu đào bị trúng đạn, nhất là đào Mỹ Hương, tức tốc kêu trực thăng chở đi. Còn như kép hát bị thương, có lòi ruột cũng kệ cha nó, khiêng đem vứt xuống địa cá lóc cũng được, đồ thú kép trốn quân dịch, hơi súc đầu mà lo. Thuộc cấp khôn lanh nên một lời nói ngắn của cấp trên, cấp dưới phải hiểu tường tận dụng ý của thượng cấp. Ông nói ít nhưng người nhận lệnh phải hiểu nhiều, hiểu rộng lời ông nói.

Chủ tịch xã phúc trình văn tắt:

- Tôi tới rạp hát ngay bây giờ. Mọi diễn biến của tình hình, tôi báo cáo đại bàng sau.

- Là chủ ấp, đại diện chính quyền sở tại, xách súng, dẫn lính đánh ghen, gây náo động địa phương, làm mất danh dự chính phủ. Tôi ra lệnh anh, còng tay nhốt thành chủ ấp 15 ngày tù quân. Mãn án lệnh phạt, anh chuyển nó qua đại đội địa phương quân. Đề cử người khác lên nắm chủ ấp Ninh Lợi. Và anh thay mặt tôi, hãy tận lực bảo vệ an ninh đoàn hát. Nghe rõ trả lời?

- Nghe rõ đại bàng năm trên năm.

Ngồi trụ hình cô độc trong bàn bia-rô, ông quận trưởng “căng điều” mảnh tâm hồn, thả trôi lơ lửng trên dòng kỷ

niệm. Kỷ niệm mới hiện hình cách đây ba tháng. Thời gian ba tháng trôi qua, đối với ông tưởng chừng như đã ba mươi năm. Kỷ niệm đáng khắc sâu vào tâm khảm, đeo đuổi trọn đời. Kỷ niệm đẹp, tuyệt đẹp. Mỹ Hương người con gái mỹ miều, thuốt tha, giọng hát vàng bạc, làm mê muội khách tao nhân. Xa rồi mới nhớ. Nhớ ray rứt, nhớ nghe nhức nhối nơi tim. Nhớ đêm nằng vâng lời cung hiến tiết trinh! Nhớ đứa con rơi. Đứa con ấy là giọt máu của mình. Đứa con vô thừa nhận. Thằng soạn giả Bình Nguyên thật biết điều, theo ông nghĩ, nên mới bỏ công ra soạn một vở tuồng ghi lại mối tình lận đận của ông và Mỹ Hương. Nhớ thì đành ôm nỗi nhớ, và giấu kỹ hình ảnh Mỹ Hương. Mối tình lưỡng nan tấn thối. Tấn thì kẹt gỡ không ra. Thối lui thì uống lắm. Liên tưởng tới cái cảnh một thằng đàn ông chó chết nào đó nằm ì trên bụng Mỹ Hương! Ôi, trời ơi, máu ghen trào lên cuống họng. Mà cũng phải chịu. Con vợ già đa nghi hơn Tào Tháo, hai tháng nay xách gói từ Sài Gòn xuống nằm vạ đây. Suốt ngày cần nhằn cầu nhàu, chửi xéo chửi xiên, canh me ông quận trưởng trên mỗi bước chân cử động. Bản mặt con vợ thấy ghét. Nhiều đêm ông cầu Trời khẩn Phật, nếu Việt Cộng có tấn công, làm ơn pháo một vài quả rớt trúng ngay hằm con vợ lớn đang ngủ, cho chết mẹ nó cho rồi! Thà mang tội sát nhân, kiếp lai sinh đầu thai thành chó, ngựa, hơn là sống trong lao tù với con vợ già ghê tởm, với một người mình không hề xúc động khi đắp chung một mền.

* * *

Ông xã trưởng giận tím môi, giận xanh lè gương mặt. Trên đường dẫn quân đi “tiếp viện” gánh hát Cải Lương, ông suy nghĩ vẫn vơ về một người đàn bà “vô phần vô

phước”, lấy chồng đã 9, 10 năm nhưng chưa có một lần nếm mùi hạnh phúc và hiểu ý nghĩa chữ hạnh phúc là như thế nào. Tội nghiệp người đàn bà này quá!

Thằng Tư Nên cả gan thật! Dám xả súng siết cơ bả “bắn bia” đoàn *Sao Ngân Nôi*. Ôi! trời đất chứng tri lòng tôi. Lỡ một viên đạn ôn dịch nào đó ghim trúng bà bầu Quỳnh, thì tôi sống làm chi nữa. Tôi yêu nàng. Yêu trọn vẹn. Tình yêu không khắc khẩu, không kỵ tuổi, chỉ kỵ có một điều, nàng có chồng và tôi thì con đùm con đàn. Hề hấn chi, miễn nàng bình an vô sự. Miễn nàng đáp lại mối tình chân thật của tôi là tôi thỏa mãn nguyện vọng. Nàng, tội nghiệp biết bao. Lấy chồng, nhưng chưa bao giờ hưởng mùi vị sinh lý ái ân tuyệt đỉnh? Thằng cha bầu Quỳnh “thận suy, tim yếu, gan nóng”, tử vi lại vương số tuyệt tự đường con cái.

Nàng gặp tôi như rồng gặp mây, như cánh đồng khô hạn gặp trận mưa rào. Nàng đang có chửa, tôi quả quyết với chính tôi, đứa con ấy là của tôi. Của tôi nhưng nghịch cảnh bẽ bàng ép buộc tôi không dám nhận. Thằng Bình Nguyên, có lẽ hiểu thấu tâm sự chúng tôi, không ngần ngại viết vở tuồng lưu lại sử xanh một chuyện tình đẹp như Ngưu Lang-Chức Nữ. Vở tuồng Đứa Con Vô Thừa Nhận, chính là chuyện tình “huyết lệ” của tôi với nàng.

Mặt đối mặt, Tư Nên đứng thế nghiêm, chờ thượng cấp “phán quyết” và trích một số quân lệnh trừng phạt. Ông chủ tịch xã Phước Hòa kẻ bề trên, dĩ nhiên phải hót toàn lời lẽ đạo đức, nói trảng giang đại hải cách xử thế ở đời, cách thu phục nhân tâm quần chúng và bài học luân lý Việt Nam, răn dạy cấp dưới trước khi quăng nó vô khám.

- Nên, mày nghĩ lại coi, mày làm vậy có nên hay không nên? Đường đường là một nhân viên nhà chức trách, đại diện chính phủ trung ương, sao mày manh tâm bôi lọ cháo, trét trấu vô mặt chính phủ, dẫn lính bao vây, xung phong gánh hát Cải Lương. Dân chúng chê cười, lên án chúng ta toàn là một chế độ mê gái, vợ một vợ hai, giặc tới thì “di tản”, giặc lui thì gác súng ngồi lê đôi mách, tùm ba tùm bảy nhậu nhẹt phá làng phá xóm. Mày tinh phân loạn hả Nên?

Chủ ấp Tư Nên dùng lời lẽ phải trái biện minh để đào ngũ tội lỗi:

- Em đâu có gài mặt trận đánh lớn đoàn hát? Em bắn cảnh cáo tấm ảnh thằng Chín Đình, dẫn mặt nó thôi.

- Nó làm gì mày?

- Lấy vợ em!

- Bằng chứng?

- Vợ em thú nhận dính bầu với nó!

Ông xã trưởng bị có tịch nên chốt dạ, hỏi bắt quàng:

- Lấy công tâm mà suy xét, nhiều khi con vợ mày hoảng quá nên nó nhận bừa. Mấy chưa gọi nó ra châu thành thử máu, làm sao dám chắc thằng nhỏ đó con của mày hay con của nó?

- Em dám chắc. Em cam đoan một trăm phẩm trăm.

- Mày căn cứ vào đâu?

- Gần một năm nay, em bỏ rơi con vợ em phòng không gối chiếu. Mặc tình để cho “nhện giăng bụi bám”, mặc tính để cho “đóng meo đóng mối”. Con đào Trang Đài, vợ nhỏ em, dữ như bà chàng, ép em “phục vụ” đêm bảy ngày ba. Chưa hết, còn phải vào ra đêm ba ngày bảy nữa kia. Vì thế,

em đâu còn xấu quách trả bài con vợ lớn. Vậy mà tự nhiên bụng nó sung vù lên, không phải sung theo dạng mắc cam tích. Sung kiểu này là sung có chữa.

- Mày đập nó.

- Để gì nó chịu khai. Em trùm bao bố đem xuống sông nhận nước chết đi sống lại nó mới chịu hở môi.

- Nó lấy ai?

- Chín Đình!

- Mày đập vợ giống như ông già mày xưa kia bắt lính Hòa Hảo bịt mắt, cột bó tay thắt chân thả xuống sông cho đi “mò tôm”. Điều tra kiểu đó ác lắm mày.

- Ông nói sao thì nói. Rau nào sâu nấy, không giống ba em thì giống ai? Câu nói của Tư Nền vô tính kê khai nhẹ về tiểu sử của nó. Ông xã trưởng làm gì làm, đánh chó cũng phải nể chủ nhà. Ông bố thằng Tư Nền đối với ông xã trưởng có xa lạ chi đâu, hai đứa từng học chung trường làng, từng tát đĩa bắt cá chung. Hai đứa chơi thân từ nhỏ, thân đến độ hai thằng bày mưu lập kế chia nhau cùng lớp hai chị em, con gái ông Hương Cả Muong. Ông già thằng Tư Nền hót con chị, ông xã trưởng ẵm con em. Hai đứa thành anh em bạn rể. Hương cả Muong em bà con chú bác ông Hương cả Cống, Đồng Văn Cống, tập kết ra Bắc năm 1955. Năm 1959, ông Hồ Chí Minh gắn lon quân hàm trung tướng, khuyến khích, xúi quẩy Đồng Văn Cống và đám tập kết quay đầu trở vô Nam nai lưng đồ đạn dùm đảng CSVN, hy sinh đến giọt máu cuối cùng “đánh Mỹ cứu nước”.

Bạn thân thì thậm chí thân. Bạn tri kỷ thì vô vàn tri kỷ. Nhưng khi kêu đến ba cái vụ lý tưởng, chánh kiến, đường

lối “đả thực bài phong” chống Pháp giải ách độ hộ, hai đứa khác nhau một trời một vực. Ông xã trưởng chửi Việt Minh là thứ đầu trộm đuôi cướp, núp danh nghĩa yêu nước chống Pháp nhưng kỳ thực là phụng sự chủ nghĩa “thực dân Cộng sản quốc tế”. Từ đó hai đứa đường ai nấy đi. Ông già thằng Tư Nền nhào vô bung gia nhập Vệ Quốc Đoàn, làm cận vệ ông Sáu Thảo tức đại tướng Nguyễn Bình, hằng say 9 năm kháng chiến vừa đánh Pháp vừa ám sát người Việt quốc gia đứng ngoài hàng ngũ Việt Minh. Ông xã trưởng cũng lui vô bung, nhưng lại theo quân kháng chiến Hòa Hảo, tình nguyện chống Pháp và chống luôn Việt Minh.

Ông bố thằng Tư Nền được lệnh “cài” ở lại tỉnh Kiến Hòa, khỏi cần tập kết vì thuộc loại đảng viên kỳ cựu. Năm 1960, Quân ủy Miền thăng ông lên lon đại úy, chỉ huy trưởng tiểu đoàn D11 thuộc trung đoàn K20, công trường 7. Tiểu đoàn ông bố thằng Tư Nền hoạt động dựa theo chiến thuật “gà nhà ăn quần cối xay”. Rải chốt mỏng, đánh du kích lai rai, phá rối an ninh quận Giồng Trôm. Nói trắng ra, ông già thằng Tư Nền chịu trách nhiệm “diệt địch” ở vùng này. Cho nên vùng này cũng lọt trong tầm pháo kích của ông già thằng Tư Nền, trong đó có xã Phước Hòa.

Quận Giồng Trôm, điểm mặt quanh đi quẩn lại đều bà con với nhau. Chiến tranh nó “đắp mô” luôn cả tình phụ tử. Cha VC, con Quốc Gia. Anh vác CKC, AK, em mang Carbine M1, M16. Gia đình nào cũng có con một đứa làm du kích “phía bên trong”, một đứa thi hành quân dịch “phía bên ngoài”. Kẹt hết đường tháo gở. Nhiều bữa hai bên phục kích, thấy địch sò sò trước mặt, cấp chỉ huy hạ lệnh khạc đạn. Bất chợt tên hạ sĩ tiền sát viên hét lên: “Đừng bắn! Thằng VC đi đầu là anh hai tôi!”

Biết mặt, biết tên, biết cả giòòng họ, du kích “phía bên trong” với lính “phía bên ngoài” thường thường lờ đi. Hành quân lòng địch cho có lệ. Bất dất dĩ phải mở khóa cơ bắmm, lính “phía bên ngoài” chia hòng súng lên trời bắn bồng, vì bắn trúng đích, người ngã xuống chính là cha hoặc anh mình. Kẹt là kẹt ở chỗ đó. Tụi quốc gia có máu quân tử tàu. Phát hiện thấy bà con ruột thịt thì bắn trọt lên đọt cây. Nhưng cấp chỉ huy VC lơ mang bầu máu nóng giết người vì chủ nghĩa. Nhập trận, nó lạnh tanh ra lệnh đàn em rĩa tưới hột sen, anh em ruột thịt tử trận sắp lóp.

Mới đây ông già thằng Tu Nền sai cán bộ giao liên mò vô tận bia-rô xă, tống đặtt tận tay ông chủ tịch xă một lá thư “thăm bạnn”. Bức thư viết dài thòòng, kể chuyện đời xưa, khơi kỷ niệm thời thơ ấu của hai đứũa, nay vì hoàn cảnh mỗi đứũa phò một vua. Hết phần kỷ niệm, loay hoay qua tâm tình thời sự. Ông khoe VC chiến đấu dưới lá cờ chính nghĩa, trong khi bọn “tay sai Mỹ Diệmm” mất chính nghĩa từ khuya. Vì lẽ đó, sớm hay muộn, VC vẫn có ngày vinh quang bước lên ngôi cai trị miền Nam. Đoạn cuối lá thư, ông gởi gắm đứũa con trai yêu quí, nhờ chủ tịch xă Phước Hòa chăm nom săn sóc. Mấy chữ “*chăm nom săn sóc*” đọc chẳm chẳm, nó bao hàm nhiều ý nghĩ dễ sợ: “*Con tao hiện làm chủ Ấp Ninh Lợi. Màylà bạn tao, hiện giữ chức xã trưởng. Túc nó dưới quyền màyl. Nó có bề gi, thân bại danh liệt do bất cứ tai họa nào đũa đến, màyl sẽ lãnh đũ trách nhiệm*”. Trách nhiệm gì? Một đẽm thôi. Không, hơi lâu. Nửa đẽm thôi, tao dư sức đánh ụp xă Phước Hòa. Mất xă Phước Hòa, màyl mất luôn chức chủ tịch và mạng màyl đi đời nhĩ tỳ luôn hồng chừng.

Đọc xong lá thư người bạn cũ, ông xã trưởng nổi da gà, mồ hôi trán rớt lộp độp, mắt ẳn mắt ngủ cả thắng. Ông

nghĩ thâm, thằng này viết thư nói theo giọng điệu ông cố nội mình, nó dám chơi thiệt chó không giỡn mặt đâu, nếu ăn hiếp con nó. Lấy vài tấm gương điển hình suy đi gẫm lại, người bạn cũ viết trong thư nói có sách mách có chứng.

Xã Phước Hòa tổ chức thành 6 ấp. Lý lịch 6 thằng chủ ấp đều ít nhiều cũng dính líu đến “phía bên trong”. Một điều đáng ghi chú là, kể từ ngày 6 tháng này nắm chủ ấp, xóm làng yên ổn, ban đêm khỏi mắc công ban hành giới nghiêm. Việt Cộng ẩn đi đâu mất hết. Chợ búa buôn bán nhộn nhịp. Nông dân mặt mày sáng rỡ vác cuốc, vác cày ra đồng canh tác. Làm như đất nước đang thanh bình, chiến tranh kết liễu từ lâu lắm rồi. Thiếu tá Nguyễn Sĩ Tráp, trưởng ty An Ninh Quân Đội Bến Tre đòi nào chịu để vậy, gởi thư yêu cầu quý xã thanh lọc, loại dần những anh chủ ấp lem nhem sỗ bìa đen. (Ông Nguyễn Sĩ Tráp hiện sống ở Houston, Texas, mở văn phòng bán bảo hiểm). Việc rất dễ làm. Hạ văn thư gọi 6 thằng lên quận trình diện. Trình diện xong nhờ quân cảnh công lên xe Dodge 4 chỗ tuốt qua Cần Thơ tổng đi quân dịch. Chấm dứt màn hạ bệ đám chủ ấp “nửa nạc nửa mỡ”, quý xã tuyển dụng những “anh em” an ninh ấp, an ninh xã hoặc những anh lính dân vệ có máu mặt, khét tiếng ghét Việt Cộng, bỏ phiếu kín bầu họ ôm cứng chức chủ ấp. Lại đòi chưa, 6 thằng tân chủ ấp, mang phiếu lý lịch “trắng tinh”, hận Việt Cộng có thành tích, vừa ngồi ghế “chính quyền” chưa đầy một tháng, ba thằng bị kẻ vô danh nửa đêm ném lựu đạn chết không kịp ngáp. Ba thằng còn sống sót co giò co cẳng đào ngũ lên Sài Gòn lo giấy tờ xin làm cảnh sát công lộ. Từ đó về sau, ông chủ tịch xã “biết ý”, cực lực nâng đỡ những “anh em nửa quốc gia nửa Việt Cộng” bám chặt ghế

chủ ấp. Nhờ đó mà tình hình nội an “thanh bình” trở lại. Giặc thôi kéo về thôn xóm quấy phá, ám sát linh tráng, công chức VNCH.

Ông xã trưởng moi sâu gốc gác thành Tu Nền, càng bươi xới, càng gia tăng tốc độ sốt rét. Nhưng suy đi rồi cũng nên tính lại. Đạo này quận Giồng Trôm, tỉnh vừa tăng cường thêm 1 đại đội Bảo An (Địa Phương Quân), 1 chi đội thiết giáp M113, hai giang đoàn Hải Quân ngày đêm tuần tiểu sông Hàm Luông, lâu lâu cặp bến Phước Hòa hành quân trấn an tinh thần binh sĩ địa phương một phát. VC nằm vùng nổi da gà, nằm êm không dám quậy sáng. Đặt giả thuyết, nếu ông già thành Tu Nền kéo quân về đây chơi mình, quyết ăn thua đủ, chưa chắc rờ nổi tới lông chân mình, bởi quân tiếp viện sẽ không chậm trễ cứu viện Phước Hòa hoặc bỏ rơi một xã chiến lược của Giồng Trôm rơi tõm vào tay Cộng Sản?

Giả thuyết thứ hai, nể oai danh ông già thành Tu Nền, nhắm mắt để nó thông dong ngoài vòng pháp luật, ông quận trưởng sẽ lắc đầu lia lịa và chúc xã trưởng ăn trên ngồi trước nẩy sớm hoặc muộn sẽ về tay thành khác. Bộ dễ “ngậm” chúc xã trưởng lắm sao? Đánh đông dẹp tây, lòn đầu này, cúi đầu nọ, ngoài ra còn phải có quá trình chống Việt Minh đẩy mình mới có thể làm ông xã trưởng. Cái chúc sướng hơn ông vua đúng như người ta thường nói “luật vua thua lệ làng”. Hùng cú một côi. Đám giỗ ăn trước. Đám cưới ăn trước. Đám ma cũng ăn trước luôn. Cái chúc gì mà luật lệ đặt ra chỉ để ăn trên ngồi trước người ta không hà. Ra đường một bước, dân từ bé đến già rầm rập cuối đầu lễ phép “Kính thưa Ông Xã Trưởng. Kính chào

Ông Xã Trưởng”. Đàn bà con gái mê chữ ký ông xã trưởng hết chỗ nói. Con gái lấy chồng, cô nào lại chẳng ước mơ lập khế ước hôn thú chính thức? Không có hôn thú, tức không phải là vợ lớn. Xin khai hôn thú mà gây phiền lòng ông xã trưởng, hãy coi chừng, ông đếch thêm ký, hoặc ông ngâm tôm bỏ xó năm này qua tháng nọ, đòi coi như ế chồng. Các chữ ký quan trọng nhất của đời người: Hôn thú, khai sanh, tờ khai gia đình, khai tử, căn cước, chứng minh thư cư trú hợp pháp, và cả trăm giấy phép khác một tay ông xã trưởng ký. Ngon chưa? Không có ông, con người đã trở về thời thượng, sống vô danh, vô gia cư, vô nghề nghiệp. Bởi chính ông là người đầy đủ thẩm quyền lúc sống cũng như lúc tử thần rước đi bất người ta phải thành tâm khai thật tiểu sử của mình. Tiểu sử nào do ông chứng thực, tiểu sử đó hợp pháp với xã hội.

Bằng mọi cách, kể cả cách mạng đổi mạng, ông cũng phải bảo vệ chức xã trưởng của ông.

Sau hai giả thuyết là tiết mục tự ái. Ông phân tích nghe khá hợp lý. Mặc dầu thằng Tư Nền có ông bố đang nắm tiểu đoàn trưởng VC, cũng không là cái thớ gì? Thật vậy. Là cái thớ gì. Thế mà dám láo xược phá đám gánh hát *Sao Ngàn Núi*. Gánh hát của người yêu của ông. Nó to gan lớn mật đụng tới tài sản, hiếp đáp người của bà bầu Quỳnh tức nó khinh rẻ ông quá cỡ thợ mộc. Cai trị một xã trên ba ngàn dân, không lẽ dội ngược, khoanh tay thua cuộc thằng Tư Nền sao?

Ông xã trưởng thay mặt luật pháp trung ương xử thằng Tư Nền tại chỗ. Nghĩa là tuyên án dọc đường, tránh hao tốn thời giờ dẫn độ nó về trụ sở.

- Nhân danh người cầm cán cân công lý xã Phước Hòa, tao phạt mày 6 tháng tù ở, một năm án treo và cất chức chủ ấp vĩnh viễn!

Thằng Tư Nền học lóm một ít luật lệ của ai đó, phùng mang trộn má dùng luật phản công xã trưởng Phước Hòa:

- Thưa Xã Trưởng, người có quyền xử án tù tôi là ông chánh Tòa sơ thẩm Bến Tre, ông đâu có quyền tuyên bố bỏ tù tôi dọc đường dọc xá nhu thế này.

- Ê mậy, thủ tục giải giao ra tòa truy tố tốn kém thời gian trên dưới đúng một năm. Mày tưởng muốn giải mày ra Tòa đầu hôm sớm mai được liền sao? Thủ trong thời gian ngồi đợi ngày ra tòa, tao có quyền ký trát tạm giam. Tạm giam là hình thức ngồi khám. Tao xử như vậy có nghĩa mày chê tao dốt luật hả mậy?

Thằng Tư Nền lời gia phả ra hù ông Xã Trưởng khi biết rằng chủ tịch xã quyết không nuông tay:

- Nhưng ba tôi với ông là “bạn cũ”. Ông Chủ Tịch nể ông già tôi một chút. Tổng giam tôi, chẳng khác chi ông chủ tịch tuyên chiến với ông già tôi? Theo tin tình báo “chúng ta” báo cáo, ông già tôi hiện rải nguyên một tiểu đoàn du kích miền quanh quần khu Giồng Trôm này, nghe tin con ở tù, chắc ông sẽ không để yên ông Chủ Tịch.

Ông Xã Trưởng mất hết bình tĩnh, chửi sôi bọt mép:

- Ông già mày hay ông già tía Hồ Chí Minh tao cũng coi như con củ... c... Hể phạm luật thì tao nhốt. - Ông quay sang nhân viên phụ tá đặc trách an ninh xã hạ quân lệnh - Còng tay, lôi đầu nó về trụ sở, nhốt!

Dứt lời, ông tấp vô cái quán nhậu phía trái nhà lồng chợ Phước Hòa, kêu một đĩa lòng heo dồi sả, 1 lít đế nhậu xí xáy

tới lúc trời chạng vạng tối mới căng xéo căng nghiêng đi lần vô hậu trường sân khấu đoàn *Sao Ngàn Núi*, lò mắt kiếm bà bầu Quỳnh.



Một cảnh ăn ảnh của Giồng Trôm. Hình: T.L.

9.

Chiếc xe lòi chở một cái trống châu, hai nhân viên quảng cáo xuất hát Cải Lương chạy cà rề cà rề trên những con đường lồi lõm mô đất, qua từng cánh ruộng, vườn dừa, vườn cau... Bên phải về xe, người ta gắn một tấm bản tấp-lô chưng hình đào kép. Bên trái, kê tấm bảng vẽ một hoạt cảnh nòng cốt của vở tuồng, tên tuồng, tên soạn giả và ngày, tháng, năm trình diễn. Một người đánh trống, một người cầm ống loa rao hàng cổ võ, khiêu khích tính hiếu kỳ của dân ái mộ Cải Lương. Đám con nít chạy nối đuôi theo chiếc xe, vỗ tay, la hét ầm ĩ.

Trống đánh thùng, thùng, thùng. Sau tiếng trống là lời quảng cáo hết sức hấp dẫn:

Nghe đây, nghe đây! Kính mời bà con cô bác nghe đây! Tối nay. Nhớ tối nay, lúc 8 giờ, đoàn “Sao Ngàn Núi” chúng tôi sẽ long trọng trình diễn vở tuồng đặc sắc, vở tuồng lâm ly bi đát, tình tiết trái ngang, áo le. Vở tuồng có một không hai: Đứa Con Vô Thừa Nhận của soạn giả tài danh Bình Nguyên. Mời bà con

cô bác đến xem, bỏ qua rất uống, dịp may hiếm có. Cô nào chồng bỏ chồng chê, một đêm xem hát chồng mê tới già... Nghe đây! Nghe đây! Thùng, thùng, thùng.

Đoàn chúng tôi, đoàn hát số một Bến Tre, đào kép lừng danh. Tối nay, cặp đào kép Chín Đình và Mỹ Hương sẽ làm rơi lệ quý vị, sẽ giúp quý vị khám phá một mối tình lớn nhất, đau khổ trong thế kỷ hai mươi này...

Nghe đây! Nghe đây! Đêm khai trương đoàn chúng tôi đại hạ giá, vé đồng hạng, trước kia 7 đồng bây giờ chỉ có 5 đồng. 5 đồng ăn hai tô hủ tiếu, ăn rồi hết nhưng một đêm xem tuồng Đứa Con Vô thừa Nhận thi sẽ còn mãi mãi, sẽ nhớ, sẽ thương anh em nghệ sĩ đời đời. Thùng, thùng, thùng.

Quản lý Hai Cang chạy đôn chạy đáo, người thẩm lã mồ hôi lo chỉ huy nhân công đoàn treo đèn măng xông, treo dây hoa lung lẳng trước cửa rạp. Bên trong hậu trường ông cẩn thận kiểm soát lại tranh cảnh, bàn, ghế, hệ thống pha màu, chỗ ngồi khán giả, màn chung đại cảnh, màn chung đề-co-phít, v.v. Một ứ hơi! Ngày khai trương, ngày trọng đại, ngày mở đầu cho tương lai sự nghiệp đoàn hát. Tổ chúc ba trật ba vuột, trình diễn mất nghệ thuật, khán giả chê, khán giả lắc đầu ngao ngán thì bầu đoàn thê tử Sao Ngàn Noi rã đám dễ như trở bàn tay.

Ông Bầu đặng ai cũng nhoèn miệng cười duyên, cười kiếm khách. Miệng cười nhưng mắt liếc “nghề nghiệp” về phía quầy vé, đến lắm lắm coi độ bao nhiêu người đang sắp hàng mua ủng hộ. Ông gật gật đầu, tự nhủ: “Tổ thương mình thật! Chưa 6 giờ, trời còn sáng bùng thế mà khán giả đã ùn ùn đứng thành hàng hai, hàng ba chờ mua vé”.

Soạn giả Bình Nguyên lên ra bến đò, ngồi dựa lưng gốc cây bần, mặt nhăn nhăn như khi ăn ớt, lật từng trang đánh máy, rà lại vở tuồng lần cuối. Mặc dầu đã bao nhiêu lần gọt, bào, sửa chữa đến nhào nhừ. Nhưng hần vẫn sờ sờ, rui lơ đễnh viết bậy một điệu, một bản ngắn, dân trong nghề cười thúi mặt. Tuồng lót bài bản cấm lót sai chỗ. Bản *Tây Thi* nằm ở đâu? Bản *Tứ Đại Oán* xài trong trường hợp nào?, v.v. Viết ẩu, viết bừa tên tuổi sẽ bị bầm giập, ông bầu đá đít và giải nghệ nửa chừng. Gánh hát nào dám muốn một soạn giả đốt bài bản, mù tịt các điệu hát của ngành Cải Lương?

Giọng Cải Lương hơn hai phần ba giống giọng hát bội. Cũng giọng *Bắc, Oán, Nam, Lý, Bình, Ngâm, Hò, Nói Thơ* và giọng *Quảng*. Ở lĩnh vực giọng *Bắc*, phải nói lối *Bắc* và ca *Bắc*.

Bên Cải Lương, nói lối *Bắc* không cần đòn “bè” hơi theo lối *Xuân* giống như bên hát Bội. *Nói Lối* giọng *Bắc* Cải Lương chậm, phát âm rõ ràng và nghiêm nghị.

Đây là một cách nói lối theo giọng *Bắc*:

Nẻo xa thấy liễu dương muôn cụm,

Lối gần xem tòng bá ngàn cây.

Khá khen cho tay tạo khéo bày,

Nào nhượng chốn bỗng lai tiên cảnh.

Sau lối *Bắc* là ca *Bắc*.

Ca Bắc, nghệ sĩ ca hơi vui, xử dụng tả cảnh vật thiên nhiên, trời đẹp, đêm trăng sáng vàng vạc, bến nước, dòng sông, ao, hồ... những cảnh vật nên thơ, xinh tươi.

Lấy một đoạn trong bản *Lưu Thủy Trường* làm thí dụ:

Vào chốn này thỏa tình ước mong,
Nhìn xem phong cảnh rất toại lòng:
Kìa nhành thông gió thổi lao xao.
Nụ hoa cỏ đượm trăm màu,
Hương đưa mùi vị ngọt ngào,
Cảnh chào người rất xinh thay?

Lối ca Bắc, ngoài ra còn dùng để tả tâm trạng của nhân vật có chí khí anh hùng, một lòng yêu nước, hy sinh cuộc đời khi quê hương gặp cảnh lâm nguy.

Khóc Hoàng Thiên

Phải lo báo quốc! Phải lo báo quốc!
Cái nợ mây râu, nam nhi lo đến.
Bốn biển chống giữ giang sơn,
Anh hùng nệ chi.
Chí trung tử sanh chớ sợ,
Ví nước dầu có lâm nguy,
Tiếc chi giọt hồng,
Tiếng đời ngời phong.
Chúng ta cháu con tiên rồng,
Dễ hòng sợ ai.

Giọng ca Bắc còn có thể diễn tả hoàn cảnh sanh ly tử biệt, tướng thất trận, vua vong quốc hoặc tình bạn thắm thiết nhưng đột nhiên phải xa lìa nhau.

Xàng Xê (lớp một)

Bên lòng, ôm hận thê lương thấm não.
Tào khang nghĩa thâm chia đoạn,

*Ngàn sâu chứa chan trong cảnh cô đơn.
Vì nước người cam máu đỏ thây phơi*

.....
*Dày Công lấp cho đầy bể Đông.
Trời ơi, cảnh đời chi khát khe.*

.....
Ta thệ rằng hận bất Cộng thiên.

Xuân Tinh

*Ta thương xót đấng nghĩa khí anh hùng
Không đành sát hại người trung
Vây tướng quân suy nghĩ cho cùng.
Nếu như cương lời bất phục,
e tánh mạng không tồn.*

Lối ca Bắc rất hợp lý nếu trong tuồng viết ở đoạn tả chí hướng của một người trai uất hận lúc chứng kiến tình cảnh tổ quốc bị ngoại xâm dày xéo.

Khổng Minh Tọa Lầu

*Chí nam nhi, cung thi tứ phang!
Khí võ tu văn, theo buổi nước an.
Guơng thánh hiền truyền để sử xanh,
Khá giữ gìn nhờ thuở nên danh
Nhờ cha mẹ áo cơm bảo bọc,*

.....
*Hãy gắng sức mình:
Hầu về sau mãi mãi lưu danh.*

Một tuồng Cải Lương, lối ca *Bắc* còn rất nhiều bài bản khác, bởi vì giọng *Bắc* là giọng rất thông dụng. Các bản ca giọng *Bắc* có bản dài, bản vắn.

Các bản dài: *Lưu Thủy Trường, Phú lục, Bính Bán Chấn, Cổ Bản, Tây Thi, Xuân Tình*. Bảy bài bản chính yếu: *Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Văn Giá, Tiểu Khúc*.

Bản vắn để xài thường xuyên: *Hành Vân, Bính Bán Vắn, Lưu Thủy Đoàn, Kim Tiền, Ngũ Điểm Mai, Lưu Thủy Cao Sơn, Thu Hồ, Tam Pháp Nhập Môn, Khóc Hoàng Thiên, Long Hồ Hội, Khổng Minh Tọa Lầu, Mẫu Tâm Từ, Xang Xừ Lầu, Sơn Đông Hướng Mã, Ngự Giá, Bá Hoa, Mạnh Lệ Quân, Tử Đại Cảnh, Minh Châu, Bắc Sơn Tra, Lưu Thủy Tẩu Mã, Hướng Mã Hôi Thành, v.v.*

Từ năm 1955 trở về sau này, các bài bản bắc theo điệu ca *Bắc* dần dần xuất hiện trong tuồng Cải Lương: *Minh Hoàng Thương Nguyệt, Ngự Gia Đăng, Phò Mã Giao Duyên, Tùng Lâm Dạ Lâm, Tống Phong, Giang Tô, Phong Nguyệt, Uyên Ương Hội Vũ, Cung Thềm Bán Nguyệt, Hồ Điệp Song Phi, Tứ Bát Chánh, Dạ Hành, Liễu Thuận Nương, Thu Phong, Long Nguyệt, Phong Ba Đình, Duyên Kỳ Ngộ, Nặng Tình Xưa, Lạc Xuân Hoa, Đăng Sơn Lâm Thúy*.

Thêm vào đó, lại có những bản mới sáng tác cuối năm 1960: *Sương Chiêu, Tú Anh, Ánh Nắng, Trôi Nổi Phong Trần, Lệ Roi Thấm Đá, Gió Hờn, Nhạn Vẽ, v.v.*

Điệu ca *Bắc* còn có Tám bài *Ngự* nhưng các đoàn nhỏ không đủ giản đơn để hòa tấu, ngoại trừ các đại ban: *Đường Thái Tôn, Vọng Phu, Chiêu Quân Ái Tử Kê, Bát Man Tẩn*

Cống, Duyên Kỳ Ngộ, Tương Tư (bắt từ giọng Nam chuyển sang), *Quả Phụ Hàm Oan* (dựa theo hơi Oán).

Thỉnh thoảng, nếu viết tuồng giả sử, soạn giả xài mười bản Trung Hoa: *Thắm Tuyết, Ngươn Tiêu, Hồ Quảng, Liên Huồn, Bình Nguyên, Tây Mai, Kim Tiên Huế, Xuân Phong, Long Hồ, Tẩu Mã*.

Sau giọng Bắc là giọng *Oán*. Giọng *Oán* là một giọng khá đặc biệt, nguồn gốc xuất phát từ miền Nam. Nhạc sĩ đồn *Oán* thường xuyên khảy dây hò (còn gọi là dây Chinh) và dây *Tổ Lan*. Các nhạc sĩ miền Nam sáng chế ra hai dây này và bài *Oán* xuất hiện đầu tiên là do trích từ bài *Tứ Đại*. Ca *Oán* dù rằng nghe sâu nặng nhưng không kém phần trang nghiêm và hùng mạnh. Những nghệ sĩ biết ca bài *Tứ Đại* đều có chung một nhận xét như vừa kể.

Tác giả sáng tạo bản *Tứ Đại* là một nhạc sư đa tài, làm thơ rất hay. Nghiên cứu bản *Tứ Đại*, những nhà nhạc học phải nhìn nhận bản *Tứ Đại* hình thành bằng một bài thơ bát cú. Phương pháp cấu trúc của bản *Tứ Đại* dựa theo vận bình trắc của một bài thơ Đường luật.

Tứ Đại Oán (lớp một)

Đâu vì đâu sóng dậy đất bằng,

Làm cho phân rẽ đôi đành.

Nỗi ức lòng biết đâu mà minh oan.

Trời sao nữ phụ, kẻ bần hàn,

Chốn sa tràng thân này quản chi.

Ngặt nỗi nhà khuynh nguy,

Bể thần hôn, ai đến ơn sanh thành?

Cũng như lối ca Bắc, trong giọng Oán có nhiều bản như: *Giang Nam, Phụng Cầu, Phụng Hoàng, Văn Thiên Tường, Bình Sa Lạc Nhạn*, v.v.

Giang Nam

*Xuân đêm, đêm xuân,
Đêm, đêm xuân,
Than thở thân duyên nợ.
Ngơ ngẩn chốn loan phòng,
Linh đình cái phận liễu bồ,
Hong, ông To Hong ơi!*

.....

*Non nước non,
Này có thấu cho chăng!*

Phụng Cầu Hoàng

*Lưu nương hỡi nàng,
Lưu nương hỡi nàng!
Nàng bao nữ phụ phàng.
Lòng này vì xốn xang,*

.....

Trung hiếu vẫn chưa toàn.

*Phụng Hoàng
Kim Lang vi tân qui cố,
Độc sách nhớ Túy Nương,
Mãn tang hằng trông.
Tuy bắc nam cầm sắt phân kỳ*

.....

Pháp quan gia hình,

Của tịch ký, người cầm giam.

Bản *Văn Thiên Tường* hát hơi trầm bổng, êm dịu, là một điệu *Oán* hay nhất. *Văn Thiên Tường* viết cho những vai đào kép tả trong lúc chia tay hoặc vĩnh biệt nói lên tâm sự đau buồn quyến luyến của tình yêu, tình chồng vợ.

Văn Thiên Tường

Vì trời xui khiến nên đôi ta kết duyên.

Xuyến kim giao cho bạn ngọc

Của này lưu lại cho em,

Em giữ lấy chó phụ phàng

.....

Ai khiến xui rẽ phân đối đàng.

Câu tiết hạnh đó gìn trọn nghĩa,

Nghĩa đá vàng đừng quên, đó em ơi!

Trong *Cải Lương* giọng thê lương bi thảm nhất là *Giọng Nam*. Là vì trong giọng *Nam* thường nói lối điệu *Ai* và hát *Nam*.

Lối Ai nói ngân nga thật chậm, người nghe nào nùng bị thương và viết theo câu văn vắn. Nghệ sĩ trước khi chuyển hơi qua ca *Oán* hay ca *Nam*, vai tuồng lúc nào cũng phải có nói lối đi. Nhiều gánh cho đàn bản *Xuân Nữ* đưa hơi câu nói lối *Ai*.

Bản *Xuân Nữ* dân nghề gọi là *Nam Rịn*, bản nhạc có tác dụng gây cảm xúc khiến người nghe thấm thấu trong lòng, buồn vô tả.

Nói Lối Ai

*Trách bấy trời xanh độc ác,
Khiến cho tơ đỏ xe lơ.
Trái lúa đôi, đành thắm một đời,
Rời cầm sắt, chịu sầu đôi trẻ.
Cha vì bạc, ham nơi quyền thế,
Thiếp bởi nguyên, mến chỗ nghĩa nhân.
Chạnh khúc sầu ruột thắt nhu dầm,
Xót phận bạc lòng đau tợ xẻ.*

Nói lối Ai xong, ca sĩ liền đổi hơi qua ca Xuân Nữ.

Xuân Nữ

*Bởi cha già, khiến cho trẻ ôm sầu riêng than.
Vì ai xui duyên nợ lỡ làng,
.....
Nào đâu để hờ đời hồng nhan.
Tiếng hứa như châu ngọc,
lời giao hơn bạc vàng
Cha nỡ bỏ rã rời phụng loan!*

Điệu ca Nam được chia ra hai loại:

- Các loại Nam chính thức: Nam Xuân, Nam Ai, Nam Chạy, Nam Bình, Đảo Ngũ Cung.
- Loại Nam biến thể từ giọng ca Bắc: Hành Vân, Chuồn Chuồn và Vọng Cổ.

Bản Nam Xuân hát nhịp lơ nhưng hơi láy theo giọng ca Bắc. Nhạc sĩ đồn nhảm phím công phu, chăm chỉ hơn đơn

điệu Bắc. Giọng Nam Xuân dịu dàng, thâm trầm và ít ai oán hơn Nam Ai.

Ban đầu bản Nam Xuân viết thành tám lớp, mỗi lớp tám câu. Thập niên 50, bản Nam Xuân đồn rút lại còn 20 câu để bắt qua Nam Ai. Tám câu trong mỗi lớp đều hạ một vần.

Nam Xuân (lớp một)

*Thuong thân người côi trần trăm năm,
Khắp chín Châu, mấy ai người tri âm,
Nhu Kim Lang cùng Vương
Thúy Kiều duyên âm thầm
Gian nan rồi, nên bạn tình thâm.
Nhớ xưa tiết Thanh Minh, có hoa tươi rậm,
Hiệp một đoàn, đạp thanh hành ngâm.
Xét thấy cô phần, chạnh cảm cổ cầm.
Câu thi đề hương nguyện lâm râm,
Than thân tủi thảm.*

Bản Nam Ai ca chậm lại nhịp lời hơn bản Nam Xuân rất nhiều. Nam Ai nghe đau đớn, bi thảm để tả tình cảnh thống thiết nhất trong vở tuồng. Nam Ai cấu tạo thành 14 lớp (gồm 4 lớp phản Xuân), mỗi lớp vẫn viết 8 câu, cùng “xuống” một vần như Nam Xuân.

Nam Ai (lớp nhì)

*Xót xa tấm lòng, bằng vào đài trang,
Tỏ trước sau than với nàng,
Vẳng nghe thảm sầu than,
Mối nhân duyên gì, khiến xui phận lỡ làng,*

.....

Xót xa thay tấm lòng, lệ rơi tuôn tràn.

Tống ly biệt, xa xôi niềm quan san.

Bản *Đảo Ngũ Cung* là một bản độc nhất vô nhị của Cải Lương Việt Nam có một giọng hùng hồn, rào rạt, dễ quyến rũ người nghe. Bản *Đảo Ngũ Cung* sáu câu đầu viết hạ cùng một vần trắc nên nghe “xóc” và cảm thấy “dụng” lên trong đầu. Bản có tám lớp, mỗi lớp 8 câu và hạ một vần.

Đảo Ngũ Cung (lớp nhất)

Gái đức tài văn chương nét na

trợn vện,

Sánh cùng trai râu hùm hàm én.

Đứng nam nhi chi chí bốn phương

khi lâm kỳ, khi lỗi hẹn.

Sông Tấn Dương mây rồng mây có phen,

Trai anh hùng xem Từ Công sắt son

nói ra không thẹn,

Con phong trần, gươm anh

hùng mài bén.

Thục nữ chờ đót, nào đoái thân hèn,

Câu tiết nghĩa cũng khá khen.

Vở tuồng nếu viết những vai giặc vây thành, hay bị truy nã, diễn viên vừa ca vừa chạy gọi là *Nam Chạy*. Bản *Nam Chạy* là do sự phối hợp của hai lớp trống trong bản *Nam Ai*. Ca nhanh dồn thúc để trùng hợp với động tác diễn trong lúc chạy giặc.

Nam Chạy

Lâm cánh này em mạng không tồn.
Sau trước lại không có nẻo thoát thân!
Hồi này cao xanh đành khiến chi
Gặp cảnh khốn nguy
Họa dập dồn, câu phước bắt trùng lai.
.....
Lẽ tấn thối, đành rằng cùng phương.
Khổ rồi, binh giặc vây chặt tư bề!

Bản *Nam Bình*, giới Cải Lương thường gọi là bản *Trường Tương Tư*. Bản này gốc ở triều đình Huế đem vào miền Nam năm 1930. Bản *Nam Bình* điệu hát nhẹ nhàng thư thả ít thảm sầu hơn bản *Nam Ai*.

Nam Bình

Giữa đêm khuya, lòng em
thốn thức lệ mãi tuôn tràn,
Đau đớn thay, chim quyên gọi đàn.
Tình đời sầu lìa tan,
Thân trẻ trôi nổi trong
thảm cảnh, khổ tâm suốt canh tàn.
.....
Dầu bao tìm lụn (tim đèn dầu),
gió thổi tái tê lòng.
Se lơ to hồng, càng sầu trông.
Hồi hóa Công.

Sau hết là giọng *Nam* lai hơi *Bắc*. Thể hiện cho giọng này gồm có ba bản: *Hành Vân*, *Chuồn Chuồn*, *Vọng Cổ*.

Gốc bản *Hành Vân* là điệu ca *Bắc*, nhưng khi sử dụng để phô diễn tâm sự ưu phiền thì bản nhạc biến thể theo hơi *Nam*, ca nhịp lơi, ngân dài.

Hành Vân (Hơi Nam)

Chạnh chung tình. Lụy nhỏ

đôi hàng.

Cha con, chồng vợ hai

phang (hai phương)

Trời ơi có thấu những nỗi gian nan,

Từ khi cách biệt. Cảnh nhà vợ yếu,

Với con thơ, cha lại bóng xiêu.

.....

Giận trò đời nhiều việc trở trêu,

Khiến chi binh cách, làm cho

đổ thán sanh linh.

Khoảng thập niên 30 bản *Chuồn Chuồn* ca hơi *Bắc*, qua đến đầu thập niên 60 đổi lại ca theo hơi *Nam* với mục đích vô cho “mùi” *Vọng Cổ*. Điệu *Chuồn Chuồn* dùng tả cảnh binh biến, gặp tai nạn, v.v.

Chuồn Chuồn (hơi Nam)

Nay đầu gành, mai góc bể,

hoạn nạn biết là bao!

Nghĩ thêm càng chua xót

bấy cho lòng con.

Bởi con đây không tròn câu
mộ khang thân tình,
Vì nặng nợ quốc gia,
nên con phải lo đáp đền.
Cầu xin ơn trên cho mẫu thân với vương đế,
Qua khỏi tai nạn, khôi phục lại giang san.
Còn phận con đây vạn nhẫn bao nài,
Quyết đem lực tàn mà chống chọi với thời cơ,
Cho rạng danh nữ kiệt với lưỡi guom nấy!





Sân khấu cải lương đoàn Thanh Minh Thanh Nga theo phương châm “thực và đẹp, khác hẳn với hát bội”. Trong hình là tuồng “Tình sử Dương Quý Phi”. Hình: Huỳnh Công Minh/Màn Ảnh Sân Khấu.



Một phân đoạn trong vở cải lương “Con gái chị Hằng” năm 1961. Bối cảnh và sân khấu đặc biệt mang phong cách Pháp. Hình: Huỳnh Công Minh/ Màn Ảnh Sân Khấu.

10.

Trong cái đêm định mệnh “nuốt” trình tiết đào Mỹ Hương, thằng cha quận trưởng thể có mặt đèn làm chúng: “*đèn tắt anh tắt theo nếu anh phản bội!*”. Lời thể ấy chẳng hiển linh chút nào. Hết xôi rồi việc. Ông hứa tài trợ nuôi đoàn hát từ A đến Z. Các điều khoản hứa hẹn có cam kết bằng miệng, tặng làm nghĩa cho gánh *Sao Ngàn Núi* một cái máy phát điện, hiệu Kohler (loại máy dùng chạy ghe đuôi tôm). Gánh hát thiếu máy đèn nổ bình bịch, phát ra điện xài mi-cờ-rô, xài kỹ thuật ánh sáng, âm thanh, v.v. thì không khí sẽ lạnh căm như nhà mồ, mất vẻ nhộn nhịp của một đêm biểu diễn văn nghệ. Người ta hứa nhưng không cho thì thôi. Gánh *Sao Ngàn Núi* an phận, nghèo sống theo nghèo, xài loại kỹ thuật nội hóa.

Không có đèn điện, thấp đèn măng-xông, đèn khi đá thể vô. Trên sân khấu, ông Năm Luyện, trưởng ban dàn cảnh, treo bốn cái đèn măng xông bốn góc. Lấy giấy cạc-tông, cắt khoanh tròn từng miếng, che khuất gần hết cái đèn, chừa

một lỗ nhỏ xíu, gom tia sáng vào một chỗ. Xong rồi, ông dán giấy kiếng màu xanh, đỏ, tím, vàng, v.v. lên tấm cạc-tông. Tấm cạc-tông trộn màu này treo lơ lửng kế bên đèn măng xông và buộc một sợi dây dài thông vô bên trong cánh gà. Người phụ trách “làm màu” canh chừng suốt buổi hát. Khi đào kép xuống Vọng Cổ, anh ta giựt sợi dây, tấm cạc-tông xoay vòng tròn đến khi màu đỏ chớp lên ánh sáng thì ngừng lại. Bốn ánh đèn cùng đỏ một lượt, sân khấu cũng rực rỡ, màu mè như những đoàn có máy đèn chính cống. Lúc vua giá lâm đèn đổi màu vàng lợt, khi tướng dự trận kéo tấm cạc-tông quay tròn tới màu xanh. Lúc diễn cảnh lâm ly bi đát pha màu hồng đậm... Đây là một loại *projecteur made in* của các “kỹ sư làng” Việt Nam phát minh đáp ứng theo nhu cầu kỹ thuật sân khấu Cải Lương nhưng được trình diễn bởi một đoàn hát nghèo mạt rệp, nghèo đến nỗi ông bầu hết tiền mua nhang, trái cây cúng Tổ.

Rạp chứa khoảng 400 khán giả. Khán giả rất có trình độ nơi công cộng, tôn trọng trật tự, ngồi bẹp xuống đất, ở tư thế xếp bằng, kiểu các nhà sư ngồi kiết già thiền định và lần chuỗi Bồ đề niệm Phật. Đùng lộ vẻ bức tức khi nhân viên kiểm soát lẻ nhè: mời anh chị, ông bà co hai đầu gối khít sát vô chút nữa, đào ra một chỗ trống nhét thêm khách mộ điệu.

Khán giả ăn mặt tuom tất: các cô ở lớp tuổi “trở mã” con gái, mặc quần lãnh, áo bà ba trắng, đen, nâu, xanh, v.v., tóc chải dầu dừa thơm phức, muốt rượt phủ xuống tận lưng, miệng luôn luôn cười mỉm chi, rạo rực nhìn lên sân khấu chờ giờ kéo màn, chờ kép đẹp trai Chín Đình xuất hiện.

Khán giả thanh thiếu niên mặc quần túm, áo sơ mi rộng thùng thình, diện theo mốt “thời trang” cuối năm 1950.

Đầu chải “tăng gô ổ gà”, mái tóc tém gọn hai bên mép tai, xúc dầu *brillantine* bóng gọn. Mắt lảo liên, liếc dọc liếc ngang, cười tình với những cô “thôn nữ” cùng xóm, cùng chung một làng. Tụi nó ghét ngó lên sân khấu háo hức chờ đợi kếp Chín Đình. Ngó mắt công bởi vì trong bụng đứa nào cũng tưởng tượng mình là nghệ sĩ, là kếp Chín Đình rồi. Bỏ tiền mua vé vừa xem hát vừa tạo cơ hội tán gái. Tán dính và hợp nhãn thì yêu. Mà yêu thì phải si tình, lụy tình, đoạn cuối là thất tình. Con trai lớn lên không biết yêu, không nếm mùi vị tình yêu là thứ con trai ế đào. Thứ con trai cả đời mang mặc cảm bị hạ gục trên mặt trận tình ái.

Con trai quận Giồng Trôm khôn đáo để. Chiến tranh loạn lạc, xã hội bỏ công dạy tụi nó khôn trước tuổi. Năm 17, tuổi nhỏ giò nhỏ cẳng, tuổi đang ngo ngác trước hiện tại lẫn tương lai. Tuổi hồng, tuổi trăng tròn, chưa kịp ngửi mùi đời, chưa kịp chép xong thời dụng biểu công danh sự nghiệp thì cảnh sát quốc gia ngấm nghĩa, chục hồ bắt quân dịch. Việt Cộng địa phương lựa những đêm trời tối đen kịt đến nhà gõ cửa mời mọc lên đường “chống Mỹ-Ngụy cứu nước”. Làm vừa lòng hai bên lâm chiến thì thắng nhỏ sớm hay muộn cũng được bên này “Tổ Quốc Ghi Ôn”, bên kia “Tổ Quốc Ghi Công liệt sĩ”, chết non quá.

Phong trào hưởng tử sau lên cao tới đỉnh Hy Mã Lạp Sơn. Thanh thiếu niên thôn quê bị truyền nhiễm chứng bệnh “lấy vợ trước, tử trận sau” lan tràn khắp cả miền Tây. Trai làng rậm rịt lên đường kiếm vợ. Người ta nói: “Gái biết khôn tìm chồng nơi chốn ba quân”. Tụi con trai đầu có ngu, cũng biết tìm vợ ở giữa chốn đông người vậy. Kinh nghiệm cho thấy, nhóm đình hạp chợ con gái bu lại không đông đảo

bằng ở những buổi văn nghệ văn gùg, nhất là những xuất hát Cải Lương trình diễn tại một xã xa xôi hẻo lánh này. Đám con trai chung diện bánh bao, diện lé mắt để “nàng” biết ta và ta bạo dạn chinh phục trái tim “nàng”. Kết luận, gạch đít một bảng thống kê thành phần ái mộ Cải Lương, người ta bật ngựa, giới trẻ miền quê khoái xem Cải Lương đông hơn lớp người đứng tuổi.

Nghi thức mở màn xào tới nấu cũng ngắn ấy động tác nhưng thét rồi nghiêm nhiên trở thành một tục lệ: Cầm cây gậy giông xuống sân sân khấu ầm ầm ầm. Tiếp theo, kèn, trống trỗi lên, dàn đờn rao dọn hơi bản *Kim Tiên Huế*, tiếng chập chồa vỗ xềng, xềng liên hồi... Khán giả nin thở, chăm chỉ theo dõi sát nút. Đào, kép áo quần lộng lẫy, mặt sáng rỡ vi lót lớp phấn kim tuyến “ăn” ánh đèn chớp chớp mát mắt.

Đào Mỹ Hương độc diễn 15 phút. Cô giữ nhiệm vụ cột chặt gút tuồng, đợi qua màn hai, màn ba các diễn viên cùng hợp lại mở gút khi bước sang đoạn kết. Soạn giả tạo cho người xem một ấn tượng bất ngờ, khó đoán trước phần kết luận, cho nên ngay màn đầu nhân vật chính (tên Kiều Nhi) đã tố khổ những kẻ vô danh, bất lương gieo tai họa lên đời một cô gái con nhà lành, có giáo dục chẳng may gặp cảnh tang thương “khôn ba năm đại có một giờ”.

Nhân vật trong tuồng là cô con gái cung của ông bà Đốc phủ Mạnh, đại diện chủ. Cô đã được cha mẹ hứa hôn, gả cho một gia đình danh tiếng, gia phả bề thế bên tỉnh Sa Đéc. Chàng trai, vị hôn phu của nàng là một kỹ sư canh nông tốt nghiệp từ Pháp mới hồi hương. Tánh nàng ủy mị, yếu đuối và hay mơ mộng vu vơ. Nàng thích viết văn, sáng tác nhạc, kết hợp bạn cùng lớp lập đoàn văn nghệ bỏ túi, trình diễn

văn nghệ nhân dịp bãi trường. Nàng nuôi ước vọng, một ngày nào đó sẽ đi xa, lang bạt bốn phương trời, làm nghệ sĩ nổi danh, sống kiếp hải hồ, theo đoàn hát lưu diễn trên khắp nẻo đường đất nước Việt Nam. Thi đậu xong bằng dit-lom trung học, nàng cải lời song thân, bỏ học, chạy theo đoàn hát tập tễnh kiếp cầm ca, kiếp tầm nhà tơ.

Đường đời và đường học vấn khác xa một trời một vực. Đường đời vạn nẻo, đầy chông gai. Nàng đạp gai rướm máu bàn chân, rướm máu con tim. Kiếp nghệ sĩ không lãng mạn nên thơ, không trôi êm đẹp như nàng tưởng. Nghệ sĩ và đời khổ tuy hai mà một. Trăm năm, ngàn năm, vạn năm dù vật đổi sao dời nhưng kiếp nghệ sĩ và kiếp đời đời khổ không bao giờ tách ra làm đôi. Đi trên đường đời hết đạp chông gai thì dẫm lên cạm bẫy. Nhân tình thế thái đưa nàng vào sự nghiệp viễn vọng. Họ dụ dỗ xúi giục nàng mạnh dạn dẫm lên cạm bẫy: cạm bẫy danh vọng, cạm bẫy tình và cạm bẫy nghĩa nhân.

Nàng hy sinh vì sự nghiệp, vì con đường mình đã chọn. Để giúp tài chánh đoàn hát, nàng bán rẻ tiết trinh cho một viên quan lại quyền thế. Vị quan lại sau khi thỏa mãn dục vọng, nhanh nhẩu quay mặt sở Khanh, quên mất nàng. Để học nghề ca hát, nàng buông tay cho thằng soạn giả giải quyết sinh lý... Hậu quả một mình nàng nhận đủ. Đoàn hát sạt nghiệp, rã gánh trong lúc nàng mang thai. Những người “đi qua đời” nàng rút lui êm thấm, lặng lẽ từ chối nhận trách nhiệm làm cha cái bào thai này. Đường cùng, nàng cố liều quay đầu về thú tội với mẹ cha.

Bất hạnh cho nàng, từ cha mẹ tới gia tộc khăng khăng giữ truyền thống lễ giáo, cương quyết “từ con”, đưa con hư

đón. Cha mẹ đóng kín cửa. Dòng họ ông bà mặt sát nàng. Nàng cảm thấy quá xấu hổ, quyết định tự tử. Ý định tự tử sẽ thực hiện sau ngày đứa con vô thừa nhận của nàng chào đời. Nàng nghĩ rằng nàng có tội, đứa con dù mồ côi cha khi mới tượng hình, nó vô tội.

Nàng lang thang qua Cần Thơ tìm chỗ nương tựa đợi ngày sanh nở. Thời buổi nhiễu nhương, thời buổi tự nhận văn minh nhưng vẫn còn mê tín dị đoan, tất cả những người quen thân nàng một mực từ chối, bảo rằng: “chứa đàn bà có thai trong nhà xui không cháy nhà thì sẽ có người chết”. Nàng ra bến Ninh Kiều nhìn con sông Hậu Giang cuộn cuộn chảy rồi ôm mặt khóc tức tưởi. Tâm trạng ngổn ngang, tâm trạng của một thiếu phụ dở dang cuộc đời, đang mang thai, phân vân chọn lựa giữa sự sống và nỗi chết...

Soạn giả Bình Nguyên tài thật, dựa vào cốt truyện có thật, mà nó là một trong những thủ phạm ăn nằm với Mỹ Hương, sắp xếp lớp lang, văn viết súc tích, cảm động khiến người xem tin tuyệt đối vô tưởng *Đứa Con Vô Thừa Nhận* là truyện có thật sự ngoài đời. Thật sao không thật. Ngồi trong cánh gà điều khiển sân khấu, theo dõi diễn viên, soạn giả Bình Nguyên hơi gục mặt xuống khi đào Mỹ Hương ca bản *Nam Xuân* kể lẽ đoạn nó bị ông thầy tuồng gạ gẫm: “*Muốn trau dồi nghề nghiệp thì em nên yêu anh, hãy yêu anh và yêu chỉ một mình anh!*”. Hình như Bình Nguyên hơi mắc cỡ, mặt mày nó bí xị.

Đào Mỹ Hương chưa đủ trình độ diễn ngoại hạng như Ngọc Giàu, Bạch Tuyết, Út Bạch Lan, mô tả nội tâm ẩn ức, cần cho nước mắt chảy, họ cho nước mắt chảy thật. Riêng đào Mỹ Hương phải thoa một chút dầu cù là

mát-su “đưa cay” để thổi nước mắt chảy dầm dề hầu lấy cảm tình khán giả.

Mỹ Hương khóc giả nhưng ở dưới này khán giả lại khóc thật. 400 khán giả không phân biệt già trẻ đều hòa nhau rướm rướm nước mắt, thút thít lấy khăn mù-xoa hỉ mũi rồn rột. Nhiều bà khóc rống lên, vằn mình vằn mẩy tức tối thiếu điều muốn đập đầu vô cột nhà tự sát. Một bà ngồi hàng đầu dặn cô con gái: *“Nhớ nghe con, thà trồng rau, cày ruộng cuốc rẫy hay buôn gánh bán bưng đắp đổi qua ngày. Chớ có bày đặt bày điệu làm đào hát mà khổ tấm thân. Con thấy chưa, khổ như vậy đó mà miệng thế gian vẫn rửa sa sả “đồ xướng ca vô loại”.*

Suốt thời gian chờ đổi cảnh diễn màn nhì, bà con cô bác ào ào binh phẩm tướng *Đứa Con Vô Thừa Nhận*. Dân ghiền Cải Lương trầm trọng đều quả quyết vai Kiều Nhi sẽ không nhảy xuống sông trăm mình, bởi nàng thương con nàng nhiều hơn bản thân nàng. Màn hai, các nhân vật gây tội ác sẽ từ từ lòi bộ mặt dã tâm, ác ôn còn đồ. Màn ba, gieo gió sẽ gặt bão, quả báo nhân tiền sẽ rắc lên tính mệnh mấy thằng đàn ông khốn kiếp phá hại đời Kiều Nhi. Những thằng trời đánh này có thể soạn giả sẽ bắt chúng nó gặp tai nạn như đụng xe, đập trúng bãi mìn hoặc ăn pháo kích banh thầy nát thịt. Cả rạp ồn ào bàn xuôi tán ngược. Bàn gì bàn, tâm lý chung chung, mọi người muốn đoạn kết vở tuồng phải có hậu, phải có nghiệp chướng, thiện gặp thiện, ác gặp ác. Nếu vở tuồng kết luận trái cẳng ngỗng, ác sống phây phây, thiện gặp tai nạn trường kỳ thì khán giả kiếm đủ mọi cách gây lộn với thằng thầy tuồng, đôi khi nổi xung chận nó ngoài đường đánh u đầu u trán.

Xướng ngôn viên hét leo lên: “Kính thưa bà con cô bác, mời bà con cô bác ngưng cãi lộn, ngồi xuống đất xem tiếp màn hai. Màn hai vở tuồng Đứa Con Vô Thừa Nhận thật hồi hộp, thật lâm ly bi đát. Màn hai, màn ba xem xong nhớ tới già. Kiều Nhi có nhảy xuống Bến Ninh Kiều tự sát không? Bà mụ nào, nhà bảo sanh nào nhân từ nhân đức đỡ đỡ miễn phí đứa con đầu lòng của Kiều Nhi? Ai là người ra tay “hiệp sĩ” cứu vớt Kiều Nhi? Nếu nàng còn sống và sanh nở xong, ai nhận nuôi con nàng và nàng có vô chùa quy y nơi của Phật không? Xin bà con cô bác yên lặng ngồi xem, đừng khóc lóc và cũng đừng phê bình cãi lộn trong lúc nghệ sĩ diễn xuất. Thay mặt ông bà bầu Hoàng Văn Quỳnh, anh em nghệ sĩ, nhạc sĩ, vũ sư, nhân công đoàn, chúng tôi thành tâm cảm ơn bà con cô bác. Tối mai cũng đúng tám giờ, chúng tôi tái trình diễn vở Đứa Con Vô Thừa Nhận của soạn gia Bình Nguyên, một soạn giả có tài nhất tỉnh Bến Tre chúng ta. Bà con nhớ mua vé xem nữa, xem một lần không hiểu nổi thâm ý cao siêu của vở tuồng. Xem năm lần bảy lượt mới đã lòng hả dạ...”

Ngưng một giây, cất giọng trang nghiêm, xướng ngôn viên la lớn: “Đây, màn hai bắt đầu...”. Âm!

Nhân viên lo bốn phần kéo màn, cầm gậy gõ cộc cộc xuống mấy tấm ván dựng sàn sân khấu, tuổi còn trẻ măng, trí nhớ dồi dào ít ai sánh bằng. Nó lo có hai việc, gò lưng kéo màn sau khi xướng ngôn viên dứt lời giới thiệu, và cầm gậy nện rầm rầm báo hiệu giờ xuất hát đã điểm. Không thể nào quên được, nó nhớ chắc một trăm phần trăm là nó chưa kịp lấy trón gõ xuống nền sân khấu. Tiếng nổ “âm” vừa rồi sự thật không phải do nó tạo ra? Nó dám thề là kẻ khuất mặt nào đó làm nên tiếng nổ, long trời lở đất. Thành nhỏ suy luận đúng bon. Âm thanh tiếng của tiếng nổ lần này bắt

bình thường, nghe nhói tai, tức ngực, ngộp thở. Cảnh vật chung quanh tan tác, cỏ cây, đất đai, nhà cửa rung chuyển bần bật.

Dứt tiếng nổ kinh hồn là tiếng người rên rỉ, gào thét thất thanh: Trời ơi! Bà con làm ơn cứu tôi! Tiếng khóc la dậy làng dậy xóm. Người đập người chạy thoát chết. Chạy không nổi thì lết, thì bò hoặc trườn từ từ ra khỏi khu vực tử thần. Tay người, chân người, thịt người văng tứ tung. Máu tô đỏ cột nhà lồng chợ, máu chảy ngập rập rập, máu nhuộm hồng một buổi trình diễn văn nghệ. Sân khấu san bằng bình địa, đảo Mỹ Hương, kếp Chín Đình, các diễn viên phụ, và một dàn nhạc gồm 5 ông nhạc sĩ nằm la liệt.

Ông xã trưởng Phước Hòa, khách ngồi hàng danh dự trắng trời với người cận vệ:

- Tụi nó đánh úp mình rồi! Kêu quận tiếp viện, mau lên! Hộ tổng tao và...

Hồng biết ông tính biểu nó đưa ông về đâu? Có lẽ đưa về căn cứ xã Phước Hòa hay ra nghĩa địa? Mới ú ớ tới chữ “về”, ông xã trưởng thở hắt một cái khi rồi ông rút linh hồn ngay tại chỗ. Lệnh ban nửa chừng, làm sao biết rõ mà thi hành? Mà có nghe rõ năm trên năm đi nữa, lệnh ông xã trưởng cũng không thể thi hành một cách hoàn hảo. Gã cận vệ hai tay ôm cứng chùm ruột, nằm ngửa, mắt trợn trừng tai có nghe ông xã trưởng nói cái gì đâu! Hình như nó đền nợ nước trước ông Xã Trưởng 1, 2 giây đồng hồ, người còn nóng hổi.

Dân chúng quận Giồng Trôm chết vì súng đạn đã quen, chột nghe tiếng nổ, họ phân tích liền khi đó: “Đây là cối 82 ly. Anh em cô bác hãy nằm yên tại chỗ. It có khi pháo giập lên chỗ cũ lần thứ hai”.

Ông bầu Quỳnh bị thương nặng, máu phun từ trên đỉnh sọ tuôn xuống mặt vuốt không kịp, lồm cồm gượng bò về phía khán giả, thì thào:

- Vì lý do giặc giã, xin bà con cô bác tha thứ chúng tôi!

Nói đến đây ông kiệt sức, nằm lịm xuống đất, không còn biết trời trăng gì nữa.

Sau tiếng nổ thứ nhất rót ngay phóc gánh *Sao Ngàn Núi*, hàng chục tiếng nổ xé không gian nối tiếp canh ngay căn cứ xã Phước Hòa, các xã lân cận, đồn bót quân sự thuộc quận Giồng Trôm rót ì ầm. Pháo không ngừng nghỉ.

Tin truyền miệng vào khoảng 1 giờ sáng, nghe đâu cứ điểm quận Giồng Trôm đang bị địch đánh chiến thuật biển người, xung phong tràn ngập vô tới phòng ngủ ông quận trưởng.

Nhìn lên bản đồ quân sự, tọa độ xã Phước Hòa nằm trên con số XT 12540. Việt Cộng pháo dờ như hạch, nó pháo lệch đi một chút, sơ xuất kỹ thuật giết người, trúng ngay tọa độ XT 12541, nghĩa là tọa độ của đoàn *Sao Ngàn Núi*. Lãnh trọn một quả cối 82, gánh *Sao Ngàn Núi* chịu đời gì thấu? Kiểm kê mất thời giờ, tinh nhảm trong bụng người ta cũng nắm vững hậu quả: Kể từ đêm nay, đoàn hát đã vĩnh biệt trần gian. Đào kép, nhân công tử nạn 95 phần trăm, 5 phần trăm sống sót với thi thể tật nguyên, kéo lê kéo lết kiếp đời bất hạnh cho đến ngày tàn hơi thở.

Ông già thẳng Tu Nền ghi trận địa hết sảy: bố trí phân nửa tiểu đoàn (2 đại đội) trên những trục lộ chiến lược, cắt đứt đường quân tiếp viện. Một đại đội phân tán thành nhiều tiểu tổ, đồng loạt nổ súng tứ phía, tấn công giả vờ những

đồn bót kế cận, cầm chân quân “địch” nằm yên trong đồn lo phòng thủ. Trước khi đánh bằng bộ binh, ông già thằng Tư Nền cho “giáp” pháo, “cày” nát ngừu những mục tiêu sẽ tiến chiếm. Xã Phước Hòa hứng pháo VC góc đầu lên không nổi. Tinh thần binh sĩ dần vệ bắn loạn, hồi hộp chui xuống hố cá nhân vừa tránh pháo vừa tử thủ chờ VC xung phong. Quân Số bảo vệ an ninh xã vòn vẹn 1 trung đội (32 người), nhưng hồi chiều rủ nhau đi xem Cải Lương hơn phân nửa, hiện bỏ súng chạy tán loạn, một số nhảy xuống sông núp dưới mấy đám lục bình trốn VC, một số chết hoặc bị thương khi quả pháo đầu tiên rơi trúng rạp hát.

Ngưng mua pháo, nguyên một đại đội với hỏa lực trang bị hùng hậu, VC quần sập trụ sở xã Phước Hòa. Nó tấn kích trong nháy mắt. Xã cũng thất thủ trong nháy mắt. Đánh nhanh, rút nhanh, trước khi khu trục VNCH dội bom trả đũa. Khẩu hiệu tui nó hét trong lúc xung phong là: “Hàng sống chống chết”. Hét để hét giục le vạy thôi. Có người nào còn sống đầu mà giờ tay đầu hàng? Ngay cả thằng Tư Nền cũng nằm chết một cách hồn nhiên. Phải chi nó còn sống, hai cha con nó sẽ ăn mừng chiến thắng “diệt gọn Mỹ Ngụy”, cụng ly nhậu say như tui.

Bà bầu nhờ đi về quê cúng đám giỗ ông nội nên thoát chết. Mỹ Hương, Chín Đình, Đài Trang, Hai Cang, soạn giả Bình Nguyên, dân chúng gom tập lại, bó vô chiếu manh, chờ qua phía bên kia bến đò Tân Lập, đào huyết, chôn. Bầu Quỳnh miểng đạn ghim sâu vô sọ, nằm thoi thóp trong bệnh viện Kiến Hòa 5 tháng sau một cuộc giải phẫu 99,9% chết. Rồi thì ông Bầu cũng tỉnh lại, ăn uống bình thường nhưng ông phải mù cả hai mắt vì vết thương quá nặng.

Bà bầu sanh một thằng con trai, giống chủ tịch xã Phước Hòa như đúc. Bà diễn giải vì lý do phần số, giao thằng nhỏ cho ông Bầu, bà thành thoi đi lấy chồng khác. Tám năm sau đó, thằng bé ca hát líu lo, tay xách bị, tay dắt ông bầu đi xin ăn ở cầu Bến Lức. Tiếng đàn Lục Huyền Cẩm của bầu Quỳnh réo rắc trên dòng sông Vàm Cỏ, làm ray rứt chính quyền địa phương và soạn giả Viễn Châu đã viết một bản nhạc lưu niệm đến đời sau tặng người bạn đồng nghiệp xấu số.

Quận Giồng Trôm mất, mở đầu cho chiến dịch mùa khô của VC, khói lửa chiến tranh mịt mù trên toàn cõi miền Tây. Trần Ấp Bắc (Mỹ Tho) diễn ra sau đó một thời gian không lâu, hai bên quần nhau trên một cánh đồng lầy đến 3 ngày bất phân thắng bại. Đại úy thiết giáp Lý Tòng Bá (lên chuẩn tướng năm 1974) thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.

Qua ngày hôm sau, Sư Đoàn 7 Bộ Binh, dưới quyền đại tá Huỳnh Văn Cao hành quân giải tỏa chiếm lại quận Giồng Trôm. Ông Ngô Đình Diệm khiển trách trung tá Trần Ngọc Châu, cất chức tinh trưởng và trả về Bộ Tổng Tham Mưu “ngồi chơi xơi nước” với 120 ngày trọng cấm ghi vào hồ sơ quân bạ.

11.

Mùa hè năm 1981, cũng tại rạp Maubert (Paris) anh em nghệ sĩ lưu vong chúng tôi tổ chức hát vở *Tình Sử Huyền Trân Công Chúa*. Thành phần nghệ sĩ gồm có: Dũng Thanh Lâm, Minh Đức, Ngọc Lưu, Kiều Lệ Mai, Phương Thanh, Hà Mỹ Liên, v.v.

Lần này gặp một trở ngại rất lớn là địa điểm tập tuồng. Vận động hết người này đến người kia mà cũng không có chỗ. Ở Paris, nhà cửa, phòng ốc chật chội, nơi tập tuồng đòi hỏi phải có một ngôi nhà riêng biệt. Vì trong lúc tập, ca sĩ hát luyện giọng, dợt kiếm, múa võ, hòa đàn, ra bộ gây tiếng động ồn ào làm phiền những căn phòng kế bên. Một nhà mạnh thường quân, chị H.T., vui vẻ cho chúng tôi mượn tạm một xưởng may quần áo quận 11 Paris hai tuần lễ, tập tuồng.

Hà Mỹ Liên nhận vai hoàng hậu, chánh thiếp của nhà vua Chế Mân. Trong lúc tập, cô nhắc nhở chúng tôi:

- Nhà tổ chức làm sao thi làm, hát xuất nào lỗi xuất đó, tình trạng này coi mòi thọ không lâu.

Anh Minh Đức nói:

- Mình ráng chó. Lưu lạc xứ người tổ chức hát nổi một buổi Cải Lương khó hơn lập một tiệm ăn vạn lần. Lỡ vốn nhưng anh em mình cứ làm. Làm để có sân khấu diễn cho bớt nhớ nghề. Nghệ sĩ mà thiếu sân khấu chẳng khác chi đồn đút dây, lâu dần nó lụt nghề, hơi hám nó rè rè như đĩa hát máy hết giấy thiêu.

Cô Hà Mỹ Liên thực tế hơn:

- Em chỉ sợ lỗ lỗ hoài, thét rồi chẳng còn ai có đủ can đảm bỏ vốn lập gánh hát trên xứ Pháp này.

Anh Minh Đức ngẫm tán thành ý kiến Hà Mỹ Liên nên thốt lên một câu khá bi quan:

- Em nói đúng. Nhưng thầy kệ, còn nước mình cứ tát. Tát tới một lúc nào đó, trời không thương đám nghệ sĩ lưu vong, Tổ bỏ rơi, thôi thì đành giải nghệ đi cày kiếm ăn, sống kiếp sống thừa, chờ tuổi già kéo đến và chờ chết già, chết hẩm hiu ở đây.

Ý kiến Hà Mỹ Liên, Minh Đức có một cái nhìn xác thực của tình trạng bi đát làm Cải Lương ở hải ngoại.

Hà Mỹ Liên xuất sắc trong các vai đào lẳng, lẳng độc, tên thật Thu Hà bước vào nghề từ năm 1960. Cô có ba anh chị em, cả ba đều là những nghệ sĩ thành danh: kép Thanh Điền, anh cả (chồng nữ nghệ sĩ Thanh Kim Huệ, một trong những nữ nghệ sĩ được giới trẻ ưa chuộng nhất, trước và sau khi mất miền Nam), nữ ca sĩ Hà Mỹ Xuân, em út, hiện cùng gia đình lập nghiệp tại Paris.

Các gánh hát đã trải qua: *Kim Hoàng Như Mai, Bạch Vân, Kim Chung, Thủ Đô, Trăng Mùa Thu*.

Vai Nghi Xuân, vai nhập môn vô nghệ, Hà Mỹ Liên diễn chung với người anh ruột (Thanh Điền) trong tuồng *Phạm Công Cúc Hoa* của soạn giả Thanh Cao. Nghề nghiệp diễn xuất và luyện giọng hoàn toàn do ca sĩ Ngọc Ân và vợ là Kim Trâm dìu dắt. 12 tuổi đóng vai đào con vò *Bao Công Xử Án Trần Thế Mỹ*. Lẽ ra sự nghiệp sân khấu chưa gây gánh nửa đường nếu năm 1965 Hà Mỹ Liên từ chối lập gia đình. Ông chồng người Pháp, cung vợ như người ta “nâng trứng hứng hoa”, cương quyết ngăn cản vợ chấm dứt nghề ca hát. “Cái nghề gì đêm thức trắng, ngày ngủ vùi, lương chết đói, chả thấm vào đâu với tiền son phấn, quần áo. Thân nuôi lấy thân không nuôi nổi, hướng chi nói tới chuyện phụ thêm ngân quỹ gia đình giúp chồng con. Nghỉ đi em, anh bao bọc đời em, cung phụng vật chất đầy đủ, nuôi em tới ngày cả hai vợ chồng mình nắm tay về nước Chúa một lượt. Anh có tiền mà”. Hà Mỹ Liên già từ nghiệp Tổ ở nhà lo việc nội trợ săn sóc chồng con.

Ông chồng người Pháp nói nghe ngon lành, nhưng vì số mạng nên cắn răng hủy bỏ lời hứa. Năm 1986, chứng bệnh đau tim hành hạ ông tới giai đoạn chót, giai đoạn một mình bay thẳng về nước Chúa.

Hà Mỹ Liên sang Pháp năm 1976. Bắt đầu từ năm 1978 đến năm 1983 cô hát những vở tuồng do chúng tôi soạn: *Chiều Về Trên Sông Lạnh, Biên Giới Một Chiều Mưa, Nước Mắt Người Đi, Tiếng Khóc Giữa Rừng Khuya, v.v.*

Tuồng *Tình Sử Huyền Trân Công Chúa* chúng tôi viết nhiều bản về điệu *Lý*. Vì vai Huyền Trân Công Chúa lúc

nào cũng gặp cảnh thiếu may mắn, tuân lệnh phụ hoàng kết hôn với vua Chiêm Thành. Suốt thời gian xa xứ, nàng luôn luôn tưởng nhớ đến quê nhà, chờ đợi ngày về thăm quê cha đất tổ. Điệu *Lý* diễn tả tâm trạng Huyền Trân Công Chúa mới phù hợp với điệu nhạc Cải Lương. Đào hực hơi dợt giọng *Lý*. Cô Kiều Lệ Mai, đóng vai Huyền Trân Công Chúa, phàn nàn:

- Anh cứ bắt hát điệu lý hoài, trong khi ăn cơm tay cầm (bánh mì thịt) mỗi ngày, còn hơi hám nữa đâu mà hát?

Dũng Thanh Lâm trả lời:

- Điệu lý không hợp với đồ ăn cao lương mỹ vị. Ở Pháp có bánh mì ăn, có rạp để hát, có người ủng hộ là tốt rồi.

Kiều Lệ Mai đính chính:

- Em nói chơi. Anh tưởng thiệt sao anh Lâm?

Dũng Thanh Lâm nói cầu hòa:

- Chơi với thiệt, mấy thứ. Thiệt với chơi, mấy thứ. Anh cũng nói chơi vậy.

Tôi chen vô câu chuyện đùa giỡn của hai người:

- Chơi hay thiệt khác chi đâu. Nói hoài cũng vậy. Tốt hơn Kiều Lệ Mai nhịn đi, đỡ hao tổn công sức tranh luận, lo hát bản *Lý Giao Duyên* tập chung với Minh Đức cho xong màn chót mới có một khúc bánh mì cầm hơi.

Kiều Lệ Mai nói:

- Hát thì hát.

Lý Giao Duyên là một trong nhiều giọng *Lý*: *Lý Ngựa Ô*, *Lý Huế*, *Lý Con Sáo*, *Lý Lưu Lã*.

Lý Giao Duyên

*Đã hai thu, chàng đâu vắng bắt?
Thương nhớ đến chàng, thương
nhớ đến chàng.
Trần trọc năm canh.
Hồi này chàng ôi, khuya sớm cô phòng,
Rẽ cặp giao loan, lẻ cặp oan ương!
Chỉ lia kim, tỷ niêm chồng vợ,
Xa mối tơ tình, thêm rối tơ lòng.
Dạ tự mình xe!
Này chàng đi, nghe để ngâm sâu.
Đòi đoan héo hon, nào bạn phụng loan?*

Bản Lý Ngựa Ô hát theo hai hồi: Hồi Bắc và hồi Nam. Hồi Bắc điệu lý ca nhanh, đờn nhịp một. Nhưng nếu ca hồi Nam, nhạc sĩ sẽ đờn thật chậm, nhịp Tu và nhịp loi một chút.

Lý Ngựa Ô Bắc

*Kính thua, kính thua Viên tử, danh gia.
Chồng tôi thi khóa, đã quá hai năm,
Ngu trầm nhận yếu, đậu không chưa hiểu.
Bỏ tôi một mình.
Ý! một, một mình, bỏ tôi một mình quanh hiu.
.....
Ý hồng, hồng rồi, hồng rồi, hết trông
Anh, ảnh về, ảnh về đã lâu!*

Điệu Lý Huế ca bắt hồi nhẹ, ngân chậm và nhịp tư loi.

Lý Huế

Con ôi!

Bởi nghe tin sét đánh kia

làm cho mẹ rất đổi đớn đau,

Nghe những lời bất hạnh nọ,

mẹ càng thêm nỗi xúc tâm.

Mẹ lỡ tay đã sỉ mạ nó quá lời,

Chắc giờ đây nó sanh oán hận,

Sẽ kiếm điều hại mẹ con ta!

.....

Bây giờ cũng đã khuya rồi,

Xin mẹ vào phòng nội nghỉ an.

Việc lánh thân, sáng mai ta sẽ luận bàn.

Bản *Lý Con Sáo*, có một thời còn gọi là *Lý Tam Thất* ca theo hơi Nam. Trong bất cứ vở tuồng *Cải Lương* nào cũng có xài bản *Lý Con Sáo*.

Lý Con Sáo

Ôi! xót xa ngóng đợi bóng

người chinh phu,

Mà đâu nào thấy chi.

Tôi đây mới xin phép mẹ già,

Cho tôi lướt dặm trường.

Xuống trường thành để hỏi thăm ai,

Cho rõ câu rui hay là may.

Không thể nào ngồi mãi nơi đây,

Ôi! đớn đau, muôn đáng ngàn cay!

Kiều Lệ Mai có giọng ca cao vút, lạnh lót. Cô có thể đóng vai đào lẳng lẩn đào thương, tên thật Thérès Parret. Nhập môn ngành Cải Lương năm 1965 hát đoàn *Thủ Đô* của ông Phan Văn Bản (Bầu Ba Bản hiện sống ở tiểu bang California, Hoa kỳ). Kiều Lệ Mai diễn xuất vở tuồng đầu tiên trong đời, thủ vai đứa con của Trần Thế Mỹ: *Bao Công Xử Án Trần Thế Mỹ*.

Sau đoàn *Thủ Đô*, Kiều Lệ Mai hát cho các đoàn: *Hoa Thủy Tiên* của bầu Tư Hiếu; *Trăng Mùa Thu*, bầu Vồ Hồng Nho; *Kim Chung*, bầu Long; *Thanh Minh Thanh Nga*, bà bầu Thọ; *Thái Dương*, bầu Tôn Ngọc Chắc.

Sau khi Cộng Sản chiếm nốt miền Nam, Kiều Lệ Mai đầu quân đoàn Tiếng Ca *Trung Hiếu* diễn thường trực tại rạp Trần Hữu Trang (Soạn giả Trần Hữu Trang, người soạn vở tuồng *Đời Cô Lựu* phục vụ Cộng Sản từ năm 1948. Năm 1955 tập kết ra Bắc. Năm 1957 hồi kết vào Nam, trưởng ban Cải Lương Nam Bộ chiến khu D, Dương Minh Châu. Năm 1969 trên đường “hành quân” qua Dầu Tiếng, tử thương vì trúng bom B52). Kiều Lệ Mai cùng chồng là nghệ sĩ Minh Đức “hồi hương” về Pháp theo qui chế con lai, hiện định ở ngoại ô Paris, mưu sinh bằng nghề thợ may.

Minh Đức sanh ngày 6-6-1938 tại làng Long Tuyền tỉnh Cần Thơ. Học chưa xong bậc trung học, bỏ ngang xách hành lý đi giang hồ. Ban đầu, anh tưởng lầm do “hoàn cảnh” đưa đẩy anh vào sự nghiệp ca hát. Ngày càng lớn tuổi, anh mới hiểu rõ tâm trạng anh, chạy theo Cải Lương chẳng qua vì có máu nghệ sĩ. Minh Đức hát rất mùi, giọng truyền cảm, vào nghề năm 1958, rất vất vả. Khởi đầu sự nghiệp, anh chuyên môn đứng bên trong cánh gà nhắc tuồng cho đoàn *Thanh*

Tao, không có lương nhưng được ông bầu cho ăn cơm lây lất qua ngày. (Kép Thanh Tao hát cho gánh *Nam Thanh* được một thời gian thì tách ra lập đoàn riêng làm bầu. Thanh Tao xuất hiện trên sân khấu từ những gánh đồng ấu như *Thủy Phát Huệ, Tân Thiếu Niên, Văn Hí Ban, Hề Lập, Tân Thịnh, Thái Bình, Kim Thanh...* trước khi trở thành ông bầu gánh Thanh Tao. Nhờ giọng ca đặc sắc Thanh Tao từng thi kép chánh ở nhiều đoàn, khán giả thích nhất vai Diệp của anh trong vở *Lan Và Diệp*. Về sau không rõ vì lý do gì anh bỏ sân khấu vào chùa tu. Hiện nay Thanh Tao là một vị đại đức trụ trì chùa Giác Viên ở Gò Vấp). Khoảng 1 năm sau, ông bầu Lữ Văn Khuê, gánh *Hữu Tâm* thương tình, ký giao kèo trị giá 5.000\$, kêu về đoàn của ông phô diễn tài nghệ. Ông bầu Khuê người đầy nhân nghĩa, có tánh thương em út, nhận Minh Đức làm đệ tử ruột. Ông dạy Minh Đức điệu bộ, đi, đứng ngồi, mảnh khỏe diễn xuất chinh phục khán giả. Ông hết lòng truyền nghề cho Minh Đức. Dầu vậy, anh vẫn đóng kép phụ quanh năm. Nghệ sĩ Cải Lương muốn lên, muốn nổi danh, ngoài thiên tài ra còn phải có dịp may. Thật là một dịp may hiếm có, tự dung kép chánh Bữu Tài lần đùng ra đầu màng óc, ông bầu khẩn cấp đưa Minh Đức lên thay Bữu Tài. Bất được chỗ đứng kép chánh, Minh Đức khiêu nại ông bầu ký giao kèo hai năm. Qua vai Hòa thượng chủ trì chùa Thiên Mục trong vở *Tiếng Chuông Thiên Mục* của hai soạn giả Bạch Diệp-Minh Nguyên, Minh Đức được khán giả chấm điểm vai này là vai “để đời” của anh.

Mãn kế ước, anh về đoàn *Thủ Đô* rồi lần lượt hát cho các đoàn: *Hoa Mùa Xuân* (tiền thân của đoàn *Dạ Lý Hương*), *Hoa Thủy Tiên, Trăng Mùa Thu, Thanh Minh Thanh Nga, Kim Chung 5, Thái Dương I, v.v.*

Sang Pháp, trời đã sanh nghệ sĩ sống chỉ để giúp vui cho đời nên không rưới ân huệ cho một cái nghề chắc chắn trong tay, Minh Đức đi làm và thất nghiệp. Nhưng thất nghiệp lâu hơn đi làm, thất nghiệp “trăm kha”, tức thất nghiệp kinh niên. Anh có một ước vọng duy nhất: chờ ngày về Việt Nam và mong cho mau đến tuổi khai lãnh trợ cấp tiền già. Tuổi của anh, theo luật nước Pháp: xin việc thì quá già, còn xin hưu trí phải đợi thêm 11 năm nữa!

* * *

Năm 1949, soạn giả Hát Bội Ba Luông - sau này làm Phụ tá Ban Văn Nghệ Liên Minh Cao Đài của tướng Trình Minh Thế, bầu gánh *Hát Bội Ngưu Lang* (lưu diễn trong chiến khu, hát những vở có tác dụng khuyến khích đến lòng ái quốc, chống Pháp, chống Việt Minh, cổ võ tinh thần binh sĩ Cao Đài) - học lớp Đệ Ngũ trường Trung Học Lê Văn Trung (Tòa Thánh Tây Ninh). Mỗi khi chấm bài Việt Văn bình giảng thơ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, v.v. thầy Phạm Tài Đoàn kêu Ba Luông lên bàn, đứng thẳng người, chụm 5 đầu ngón tay lại và thầy khê lên mấy đầu ngón tay ông đau điếng. Đây là một hình phạt thầy rắn dạy học trò về cách viết chính tả, sai văn phạm. Ba Luông ương ngạnh không viết theo qui luật nhà trường dạy, tự ý thành lập cú pháp, tự ý viết phóng túng, buông thả theo dòng tư tưởng, muốn viết sao thì viết, không lưu tâm đến một mệnh đề, chủ từ nằm ở đâu, động từ và túc từ nằm chỗ nào.

Thầy Phạm Tài Đoàn giảng: “Các em viết một câu văn, qui luật văn phạm phải hội đủ những “từ” như sau: Danh từ, quán từ, tính từ, đại danh từ, động từ, giới từ, liên từ và thán từ.

Các em học thuộc nhé. Học quên trước lú sau thì ăn đòn, đừng trách thầy khó khăn.

Nhìn lên bảng, lắng tai nghe thầy dạy đây nè.

Động từ giữ nhiệm vụ diễn tả một hành động hay một trạng thái.

Danh từ chỉ người hay vật làm gì hay bị làm gì, nó còn xác định một trường hợp nào của cái hành động ấy nữa.

Quán từ nhằm xác định danh từ, cho biết danh từ giống đực hay giống cái, số nhiều hay số ít.

Tính từ chỉ một tính chất hay xác định danh từ. Đại danh từ thay cho danh từ hay chỉ người hành động hay thụ động.

Trạng từ là để thay đổi ý nghĩa một tính từ, một động từ hay một trạng từ khác.

Liên từ và giới từ là nối tiếp các chữ hay các nhóm chữ.

Một câu gồm có một hay nhiều mệnh đề. Thường lệ một mệnh đề có một động từ, một hay nhiều chủ từ, túc từ hoặc thuộc từ.

Thí dụ: *Bóng đèn soi sáng con đường.*

Câu trên có độc một mệnh đề, vì có một động từ “*soi sáng*”, một chủ từ “*bóng đèn*” và một túc từ “*con đường*”.

Động từ là cột trụ của mệnh đề. Nó cho biết về hành động cũng như thời gian hành động của chủ từ, cho biết chủ từ là chủ động hay thụ động, và cho biết tình trạng của chủ từ.

Thí dụ: *Tôi chơi một mình trong buồng.*

Chữ “*chơi*” là động từ, các em hiểu chưa?”

Cả lớp cùng trả lời một lúc: “Dạ hiểu, thưa Thầy”.

Ngày lớn lên, Ba Luông bỏ lại nhà trường những gì ông đã học. Không phải ông phụ ơn thầy, nhưng bị ảnh hưởng bởi hơn một năm sống nghề viết đơn mượn. Cần có tiền còm dần túi, tối ngày ông lẩn quần trước cửa xã Hiệp Ninh (Quận Phú Khương, tỉnh Tây Ninh) kiếm mối. Phần lớn ông già bà cả thôn quê lười biếng soạn đơn từ xin cần cước, sổ gia đình, trích lục khai sanh, v.v. Họ tới xã, dựng xe đạp trước một cái quán cà phê, khoán cho ông viết. Mỗi lá đơn tính thù lao trung bình 1 cắc (hồi ấy một cắc mua được một gia lúa).

Thời đó mẫu đơn gởi chính quyền chứng thực giấy tờ hộ tịch không in sẵn như những năm cuối thập niên 50. Người đứng đơn xin chứng thực, muốn viết sao thì viết và ông chủ tịch xã có hài lòng không, hoàn toàn chiếu theo sự tùy hứng của ông. Hôm nào sanh chuyện lục đục với vợ con, ông chủ tịch khất khe bình luận: “Đơn lỗi chính tả, ý mù mờ, nội dung trình bày kém lễ độ với chính quyền”. Ông chủ tịch mà chê, tờ đơn coi như liệng thùng rác. Người đứng đơn phải về viết lại, gò chữ cho đẹp trên tờ giấy ca-rô và mất toi hết 3, 4 ngày châu chực ăn mày chữ ký ông chủ tịch.

Ông chủ tịch xã Hiệp Ninh, trình độ học vấn chưa qua khỏi bậc tiểu học, khả năng học thức trau dồi trong những tập truyện cổ tích: *Thạch Sanh Chém Chằn*, *Con Tấm Con Cám*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Quan Âm Thị Kính*, v.v. Nhưng ông lại rất thích bắt lỗi văn phạm người khác. Điều hành cơ quan hành chánh xã hoặc đề nghị những cải cách gì thiết thực phục vụ dân chúng đặc lực hơn, ông lo là, chỉ đặt hết trọng tâm vào “thiên chức” rình rập lo bắt lỗi “văn học, chữ nghĩa” trên những lá đơn xin hôn thú, tổ chức tiệc cưới,

di chuyển tở khai gia đình v.v. Ông có biệt tài chê bai bâng dân thiện hạ: “Đồ dốt. Đồ thú chần trâu. Đồ hạ cây rừng...”. Nhưng ông lại quá bất tài khi dùng đến chữ nghĩa cho chính bản thân ông. Ngày được ông quận trưởng đề bạt giữ chức chủ tịch xã, ông quýnh quáng như gà mắc đẻ cạy nhờ một thằng đồ đệ thức trắng đêm rặn từng chữ viết bản tự khai lý lịch, quá trình tiểu sử của ông để nạp lên Tòa Hành Chánh tỉnh làm sổ lương công chức ngoại ngạch.

Đầu óc ông rất bảo thủ, rất ghét những gì đổi thay của xã hội mà người ta gọi là “tiến bộ”. Đối với ông, lẽ sống của con người đặt trên nền tảng “kính lão đắc thọ”. Gặp người cao niên hơn 1, 2 tuổi, dù đang đi bộ giữa đường cũng phải khoanh tay cúi đầu chào kính cẩn và mở miệng hô lớn: “Kính chào ông... Kính chào bà, kính chào chú thím, cô cậu, dì, duợng Bảy, anh chị Tám” vân vân và vân vân.

Đơn gởi chính quyền địa phương, cách hành văn pha một chút “mùi văn” *Phạm Công Cúc Hoa, Thạch Sanh Lý Thông*, chẳng những được ông hết lời khen “văn hay chữ tốt”, mà lá đơn đó còn được ông ký phê cái rụp.

Hiếu rành mạch tim, gan ông xã trưởng, hạng người đói khát sự nịnh bợ, đói khát lời khen tặng, Ba Luông siêng năng viết đơn theo ý ông chủ tịch. Bất cứ xin giấy tờ gì, Ba Luông chỉ có việc sao y bản cũ, trình ông, ông ký cái rẹt. Và đây là mẫu đơn thí dụ:

Việt Nam Cộng Hòa

Xã Hiệp Ninh

Quận Phú Khương

Tỉnh Tây Ninh

Xã Hiệp Ninh, ngày...

Kính gửi: Ông Chủ Tịch Xã Hiệp Ninh.

Trích yếu: V/V xin phép gả con lấy chồng.

Kính thưa ông Chủ Tịch,

Tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn Văn Cam, nghề nghiệp thợ đóng gỗ quan tài, sanh ngày 20-3-1911 tại Trảng Bàng. Vợ tôi tên là Lê Thị Vịt, sanh ngày 19-5-1910 tại Hiệp Hòa, tỉnh Hậu Nghĩa. Vợ chồng chúng tôi hiện cư ngụ SỐ 55/7 Ấp Hiệp Cang, Xã Hiệp Ninh.

Trân trọng đề đơn kính trình ông Chủ Tịch xã vui lòng chấp thuận cho phép gia đình chúng tôi tổ chức một cuộc lễ vu qui tại tư gia chúng tôi vào lúc 11 giờ sáng ngày 5-3-1961 đăng tiền con gái tôi đi lấy chồng.

Kính thưa Ông Chủ Tịch,

Tôi long trọng kính trình ông chủ tịch nội vụ cuộc lễ vu qui như sau:

Nguyên đứa con gái lớn của tôi tên Nguyễn Thị Ở sanh ngày 20-1-1930. Năm nay 21 tuổi, cái tuổi khiến vợ chồng tôi mất ngủ suốt năm canh, sợ nó ế chồng. May nhờ ăn ở có đức, trời Phật thương, nên ban cho nó một sợi tơ duyên kỳ ngộ gặp một thanh niên khôi ngô tuấn tú, tên Võ Minh Lật, thầy giáo trường tiểu học chợ Long Hoa, con trai út ông bà Võ Minh Lượm, chủ trại hòm Từ Bi đã cùng chúng tôi uống ly rượu kết nghĩa sui gia.

Bên họ đang trai sẽ tới nhà chúng tôi lúc 10 giờ 30 sáng. Hai họ lên đèn lạy bàn thờ gia tiên ông bà lúc 11 giờ. 11 giờ 15 phút, Ngài Đầu Phận Đạo Đệ Lục đứng chủ lễ, đích thân đeo nhẫn cưới cho con, rể chúng tôi, 11 giờ 20, hai cháu lạy tạ từ đường, trả hiếu cha mẹ nuôi con đến ngày khôn lớn. 11 giờ 25 phút, dâng gái đái tiệc bên đằng trai. 12 giờ, mặt trời đứng bóng, giờ ngo, bên đằng trai đứng dậy xin phép rước dâu.

Kính thưa Ông Chủ Tịch,

Nuôi con, cha mẹ nào cũng mong con trưởng thành và có bề gia thất đàng hoàng. Cùng chung tâm trạng ấy, vợ chồng chúng tôi mừng đến với dòng lệ trong ngày chứng kiến thấy con mình bước qua cổng vu qui, thấy xác pháo rước dâu nhuộm đầy ngó.

Kính xin Ông chủ tịch mở lượng hải hà, cấp cho chúng tôi giấy phép có quyền mời bà con thân hữu tể tưu đầy đủ ở tư gia chúng tôi và nhờ tám giấy phép mang chữ của ông chủ tịch mà chúng tôi tránh khỏi những điều rắc rối liên lụy đến an ninh trật tự địa phương lỡ có xảy ra bị nhà trách làm khó dễ, xét giấy tờ, thật là ngoài ý muốn của chúng tôi.

Kính ông chủ tịch, núp ân phúc của ông, nhờ đó mà vợ chồng tụi nó ăn ở hạnh phúc đến ngày răng long tóc bạc, tôi xin kết cỏ ngâm vành, mãi đời nhớ ơn ông chủ tịch.

Trong khi chờ đợi sự cho phép của ông chủ tịch, kính xin ông chủ tịch vui lòng nhận nơi đây lòng thành kính và sự biết ơn của tôi.

Trân trọng kính chào ông chủ tịch.

Hoan hô nước Đại Pháp muôn năm

Nay Kính

Làm tại xã Hiệp Ninh ngày...

Ký tên Nguyễn Văn Cam.

Cộng thêm hai chữ “nay kính” ở đoạn kết, lá đơn nâng lên tỷ số 12 chữ “kính”. Chúng tôi đương đơn nể mặt ông chủ tịch đến bậc nào. Phân tích cách hành văn: luộm thuộm, loại ba xu, bình dân học vụ. Mệnh đề đặt lộn đầu lộn đít. Chủ từ, túc từ, động từ biệt tăm âm tích. Ấy thế mà ông chủ tịch lại khoái chí, vỗ đầu Ba Luông cười dòn như pháo

nổ: “Mày viết văn số một. Văn như thế mới là văn. Cứ đứng ngoài cửa chặn khách viết muốn đi con, lá đơn nào của mày viết, tao ký sạch bách, đừng lo”.

Thật ra, viết một lá đơn, theo nguyên tắc: phải trình bày ngắn gọn, ý tứ sáng sủa, lời văn tắt. Tuy nhiên, nếu viết như vậy, Ba Luông lấy gì mà sống. Ông chủ tịch xã chỉ ham đọc những thể văn “gieo vần” cuối câu. Mỗi chữ viết theo “nhạc lý” ngũ âm: *Hò, Xang, Xu, Cống, Liu*. Và văn phong dùng mới mẻ, xua xua một chút, càng nhiều chữ đao to búa lớn càng được lòng ông chủ tịch. Điều thứ hai, tiền công viết một tờ đơn là một cắc. Đại gi viết một trang, người thảo đơn có quyền kéo lòng thông tới hai ba trang. Đơn xin giấy phép đám cưới, tiệc vui, Ba Luông “câu giờ” hai ba trang moi bạc lẻ. Nhưng đừng tưởng bỏ, đơn xin khai tử, giấy phép tống táng, biết khôn nên viết một trang thôi. Khổ chủ khóc bù lu bù loa, nhà có ma chay, cố ý viết dài, tính thêm tiền công, họ nổi cáu và người viết đơn muốn bị ăn tát tai như chơi.

Sau này Ba Luông hiểu ra, ông chủ tịch xách những lá đơn do Ba Luông thảo, đem tới tiệm ông Tư hành nghề bịt rằng kiêm nhạc sĩ đờn cò, phổ thành nhạc *Vọng Cổ*. Người đàn người hát rất tâm đầu ý hiệp.

Cuối tháng 3-1952, một hôm vô trong Quận Phú Khương (Xã Suối Đá, cách núi Bà Đen 2 cây số) bàn việc “quốc sự”, trên đường về, quá giang xe nhà binh, xe cán phải min, nổ văng xuống đám ruộng, mọi người trên xe chết hết, trong số ấy có ông Chủ tịch Xã Hiệp Ninh!

Ông Chủ tịch mới, lên thay thế ông chủ tịch quá cố. Ông này xuất thân cựu sĩ quan Quân đội Cao Đài, học trường Tây, ăn nói lưu loát và có tài điều khiển cơ quan hành chánh

xã. Ông đọc lá đơn viết muốn của Ba Luông xong, đập bàn đập ghế chửi của người đứng đơn:

- Nếu bà còn muốn thằng này viết, tôi cứ để đây, ba năm nữa tôi cũng chưa cấp phiếu xác nhận lý lịch xin căn cước của bà. Nó dốt đặc cán mai. Văn Hát Bội mà nấp lên cơ quan chính quyền, thì còn thể thống gì cái xã Hiệp Ninh này.

Ba Luông đứng cứng đờ như trời trồng, lặng lẽ móc túi hoàn lại tiền thù lao. Từ đó ông mất việc. Cũng kể từ đó đời ông rẽ sang hướng khác, hướng đi về nẻo tối tăm, lơ dờ cuộc đời, ngùi ngẫm dĩ vãng, chết chìm cả tương lai! Ba Luông bỏ học, tập soạn Cải Lương, Hát Bội với bầu nhiệt huyết say sưa yêu nước, tình nguyện gia nhập hàng ngũ Liên Minh Kháng Chiến Cao Đài.

Đoạn kết cuộc đời Ba Luông, chúng tôi sẽ trình bày nơi chương 16.

Theo lời nghệ sĩ lão thành Ba Vân kể lại cho chúng tôi nghe vào năm 1974 về những khó khăn của diễn viên trên sân khấu lúc cải lương còn ở thời kỳ phôi thai, thì trong thời gian này, cải lương chưa có mi-cò-rô. Vì thế các diễn viên phải cất tiếng hét thật lớn thì khán giả mới có thể nghe được. Thuở ấy rạp cũng chưa có, các gánh hát thường hát ở các bãi đất trống ngoài trời, hay các rạp che bằng tranh, bằng lá cây bàng, các đình miếu, nhà lồng chợ... Vì thế nghệ sĩ phải luyện sao cho giọng hát thật to, vì nếu hát với độ âm thanh bình thường thì chắc chẳng ai chịu mất tiền đi xem các diễn viên chỉ cử động miệng trên sân khấu!

Để khai thông giọng, hát cho được thật lớn, nghệ sĩ phải luyện giọng hàng ngày. Người thì chui đầu vô lu nước la hét

thật to, người thi dùng khăn lông nhúng nước ướt bịt miệng lại mà la, la đến khàn hơi tắt tiếng! Luyện như vậy cho đến khi thành thói quen, hở miệng thì lúc nào cũng có thể hát lớn tiếng được.

Mãi cho đến năm 1948, mới bắt đầu có mi-cờ-rô trên sân khấu, đầu tiên là sân khấu *Việt Kịch Năm Châu*. Ông Năm Châu đã đặt mua mi-cờ-rô bên Pháp, đem về trang bị cho sân khấu, bắt chước sân khấu của các nước Âu Châu, nhưng lúc đầu chỉ mới có được một mi-cờ-rô trên sân khấu, tuy có lợi là giúp cho diễn viên đỡ tốn hơi sức hát to, nhưng cũng gây trở ngại rất nhiều cho việc diễn xuất, vì chỉ có một mi-cờ-rô đứng giữa sân khấu, mỗi lần tới phiên mình nói hay hát, diễn viên phải chạy lại mi-cờ-rô nên bị chi phối hoàn toàn. Sau đó nhiều gánh khác cũng mua mi-cờ-rô về trang bị cho sân khấu, họ gắn mi-cờ-rô núp sau cánh gà, nhưng cũng không có tác dụng bao nhiêu, các diễn viên muốn khán giả nghe rõ cứ phải đứng dạt ra hai bên cánh gà.

Các đoàn lại nghĩ ra cách cột dây kéo mi-cờ-rô chạy qua chạy lại trên nóc sân khấu (do người núp hai bên cánh gà kéo), kiểu kéo dây này lại gây nhiều rắc rối khác, lại còn đòi hỏi người kéo dây cũng phải thuộc tuồng thì mới có thể kéo trùng khớp với thời gian ca diễn của từng diễn viên. Lúc đầu xảy ra nhiều chuyện rất tức cười. Diễn viên vẫn bị chi phối nhiều về cái mi-cờ-rô, nhất là những người mới vô nghề, còn “nhát” sân khấu, đang đóng tuồng sắp đến phiên mình hát, nghe tiếng mi-cờ-rô chạy “rẹt rẹt” trên đầu giựt mình quên mất bài ca. Hay có người đang ngồi diễn, tới phiên mình hát, vừa đứng dậy, không ngờ người kéo mi-cờ-rô không biết trước nên thả dây thông theo tư thế của

người ngồi, cho nên bị mi-cò-rô gõ lên đầu đau đینگ mà vẫn phải “gồng mình” để diễn tiếp tục.

Viết tuồng Cải Lương khó nhất là phải làm quen lối hành văn theo cung bậc ngũ âm : *Hò, Xang, Xu, Cống, Liu*. Điều nhức đầu nhức óc kế tiếp là đặt bài ca trùng chỗ, hợp tình hợp lý với tâm trạng nhân vật, thời gian diễn biến của cốt truyện.

Cải Lương hát nhiều giọng: *Bắc, Nam, Oán, Lý, Ngâm, Bình*, v.v. Mỗi giọng hát thể hiện một tiết điệu riêng biệt, giọng này không giống giọng kia. Soạn tuồng, căn cứ vai trò nhân vật vui, buồn, giận, sợ hãi để sắp xếp bài bản đúng chỗ. Bản nào phù hợp với vai tuồng với tình cảnh mới xài đến. Soạn giả đặt bài bản sai vị trí, chứng tỏ soạn giả chưa rành bộ môn Cải Lương. Vai hoàng đế mà bắt ca bản *Lý Giao Duyên*, nghe vừa chướng tai vừa hiển lộ nghề nghiệp ông thầy tuồng còn nằm ở bậc sơ đẳng. Bài *Lý Giao Duyên*, từng câu ca sắp theo “nhịp ngoại”, điệu buồn buồn, than van số phận không may. *Lý Giao Duyên* thông thường dành cho *Đào Lý* phô bày tâm sự khi thương nhớ chồng hay người yêu đi xa, lâu lắm không thấy quay về.

Khi phân cảnh, nhằm cảnh vui, soạn giả “gài” ở cảnh này điệu ca *Bắc* với những bài bản: *Xang Xư Lúu, Sơn Đông Hướng Mã, Thu Hà, Long Hồ Hội, Khóc Hoàng Thiên, Khổng Minh Tọa Lầu, Ngũ Điểm Mai, Bài Tạ, Tam Pháp Nhập Môn* cùng các bản *Bắc* mới sáng tạo thập niên 60.

Cảnh diễn giận hờn, viết: *Kim Tiền, Mẫu Tâm Từ...*

Cảnh ưu sầu, viết: *Xuân Nữ, Văn Thiên Tường, Tú Đại, Phụng Hoàng, Giang Nam, Phụng Cầu, Ngâm, Thán...*

Cảnh đối thoại, viết: *Thủ Phong Nguyệt, Lưu Thủy Trường, Tây Thi, Cổ Bản, Xuân Tình, Xàng Xê...*

Cảnh buồn sanh ly tử biệt, viết: *Nam Xuân, Nam Ai, Chuồn Chuồn, Sương Chiều, Hành Vân...*

Đặc biệt chỉ bản *Vọng Cổ*, soạn giả viết “muốt ca mới ngọt”, có thể xử dụng bất cứ cảnh nào trong tuồng: hi, nộ, ái, ố.

Công thức viết một vở tuồng, tùy theo thời đại, dù có xê dịch chút ít, nhưng tựu chung vẫn tôn trọng 4 yếu tố nồng cốt: Chọn đề tài, sáng tạo nhân vật, bố cục cốt truyện và gọt vắn.

Cải Lương là một bộ môn tuyên truyền khắc phục tâm lý quần chúng rất công hiệu. Thấy tuồng nên cẩn thận và xây dựng vở kịch có “hậu”, nêu gương tốt hướng dẫn con người. Nhất là trẻ em lúc xem Cải Lương, thấy vai trung thần hiền hòa, có tình thương người, trí óc tiềm nhiễm theo vai trung. Thấy vai nịnh độc ác, các em biết ghét vai ác. Sự kiện này có tác dụng “khai tâm” các em, lớn lên các em biết điều phải điều quấy khi lẫn vào xã hội tránh gây những việc xấu, phân biệt giữa chính nghĩa và tà ác để thành người hữu dụng cho đất nước.

Soạn giả bất lương, đánh mất bản năng bẩm sinh của một nghệ sĩ chân chính, chiều thị hiếu xã hội dựng những cốt truyện lả loi trụy lạc trình bày trước muôn vạn người thưởng ngoạn sẽ gây tai hại không nhỏ cho các thanh niên nam nữ. Các em bắt chước nhân vật trong vở kịch đem áp dụng ngoài đời, tâm hồn chai đá, ác cảm, sống loạn làm tổn thương đến luân lý tổ tiên, phá nát thuần phong mỹ tục. Loại soạn giả này tên tuổi sẽ bị hoen ố và còn đặc tội với quê hương.

Tốt hơn, nên viết những tuồng dựa theo một giai đoạn lịch sử, một khía cạnh của xã hội hiện đại, nội dung hàm chứa gương trong sáng, tâm hồn cao thượng: Trung, hiếu, nhân, nghĩa. Những vở tuồng khuyến dụ con người sống lành mạnh tâm hồn, kính trọng đạo đức thường là những vở tuồng không bị thời gian quên lãng và trải qua nhiều thế hệ vẫn còn có giá trị.

Nhà soạn tuồng Cải Lương cần chú ý đến năm nguyên tắc quan trọng nhất của nghề nghiệp:

- Tối kỵ dựng một vở từ màn đầu đến màn cuối toàn những nhân vật xảo trá, độc ác. Song song việc ác, tất nhiên phải có việc thiện phản chiếu lại.

- Nhân vật xảo trá dù mô tả cực ác đến mức độ nào, soạn giả không nên cho vai ác đè bẹp vai lương thiện. Đoạn kết vở tuồng bắt buộc hiển gặp hiền, thiện thắng gian ác.

- Trên lĩnh vực tình cảm, nên viết những mối tình cao thượng, đề cao sự thủy chung, trung hiếu thắng tình, nghĩa nhân thắng tình, danh dự thắng tình. Tuyệt đối tránh ca tụng những mối tình hạ cấp, cổ vũ sự phản trắc, v.v.

- Sáng tác một cốt truyện, tình tiết éo le, trái ngang đến đâu, đoạn kết thường để giáo huấn, khuyên răn người xem hấp thụ cốt truyện lành mạnh, nói lên tinh thần hy sinh, bốn phận con người, kẻ gian tà sau cùng gánh chịu luật nhân quả, tạo ác sẽ nhận nghiệp dữ.

- Cấu tạo xong cốt truyện, phóng bút sao cho hợp lý, có thủy có chung. Màn cuối kết cuộc rõ ràng, không nên bỏ dở nửa chừng mặc khán giả đoán mò, nghĩ sao cũng được.

Ngay lúc lựa đề tài dựng vở kịch, soạn giả cần đặc biệt chú ý đến hoàn cảnh thực tế và nội dung cốt truyện. Viết hoang đường những bối cảnh không thực tế, hiện trạng xa rời những sự việc có thật ngoài đời, ông thấy tưởng sẽ bị phê bình là mắc bệnh tâm trí. Khi cầm bút, luôn luôn tự hỏi: “chuyện mình sắp hạ bút có thể xảy ra ngoài xã hội không?” Nhận thấy khó có thể xảy ra, hay hơn hết là đừng tưởng tượng quá mức tưởng tượng.

Soạn giả trước khi phóng bút dựng vở kịch phải biết giọng ca, sở đoản, sở trường của diễn viên trong gánh hát thích hợp với vai trò nào. Căn cứ vào sở trường của từng đào kép để sáng tạo nhân vật. Thí dụ anh kép A giọng trầm, sở trường chuyên thủ vai “kép mùi”. Anh B giọng kim, chuyên diễn vai “kép độc”. Cô Đ giỏi hát “đào lẳng”, Cô E nổi bật vai “đào thương”, anh kép H biệt tài chọc cười thiên hạ, đóng vai hề.

Soạn giả nắm chắc sở trường và tài năng riêng biệt của mỗi ca sĩ, phân biệt rõ những ưu khuyết điểm rồi mới tạo thành nhân vật đúng với biệt tài của diễn viên. Dùng nhân vật trong tưởng khai thác giọng ca, khả năng diễn xuất của họ. Vở tuồng nhờ đó được khai triển đến mức tối đa, nâng cao giá trị và khán giả say mê theo dõi. Vở tuồng viết “cao siêu” tới đâu, nếu giao cho những diễn viên bất tài, thiếu khả năng không lột hết tinh thần của nhân vật trong tưởng thì vở kịch đó coi như vứt đi.

Người khai sanh ra nhân vật thì phải biết cách sử dụng nhân vật. Nhân vật trong kịch khác xa nhân vật trong tiểu thuyết. Vì thế soạn giả đừng viết tràng tráo những lời đối thoại như: Tôi thương em. Tôi giận anh. Tôi buồn em. Tôi

ghét em. Nội tâm nhân vật chỉ được khơi lên bằng động tác, bằng cử chỉ, bằng điệu bộ. Nó không thể rập khuôn theo tiểu thuyết nói bằng lời, bằng câu văn viết lên giấy.

Con số nhân vật sáng tạo vừa đủ, không viết ít, không viết quá thừa, đoàn có bao nhiêu nghệ sĩ, tuồng sáng tạo bấy nhiêu nhân vật. Vở tuồng Cải Lương theo thông lệ, các vai tối thiểu phải có: 1 vai mẹ, 1 vai lão, 2 vai kép mùi, 1 vai kép độc, 2 vai đào thương, 1 vai đào lẳng, 1 hoặc 2 vai hề. Những vai vừa trình bày toàn những vai chính. Riêng vai phụ, muốn sáng tác bao nhiêu, tùy sở thích soạn giả,

Vở tuồng đã tạo ra vai nịnh hoặc vai độc ác, soạn giả phải kiểm chế những vai đó ở nguyên một lập trường từ khi mở cho đến lúc hạ màn. Điều tối kỵ là nửa chừng bỗng nhiên soạn giả cho các vai đó thay đổi tính tình, tâm địa, vị trí, v.v.. Hễ đã tạo vai ác thì vai ác giữ vững vị thế từ đầu đến cuối. Nhiều khi soạn giả có thể cho nhân vật ác sám hối ăn năn vào màn chót, vớt vát lòng thương hại của khán giả. Nhưng hay hơn, hãy để vai gian ác tự xử cho ăn khớp với tâm lý quần chúng: vay máu phải trả nợ máu.

Viết một quyển tiểu thuyết, tác giả không cần moi óc sáng tạo nhân vật trước khi cầm bút. Tác giả tự nhiên kể những sự việc có thật ngoài đời sống. Viết một vở tuồng, phương pháp cấu tạo khác xa phương pháp soạn một cuốn tiểu thuyết. Thời gian diễn một vở tuồng từ 2 đến ba tiếng đồng hồ, nhưng nó lại thay thế và đánh dấu cho một khoảng thời gian từ 24 giờ và kéo dài đến nhiều năm sau. Vì vậy, việc đầu tiên soạn giả phải sắp xếp lớp lang, phân cảnh, phân màn. Màn là một đoạn dài trong vở tuồng. Một màn có khi một cảnh, có khi nhiều cảnh. Muốn đổi màn, soạn giả cho

hát màn đề-co phít, diễn lớp phụ kéo thời giờ để nhân công đổi cảnh cho màn sau. Trường hợp tuồng bố cục có ba màn, diễn viên khởi đứng hát ngoài cảnh đề-co-phít.

Mỗi màn lúc khép hay khi mở, nhân vật tuồng vô hay trở ra sân khấu đều phải có lý do, có vẻ tự nhiên và đúng lúc. Tránh để diễn viên ra vô một cách tự do, bất ngờ, khán giả sẽ có cảm tưởng: bố cục giả tạo, mất vẻ tự nhiên.

Dụng tuồng Cải Lương rắc rối nhất là khi hạ màn. Diễn viên đóng tuồng nên diễn điệu bộ gì, nói, ngâm thơ hay ca một bản gì để kêu gọi cảm quan khán giả nhằm giúp cho thời gian hạ màn bớt phần sống sượng.

Đội phân màn xong hãy viết tuồng. Cảnh xảy ra trước viết trước, cảnh xảy ra sau viết sau. Muốn hay, câu chuyện nên phát triển lớp lang, thú vị. Quan trọng nhất là điểm “thắt gút”. “Gút” ban đầu thắt thật chặt khi mở thì mở dần dần. Thắt lỏng lẻo, rối rắm, lộn xộn làm khán giả mất công tìm hiểu cái “gút” nằm ở chỗ nào, khiến họ mất đi hứng thú. Mở “gút”, mở một cách bình thường không viện dẫn sự huyền bí, phép mầu nhiệm xa rời thực tế và thuận lý với vở kịch.

Màn một, màn “khai đề” giúp khán giả có nhận thức biết vở kịch xảy ra dưới hình thức nào. Giai đoạn này soạn giả “cột mối dây” thắt thành “gút”, vai chánh xuất hiện để khai triển cốt truyện.

Màn hai là đoạn “kịch biến”, cốt truyện diễn tới ra sao. Ở đoạn hai, thầy tuồng thường sử dụng những “miếng kịch” rất khéo léo, rất tự nhiên. “Miếng kịch” là những hành động đột ngột, bất ngờ, xảy ra quá nhanh, quá táo bạo gây cho khán giả một cảm giác sùng sốt hoặc sợ hãi.

Màn ba là giai đoạn mở “*gút*”, kết thúc vở tuồng. Có nhiều cách mở “*gút*”. Lấy một cách làm thí dụ: Hai vai chánh đều là anh em một cha một mẹ nhưng vẫn đối xử như kẻ thù nghịch vì cả hai không biết nguồn gốc của mình. Đến khi tháo *gút*, hai vai chính mới hiểu mình là anh em ruột thịt. Đây là lối “kết” tuồng theo “phương thức nhận diện”. Lối kết thứ hai, kết “*biến cách*”. Vai chánh gặp tai họa sắp nguy hiểm tính mạng, tình thế bị đảo ngược bất ngờ. Vai phụ xuất đầu lộ diện giải cứu. Người thi ân, người mang ơn nghĩa bèn cùng nhau kết bạn tri âm.

12.

Xuất hát *Tình Sử Công Chúa Huyền Trân* lỗ nặng, lỗ thê thảm! Nhưng tình hình nội bộ đoàn *Tiếng Hát Quê Tôi* không vì thế mà thất vọng, gây lúng cùn, đưa đến sự rạn nứt. Anh em lại càng thêm đoàn kết, cương quyết tiếp tục phát huy sân khấu Cải Lương hải ngoại. Rải rác trong tác phẩm này, như chúng tôi đã viết, nghệ sĩ dù tuổi “măng non” hay xế chiều, sân khấu vẫn là điểm tựa duy nhất để cung phụng món ăn tinh thần. Họ chấp nhận nghèo, chấp nhận sự thách thức của định mệnh, trực diện trước mọi tình huống đau thương, nhưng không chịu nổi cảnh xa lìa bức màn nhung, ánh đèn sân khấu, chôn vùi tiếng hát vào chốn lãng quên. Do đó, nếu công khai giải thích các lý lẽ tại sao nền Cải Lương VN ở Pháp rồi đây sẽ chết yểu, anh em sẽ một mực phản đối: “Miệng ăn mắm ăn muối, đừng trù ẻo bậy”.

Những năm 1982-1989, đoàn *Tiếng Hát Quê Tôi* lưu diễn bên Hoa Kỳ, tại những thành phố đông người Việt

cư ngụ như: Los Angeles, Santa Ana, Anaheim, San Diego, Long Beach, San Jose, Oakland, San Francisco, Seattle, Salem, Oregon, Phoenix, Arizona, El Paso, Dallas, Houston, Orlando, Minnesota, Tampa, Florida, Miami, Atlanta, Louisiana, New Orleans, Birmingham, New York, Arlington, Virginia, Carolina, Dakota, Chicago, Ohio, Kentucky, Alabama, v.v. Đến đâu khán giả nhiệt tình ủng hộ đến đó. Nhưng kết quả tài chánh thì không đủ chi dụng cho sở phi lưu diễn. Đoàn *Tiếng Hát Quê Tôi* phải tuyên bố tan hàng ngày 20-1-1990.

Giữa buổi họp thu hẹp trong phạm vi nội bộ, anh em giành nhau phát biểu những sáng kiến “độc đáo” nhằm cứu vãn sân khấu Cải Lương hải ngoại. Dũng Thanh Lâm, một trong ba kép hát đẹp trai (Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm), làn hơi trầm bổng, truyền cảm, ký giao kèo cao nhất nước từ 3 triệu tới 4 triệu rưỡi vào cuối thập niên 60, nêu lên tinh thần hy sinh cá nhân:

- Theo tôi, muốn có phương tiện hát lâu dài, chúng ta hủy bỏ cái khoản nhận thù lao. Chúng ta cùng đồng ý “hát chùa”, hoặc nếu có lấy, lấy tượng trưng đủ tiền đi xe lửa thôi.

Hữu Phước sành sỏi hơn, phân tích tỉ mỉ:

- Vấn đề không phải thù lao ít hoặc nhiều. Không phải hy sinh trọn tru như Dũng Thanh Lâm vừa nói mà có thể trình diễn trường kỳ. Vấn đề là phương tiện sân khấu thiếu thốn mọi mặt. Tôi kể vài khuyết điểm để anh em nhận xét và điều chỉnh những khuyết điểm đó nếu thật tâm dấn thân vì nghề nghiệp.

Khuyết điểm đầu tiên hãy nhìn nhận rằng kỹ thuật sân khấu Cải Lương ở đây vô cùng tụt hậu. Tranh cảnh trang

trí sơ sài, họa sĩ vẽ bừa bãi, không phù hợp với không gian của vở tuồng. Cảnh nghèo không ra nghèo, cảnh giàu không ra giàu. Thiếu chuyên viên trong nghề nên nghệ thuật dàn cảnh vừa chấp vá vừa tỏ ra khinh thường khán giả. Cảnh màn một dựng cho cốt truyện xảy ra ở thôn quê, nhưng vẫn xài tiếp tục ở màn hai, màn ba cho cốt truyện diễn ra nơi đô thị. Thành phố xe cộ dập diu, các tòa nhà bình-đỉnh cao ngút, hoạt cảnh rộn rịp, nhưng lại lấy cảnh đồng quê vắng vẻ, đàn cò bay giữa lưng trời, bầy trâu hớn nhiên gặm cỏ thay thế cảnh thành phố. Người xem sẽ có ấn tượng chương tai gai mất. Người có trực tính xây dựng, thẳng thắn chỉ trích chúng ta: các anh làm ăn thiếu trách nhiệm, viện có khó khăn về mặt kỹ thuật bởi nhân tài kiệt hết trong nước, cho nên cứ mặc sức múa gậy vườn hoang, chấp nối đầu gà địt vịt, bán vé lấy tiền bỏ túi theo lối ăn giựt, bỏ chạy.

Ánh sáng sân khấu Cải Lương, loại ánh sáng “trộn màu” theo quy luật: xanh pha đỏ, vàng pha tím, hồng pha màu xanh lục... Khi bắt đầu đèn rao nói Lối hay Thán “gối” đầu bản Vọng Cổ, đèn chuyển từ sáng trắng sang xanh lơ. Vừa lấy hơi vô Vọng Cổ, ánh sáng chuyển qua xanh đậm. Xuống Vọng Cổ dứt “lái” Hò, đèn bật qua màu đỏ.

Diễn viên ca dứt câu một, ngừng chữ *Cống*, ánh sáng quay trở về màu vàng lơ. Pha màu, trộn màu, đổi màu trên sân khấu, người chuyên viên đó phải sống với Cải Lương tối thiểu 3, 4 năm, rành nghề, một loại chuyên viên có năng khiếu về thẩm mỹ sân khấu: buồn pha màu gì, giận màu gì, vui màu gì và hờn ghét thay đổi ánh sáng màu gì, v.v.

Tôi xin kể luôn những thiếu sót về giàn nhạc. Trên lãnh vực sân khấu, nhạc là yếu tố chính, đóng vai trò nòng cốt

với nhiệm vụ “*đưa hơi, bè hơi*” giúp ca sĩ cất lên tiếng hát và diễn xuất theo lời nhạc đã đạt thành bài bản. Ca sĩ hát mà không có đờn phụ họa nghe rất chướng tai. Và lời nhạc chẳng bao giờ trở thành nhạc nếu không có tiếng đàn tạo ra âm thanh, điệu nhạc.

Ở Pháp và Hoa Kỳ, người Việt biết chơi đờn Vọng Cổ chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Gần hai triệu người tỵ nạn, tổng số người biết đờn cổ nhạc có tính cách tài tử, nghĩa là đờn đủ bài bản có khoảng 7 người. 1 người ở Paris, 2 người bên Mỹ, 2 người bên Úc và 2 người bên Gia Nã Đại. Còn như tìm một tay đờn cổ nhạc sư, đờn “nghề” như Năm Cờ, Văn Vĩ, Hai Thom, Út Trong, Hai Biểu, Bảy Bá chắc có lẽ phải chờ thêm 50 năm nữa. Trong khi đó một đoàn Cải lương, nhu cầu của giàn đờn đòi hỏi từ 6 đến 11 cây đàn. Tối thiểu cũng phải sáu cây. Thế nhưng chúng ta qui tụ chỉ được có hai cây đờn, một cây guitare và một cây tranh. Hai cây đờn gồng cho một sân khấu, tiếng nhạc nghe lỏm chỏm, làm nguội lạnh một buổi trình diễn văn nghệ. Người ca không hứng thú, người nghe cảm thấy chán phèo vì nó có vẻ gượng gạo, mất đi sức hấp dẫn của một bộ môn vốn màu mè, rườm rà về mọi phương diện.

Nhưng biết làm sao hơn khi mà đời sống tha hương còn hàng trăm việc phải lo: nào lo giấy tờ tỵ nạn, thẻ an sinh xã hội, muốn nhà, kiếm việc làm, thi bằng lái xe, học tiếng Pháp, học nghề, lo nuôi con cái, mua sữa, quần áo, sách vở, v.v. Lo lắng, ngổ ngàng, phập phồng lo sợ không biết tương lai rồi đây có đủ khả năng hội nhập vào xã hội xứ người không? Lo mất ngủ khi thân nhân còn kẹt lại bên nhà, đi “học tập cải tạo” cho đến bao giờ mới được thả ra? Lo kiếm

tiền, kiếm thật nhanh gói thuốc men, gói quà về nuôi người trong nước. Lo không có việc làm, sợ thất nghiệp dài dài, ngoại ngữ mù tịt, rồi lấy gì mà sống? Đó là những tâm trạng chung chung trong những ngày tháng đầu tiên đặt chân đến Pháp. Ai có thì giờ tập dợt, ngồi ôm đàn khảy từng tung sáu câu Vọng Cổ? Ai có thời giờ rảnh đảm đang những buổi văn nghệ phục vụ đại chúng có tính cách “ăn cơm nhà vác ngà voi hàng xóm?”.

Hùng Cường bổ túc thêm nhận định của Hữu Phước:

- Ngoài việc sơ sót kỹ thuật như: họa sĩ, nhân viên dàn cảnh, thợ may y phục, điều khiển ánh sáng, kéo màn, dựng cảnh, dàn nhạc, v.v. Cải Lương hải ngoại thiếu diễn viên một cách trầm trọng. Tính đến nay số anh em hát chuyên nghiệp hiện diện bên Hoa Kỳ và tại Pháp này có năm người. Một vở tuồng ít nhất cũng phải có 9 diễn viên gạo cội trở lên và 8 diễn vụ phụ. Ấy là không kể khi hát tuồng đã sử. Nói riêng về diễn viên phụ thôi, làm sao đào tạo cho kịp một người không biết gì bồng đầu hôm sớm mai kêu người đó lên hát? Anh ta không biết thế ngồi, thế đứng, cách ra bộ và múa một vài đường kiếm “võ lòng”. Anh ta cũng chưa hiểu bản Tây Thi mấy nhịp, Khóc Hoàng Thiên mấy nhịp, chưa kể tới vấn đề anh có hơi ca hay không, thì làm sao anh diễn và hát trùng nhịp, điệu? Thật là nan giải!

Bên Mỹ tôi có dạy một số em tập hát. Nhưng mà qua đây lòng người thay đổi hết. Không như bên quê nhà, các em nhỏ đã chọn kiếp nghệ sĩ thì dù hay hoặc dở, dù thành, bại, các em vẫn quyết chí đeo đuổi đến cùng. Các em kính đàn anh, trọng người đi trước, nể ông “thầy”, sống chết vì bạn. Trái lại, ở ngoại quốc, các em tập hát Cải Lương, đứng

chàng ràng trên sấu khấu không ngoài ý đồ tán gái. Cho đi theo hát một hai xuất, đóng vai quân hầu, vai ngự lâm quân chưa kịp tính đường dài thì các em đã chớp được một cô vừa ý. Chẳng thềm nói một lời từ giả, hay mở miệng nói một tiếng cảm ơn công lao minh truyền nghề mấy tháng qua, âm thầm rút lui, âm thầm tổ chức đám cưới. Đoàn hát trở về California, nhưng “thằng em văn nghệ” đã dính như đinh đóng cột ở lại bến Seattle, tiểu bang Washington State. “Thằng em văn nghệ” bỏ neo ở đây vui tuần trăng mật, tảo tần chăm lo hạnh phúc mới vừa bắt gặp, và mới vừa bị cú sét ái tình quất sùm. Tôi hỏi:

- Tại sao em nghỉ hát? Thằng em tinh bơ nhún vai, trả lời:
- Em chỉ cần rống một câu Vọng Cổ để kiếm vợ thôi!
- Nghĩa là em giải nghệ?
- Vâng! Đúng ạ! Có vợ rồi, đi hát chi nữa?

Đoàn hát lại lâm vào cảnh thiếu diễn phụ. Bên tân nhạc đỡ bị cái nạn kẹt vai này dính chùm vai kia, có thể độc diễn, đứng ca một mình với dàn nhạc hoặc một cây đàn cũng xong. Bên Cải Lương trái lại, vở tuồng viết ra liên hệ đến nhiều nhân vật, ràng buộc một tập thể sinh hoạt chung, vai này gắn bó vai kia. Mất một vai, mất một diễn viên quân hầu coi như bỏ cuộc. Gánh Cải Lương những khi di chuyển, kéo đi từng đoàn: giàn đàn, trống, kèn, chập chồa, nhân công dựng cảnh, nghệ sĩ, bầu bì thê tử, càng đông nhân lực càng tốt. Kép mùi đối thoại đào mùi. Kép độc diễn chung với đào lẳng. Có vua phải có tướng. Có tướng phải có quân. Vua, tướng, quân là một số nhân lực không thể thiếu trong một đoàn hát Cải Lương.

Sắp đến giờ khai mạc, bỗng nhiên biệt dạng anh kếp mùi. Cách duy nhất để giải quyết, cáo lỗi trả vé khán giả. Không thể nào kéo màn hát, nếu mất anh kếp mùi, tức mất đi một vai chánh, vai thất buộc với đào mùi. Đào mùi còn lại một mình trên sân khấu, hát, diễn với ai? Hơn thế nữa, vở tuồng dựng hai vai chánh. Hai vai chánh đứng mũi chịu sào cho các vai phụ. Giờ hụt mất một vai chánh, những vai kia sẽ mất luôn cái “mối” làm đầu cầu đứng diễn. Vở kịch sẽ lảm cẩm và biến thành một cốt truyện tào lao. Tóm lại, Cải Lương là bộ môn hoạt động tập thể, từ hình thức đến nội dung, từ nhân lực tới vật lực đều sống hòa đồng, hỗ tương lẫn nhau.

Thêm một trở ngại khác. Anh em nghệ sĩ sang đây, mỗi người đi định cư một ngã. Dũng Thanh Lam Sống ở Marseille, Phương Thanh ở Nancy, Hữu Phước, Hương Lan, Minh Đức, Tài Lương, Kiều Lệ Mai ở Paris. Tôi, Việt Hùng, Kim Tuyến, Hà Mỹ Hạnh lập nghiệp bên Hoa Kỳ. Khi tổ chức hát, nhà tổ chức trả phương tiện di chuyển một số tiền khá tốn kém. Vé máy bay, vé tàu hỏa, đài thọ chỗ ăn ở và bao nhiêu thứ chi lặt vặt khác, chi phí quá sức tưởng tượng, nếu tính chuyện lâu bền ít ai chịu đựng nổi.

Sở hội tập trung nghệ sĩ từ các quốc gia khác về Pháp, hay từ Pháp qua Mỹ trình diễn, tinh ra đắt hơn tiền muốn rạp và thù lao trả nghệ sĩ. Bán vé bao nhiêu, trả tiền vé phi cơ hết bấy nhiêu. Kiểm điểm lại, về mặt tinh thần, gặt hái thành công đáng kể. Về mặt tài chánh, ít khi nào thu hoạch được con số khả quan. Những xuất hát trước đây, số khán giả ủng hộ có chiều hướng rất lấy làm khích lệ cho anh em nghệ sĩ. Nhưng sau khi tính toán, nhà tổ chức lắc đầu ngao ngán,

buông tiếng than thở: “Tiền thâm trừ hành trừ tởi xong xuôi, phần còn lại từ huê vốn tới lỗ nặng”.

Ngoài vấn đề nghệ sĩ định cư rải rác khắp nơi, mỗi lần qui tụ lại rất tốn kém, chúng ta còn gặp một chuyện rắc rối khác nữa là vấn đề bị hạn chế bởi công ăn việc làm. Thật vậy. Làm sao có thể anh em xin nghỉ việc cùng một lúc 9, 10 người để đi hát? Nếu Dũng Thanh Lâm nghỉ được ngày đó, thì anh Ngọc Lưu xin nghỉ không được. Nếu người này rảnh, người kia bận đi làm. Muốn hội tụ đủ mặt anh em, cách tiện nhất đợi vào những tháng nghỉ hè, những ngày lễ lớn. Song chưa chắc những ngày lễ lớn của quốc gia này trùng hợp với quốc gia kia. Lễ Quốc Khánh 14 Juillet của Pháp hằng năm không hẳn diễn ra cùng một ngày với lễ Quốc Khánh của Hoa kỳ. Pháp không có ngày lễ Tạ Ơn (*Thanksgiving day*) của Mỹ. Ấy là chưa đề cập tới việc trước ngày hát khoảng một tháng, chúng ta còn gặp nhau để tập tuồng. Sở nào cho chúng ta nghỉ ăn lương một tháng để tập tuồng? Cho dù tổ chức vào dịp Giáng Sinh hoặc Tết dương lịch, anh em cũng vẫn phải xin nghỉ việc một, hai tuần tập dợt. Đó là thời gian diễn tập tối thiểu của một nghệ sĩ khi nhận vai tuồng.

Nói thẳng ra, Cải Lương hải ngoại không thể nuôi sống anh em, anh em tự túc lo lấy sinh kế và nếu yêu nghề nhỏ ánh đèn sân khấu thì cứ tự túc bỏ tiền túi ra mượn rạp, kéo màn hát cho vui nỗi buồn.

Phân tích lý do vì sao bộ môn Cải Lương khó phát triển ở hải ngoại, cứu xét tỉ mỉ từng khía cạnh, người ta có thể kết luận không sai lắm như sau: Vì nguyên do nghệ sĩ định cư rải rác mỗi quốc gia một vài người, phương tiện di chuyển quá tốn kém cho mỗi lần tập trung, tiền rạp quá

đất, nhân sự rành nghề không có, thiếu giàn đèn, không có nguồn tài chánh yểm trợ lâu dài, khán thính giả thích xem Cải Lương mỗi năm mỗi thưa thớt dần (Lớn tuổi, đi đứng khó khăn. Lớp trẻ chẳng thích Cải Lương vì không hiểu Cải Lương), v.v.

Tám, chín năm đầu tiên định cư ty nạn, hát giúp những buổi văn nghệ tranh đấu chống Cộng, anh em nghệ sĩ hăng lắm. Những năm sau đó sinh hoạt văn nghệ lơ lửng, vì bận đi làm, bận lo sinh kế, và vì cũng đã thấm mệt, một số anh em lại đề nghị: “thùng thảng đã, hát trước hát sau thì cũng hát, đợi một vài năm ổn định đời sống đâu vào đó, yên nhà yên cửa, con cái ăn học kha khá một chút, khi ấy tất cả nghệ sĩ chúng ta ngồi lại bỏ vốn ra thành lập đoàn và đi lưu diễn khắp vùng trời Âu Châu”.

Đề nghị trên nghe rất hợp tình hợp lý, nhưng nó không hợp với thời gian, không hợp với tuổi đời của con người ta chút nào. Năm năm, mười năm, mười lăm năm, rồi hai mươi năm, thế sự và con người sẽ trải qua điệp điệp trùng trùng sự đổi thay. Đâu có phép mầu nào giữ cho một người nghệ sĩ trẻ mãi, đẹp mãi, tiếng hát không bị thời gian phản bội? Rồi thì nghệ sĩ sẽ già và sẵn sàng già. Sau khi già, là những bước đời khập khểnh đi trên đoạn đường tàn lụn. Cuối cùng, bước vào chốn “mai một”, vào cõi gần như “khuất mặt” vì bị đào thải, vì bị lãng quên một cách hững hờ. Phấn son lờ lợt, xiêm y lộng lẫy, ánh đèn màu rực rỡ không đủ sức mạnh làm sống lại những đường nét trẻ trung của một người nghệ sĩ già réo tiếng hát đứt hơi, mệt mỏi tung ra những điệu bộ quơ quạng trên sân khấu. Mười năm

nghe hát, mười năm bỏ nghề. Mười năm “văn không ôn, võ không luyện”, người nghệ sĩ còn lại cái gì? Câu hỏi thật dễ trả lời. Bởi vì thời gian đã trả lời rồi!

Có một số ca si Cải Lương lưu vong hải ngoại ngừng hát quá lâu, một ngày kia khi trở lại sân khấu, khách bàng quang đưa ra một nhận xét nhu vầy - nhận xét tuyệt đối vượt lên trên mọi sự phê phán nghiêm khắc -: “Anh ta diễn bằng một động tác chết cứng, mất luôn tinh chất linh động mất cả sự nhạy cảm trong khi đó cặp mắt lơ lảo, lạc thần. Với tất cả nỗ lực mà kết quả thất bại nào nê đã thấy ngay trước mắt, anh ta cất cao giọng để phục hồi lại tiếng ca di vãng, tiếng ca của một thời làm mưa làm gió trên vòm trời kịch nghệ nước nhà. Sao kỳ vậy kìa, giọng hát giờ đây sang sảng, chan chát, hơi hám thiếu trước hụt sau, âm thanh khàn đục, nghe rề rề chẳng khác chi một cái bố thắng xe đã mòn. Anh ta cố gắng. Anh ta cố gắng thêm một lần nữa! Vô ích. Người nghệ sĩ trong trường hợp vừa kể, anh đã bỏ phi đi trên cả chục năm “thao dợt” nghề nghiệp vì xa cách sân khấu, giữ giọng hát điêu luyện sống lâu bền với thời gian. Anh đã lựt nghề, sự năng động trên sân khấu lụn bại dần dần và một điều quan trọng hơn hết, anh đã bước qua khung cửa “lão ông” từ lâu rồi mà không hay biết.

Anh tới Pháp ty nạn chính trị, ôm quá khứ của một nghệ sĩ “thời danh” sống khoắc khoải, sống chờ năm tháng lạnh nhạt trôi qua cuộc đời. Anh chờ ai? Anh chờ đợi điều gì? Anh chờ nước Việt Nam thay đổi, nước Việt Nam chấm dứt Cộng Sản. Anh ấp ủ một ước nguyện độc nhất về Việt Nam đi hát trở lại. Rất tiếc, quá khứ đâu phải là hóa thân của hiện tại! Quá khứ thuộc về kỷ niệm. Hiện tại thuộc về một phần đời

chưa chất. Nhịp sinh hoạt hiện tại của anh, của tất cả đại đa số người Việt Nam vong quốc thu gọn vào một thời khóa biểu: - Tranh đấu đòi nhân quyền cho quê hương - Kiếm sống - Lo tương lai con cái - Nuôi thân nhân trong nước - Học hỏi, tìm cách thích nghi đời sống xứ người, v.v. Hùng sáng, dưới cái lạnh cắt da thịt, anh hấp tấp bước tới trạm xe bus. Đổi xe bus, đổi metro, đổi xe lửa để tới sở làm. Việc làm vừa sức anh và đồng lương được trả công bằng. Làm bằng tay chân, bằng sức lao động chân chính trong các nhà máy. Việc làm có thích hợp với anh không? Anh thẳng thắn trả lời rằng: không! Trời sanh ra anh có quá nhiều tài ở phương diện nghệ thuật sân khấu, nhưng lại quá bất tài ở phương diện mưu sinh. Anh lỡ mang vào đời sự nghiệp cầm ca nên không còn chỗ trang bị cho mình một cái nghề để kiếm sống. Đưa anh lên sân khấu, anh là thần tượng. Ném anh ra ngoài đời, người nghệ sĩ Việt Nam (một phần lớn) lạc lõng, chơi vơi, không biết làm gì để sống. Ở Pháp, như đã nói, anh đi làm muốn. Làm muốn tay chân. Anh chưa đủ “trình độ” làm thợ. Bởi vì anh không có một cái nghề tối thiểu. Anh bán sức lao động nuôi thân qua ngày. Sáng đi, chiều về. Năm ngày một tuần. Một tuần cày ba mươi chín tiếng. Anh bằng lòng như vậy. Thà như vậy, còn hơn ở lại Việt Nam. Ngày nghỉ phụ vợ con dọn dẹp nhà cửa, viết thư thăm người thân trong nước, thăm bạn bè tản lạc khắp nơi. Thời giờ còn lại (rất ít), anh “ngựa nghề”, anh ngồi cô đơn một mình, anh hát “rên rĩ” một mình. Đôi lúc nhớ về dĩ vãng, anh tủi thân, anh khóc một mình. Nhịp sống ở đây, đối với anh toàn thể đều đình trệ, và đời sống ù lì, chai cứng. Nhân một ngày rảnh rỗi, bất chợt liếc nhanh vô tấm kiếng, mình nhìn mình vào đó, anh hốt hoảng, la lớn: “Trời ơi! tôi đã già”.

Để bổ túc thêm phần chứng minh “thời gian là kẻ thù của người nghệ sĩ”, tôi xin dẫn chứng một thiên tài có thật dưới đây ngõ hầu để bạn đọc có những khái niệm chính xác về thân phận người nghệ sĩ ty nạn Việt Nam. Xin nói ngay, nghệ sĩ ty nạn Việt Nam, về mặt vật chất không thiếu. Về mặt nhân quyền, hoàn toàn được tôn trọng. Nghệ sĩ ty nạn Việt Nam chưa hề bị các chính quyền ở Âu Châu cấm nói, cấm suy tư, cấm sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tôn giáo, v.v. Hai chữ “thân phận”, chúng tôi muốn nói, đồng nghĩa với hai chữ “dở dang”.

* * *

Cách đây một năm. Cũng vào tháng 12 như năm nay. Paris kiệt sức vật lộn với mùa đông rét buốt. Có hôm thời tiết nổi cơn húng bắt tử, nhà tuyết rơi tằm tã, ngập trắng xóa thành phố. Sau cơn mưa tuyết, là lấy lội. Đường sá trơn trượt, người đi bộ vất vả trên những lề hè phố trơn trượt, bụi sinh bám đầy mũi giày, ống quần, lấm lên cả áo măng-tô. Thành phố Ba Lê có cái tật hễ hôm nào trời mưa hoặc tuyết rơi, thì trong hai mươi quận, ngoài các cửa *porte, périphérique* xe cộ kẹt nối đuôi dài hàng chục cây số, nhích lên từng thước một. Khoảng đường *Reaumur Sebastopol* tới trạm metro *Etienne Marcel* (Quận 10 Paris), cách xa độ 4 trăm thước, vậy mà chiếc xe tôi nhích trên hai giờ đồng hồ vẫn chưa tới đâu. Gặp ngày kẹt xe thật bực mình. Nhiều khi nằm lì giữa làn sóng xe hơi nguyên một buổi chiều.

Tôi có nhiệm vụ, mỗi ngày hai bận, lái xe chở quần áo mới may lên giao cho hãng ở métro *Etienne Marcel*. Giao đồ xong, nhận vải cắt, đồ mới ra kiểu đem về bỏ mối tận nhà cho những người thợ lành may kiếm thêm tiền phụ trội

giúp ngân quỹ gia đình. Công việc của tôi, giao hàng, nhận hàng và bỏ mối. Lương tháng sáu ngàn quan. Nếu những hôm không đi lãnh đồ, tôi ở lại xưởng phụ một tay với ông chủ ủi quần áo, đơm khuy, vắt sổ.

Nghề lãnh may quần áo vào những năm 1979-1981 còn kiếm ăn được. Thuở bấy giờ, các cộng đồng người Việt, Lào, Cao Miên, Trung Hoa tranh nhau khai trương mở xưởng may. Người Việt các vùng ngoại ô Paris như: Pontoise, Sarcelles, Créteil, Evry, Torcy, Argenteuil, Antony, Saint German-en-Laye ba mươi phần trăm sống nhờ nghề tay trái, lãnh quần áo may thêm tại nhà. Nhiều gia đình mở xưởng may chính thức, chịu cực nhọc thức đêm làm lưng khéo tổ chức, kiếm được nhiều thợ chuyên nghiệp, biết cách “ăn ro” với viên quản lý cung cấp đồ may đều đặn - không bị tình trạng ăn không ngồi rồi suốt mùa hè, chờ đến mùa thu mới có việc - độ một hai năm, tiền thuê trừ thuế, công thợ, điện nước, các thứ chi tiêu linh tinh còn dư trên vài trăm ngàn quan không khó.

Từ sau 1981 trở lại đây, nghề lãnh đồ may không khá như trước kia. Rất nhiều người sạt nghiệp, khánh tận vốn liếng lẫn cả tiền vay bạc hời. Những năm sau này, dân Á Rập, Tích Lan, Ấn Độ, Phi Châu nhẩy vô giựt mối, cạnh tranh ráo riết với cộng đồng người Á Châu. Phương thức cạnh tranh chẳng có gì đáng học hỏi, vẫn bài học cũ mèm lớn ăn hiếp nhỏ, “mạnh đè bẹp kẻ yếu”. Người Á Rập bỏ vốn lớn, mở hãng lớn, trang bị giàn máy từ 50 thợ trở lên. Thợ đông, may nhanh, giao đồ đúng hẹn, lấy giá thấp, khai chính thức, không sợ bị sờ thuế truy nã bắt những người may lậu. Một cái áo sơ mi ăn công 4 quan thay vì 9 quan, chủ hãng sản

xuất quần áo thấy vậy bèn giao hết cho giới Ả Rập. Người Việt Nam lần lần bị hất cẳng ra khỏi địa hạt thâu may quần áo của mấy ông chủ người Pháp gốc Do Thái khu Strasbourg Saint-Denis.

Tôi mất hơn ba tiếng đồng hồ mới thoát ra khỏi vòng vây kẹt xe chẳng chặt. Tìm được một chỗ đậu xe thì hơn sáu giờ chiều, sắp đến giờ hăng đóng cửa. Nếu giao đồ vào ngày mai tức đã sai hẹn dù viện lý lẽ kẹt xe, ông chủ sản xuất sẽ làm khó dễ đủ cách, cách đáng sợ là ông “ngâm tôm”, chậm thanh toán tiền thâu may quần áo khoảng 1 tháng là thời hạn tối thiểu. Trong một tháng “âm đạm” đó, người đứng ra lãnh thâu nếu cạn vốn, không đủ tài chánh ứng trước trả công thợ, thì thợ đình công. Thợ đình Công thì hàng giao chậm. Rốt cuộc phải đành mang tiếng thất tín. Làm ăn ký khế ước mà thất tín, trước sau khi gì cũng hứng lấy nhiều hậu quả thất bại chua cay.

Tôi dỡ cốp xe, còng lưng vác từng bao quần áo nặng kịch, thở hồng hộc leo lên lầu ba giao hàng. Vác hết 11 bao đồ, tôi phát chóng mặt, hơi thở nghe như sắp đứt đoạn. Lúc trở xuống, đi tới lầu 1, người tôi còn mệt rũ rượi, tay vịn cầu thang, chân hơi run run, bất chợt tôi gặp một người Việt Nam cũng ị ạch gò lưng công kênh hai bao đồ trọng lượng nặng hơn người vác, mò mẫm bước từng bước mệt nhọc lên nấc thang. Tôi cúi đầu chào lịch sự:

- Mạnh giỏi, thưa anh?

Người Việt Nam này, gặp nhau trên đất khách, thoát trông quen lắm, nhưng vì dưới ánh đèn lò mò khiến tôi khó nhận diện được ngay. Hơn nữa, “bóng thời gian” đã làm người tôi quen thay hình đổi dạng quá nhiều. Phải mất một

vài giây phút bàng hoàng, tôi mới nhận ra anh. Nhưng anh nhanh hơn, nhận ra tôi:

- Anh Hai nè. Em quên anh rồi sao?

Giọng nói êm dịu, nồng nàn, giọng nói hấp dẫn, bao nhiêu triệu người say mê, không thay đổi. Tôi làm sao quên được. Tôi chưa kịp nhận ra anh cũng tại vì tôi không ngờ anh có mặt nơi chỗ này. Tôi không ngờ anh đủ sức đi lao động nghề này. Tôi không nghĩ rằng có ngày tôi gặp lại anh ở một vị trí nhọc nhằn, “xuống dốc” quá mức tiền lương. Tâm trạng sùng sốt, tôi hỏi một câu vô nghĩa:

- Anh chịu đựng nổi nghề khuôn vác lạnh đồ may sao?

Bên ngoài, dù trời đang lạnh, tuyết đang rơi, nhưng vầng trán “xế chiều” của anh Hai mồ hôi chảy đầm đề, nhều từng giọt xuống cặp lông mày thưa thớt vì trọng tuổi. Anh Hai thấm hai bao đồ xuống đất, đứng tựa vào lan-can, lấy khăn mù-soa lau mặt. Anh chán nản trả lời:

- Không nổi cũng phải nổi. Ở xứ này, không làm, ai nuôi mình? Vợ anh mở một xưởng may nhỏ, anh phụ bà một tay, mỗi tháng tính rồi hết, kiếm khoảng 14, 15 ngàn. Thôi, như vậy cũng đủ sống tạm. Còn em, em làm muốn hay mở xưởng?

- Làm muốn. Tiền đâu mở hãng xưởng, Anh Hai?

- Đất Pháp, làm muốn hay làm chủ có khác chi đâu.

- Có trên 14 năm không gặp, bao nhiêu chuyện phải tâm sự, hồng lệ gặp lại chỉ hỏi toàn những chuyện mưu kế sinh nhai không thôi, sao?

- Đợi anh lên giao xong hai bao đồ, trở xuống, anh em mình ra quán cà phê ngồi. Anh sẽ ngồi với em đến nửa đêm.

Tôi bước ra vỉa hè đường Saint-Denis đứng chờ anh Hai. Lòng tôi bỗng nhiên chùng xuống. Đòi người dẫu bề nhanh như chớp. Mới thấy đó đã mất đó. Mới son trẻ đó nay đã già ra đó. Mới còn đó nhưng không còn đó. Mới có đó nhưng không có đó. Hiện thân hôm nay có thể là hóa thân của ngày mai. Nhưng hiện thân và hóa thân cũng có thể không hiện thân mà cũng không hóa thân. Cái gì còn sót lại? Có cái gì còn sót lại đâu? Mất hết! Tiêu hủy hết!

Ngày xưa! Ngày xưa là ngày của khởi điểm, của bắt đầu. Chưa chắc. Khi có “ngày xưa”, khi có bắt đầu, khi có khởi điểm, người ta đã gặp gỡ đoạn cuối ngay từ giây phút khởi điểm của bắt đầu rồi.

Cuộc đời anh Hai là sự nối kết điển hình giữa “ngày xưa” và “ngày nay”, giữa “ngàn xưa” và “ngàn sau”, giữa khởi điểm và sự bắt đầu.

Ngày xưa tại nước Việt Nam, đi trong lòng quê hương, anh Hai là ánh trăng rằm tỏa chiếu khắp bốn phương. Hàng triệu người sanh ra đời, đặc biệt tuổi trẻ, nuôi dưỡng ước mơ thầm kín làm sao có một dáng hình, một ánh mắt, một nụ cười, một giọng nói, một giọng hát y hệt anh Hai. Anh Hai cười, cả triệu người xao xuyến cười theo. Anh Hai buồn, cả triệu trái tim héo sầu theo. Trên sân khấu anh là một thân tượng suốt mấy thập niên chưa tìm ra đối thủ. Ngoài đời, mỗi khi xuất hiện tới đâu, cả ngàn người bám sát, theo dõi anh tới đó.

Người ta thích thú, vui lòng hao tốn thời giờ tìm hiểu thời dụng biểu thường nhật: Anh Hai ngủ lúc nào, thức lúc nào, thích ăn món gì, thích giải trí môn gì? Đã yêu ai chưa, người thiếu nữ nào có diễm phúc được anh Hai trồng cây si?, v.v.

Khuôn mặt anh Hai đẹp của cái đẹp thật “đàn ông”. Dáng đi sang trọng, thế ngồi, cung cách tiếp xúc, ngôn ngữ ăn nói, hết thảy hàm chứa cái “duyên ngầm”. Thượng đế ban cho anh ba đặc điểm:

- đẹp trai;
- diễn xuất tài hoa;
- giọng hát nồng nàn truyền cảm.

Cuối thập niên 60, đã số thanh niên miền quê tôn anh lên ngôi vị “vua thời trang”. Các “mốt” quần áo do anh lăng-xê, bán chạy như tôm tươi. Anh mặc quần “ống voi”, sơ mi cổ cồn, tay ngắn, mang giày ba-ta trắng, chải đầu tém, lần lượt người ta phục sức giống như anh. Cách ăn mặc của anh phần nhiều được khán giả bắt chước.

Ngày xưa, thời trai trẻ, anh bước lên nấc thang tột đỉnh phú quý vinh hoa, sống “đài trang”, nhung lụa, nhà cổng kín tường cao, lên xe xuống ngựa, mỗi bước chân ra đường kẻ đón người đưa. Sự nghiệp thuộc loại sự nghiệp “son son phết vàng”, tiền vô như nước và tiền cũng ra như nước. Đứng trên đồng tiền, đứng trên đỉnh cao danh vọng, nhưng về phương diện xử thế anh lại chủ trương ba không:

- 1- Suốt đời không gây xích mích lòng ai;
- 2- Không hại người phản bạn;
- 3- Không hơn thua, tranh giành bất cứ điều gì với đồng nghiệp.

Nhờ vậy nên anh được người thương nhiều hơn người ghét. Anh từng trải đường nghề thuật sân khấu song đường đời thì anh lúng túng, vụng về, và thua thiệt. Thường thường anh bị gạt chấy túi, bị lừa đến đôi phải tự khai phá

sản. Con người không ai là toàn vẹn, quy luật này cũng dành luôn cho anh Hai. Được cái này mất cái kia. Ăn ở nhân hậu, biết phải biết quấy. Có một cái mà anh không biết đó là “cái ham chơi” quá độ. Chơi bất cần hiện tại, tương lai, bất cần còn hay hết. Danh sách đam mê của anh tạm liệt kê như sau: Mê bi-da, mê cờ tướng, mê xe hơi, mê đánh quần vợt và mê đánh banh. Mỗi cái đam mê, anh mê chết bỏ. Mê quên ăn quên ngủ, quên tình ái, quên luôn vợ con.

Bàn Bi-da cạnh rạp Quốc Thanh, nổi tiếng không do những trái bi nhập cảng từ Pháp, các cây cơ mua từ Bỉ, chủ nhân biểu diễn cử chỉ đẹp cho “ghi” thiếu chịu, mà nhờ tất cả nghệ sĩ lừng danh kéo đến làm điểm hẹn để tranh tài cao thấp trên từng đường cơ là lướt. Nghệ sĩ Út Trà Ôn lúc nào cũng kè kè theo bên mình một cây cơ riêng biệt, như cố ý “nhá” cho thiên hạ biết ta đây “đi” một cơ sáu bảy chục điểm, dân thụt bi-da có hạng. Nhìn bề ngoài Út Trà Ôn trau chuốt, nâng niu “nghệ thuật” bi da, người ta lầm chết. Thật ra, khả năng anh Út đánh bi da dưới mức bình thường. Gặp hôm “tổ” bi-da trọng đài và có húng trong người, anh “thụt” một cơ tối đa 20 điểm là quá cỡ thợ mộc. Đạt được tỷ lệ “vượt mức thu hoạch” (chữ Cộng Sản) trên mỗi đường cơ, lâu lâu mới có một lần, nhưng anh Út cho đó là thiên tài bẩm sinh của anh. Ngồi với bạn bè thay vì đấu láo vắn nghệ vắn gừng, anh Út cứ ê a kể thành tích thụt bi-da thượng thặng của mình. Trọn đời anh Út, để tài bi-da không bao giờ cạn, nói hoài hoài, khoe hoài hoài, trừ khi á khẩu thì mới hy vọng chấm dứt kể chuyện “anh hùng” thụt bi-da. Có một lần, trên trang kịch trường báo *Sân Khấu Thứ Bảy*, ký giả Tổ Yến Châu viết bài ca ngợi tài diễn xuất anh Út trong vai Tạ

Tổn. Bài viết với nội dung rất trung thực, mô tả chính xác những ưu khuyết điểm mà anh Út phô diễn. Gần hai ngàn lá thư gửi về tòa soạn khen tài nghệ anh. Ký giả Tô Yến Châu các ca các cú mang tới rạp Quốc Thanh đưa anh Út xem. Anh Út giận lấy ký giả Tô Yến Châu, hỏi giọng hờn mát:

- Mày ghét tao hả Châu ? (Út Trà Ôn và Tô Yến Châu cùng một tuổi, hai người chơi thân như là bạn nối khố).

- Mày hỏi kỳ vậy, Út? Tao không thương mày à?

- Chớ sao?

- Mày vạch ra đi, úp mở hoài, khó hiểu quá.

- Tao đánh bi-da thuộc hàng sư tử, báo chí Việt Nam, kể cả mày, không có một lời bình phẩm tài bi-da của tao? Với tao, hát hò chỉ là cái nghiệp. Nổi tiếng thụt bi-da mới ngon lành. Mày hà tiện từng chữ viết, vậy mà bạn với bè. Thương tao, sao mày không khen tao một phát.

Tô Yến Châu nổi giận:

- Khen mấy cái gì?

Anh Út Trà Ôn trả lời thật tinh:

- Thụt bi-da!

- Út này, mấy thụt bi-da dở như hạch. Vả lại, tao đâu phải loại ký giả nâng “bi” chuyên nghiệp như mấy tuồng. Tao viết những gì mày có, những gì trời cho mày hưởng và những gì độc giả muốn khám phá về thiên tài nghệ sĩ của mày. Chớ có ý lại quen thân nhau rồi ép tao về mấy cái chuyện thụt bi-da khi gió theo ý mày nghe Út.

Từ đó báo chí Sài Gòn chiều ý anh Út Trà Ôn, toàn đăng tải những trận đấu bi-da sôi nổi của anh, thổi anh lên chín từng mây: “người Việt Nam duy nhất sắp đoạt giải bi-da

quốc tế”. Có ai tổ chức giải bi-da quốc tế đâu. Đọc báo thấy đăng tin nói về mình “sắp đoạt giải quốc tế”, đi đâu anh Út cũng nhắc nhở với bà con rằng: “Nếu đoạt giải bi-da quốc tế, chắc tôi giải nghệ Cải Lương, thụt bi-da mau làm giàu hơn”. Sự thực thi anh Út thua xiểng niểng, thua sạch túi. Bao nhiêu tiền ký giao kèo hát xướng, anh Út trịnh trọng nường “đẹp” trong bàn bi da. Anh Út trợn mắt, đổ mồ hôi hột tập trung tinh thần nguyên buổi chiều mới có thể “đi” một vài cơ từ 10 đến 20 điểm. Đối thủ anh Út, nhân viên nhắc tuồng chuyên nghiệp, tên là Thanh Trúc, tà tà vừa đánh vừa “thả”, đi một cơ từ 150 điểm trở lên. Càng thua càng trào tự ái nên càng muốn gỡ, Thanh Trúc bắt đúng mạch anh Út, tay đánh miệng cứ nhẹ nhàng chọc quê. Người thụt bi da khi cảm thấy “quê cơ”, mất bình tĩnh, chơi mất “hứng”, nên sẽ từ thua tới chí thua.

Anh Hai chơi trội hơn anh Út Trà Ôn. Bi, cây cơ, túi “dét” đựng “đồ nghề” bi-da đều gọi mua thẳng từ bên Pháp. Mỗi khi anh Hai nhập trận đánh, từ đối thủ, người đánh cá, đến kẻ thua hết tiền đứng chầu rìa nhìn người ta sát phạt “rũa mắt” cho đỡ cơn ghiền, Vô luận bao nhiêu số “khách tài tử” có mặt, cứ ăn hủ tiếu, cứ kêu cà phê thả giàn, anh Hai bao hết. Chỉ tuân theo một điều kiện là, mỗi khi anh Hai “canh” trật đường bi, người đứng ngoài hò hét ủng hộ tinh thần bằng cách: “Chà, bị kẹt mà anh Hai dám đánh tứ băng, đẹp thật”. Đẹp thi đẹp, nhưng có trúng trái bi nào đâu? Anh Hai “xách xe không” chạy mút mùa. Súc đánh, cho dù “hên cơ” đi một cơ khoảng 15 điểm là cùng. Đối thủ “chấp” hai bi đánh đồng điểm, anh Hai tự ái gạt phăng: “Thua thì chưa! Tôi không thích chơi chấp”. Anh

Hai thua bi-da từ năm 1960 đến năm 1975, ròng rã 15 năm, tiền cúng “cô hồn” nuôi chủ bàn bi-da, tiền đánh độ tình số lên đến nhiều triệu bạc.

Thua cầm canh, thua triển miên nên cương quyết gỡ. Tương tự như anh Út Trà Ôn, càng quyết chí gỡ càng thua banh sự nghiệp. Một đối thủ nào đã ăn anh, “trên cơ” anh, anh chỉ dốc tâm gỡ với người đó, trận giao đấu kéo dài năm mười năm, có thể kéo dài bất tận, có thể bán nhà bán xe cộ. Cả đời anh, anh không đánh bi-da với một người thứ hai, nếu anh chưa phục hận xong với người thứ nhất. Vì lẽ đó anh thua cơ chỉ có một người. Hàng ngày chìm đắm vào bàn bi-da 9, 10 tiếng đồng hồ để phục thù, để gỡ lại tự ái dựa trên một cuộc chơi bất phân hơn thua tiền bạc mà để trang trải một lối đam mê không có ngày giờ chột tình.

Cờ tướng, môn giải trí nát óc. Anh Hai mê cờ tướng bỏ ăn bỏ ngủ. Điểm đặc biệt, anh không đấu trí cờ tướng với một ai khác, ngoài ông Tư Hiếu, quản lý đoàn *Tiếng Hát Dân Tộc*. Đoàn hát văn trước 1 giờ khuya, giờ giới nghiêm và thiết quân luật. Anh không về nhà nghỉ ngơi, ôm bàn cờ tướng ra quán cà phê rạp Quốc Thanh cùng với ông Tư Hiếu thức trắng đêm ngồi nghiền ngẫm những nước cờ lên Chốt, qua Pháo, nhích Xe, ra Tượng, chống Sĩ, v.v. Đụng thế cờ bí, mà anh thì bí quanh năm, đứng dậy thọt tay vô túi quần đi vòng tròn quanh bàn cờ độ 15, 20 phút để suy nghĩ, tìm cách phá vòng vây của đối phương. Hai người ngồi bàn cờ tướng có khi ba ngày ba đêm không chợp mắt, không thay quần áo và dĩ nhiên đẹp luôn giờ giấc tập tuồng, hát hò trình diễn văn nghệ. Những nhân chứng từng là quan sát viên cả ngàn cuộc chiến đấu cờ tướng giữa ông Tư Hiếu và Anh Hai trên

10 năm thuật lại, mỗi ván cờ anh Hai thua từ năm chục ngàn trở lên. Thua xanh da người, thua chảy nước mắt.

Ông Tư Hiếu thương hại, thành thật khuyên anh Hai đừng đấu cờ với ông nữa. Anh Hai ăm ức, đưa ra lập luận rằng: “Anh phải chơi tiếp với tôi. Mà tôi chỉ chơi với anh thôi. Phải cho tôi gỡ. Không cho tôi gỡ, tức thết chắc tôi chết mất”. Ông Tư Hiếu “ngồi đồng” chiều anh Hai hết tháng này đến năm nọ. Nước cờ anh Hai tầm thường, phản pháo chặn 11 năm nhưng chưa thắng ông Tư Hiếu quá 7 lần. Năm 1973, viên quản lý đoàn hát với số lương khiêm nhượng đủ nuôi 1 vợ 2 đứa con là giỏi lắm, tự dung cả gan bỏ ra 4 triệu bạc mua một căn nhà hai tầng lầu ở đường Nguyễn Thông. Ông Tư Hiếu tâm sự với những người bạn thân: “Tôi không bao giờ quên ơn Anh Hai. Ngày nay tôi có nhà cửa, vợ con no đủ là nhờ anh Hai đánh cờ tướng với tôi 11 năm”.

Ồ đời ai lại chẳng thích nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con xinh. Ai lại chẳng thích sự nghiệp, công danh? Xã hội Việt Nam thời nào cũng thế, có rồi trong tay một sự nghiệp khấm khá, người ta nghĩ ngay đến việc “đi đứng” sao cho nó có vẻ “thuợng lưu” xã hội ... “kim tiền”. Hay nhất, hợp thời trang nhất không gì hơn là “đi” bằng xe hơi. Chiếc xe hơi vừa là phương tiện “thuợng lưu” vừa là một “động sản” bề thế có tác dụng cấp thời xác nhận sở hữu chủ thuộc thành phần giàu có. Tâm lý chung chung, thích làm chủ một chiếc xe hơi, ấy cũng chỉ là chuyện thường tình. Trường hợp anh Hai trái ngược hẳn. Anh không thích xe hơi như để làm của, như làm phương tiện di chuyển hoặc chiều chiều lái Cadillac “hiệu Huê Kỳ” dạo phố “diễn binh” trước Công chúng để đòi ngắm ta, trăm trở chiêm ngưỡng ta, v.v.

Anh mê chơi xe hơi như người ta mê chơi kiếng, sưu tầm hoa lạ. Xe hơi, dưới mắt anh Hai là một món đồ cổ thời thượng quý giá cần bảo trì, chăm nom săn sóc, giữ gìn cẩn thận và thưởng thức nó. Nhưng anh giữ gìn được bao lâu? Chẳng có bao lâu. Do bản tánh thích tìm “của lạ”, chiếc xe hơi nhiều khi ở lại với anh có một ngày rồi truyền sang tay người chủ khác. Trước đó khoảng 1, 2 giờ, anh lau chùi, đánh bóng, lấy mền trùm kín mít, trời mưa trời nắng “sờ mó” đến chiếc xe yêu quý. Đến lúc thưởng thức, anh dành trọn buổi sáng đi vòng quanh chiếc xe, nhìn kiếng, nhìn mui, nhìn toàn diện “bóng dáng”. Mỗi vị trí, anh dùng tâm mắt thật lâu, năm mười phút quan sát, tìm tòi, chất lưỡi hít hà, khen ngợi chiếc xe không tiếc lời. Vì chủ trương “chơi” xe chỗ không “xài” xe, nên mua về để nằm ì trong ga-ra, để chiêm ngưỡng “dung nhan” nhiều hơn là lái ra đường.

Năm khi mười họa, chuyện rất cần, anh mới lái xe ra khỏi nhà, và mỗi lần như vậy anh có thái độ bức dọc, càu nhàu tại sao xe hơi cung mà nữ nào hành hạ nó, cưỡng bách nó chở người nặng nề, chạy trên những con đường nhựa nóng đỏ lửa, đầy đọa nó, tội nghiệp. Soạn giả Hoa Phượng lấy làm khó chịu, hỏi anh Hai:

- Vật phục vụ người, trường hợp anh, tôi lại thấy người nô lệ vật. Anh nghĩ có đúng không?

Anh Hai trả lời cộc cần:

- Ê Hoa Phượng mày hỏi nghe lằng nhách. Người ta xài xe thì dụng cụ là phục vụ người. Còn tao, tao chơi xe, chẳng khác gì một môn giải trí, tao có quyền đam mê, có quyền phụng sự nó. Xe mua có hai ba triệu bạc trong khi tao xài

cho bạn bè năm ba triệu bạc. Chúng tao không nô lệ đồng tiền, mà thấy chó?

- Thế sao anh lại đổi xe còn hơn người ta đổi một cái áo thun. Mỗi lần đổi xe mới, anh lỗ cả triệu đồng. Chiếc này vừa mua, chưa đầy hai ngày, anh bán tháo bán đổ, mua liền chiếc khác. Anh chơi một trò chơi hoang phí vô ích. Uống lăm, anh Hai à.

Anh Hai lý luận một chiều:

- Trò chơi nào chẳng công phu, chẳng hao tiền tốn bạc. Tao chơi xe hơi, công phu vô cùng. Mà chơi “tình ái” cũng công phu vô cùng. Lo phê bình tao, mà dành năm phút tụ phê bình mày đi. Giữa tình ái và xe, trò chơi nào ít nguy hiểm, ít tốn kém hơn?

Soạn giả Hoa Phượng đeo bông một lúc hai vợ. Trận giặc ghen tuông dưới mái gia đình một chồng hai vợ hình như chưa bao giờ ngừng chiến quá 5 phút. Một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ xuống chuồng heo mà nằm. Nhiều bữa chén bát đánh ghen rơi lũng cụng leng keng, soạn giả Hoa Phượng tản cư tới rạp Quốc Thanh ôm gói ngủ chèo queo trước mái hiên. Nói gì nói, đề cập tới “trạng huống” một chàng nhiều vợ, chạm nọc, anh Hoa Phượng cảm thấy áy náy nên hung hăng chống trả với những lý luận miệng lưỡi “không xương nhiều đường lắc léo” của một ông soạn giả đầy kinh nghiệm “trường tình”:

- Anh Hai giảng thuyết trật bản lề... ngàn dặm. Xe là khối sắt vô tri, tình yêu là khối tâm hồn sống động, là suối máu nóng bỏng chảy ngược về tim. Tình là sức sống mãnh liệt của muôn loài. Người chết, người rã tan dưới lòng đất nhưng tình thì bất diệt, tình trường cửu đến thiên thu. Lấy

cục sắt chết cứng đem so sánh linh hồn, với trái tim rực lửa tình, hóa ra anh Hai không phân biệt nổi cái nào còn sống, cái nào đã chết. Tôi hai vợ, định mệnh an bài trên đời tôi phải hai vợ. Tôi chính thức công nhận, không chối bỏ mình là người đàn ông bất bình thường, dưới mắt xã hội tôi là hạng đàn ông tham lam. Tôi nhận. Nhưng xe hơi là xe hơi, vợ là vợ, hai bình diện khác nhau. Trong trò chơi tình ái, nếu gặp một cuộc tình tuyệt đẹp, tôi sẵn sàng đón nhận mọi hậu quả khốn nạn, miễn rằng tôi yêu và được người yêu lại. Anh Hai thấy sao?

Mặc dầu kếp chánh, kếp hái ra tiền cho tất cả mọi đoàn hát, Anh Hai làm sao tranh luận lại với ông thầy tuồng khối óc giàu tưởng tượng. Không tìm ra lý lẽ đối chất, anh Hai phản đối yếu xìu:

- Tao xin thua ba cái lý sự lẻo mép của mày. Chịu chưa?

Hoa Phượng ngán tính nóng anh Hai, hạ giọng dẫu dụi:

- Minh nói chơi, xin anh Hai bỏ qua.

Anh Hai đổi xe nhanh như chong chóng. Một tháng đổi hai chiếc, có khi ba chiếc. Thấy chiếc nào mới về, kiểu mới nhất, dù vay nợ tiền lời cắt cổ họng, anh Hai cũng ráng gồng hỏi mượn, bán chiếc cũ, bù vô mua chiếc mới, lỗ năm ba trăm ngàn, cả triệu bạc. Suu tập xe hơi từ năm 1957, tới năm 1975, anh Hai đã làm chủ tất cả 134 đời xe du lịch. Anh là người Việt Nam độc nhất xài xe đủ kiểu, suu tập đủ loại xe như: Traction, Renault, Peugeot, Ford, Cadillac, Continental, Pontiac, Mustang, Plymouth, Chevrolet, Chrysler, Mercedes, Volkswagen, Audi, Porsche, Fiat, Toyota, Mazda, Mitsubishi, Honda, v.v.

Cuộc giải trí xe hơi đã gây thiệt hại cho anh đến giai đoạn không mua nổi một căn nhà tạm trú. Song anh không lấy đó làm buồn, tui thân tui phận, đã là nghệ sĩ thì nên sống “hào hoa phong nhã”. Anh hào hiệp với bất cứ ai, thâm giao hay sơ giao, kéo hết về ở chung với anh. Ăn uống, quần áo, tiền xài vặt, anh chi hết. Túng thiếu cứ mượn anh. Mượn nhớ đừng trả. Nếu trả, anh sẽ rầy âm lên, nào xem anh thuộc loại ích kỷ, ham tiền hơn ham bè bạn. Mạnh Thương Quân ngày xưa đãi ăn trong nhà hàng ngày trên ba ngàn thực khách. Còn anh, anh nuôi anh em thất nghiệp, lỡ sa cơ thất thế vài chục đũa, sá chi mà ơn với nghĩa. Tánh tình phóng khoáng rộng rãi, hay giúp đỡ người, phong cách khiêm cung hòa nhã là những hạt nhân tình nghĩa gieo rắc trên các chặng đường đời, cho nên anh có bạn bè tốt khắp nơi.

Chiều chiều, khoảng ba giờ, mỗi ngày, không thiếu một ngày, trừ những lúc theo đoàn lưu diễn, anh Hai ăn diện như một cầu thủ thứ thiệt: áo thun, quần cụt, giày, vớ toàn cùng một hiệu Adidas, háo hức vô vận động trường Tao Đàn dợt banh. Cầu thủ các Hội Công Binh, Địa Phương Quân, Không Quân, Hải Quân, Cảnh Sát Quốc Gia, anh quen không thiếu một hội. Những cầu thủ vang danh một thời như Tam Lang, Xinh (lùn), Cù Sinh, Cù Hè, Mộng, Thà, Sơn, Tư Lê, Ngón (lùn), Thu, Thảo, Cang, Chinh, Đỗ Lễ, Vinh, Rạng, Tiết Anh, Cư, Lắm, Trung (sói) từng đá cho hàng tuyển thủ quốc gia ít nhất có một lần dạy nghề, chỉ anh Hai cách giữ banh, lừa banh, chặt cú, giao banh, đá góc, đá tiếp ứng, trung ứng, hàng phòng vệ, hàng xung phong, v.v.

Chỉ thị chỉ, anh Hai chả học được điều gì. Bắt banh trật lên trật xuống. Lừa đi chưa đầy một thước đã mất. Mê chạy

theo banh, không biết mình đã ở vị trí nào, không hiểu rõ chiến pháp khi nào đi banh lên, khi nào lui banh về phòng thủ. Có banh trong chân, anh Hai đá loạn, chẳng cần nhắm hướng, nhìn địch thủ gì ráo. Bà con bắt mạch biết anh Hai ham đá banh, vào những buổi thao dợt, cho anh hai vô sân dợt ké. Anh coi đó là một vinh hạnh, một niềm hạnh phúc lớn lao nhất trong đời.

Tất cả cầu thủ nghèo xưa kia tại nước Việt Nam, không ít thì nhiều, cần tiền, giá chót cũng 5, 10 ngàn, anh Hai vui vẻ móc bóp cho tiền trên sân cỏ và anh Hai đòi trả lại bằng một lời khen khích lệ: “Hồi này anh Hai đá được lắm. Ráng dợt thêm đi anh Hai”.

Năm bắt đầu chết sống cho môn túc cầu, thờ phỉ phò trên sân cỏ, anh Hai ngoài bốn mươi tuổi. Người đàn ông tuổi ngoài bốn mươi đá banh trên giường còn có khi trúng khi trật, còn có khi hụt lên hụt xuống, trên sân cỏ, còn xí quách đâu mà rượt theo trái banh? Các tuyển thủ lừng lẫy như Tam Lang, Vinh, Rạng, Tư Lê, Thà ngoài ba mươi tuổi đã bị Tổng Hội Túc Cầu Việt Nam Cộng Hòa mấy lần nhắc nhở nên về hưu. Anh Hai biết sức mình, mỗi khi ra sân dợt, anh xin đá góc trái, đứng tại chỗ chờ banh xuống, khỏi cần chạy về. Anh quần tới quần lui không quá 10 thước. Vạy chớ cũng thờ hồng học, mặt mày tái mét, màu da nhợt nhạt. Biết rằng đua banh cho anh thì mất, nên suốt trận đấu cứ để anh đứng đó làm cảnh.

Thấy đứng lâu sợ anh buồn ngủ, người ta lách địch thủ, lừa banh tới vòng cấm địa bên đối phương, rồi hét to: “Anh Hai, sút”. Anh Hai lao người tới, lấy hết sức mình anh “sút” một cú tạo tên tuổi. Trật mệ nó rồi! Chùn gối

trái, hạ bộ xuống “tấn”, dồn sức lực qua hết chân mặt đá... Đá gió nghe cái bịch! Mùi giày “ăn” xuống đất, quả banh nằm lơ lửng. Lúc xuống gối hơi sâu, đầu gối của một người nghệ sĩ đa tình, hậu quả sau bao nhiêu năm “đá sân nhỏ, đá đèn”, yếu xìu, kèm không vững, anh hai té cái ạch, đo ván tại chỗ. Hầy lịch sự, đừng cười. Anh Hai ghét cay ghét đắng đứa nào cười mỉa mai, cười vô ý tứ mỗi khi anh Hai đá banh té nằm chổng cẳng.

Những ngày giao đấu trận lớn tranh giải toàn quốc, rừng người ai mộ hiện diện trên các cánh khán đài, hai đội banh tuyển thủ quốc gia rình nhau từng chiến pháp, từng mưu kế vây “cắm thành”, từng cú banh tuyệt vời lừa đối phương để phá lưới ghi điểm. Anh Hai đứng ngoài sân thả hồn tưởng tượng mình là những cầu thủ lỗi lạc ngoài kia, đang quần thảo, đang diu những đường banh “suốt mượt” trước hàng vạn cặp mắt kính phục. Anh không mơ gì cao siêu hơn, đất nước ông bà có thương anh, hãy cho anh một lần lừa banh trên sân vận động Cộng Hòa.

Ước mơ “danh dự” đó, một chiều tháng 10-1974 đã trở thành sự thật. Anh Hai dám bỏ ra một triệu bạc muốn sân Cộng Hòa gồm chi phí điện, nước, nhân viên trật tự, cảnh sát giữ an ninh, lệ phí trả trọng tài, giám biên, v.v. Dưới danh nghĩa “Gây Quỹ Cây Mùa Xuân” cho gia đình Ký Giả Việt Nam, anh Hai, Hội trưởng Hội Túc Cầu Nghệ sĩ Việt Nam, gọi thu mời Hội Túc Cầu Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đấu giao hữu. (Hội Thương Phế Binh VNCH do cựu thiếu tá Nguyễn Bính Thịnh tức nhà văn An Khê làm chủ tịch. Nhà văn An Khê hiện định cư ở Pháp).

Đài Phát Thanh Sài Gòn quảng cáo điếc tai nhức óc. Báo chỉ hết mình viết bài ủng hộ. Nhưng khán giả mộ điệu lắc đầu ngán ngẩm. Nhân viên tổ chức bán vé than vãn: Ế xê. Bán suốt tuần chưa được 100 vé. Dân ghiền đánh cá, mê cúp độ trận đấu, bàn luận: “Rõ là ngược đời, cầu thủ Nghệ sĩ Việt Nam ho lao, ốm tong ốm teo, đá cái nổi gi. Cầu thủ thương phế binh kẻ cụt giò người què cẳng, đứng chưa vững có cách chi khêu trúng trái banh”.

Nghe đến Hội Thương Phế Binh khán giả hơi dè dặt. Họ sợ chưa ra sân thi đã nhờ Hồng Thập Tự chở vô nhà thương cứu cấp. Danh nghĩa Thương Phế Binh nhưng cầu thủ toàn những tay cự phách, khỏe mạnh, thân hình nguyên vẹn, nhồi banh không thua các tuyển thủ toàn quốc.

Đã đến giờ khai mạc trận đấu giao hữu - dưới sự chủ tọa của Chuẩn tướng Đỗ Kiến Nhiễu, Đô trưởng đô thành Sài Gòn Chợ Lớn - kiểm vé có khoảng 300 người vô xem. Đếm kỹ lại, thì trong số 300, hết 150 khán giả là vợ con, thân nhân, người trong gia đình của hai hội.

Buổi tổ chức lỗ 1 triệu 200 ngàn. Anh Hai mừng quỳnh quáng. Lỗ, ăn thua gì. Điều trọng yếu là anh được tham dự với tư cách một cầu thủ, đá chính thức trên sân Cộng Hòa.

Anh Hai bao góc trái, rậm rật chạy tới chạy lui và rạo rục chờ banh. Chờ đến phút 90, trọng tài thổi kết thúc trận đấu nhưng anh vẫn không đụng tới trái banh một lần. Dễ hiểu, Hội nghệ sĩ ngại bị thủng lưới, đêch thềm đưa banh cho anh Hai biểu diễn. Kết quả, hai hội “nâng” tỷ số bằng nhau: 3=3. Chuẩn tướng Đỗ Kiến Nhiễu bắt tay khen anh: “Anh hát hay mà đá cũng hay”. Anh Hai mắc cỡ đỏ mặt. Suốt 90 phút không có lần nào sờ đến quả banh. Rõ ràng ông Đô trưởng

khen xã giao, khen kiểu thoa dầu cù-là thương phế binh nằm ở Tổng Y viện Cộng Hòa.

Năm 1964, thời gian cộng tác đoàn *Thanh Minh Thanh Nga*, anh cả ngày ôm banh chạy ra sân thực hiện giấc mơ trở thành cầu thủ quốc tế. Chẳng màng lưu tâm đến việc hát xướng, bỏ luôn tập tuồng mới. Thậm chí diễn vai gì cũng không biết. Đoàn *Thanh Minh* sau ba tháng lưu diễn miền Trung trở về Sài Gòn rần rủ rạp Hưng Đạo, tái ngộ khán thính giả một vở kịch mới toanh, mừng ngày ra mắt đồng bào thủ đô sau một thời gian vắng bóng. Hát vở mới, đoàn phải tập dợt thuần thục cả tháng trước khi kéo màn. Anh mê banh, bỏ tập tuồng và gạt qua một bên những lời khuyến cáo của đạo diễn.

Đêm diễn ra mắt tuồng mới, anh Hai không biết tên tuồng vai tuồng và nội dung thuộc loại gì: Tinh sử, hương xa, kiếm hiệp, v.v. Bước ra sân khấu, anh thản nhiên cất giọng hát lại vai cũ, vở *Nửa Đồi Hương Phấn*. Cô đào diễn chung lớp tuồng với anh chung hứng, lỡ bộ đứng chết trân ra đó. Vai đào chấp nối vai kéo, vai phụ kết chặt vai chính, một vai không thuộc thể hổng hết các vai kia. Tuồng đang trình diễn loại kiếm hiệp, cốt truyện xảy ra trên núi trên rừng, anh đóng vai hiệp sĩ, y phục hương xa, đeo kiếm đội mũ. Trong khi đó anh một mình diễn xuất vở tình cảm xã hội mặc com-lê, thắt cà-vạt, coi chẳng giống ai. Lỡ bộ, lỡ làng đủ mọi thứ. Khán giả phản đối, la ó vang dội, đòi trả vé, đòi ban giám đốc đoàn lên sân khấu xin lỗi. Giàn đèn ngưng bật, ánh sáng ngưng chuyển màu, chờ quyết định “thượng cấp”. Các diễn viên đứng như trời trồng, trố mắt ngó xuống khán giả, chưa biết phải “thanh minh thanh nga” như thế nào.

Bà bầu Thơ, điều khiển đoàn Cải Lương kinh nghiệm đầy mình, nhanh trí bước ra sân khấu, khiêm tốn cáo lỗi khán giả:

- Sự việc xảy ra bất ngờ. Lỗi nơi chúng tôi kiểm soát nhân viên và kỹ thuật sân khấu không chặt chẽ, xin khán giả niệm tình tha thứ. Khoảng 10 phút nữa, chúng tôi sẽ “tái phối trí” (chép nguyên lời bà bầu Thơ) diễn viên và kéo màn trình diễn trở lại. Trong lúc chờ điều chỉnh nhân sự nội bộ, xin mời quý khán giả nghe nữ nghệ sĩ Thanh Nga đơn ca bản tân Cổ Giao Duyên với tựa đề *Nhạc Lòng Năm Cũ*. Một lần nữa xin cáo lỗi cùng quý vị.

Bước vô trong hậu trường, bà bầu Thơ “nổi trận lôi đình”, đập đầu vụn cổ, kêu trời lồng lộng. Bà nắm cứng vai áo đạo diễn Hoàng Việt:

- Anh muốn phá đoàn hát tôi sạt nghiệp phải không?

Hoàng Việt chết điếng, nhưng cũng ráng phân bua:

- Anh Hai ham đá banh bỏ tập tuồng, đâu phải lỗi con!

- Anh chịu trách nhiệm! Hắn bỏ tập tuồng phải thông báo tôi. Tôi kiếm người thay thế.

Hoàng Việt hiểu rõ tính bà bầu hay nổi nóng sảng, bà nói cứ để mặc bà nói cho đã nư giận. Nhịn bà tốt hơn, nên đứng im thin thít, “trân trọng” lắng nghe bà quở trách.

Bà bầu Thơ nói một hồi có lẽ mỏi miệng, ra lệnh biểu nhân viên qua phòng hóa trang kêu anh Hai “trình diện”.

Thời gian này anh Hai đang “hệ lụy” một mối đẹp như mơ với cô đào Thanh Nga. Chàng thâm kín yêu nàng, yêu thốt không ra lời. Tò tính bằng ánh mắt, bằng những cú đá lòng nheo “nháng lửa”. Yêu thâm, thương lén, nhớ trộm.

Nàng kín đáo đáp trả. Hai người yêu qua những nụ cười “tình tự”, trong trắng, sáng suốt biết dừng lại đúng lúc. Tình yêu diễn tiến trong phạm vi lễ giáo, chưa có một lần chạm đến thịt da, dù hai người cùng ao ước. Chàng nhiều lần bày mưu tính kế nắm tay nàng và cố gắng tiến thêm một bước, hôn lên môi nàng. Chàng thất bại, bà bỏ nàng canh sát nút, kế hoạch ái ân vụng trộm bao nhiêu lần đều bị phá vỡ tan tành. Bà bỏ nàng làm bức tường thành kiên cố ngăn chặn chàng thực hiện mộng mị diễm tình của chàng, của nàng. Bà bầu Thơ, một loại bà già ưa cảm mũi kỳ đà, luôn kè sát cô con gái cung, phá tan mộng đẹp của chàng.

Cô con gái yêu quý đẹp nhất nhì nước Việt Nam - người ta quả quyết trong thế kỷ 20, sân khấu Việt Nam khó có thể tìm một cô đào thứ hai đẹp “sắc nước hương trời”, giọng ca ngọt ngào, diễn xuất tuyệt vời như nàng. Đứa con gái làm ra tiền ra bạc cho nên cần phải “canh me” cẩn thận. Mỗi bước chân di động, mỗi ánh mắt, mỗi nụ cười của nàng bà bầu Thơ giám sát từng li từng tí. Bà ngủ kế bên nàng. Bà ăn cơm chung với nàng. Ra khỏi nhà nửa bước, bà lọt tọt theo bên nàng. Bà là một bà già có bộ mặt “dễ ghét” đối với tất cả những thằng đàn ông “ôn dịch” có tánh cà kê dè dặt định tán con gái bà. Xét cho cùng, chẳng lẽ cô con gái cành vàng lá ngọc như nàng mà ngày thơ “bỏ trống” để cho những thằng đàn ông “ăn hại” bu quanh tán tỉnh, tỏ lời ngọt mật chết ruồi dụ dỗ, quyến rũ đưa về làm vợ khời khời sao cà? Nếu có xảy ra thật, thì tạo hóa rất bất công. Để tránh bớt “tai nạn” mười hai bến nước trong nhờ đục chịu cho đứa con gái cung, bà bầu Thơ niêm yết một số điều kiện kén rể giản tiện như vậy: “*Người thanh niên nào muốn đính hôn với*

con tôi, điều kiện đầu tiên phải coi được mắt (đẹp trai), có tài, trình độ học vấn bậc đại học, sản nghiệp trị giá mức chót 20 triệu". Xin lưu ý, thiếu một trong bốn điều kiện, chớ có bày đặt nhờ người mai mối, bà bầu Thơ thẳng thùng bác bỏ. Bà là người ăn nói một lời, ít khi lằng nhằng kèo nài đòi một bớt hai. Lập trường của bà muôn thuở cứng cỏi, dứt khoát.

Bảng niêm yết kén rể thoát đầu truyền miệng trong một số người thân tín, dần dần lan rộng ra tới ngoài quán, ngoài đình, ngoài chợ rồi cả thủ đô Sài Gòn đều hay biết. Túc khắc có hai ông tướng VNCH cậy người bắn tiếng xin làm lễ "giáp mặt". Bà Bầu Thơ từ chối không một lời an ủi hai thằng rể hụt.

Mở cuộc sưu tra lý lịch cá nhân, bao gồm cả diện mạo, tuổi tác, tình trạng gia đình, v.v. Bà bầu Thơ phê bình thật chính xác về hai ông tướng VNCH. Cả hai ông tướng đều có diện mạo dị hợm: Mập phì mà lùn xùn, người tròn như cái lu hứng nước mưa, mặt bự như tấm thớt xắt thịt heo. Trình độ học đậu bằng đít-lôm tiểu học thời Pháp thuộc. Tình trạng gia đình nhùng nhằng qua hai đời vợ. Vợ thứ nhất đảm. Vợ thứ nhì Cao Miên lai Việt.

Ngoài cấp bậc trung tướng (lên nhanh như điều gặp gió nhờ công trạng đem quân về đảo chánh chính phủ trung ương), sự nghiệp nổi trị giá trên 40 triệu (tiền tệ VNCH năm 1964), sự nghiệp chìm, giới thương buôn Ba Tàu Chợ Lớn cất giùm, có thể nhiều gấp hai lần sự nghiệp nổi. Nhưng còn thiếu tới ba điều kiện quan trọng: *đẹp trai, có tài, trình độ học vấn bậc đại học*. Do lẽ đó, hai ông tướng đành ôm mối hận ngàn thu, hụt cưới người vợ lý tưởng của bao nhiêu chàng trai nước Việt.

Anh Hai có tài, đẹp trai nhưng học vấn cũng chỉ ở bậc tiểu học. Còn sản nghiệp chìm lẫn nổi gom gom lại, nhiều lúc túi rỗng. Anh dừng đỉnh vài triệu là khi nào ký giao kèo hát độc quyền cho một đoàn hát lớn. Ngoài ra, hàng tháng vô 1, 2 trăm ngàn thì quá sức tưởng tượng rồi. Anh thiếu hẳn hai điều kiện kén rể của bà bầu Thơ.

Từ lâu bà bầu Thơ ghim anh, “thám báo”, kiểm soát anh không để sẩy một kẻ hở. Bà biết hết chớ. Biết anh “Sầu ai lấp cả vòng trời” chớ. Song bà cứ tản lờ, làm bộ ngây thơ cụ, để coi thử anh cả gan “lon” con gái bà tới mức độ nào. Và chẳng, lúc này muốn hủy hợp đồng trục xuất anh ra khỏi đoàn, một việc làm ngoài khả năng bà. Ai giận, ai hờn, ai ghét, ai thương mặc kệ, hiện giờ anh vẫn là một kép chánh đứng đầu sân khấu Cải Lương. Tên tuổi anh khán giả toàn quốc ái mộ càng ngày càng tăng, lên tới con số 5, 6 triệu người. Đuổi anh đi, tìm người khác thay, khó còn hơn ông thủ tướng tìm nhân tài thành lập tân nội các.

Nghe lệnh bà Bầu gọi, anh đến trước mặt, đứng “lễ phép” trình diện bà bầu Thơ:

- Thưa, bà bầu gọi em?

Bà bầu Thơ dẫn mặt nhân viên thuộc cấp:

- Anh tình giết đoàn *Thanh Minh-Thanh Nga* phải không?

Anh tình bơ:

- Bà bầu nghi oan cho em. Em thích đá banh quá trớn, em bỏ tập tuồng, lỗi này do nơi em gây ra. Em biết lỗi, xin bà bầu thông cảm.

Bà bầu Thơ hình như hạ bớt cơn giận, hỏi có tính cách xóa bầu không khí ngột thở trong đoàn hát:

- Tôi phải tính làm sao đây? Anh chưa thuộc vai, thuộc bài ca tuồng mới, hoàn vé lại khán giả, đêm nay đoàn thất thu 1 triệu, ai ứng tiền túi đền bù tôi?

Anh Hai nẩy ra mưu kế:

- Bà bầu khỏi lo. Tôi nhờ Thanh Trúc đứng trong cánh gà nhắc tuồng. Về phần diễn xuất, nhất là vai kiếm hiệp, tôi dư sức qua cầu. Bà cứ cho tắt đèn làm lại, coi như không có trực trực chuyên gì.

Bà bầu Thơ vui vẻ nói:

- Ờ! Ý kiến anh hay. Tôi làm theo ý anh.

Bà quay qua ông Tư Đước, chuyên viên điều khiển ánh sáng, cấp tốc ban hành “mệnh lệnh”:

- Chú Năm, đợi Thanh Nga đơn ca xong, chú cứ tắt đèn làm lại nghe (ý bà bầu muốn nói, khi Thanh Nga đứng phía ngoài tấm *décor-fix* ca dứt bản tân cổ giao duyên, nhân viên ánh sáng tắt đèn, thay đại cảnh và mở màn hát lại bình thường như không có chuyện gì xảy ra).

Lúc ấy có mặt ông Thanh Đạm, ký giả phụ trách trang kịch trường nhật báo *Sàigòn Mới* của bà Bút Trà, chứng kiến nội vụ “phía sau hậu trường Cải Lương” từ đầu đến cuối, ghi chép từng chi tiết nhỏ nhặt để viết một loạt bài “nóng hổi” cồng hiến độc giả báo *Sàigòn Mới*. Ký giả Thanh Đạm chạy tựa bài “nổ rung rinh dư luận” khiến độc giả trung thành trang kịch trường phải tò mò, đọc ngấu ngiến nội dung bài báo với lời đề tựa: *Chuyện khó tin nhưng có thật: Kép chánh đoàn Thanh Minh-Thanh Nga không thuộc tuồng, đứng sượng ngất trên khấu, bà bầu Thơ đích thân xin lỗi khán giả và ra lệnh “tắt đèn làm lại”*.

Câu nói “*tắt đèn làm lại*” được báo chí Việt Nam thổi phồng hàng ngày, loan truyền rộng rãi trong quần chúng, dùng ám chỉ những việc mờ ám, thiếu căn bản “quang minh chính đại” của chính phủ. Năm 1965, năm dồn dập những cuộc đảo chính tranh giành ghế quốc trưởng, ghế thủ tướng. Tướng Nguyễn Khánh “chỉnh lý” hạ bệ hướng Dương Văn Minh, chủ tịch hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Tướng Nguyễn Chánh Thi nổi dậy đòi làm vua Quân Đoàn I. Tướng Lâm Văn Phát, Dương Văn Đức ngồi không ngựa tay ngựa chân, nổi cơn “mát dây đèn” kéo quân về Sài Gòn truất phế huyệt tướng Nguyễn Khánh. Đại tá Phạm Ngọc Thảo đang thất nghiệp, để có việc làm, ông rủ một số lính cận vệ thành lập 1 toán loạn quân kéo tới Dinh Gia Long nổ súng let đét, hô hào đảo chánh. Tướng Nguyễn Cao Kỳ lái khu trục lượn trên đầu quân đảo chánh, dọa thả bom, nhóm loạn quân lạnh cẳng, lùi thúi rút êm về căn cứ. Nhân dịp dẹp quân đảo chánh, tướng Kỳ đảo chánh luôn tướng Nguyễn Khánh.

Tình hình hậu phương rối ren, binh sĩ ngoài tiền tuyến xông xao đặt câu hỏi: “*Cầm súng đánh giặc, hy sinh mạng sống chẳng lẽ để cho mấy ông tướng ở Sài Gòn đấm đá nhau, giành giật chức tước rồi chễm chệ ngồi trên đầu cha thiên hạ?*”

Ký giả Đinh Từ Thúc, bút hiệu Súc Mấy (ông Đinh Từ Thúc sống “mai danh ẩn tích” ở tiểu bang Virginia) phụ trách trang “hài hước thời sự” trên nhật báo *Hòa Bình* của cha Trần Du (Linh mục Trần Du sau năm 1975 lui về ẩn dật trong nhà dòng Chúa Cứu Thế, đường Cường Để, Sài Gòn. Linh mục qua đời năm 1991) phóng bút chỉ trích cay độc các tướng lãnh: “*Chính trường Việt Nam chưa đầy 1 tam cá nguyệt, tức ba tháng, tức 90 ngày mà đã hình thành 5 cuộc đảo*

chính ngoạn mục. Nghĩa là 5 lần “tắt đèn làm lại” bộ máy chính quyền. Bầy tướng lãnh sút chuồng, mất chủ, chạy rông ngoài phố, đứng đầu cũng “tắt đèn làm lại”, đứng đầu đảo chánh đó. Họ xem chuyện lãnh đạo một quốc gia như trò đùa trên sân khấu, muốn “tắt đèn làm lại” lúc nào thì làm!”

Những năm cuối cùng của chính thể VNCH, phe dân biểu đối lập hăng máu “tiết canh vịt” chống mông gào thét đòi “liên hiệp”, “trung lập”, “sống chung hòa bình” với Cộng Sản. Điển hình là nam dân biểu Trần Ngọc Châu và nữ dân biểu Trần Kim Thoa. Những trò múa rối rẻ tiền của hai dân biểu này làm “ngứa mắt” báo chí Sài Gòn.

Nhật báo *Xây Dựng* số phát hành ngày 20-11-1973, trong một bài xã luận đã viết: “Hai dân biểu đối lập hàm thụ Trần Ngọc Châu, Trần Kim Thoa đêm qua ngủ lại trụ sở Quốc Hội, không chịu về nhà, giữ vững lập trường thúc suốt đêm phản đối chính phủ VNCH ngược đãi tù binh Việt Cộng ở hai trung tâm cải huấn Phú Quốc và Côn Sơn. Du luận xuất phát từ Ngã Ba Chuồng Chó hết sức ngạc nhiên, tự hỏi: Một dân biểu masculin, một dân biểu feminin (tiếng Việt mình dịch là dân biểu đực, dân biểu cái), cả hai tuổi ngoài năm mươi, cả hai sức khỏe chưa đến hồi “liệt vị”, cả hai đều có “vợ riêng, chồng riêng” mà lại đồng lòng thúc chung”, khăng khít ngồi sát bên nhau trọn một đêm vắng vẻ trong trụ sở Quốc Hội. Lửa gần rom lửa sẽ cháy. Lỡ mà hai vị cháy lửa lòng bắt tù, sức của quý vị có bao nhiêu lần “tắt đèn làm lại”? Căn cứ theo du luận Ngã Ba Chuồng Chó, hỏi này bà dân biểu Thoa rất khoái thoa dầu thơm Chanel, mặc áo dài mousseline kiểu bà Ngô Đình Nhu hở cổ, mỏng lét, xài nịt vú tự động. Bạn đồng viện thấy phải nuốt nước bọt. Ông Châu, con người tiếng tăm thân Cộng vang lừng năm châu bốn bể, không

khéo kềm chế, chỉ một đêm lơ dại đôi ba lần “tắt đèn làm lại” với bà dân biểu, dám chùng ông nằm chết ngộp trên miệng “lỗ chân trâu”.

Chế độ VNCH cung anh, trọng đãi anh. Chế độ Cộng Sản cung chiều anh hết mực. Anh muốn sống theo cung cách “tư sản”, lái xe mercedes, ăn mặc theo “tư bản” trong một chính phủ độc tài vô sản, tùy ý. Nhưng anh vẫn từ chối những quyền lợi do “Nhà Nước” ban phát, nuôi hy vọng ra đi. Nếu anh ở lại, đời sống vật chất, đời sống tinh thần chắc chắn không thiếu. Phó thủ tướng VC Phạm Hùng ái mộ anh. Tổng bí thư Lê Duẩn mê mọt xem anh trình diễn.

Ngày 2-6-75, sau khi “dự khán” xuất hát trình diễn vở *Phụng Nghi Đình* tại Câu Lạc Bộ Nha An Ninh Nội Chính (Bộ tư lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, VNCH), Lê Duẩn bước vô hậu trường thân mật ngưỡng mộ tài anh. Ông vỗ vai theo tác phong của kẻ bề trên hết lời khen ngợi anh. Khoảng 1 tuần sau đó, ông Lê Duẩn cho nhân viên hậu cần mời nghệ sĩ Thanh Nga lên tư dinh ông (Đường Hồng Thập Tự, biệt thự được sĩ Nguyễn Cao Thắng) để ông “trà đạo”, tỏ lòng ái mộ nghệ sĩ miền Nam.

Ngày 26-7-1975, sợ Công an theo dõi, tôi và Dũng Thanh Lâm ngồi trên xe anh Hai, chạy vòng vòng bốn bình chợ Sài Gòn khoảng 15 phút, bàn thảo kế hoạch giúp anh vượt biên. Anh giải bày tâm sự:

- Tụi em đi trước cú đi. Anh tính cách vượt sau. Nó không bỏ tù, hà khắc anh em mình, nhưng nó nhốt cả nước cho nên anh thù tụi nó. Qua tới xứ tự do, mình sử dụng tiếng hát, tranh đấu nhân quyền, tố cáo những chính sách ác độc của nó.

Chúng tôi đi trước. Mười ba năm sau, anh Hai thoát ra khỏi lao tù Việt Nam. Lời đầu tiên anh nói trong ngày nộp đơn xin tỵ nạn chính trị:

- Tôi là nghệ sĩ, không biết làm gì để tranh đấu nhân quyền cho dân tộc tôi. Tôi chỉ có tiếng hát gọi về quê hương tôi. Và chỉ có thế thôi.

Anh Hai tên thật Châu Văn Được, người quê quán Sóc Trăng, đi hát lấy nghệ danh Thành Được, ngày nay đang ngồi trước mặt tôi, bên ly cà phê bốc khói, nét già nua điều cọt trên khuôn mặt sáng rực như “trăng rằm” của ngày xưa, trút bầu tâm sự:

- Anh nhớ sân khấu quá! Chờ Cộng Sản sắp xong chắc mình già hết!

- Anh có hối hận sau khi tuyên bố xin tỵ nạn bên Đức?

- Không! Anh biết đời nghệ sĩ sẽ chấm dứt sau khi chấp nhận sống lưu vong hải ngoại. Tuy nhiên, tự do trên hết.

- Nếu Cộng Sản mời anh về nước, cho phép anh hát trở lại, anh nhận lời?

- Anh có lời thề, anh sẽ về nước hát lại khi nào không còn Cộng Sản.

- Từ ngày qua đây, anh trình diễn bao nhiêu tuồng?

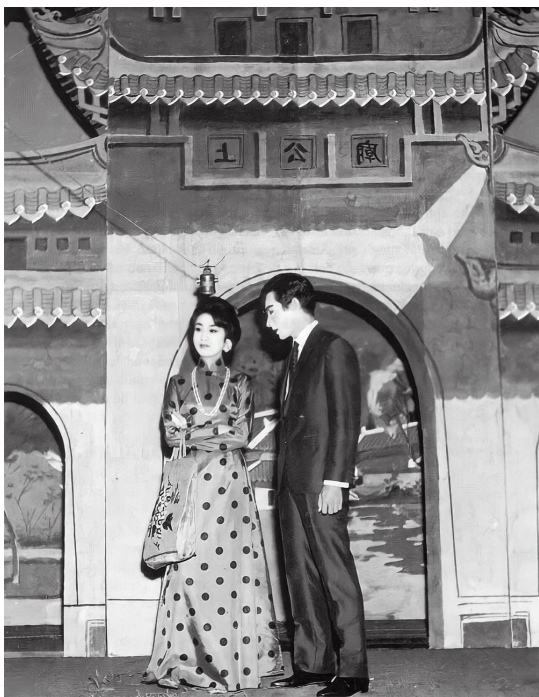
- Bốn tuồng. Trình diễn 15 xuất bên Mỹ, Canada, 22 xuất ở các nước Pháp, Đức, Anh, Bỉ, Thụy Sĩ, Hòa Lan.

- Trong đời nghệ sĩ, anh có nhớ đã trình diễn bao nhiêu vở tuồng?

- 149 vở kể cả Hồ Quảng. Tổng cộng thời gian trình diễn trên sân khấu là 34 năm.

Nhìn đồng hồ, anh Thành Được đứng lên xin lỗi, chia tay tôi. Anh bảo cần chở đồ về Evry sớm, đưa thợ may gấp, chậm trễ thì không kịp giao cho hãng chiều mai. Tôi hiểu anh. Cuộc sống ở đây không cho phép mộng mơ, không cho phép đi xa thực tế, dành hết thời giờ tranh thủ cho miếng ăn. Tâm hồn lãng mạn, là căn bản cần thiết giúp người nghệ sĩ mạnh dạn lên đường, tàn lụn dần, con người biến thành cái máy lúc nào không hay.

Anh Thành Được, đã hết một chương viết về anh. Trước khi bước qua chương kế tiếp, tôi có mấy lời chân thật nhất, lưu lại quyển sách này như sau: Chúc anh gặp nhiều may mắn. Chúc anh sớm đạt ý nguyện trở về quê hương. Chúc anh gặp lại sân khấu một ngày không xa.



Thanh Nga và
Thành Được
trên sân khấu.
Hình: T.L.

13.

Những kỷ niệm vui buồn trong “hậu trường sân khấu cải lương” muốn ghi đầy đủ, phải mất 10 quyển sách trở lên. Hàng trăm mẫu truyện cười ra nước mắt. Hàng trăm kỷ niệm đẹp. Hàng trăm kỷ niệm đau thương... Chuyện có thật. Có thật của tất cả sự thật.

Một người phụ nữ bỏ chồng, thoát ly mái ấm gia đình, bỏ cuộc sống hạnh phúc, mù quáng chạy theo “tiếng gọi cải lương”, mong có ngày nổi danh đào hát. Biểu ca thủ giọng, bà không có giọng. Biểu đứng ra bộ diễn thử, bà không có năng khiếu. Không nỡ đuổi, người ta ráng kiếm cho bà một vai tỳ nữ, bà nhất quyết thối thác, chê không tương xứng với sắc đẹp của bà. Soạn giả dừng dung nhìn bà bị thời gian đào thải. Bà thấp thỏm đợi ngày ông thầy tuồng động lòng trắc ẩn mà lãng-xê bà. Nhưng đã 3, 4 năm “bụi đời” theo gánh hát, soạn gia vẫn chưa phân vai, vẫn chưa nhắc nhở đến bà.

Không nghề nghiệp, chẳng có nhiệm vụ gì chính thức trong đoàn, thành ra tối ngày cứ cà nhổng đi ra đi vô đội

người này nhờ mua cà phê đá, người kia sai ủi quần áo. Bà ăn bám gánh hát, dựa vào “tình thương hại” của ông bầu. Bà thả tuổi “thanh xuân” trôi nổi theo đoàn hát phiêu bạt đó đây. Sống bữa đói bữa no, bữa cơm vừa lưng bụng thì nổi niêu đã bị nhân công đoàn vét sạch cơm cháy. Người chồng còn thương vợ, khoảng hai, ba tháng một lần, lặn lội đi im. Ông hết lời năn nỉ ỉ ôi:

- Em mới 19 tuổi, em chưa hiểu đời. Trở về gia đình đi em, chỉ có anh, chồng em, là biết thương em thôi.

Bà cãi bướng:

- Tôi mê kiếp sống tự do nghệ sĩ. Tánh tôi không chịu bị ràng buộc, bị cột chân vào, bị làm vợ một người đàn ông. Tôi thích bay nhảy như chim trời muốn ca muốn hát lúc nào tùy ý. Hãy để tôi yên. Anh đừng đeo đuổi tôi nữa.

- Em không có giọng ca, đoàn hát bỏ rơi ba bốn năm nay, em chưa thức tỉnh sao? Thấy em vất vưởng, đói rách mà còn bị hắt hủi, anh khổ sở vô cùng. Nghe lời anh đi em. Con người vô gia cư, vô nghề nghiệp xã hội họ khinh rẻ. Về lo làm ăn với anh, giàu có mấy hời. Khi có tiền, em cứ muốn gánh hát về hát cho em xem. Em thấy sao? Em nên suy nghĩ kỹ, lùi đại già tới bây giờ. Chùng đó dù có hối hận những ngày tháng rong chơi hoang phí như thế này thì cũng quá muộn.

- Muộn? Sớm, muộn nó có ăn thua gì với một người chưa muốn dùng chân như tôi. Mà già thì sao? Bộ già, con người ta mắc dịch hết à?

Người nghệ sĩ không giọng hát này thật là nghệ sĩ. Cam chấp nhận để đời bạc đãi, để người lừa lọc, (hiến thân chùa cho thằng kéo màn, thằng chạy máy đèn, thằng vũ

sư, những thằng đóng vai quân hầu làm phương tiện vươn lên, v.v. Tụi nó chuyển tay nhau, thay phiên “bê” hội đồng người nữ nghệ sĩ không có giọng hát này. Theo soạn giả Hoàng Khâm, 32 năm sống tập thể với các đoàn Cải Lương cho biết, trong 32 năm đó, ông chứng kiến trên 3.000 cô gái con nhà đảng hoàng vì say mê đắm đuối có ngày thành nghệ sĩ mà sa chân vào cạm bẫy của bọn người đội lớp Cải Lương lừa đảo, dụ dỗ đoạt trinh tiết rồi bỏ rơi một cách tàn nhẫn), tiếp tục sống lây lất theo đoàn, hoan hi hội nhập xã hội Cải Lương. Bất chấp tiếng thị phi, bất chấp nghèo giàu và tiền bạc, miễn ngày có ba chén cơm, cơm thừa của đoàn hát, là bà coi như đã đạt xong giấc mơ

“Lụi đụi già đến nơi”. Ông chồng đã nói đúng. Tuổi già đeo bén gót. Đến giai đoạn này bà hực hơi rượt đuổi chiếc bóng nghệ sĩ. Một ngày kia đoàn hát rả gánh, ông bầu trốn nợ trôi giạt về xứ lạ. Bà mới chịu dừng chân. “Chim trời” đã mỏi cánh, đã rụng hết lông bởi vì chim cũng già. Bà gỏi thân vào đầu đình hóc chợ, bán chuối chiên nuôi thân, đắp đổi cho hết quãng đời còn lại. Buồn buồn, gặp ai bà cũng kể thời son trẻ, thời “tuổi ngọc” đem tiêu pha cho gánh Cải Lương. Người nghe, nghe nào nề. Nhưng bà cho đó là kỷ niệm quý báu mà người khác sức mấy có được như bà.

Chuyện vợ phản chồng, chồng phụ bạc vợ một khi tên tuổi đã lẫy lừng! Chuyện trò phản thầy, tìm cách bôi xấu tên tuổi thầy sau khi học hết bí quyết nghề Cải Lương! Chuyện bạn phản bạn, tố bạn đi tù để giựt vai chánh, nhưng bất tài, suốt đời đóng vai quân sĩ, cầm gươm đứng hầu hoàng cung! Chuyện chồng đem nạp vợ cho ông bầu. Đổi lại, ông bầu cất nhắc lên đóng vai chính, ca sáu câu vọng cổ! Chuyện đời

phản trắc, chuyện tình bội bạc, chuyện người hại người, gạt tiền, úp hụi, giựt nợ, cho vay cắt cổ... Tất cả những thói đời khốn nạn, những mảnh đời khốn kiếp, tội tệ nhất đều ẩn ẩn hiện hiện phía sau thế giới hậu trường Cải Lương!

Chuyện được nghe kể hàng đêm sau giờ văn hát. Nghệ sĩ trải chiếu nằm ngủ sấp ló trên sân khấu nằm kể chuyện “đời xưa” sau giờ văn hát là lối giải trí vui thú của anh em nghệ sĩ. Ai biết gì cứ kể đại ra nghe. Chuyện tiểu lâm, chuyện xảo, chuyện thật, chuyện chụp mũ, bôi bác, nói xấu sau lưng, v.v. Một người kể, hai ba chục người “về” tai nghe. Ai kể hay, có duyên, truyện cảm động dù thêu dệt 100% được tôn làm sự thật. Chuyện nào nghe qua rồi cũng quên mất biệt, duy có ba câu chuyện dưới đây nghe xong, người nghệ sĩ Việt Nam giữ mãi trong đầu, cả đời vẫn chưa quên.

Bất luận tuổi tác, già hay trẻ vừa nhập môn thọ giáo Cải Lương thực tập ca hát, viết tuồng, học đạo diễn dự bị hành nghề đều phải học thuộc lòng cốt truyện Bá Nha Tử Kỳ. Các ông thầy tuồng ngày xưa, tiêm nhiễm tinh thần Khổng Tử, chữ “trung”, chữ “hiếu” đứng làm đầu, bày vẽ ra một chương trình “giáo dục” sơ đẳng, tuyên truyền, nhồi sọ dưới mọi hình thức để lớp đi sau học làm gương, hăm bót lòng kiêu căng, tánh tự kiêu của một nghệ sĩ khi “công thành danh toại”. Truyện Bá Nha Tử Kỳ cũng giúp cho thanh thiếu niên nam nữ chấp chững bước vào lĩnh vực sân khấu, đầu óc còn háo thắng, tinh thần nhận xét còn bông bột chủ quan, biết phân biệt điều hay lẽ phải, biết kìm chế bản năng tự phụ, biết lẽ sống của con người là phục vụ chân lý cho đại chúng, cho xã hội, không hằn chọn nghề ca hát chỉ để hưởng thụ ích kỷ cho riêng mình.

Tôi còn nhớ, mỗi tối, sau giờ văn hát, anh em nghệ sĩ trong đoàn tụ tập lại mỗi người kể một chuyện nêu gương tốt của người xưa. Ai biết nhiều kể nhiều. Nhưng hình như giới Cải Lương ai cũng biết nhiều chuyện cổ tích. Thành ra có người kể đến sáng vẫn chưa hết chuyện. Năm người kể chuyện hay nhất, mục đích khuyên răn anh em nghệ sĩ sống có thủy có chung, đó là các ông: Ba Vân, soạn giả Năm Châu, Hoàng Việt, Ngô Ty, Hoa Phượng, v.v.

Nhà văn Ngô Ty kiêm cố vấn đạo diễn kể chuyện còn hay hơn ông viết truyện. Người nghe riết phát ghiền, có thể ngồi nghe ông kể rí rả suốt ngày suốt đêm. Giờ thì đã 25 năm, ba cốt truyện: Bá Nha Tử Kỳ, Những Người Nói Xấu, Khi Vua Đòi Nghe Nhạc do nhà văn Ngô Ty kể tôi vẫn còn nhớ rõ, không quên một đoạn, một câu văn. Tôi xin ghi lại nơi đây, kính mời bạn đọc thưởng thức ba cốt truyện mà giới Cải Lương phải học thuộc lòng từ khi vừa bước chân lên sân khấu.

1- Thời Xuân Thu Chiến Quốc, tại Kinh Đô nước Sở (nay thuộc về phủ Kinh Châu, tỉnh Hồ Quảng) có một người danh sĩ họ Du tên Thụy, hiệu Bá Nha.

Bá Nha tuy người nước Sở nhưng lại làm quan nước Tấn đến cấp Thượng Đại Phu. Tấn và Sở thời đó hai nước giao hảo nhau.

Một hôm Bá Nha phụng mệnh vua Tấn sang nước Sở để gắn liền sợi giây thân hữu giữa hai nước cho bền vững thêm.

Bá Nha được vua nước Sở trọng đãi, truyền bày yến tiệc đãi đằng rất hậu.

Tuy nhiên, Bá Nha không lấy thế làm vui, vì đã bao năm xa cách đất tổ quê hương, nay lại được trở về, tấm lòng nhớ

nhưng những kỷ niệm thân yêu xa xưa lâng lâng vào tâm não. Từ mái gia đình tới những cây tòng, cây bá, mới ngày nào mà nay đã vừa một người ôm, cái định luật biến chuyển không ngừng, đã phủ một màu tang trên dòng đời xa cũ.

Sau yến tiệc, Bá Nha đi thăm viếng mộ phần, họ hàng, bạn bè, tấm lòng quyến luyến quê hương càng thấy thiết tha hơn lúc nào hết.

Nhưng vì nhiệm vụ chưa thành, Bá Nha không dám vì thế mà lưu lại nơi đất tổ, phải đành vào triều để từ giã quốc vương trở về nước Tấn.

Vua Sở ban khen rất nhiều tiền bạc, lụa là, gấm vóc, và truyền đem một chiếc thuyền rất lớn để đưa Bá Nha về nước.

Bá Nha là một khách phong lưu, lỗi lạc, trong tâm hồn chứa đựng một nguồn tình cảm thanh cao, coi cảnh vật thiên nhiên như một món ăn tinh thần.

Một hôm, thuyền đến cửa Sông Hán Dương, gặp lúc trăng thu vàng vạc, trời rộng sao thưa, Bá Nha truyền cấm thuyền dưới chân núi để vui với cảnh đẹp hải hồ. Mặt nước sông lúc bấy giờ trong vắt như miếng thủy tinh, gió lộng trăng tràn bập bênh sóng vỗ. Bá Nha truyền cho đồng tử đốt lư trầm và lấy túi đàn đặt lên trước án.

Bá Nha mở túi gấm, nâng cây Dao cầm đặt ngay ngắn rồi thử giây.

Hơi trầm quyện gió, réo rắc đưa tiếng đàn vút tận trên không.

Trong lúc đàn hứng thú, bỗng to đồng dứt một dây, Bá Nha thất kinh tự nghĩ: “Dây đàn đứt ắt có người quân tử

đang nghe đầu đây?” Bên truyền tả hữu lên bờ, thì từ bên trên có tiếng người nói vọng xuống:

- Xin Đại nhân chớ lấy làm lạ, vì kẻ tiểu nhân kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn tuyệt diệu nên chân bước không đành đó thôi.

Bá Nha vừa cười vừa nói:

- Người tiểu phu nào mà lại dám nói chuyện nghe đồn trước mặt ta, thật là kẻ cuồng vọng. Nhưng thôi, hãy cho hắn đi!

Từ bên trên lại có tiếng vọng xuống đáp:

- Đại nhân nói như thế là sai! Đại nhân nghe câu: “Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín” đó sao? (Trong cái ấp mười nhà ắt có một người trung tín). Trong nhà có người quân tử thì ở ngoài cửa có người quân tử đến. Và lại nếu Đại nhân khinh rằng trong chốn núi non quê mùa không có người biết nghe nhạc, thì tiếng đàn tuyệt diệu của Đại nhân cũng không nên gảy lên ở đây làm gì?

Nghe câu trả lời ấy Bá Nha hơi ngượng, biết mình đã lỡ lời, liền vội vã bước ra mũi thuyền hỏi:

- Nếu kẻ trên bờ quả thật là người biết nghe đàn thì đây ta hỏi thử, vậy chứ ta vừa khảy khúc gì đó?

Tiếng nói trên bờ vẫn bình thản vọng xuống:

- Đó là khúc “Khổng Vọng Vi” than cái chết của Nhan Hối, nhưng vì bị đứt dây nên mất một câu chót. Khúc ấy như vậy:

“Khá tiếc Nhan Hối sớm mạng vong

“Tóc sương rên đức lấy nhân tâm!

“Đan, biểu ngõ hẹp vui cùng đạo,

Còn khúc chót như vậy:

“Danh tiếng lưu truyền vạn cổ niên”

Bá Nha nghe xong lòng mình phần chấn, vội vã sai kẻ tùy tùng bắc cầu lên bờ để triệu thỉnh người lạ xuống thuyền tâm sự.

Bọn đầy tớ tuân lệnh, song bọn này là những đứa phàm tục, những con mắt thịt ấy đâu phân biệt được kẻ quý người hiền, chúng quen thói xưa bợ, hễ thấy người sang trọng thì thưa bẩm, thấy kẻ nghèo khó thì khinh, thấy chủ mình sai đòi một người tiểu phu nón lá, áo vải, tay cầm đòn gánh, lưng giắt búa cùn, chân đi giày cỏ, chúng lên mặt hống hách, nạt nộ:

- Hãy đi xuống thuyền ngay! Và phải giữ lễ. Hễ thấy lão gia phải sụp lạy, lão gia có hỏi gì thì phải lựa lời mà nói kéo mắt đầu đó!

Người tiểu phu vẫn thản nhiên như không nghe lời nói của chúng, từ từ bước xuống thuyền, bỏ đòn gánh và chiếc búa cùn nơi mũi thuyền, rồi bước vào yết kiến Bá Nha.

Trông thấy Bá Nha, người tiểu phu chỉ xá dài mà không lạy.

Bá Nha thấy thế cũng ngạc nhiên, song cũng đưa tay chào đón, nói:

- Thôi, xin quý hữu miễn lễ cho.

Rồi như muốn thử tài năng người tiểu phu xem thực chất đến đâu, Bá Nha sai đồng tử nhắc ghế mời người tiểu phu ngồi lại bên mình và hỏi:

- Hiền hữu biết nghe đòn chắc là biết ai chế ra cây *Dao Cầm*, và biết chơi đàn có những thú gì chớ?

Gã tiểu phu cười đáp:

- Đại nhân đã hỏi đến, chẳng lẽ tiểu dân không nói ra những cái mình biết. Xưa kia vua Phục Hy thấy có năm sắc rơi xuống cụm ngô đồng, và chim Phượng Hoàng đến đó đậu, nhà vua biết ngô đồng là thứ gỗ quý, hấp thụ tinh hoa của trời đất, có thể dùng nó chế làm nhạc khí được, liền sai người hạ xuống cắt làm ba đoạn. Đoạn ngọn tiếng quá trong và nhẹ, đoạn gốc tiếng đục và nặng, chỉ có đoạn giữa tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được.

Vua bèn đem ngâm giữa dòng nước chảy đúng bảy mươi hai ngày, đoạn đem phơi trong mát chờ cho thật khô, lựa tay thợ khéo chế thành cây *Dao Cầm*.

Dao Cầm dài ba thước, sáu tắc, một phân, ấn theo ba trăm sáu mươi một độ chu thiên, mặt trước rộng tám tắc ấn theo tám tiết; mặt sau rộng bốn tắc, ấn theo bốn mùa; bề dài hai tắc ấn theo lưỡng nghi.

Đàn ấy gồm 12 phím, tượng trưng cho 12 tháng trong một năm, lại có một phím nữa, tượng trưng cho tháng nhuận, trên mắc năm dây ấn theo ngũ hành, trong tượng trưng ngũ âm: *cung, thương, đốc, vũ, thủy*. Trước kia vua Thuấn khải đàn *ngũ huyền*, thiên hạ thái bình. Châu Văn Vương ở tù, Vũ Lý Bá Ấp Khảo thương nhớ, thêm một dây *oán* gọi là dây *văn huyền* (dây văn). Lúc Vũ Vương đánh vua Trụ, trước ca, sau múa thêm một dây phân kích để phấn khởi gọi là dây *vũ huyền* (dây vũ). Như vậy trước có năm dây, sau thêm hai dây nữa là *thất huyền cầm*.

Đàn ấy có sáu “*kỳ*” và bảy “*không*”. Sáu “*kỳ*” là: kỳ rét lớn, nắng lớn, gió lớn, tuyết rơi lớn; gặp lúc ấy người ta không dùng, còn bảy “*không*” là không đàn đám tang, không đàn

trong lúc nhiễu loạn, không đàn trong lúc bận rộn, không đàn trong lúc thân thể không trong sạch, không đàn trong lúc y phục không tề chỉnh, không đàn trong lúc không đốt lò hương, không đàn trong lúc không gặp tri âm.

Lại còn có thêm tám “tuyệt” là: *thanh, kỳ, u, nhã, li, tráng, lu, trường*. Trong tám tuyệt ấy gọi đủ cả các tình cảm, vì vậy tiếng đàn có thể đi đến tuyệt vời vậy.

Bá Nha nghe nói biết người tiểu phu là bậc kỳ tài, đem lòng kính trọng hỏi:

- Hiền hữu quả là một người tinh thông nhạc lý. Trước kia Khổng Tử đang gảy đàn Nhan Hối bước vào chợt nghe có tiếng u trầm, biết lòng Khổng Tử có ý tham sát, nên lấy làm lạ hỏi ra mới biết Khổng Tử đang đàn thấy con mèo bắt chuột nên ý niệm ấy xuất lộ ra tiếng tơ đồng. Vậy thì trước kia Nhan Hối nghe tiếng đàn mà biết lòng người, còn hiền hữu ngày nay nghe ta đàn có biết lòng ta đang tư lự gì chăng?

Người tiểu phu đáp:

- Xin Đại nhân cứ khảy cho tôi nghe một khúc, nếu may ra có cảm thông được thì đó cũng là điều may mắn.

Bá Nha nổi dây đàn, gảy khúc “*Ý tại non cao*”.

Tiểu phu mỉm cười nói:

- Tuyệt thay! Ý cao vút! *Ý tại non cao*...

Bá Nha nghe nói ngưng đàn, lấy lại tâm hồn khảy thêm khúc: “*Ý tại lưu thủy*”.

Tiểu phu cùng cười, và nói:

- Bao la trời nước, thật là một khúc: *ý tại lưu thủy*! Tuyệt hay!

Thấy tiểu phu biết rõ lòng mình, Bá Nha hết hồn, khâm phục khôn cùng, mời người tiểu phu ngồi lên trên, rồi bày tiệc rượu hai người đối ẩm.

Trong lúc uống rượu, Bà Nha cung kính, chấp tay hỏi:

- Dám hỏi tiên sinh, quý danh và quê quán? Người tiểu phu cũng đứng lên đáp lễ, rồi nói:

- Tiểu dân họ Chung tên Tử Kỳ, ngụ tại thôn Tập Hiền gần núi Mã Yên. Còn Đại nhân chẳng hay cao danh, qui tính, và hiện trấn nhậm nơi nào?

Bá Nha kính cẩn đáp:

- Tiệm quan họ Du tên Thụy, tự Bá Nha, nhân vì có việc công vụ nên đến nơi này. Xét mình tài hèn đức thiếu không xứng đáng với lộc nước ân vua, còn tiên sinh tài năng xuất chúng, học vấn cao siêu, lẽ ra phải xuất thân đoạt lấy công danh, phò vua giúp nước, lưu danh muôn thuở sao tiên sinh lại cam ẩn dật nơi chốn núi non này mà làm chi?

Tử Kỳ nói:

- Tôi còn cha mẹ già, không anh em, phận làm con phải lo đến chữ hiếu, dẫu cho công hầu bá tước cũng không thể đổi lấy một ngày hiếu dưỡng của tôi được.

- À! Ra tiên sinh là người chí hiếu, trong đời khó có ai mà sánh kịp như vậy. Chẳng hay tiên sinh năm nay được bao nhiêu tuổi?

Tử Kỳ đáp:

- Tiểu dân hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha vốn vã nói:

- Tiệp quan hơn tiên sinh một tuần (muoi tuổi) nếu tiên sinh không chê đức mọn tài hèn thì xin kết làm anh em để khỏi phụ cái nghĩa tri âm mà đời tôi chưa từng được gặp.

Tử Kỳ khiêm nhượng đáp:

- Thưa Đại nhân, Đại nhân là một bậc công khanh thượng quốc, còn tôi là kẻ áo vải quê mùa, năm tháng vào ra nơi thâm sơn cùng cốc, đâu dám cùng với đại quan so vai, kết bạn, xin đại quan miễn cho..

Bá Nha nghe Tử Kỳ nói như vậy, lòng bồi hồi mặt buồn rười rượi nài nỉ:

- Giá trị con người không phải ở chỗ giàu sang phú quý, mà là chỗ đức hạnh tài năng, nay nếu tiên sinh chịu nhận làm anh em với tôi thì thực là vạn hạnh, còn như giàu nghèo, sang hèn, chúng ta không nên nói tới.

Nói xong Bá Nha sai kẻ tả hữu đốt lại lò hương, rồi cùng Tử Kỳ lạy tám lạy, nhận nhau làm anh em khác họ.

Bá Nha lớn tuổi hơn, làm anh. Hai người vui vẻ ngồi kề nhau uống rượu. Nỗi lòng tâm sự của một khách phong trần với người chung định được hoàn toàn cởi mở vượt qua những cái gì giả dối đê hèn của cuộc sống loài người, để trở lại với cái thiện chân thuần túy.

Hai người chuyện trò mãi mà không biết chán, đến khi ánh trăng đã lạt màu, sao trên trời chỉ còn sót lại một vài đốm trắng, tiếng gà eo óc đầu thôn giục bóng bình minh, hai người vẫn còn như đắm say trong tình giao cảm, quên hẳn cả thời gian.

Khi tên thủy thủ đến gần xin lệnh cho thuyền lên đường, Tử Kỳ đứng dậy cáo biệt.

Bá Nha giọng run run, nhìn Tử Kỳ nói:

- Lòng tôi quá cảm mộ, chưa nỡ rời hiền đệ, vậy mời hiền đệ cùng đi với tôi qua một đoạn đường, để du sơn thủy và trò chuyện cùng nhau cho cạn mối tâm tình.

Tử Kỳ bùi ngùi đáp:

- Lê ra tiểu đệ đến đưa hiền huynh vài dặm mới phải ngật vi cha mẹ của tiểu đệ ở nhà đang trông, xin hiền huynh thứ lỗi.

Bá Nha nói:

- Vậy thì hiền đệ về nhà xin với song đường qua Tấn Dương thăm chơi chắc Bá phụ và Bá mẫu cũng không nỡ từ chối.

Tử Kỳ nói với giọng luyến tiếc:

- Tiểu đệ không dám phụ lời hiền huynh, song việc này không dám hứa chắc, vì vạn nhất, nếu tiểu đệ không xin phép được cha mẹ thì thành ra thất hứa với hiền huynh, ấy là tội của tiểu đệ rất lớn!

Cảm lòng hiếu thảo của Tử Kỳ, Bá Nha nói:

- Hiền đệ thực là một bậc quân tử; nếu vậy thì thôi để tôi sẽ tìm cách đến thăm hiền đệ.

Tử Kỳ hỏi:

- Bao giờ hiền huynh sẽ ghé lại thăm tiểu đệ?

Bá Nha tính đốt tay một lúc rồi nói:

- Sang năm, cũng đúng ngày và giờ này. Tử Kỳ nói:

- Nếu vậy thì sang năm cũng đúng vào ngày này tiểu đệ xin đợi hiền huynh nơi gành đá.

Tử Kỳ nói xong, toan cáo biệt, Bá Nha giữ lại, và nói:

- Khoan, hiền đệ thu thả một chút.

Dứt lời, Bá Nha quay lại sai đồng tử lấy ra hai nén vàng, rồi hai tay nâng cao lên trước mặt nói:

- Đây là món lễ mọn của ngu huynh làm quà cho Bá Phụ và Bá Mẫu, tấm tình cốt nhục, hiền đệ chớ nên chối từ.

Cảm tình tri ngộ, Tử Kỳ không dám từ chối, ngẹn ngào cầm hai nén vàng, lệ tràn khóe mắt, bùi ngùi ra đi.

Bá Nha tiễn đến đầu thuyền nắm tay Tử Kỳ không rời...

Xưa nay có cuộc chia ly nào mà không ngậm ngùi giữa kẻ ở, người đi, huống chi tình bạn tâm giao, nỗi lòng chưa cạn, Bá Nha cứ nhìn theo, nhìn mãi cho đến lúc Tử Kỳ đi khuất mới cho nhổ neo.

Dọc đường Bá Nha lâng lâng nhớ tiếc, đắm đắm đôi mắt hướng về một phương trời, nên mặc dầu trời trong gió mát, cảnh đẹp muôn vàn mà đối với Bá Nha lúc ấy như thờ ơ lạnh nhạt.

Về đến Kinh Đô, Bá Nha vào yết kiến vua Tấn để nhận lấy những lời ngợi khen của nhà vua.

Thời gian lặng lẽ trôi qua như một dòng sông êm ả...

Mới ngày nào gió thu rào rạt tiếng sáo biệt ly còn văng vảng bên tai, thế mà thấm thoát đã một năm qua, ngọn gió heo may từ miền bắc cực thổi về báo hiệu lại một mùa thu nữa, đến...

Bá Nha nhớ lại ngày mình ước hẹn vội vã vào triều xin vua Tấn cho nghỉ phép về nước Sở thăm quê nhà.

Vua Tấn nhận lời. Bá Nha sửa soạn cây đàn, đem theo vài tên đồng tử rồi lặng lẽ xuống thuyền ra đi.

Khi đến Hán Dương, mặt trời đã ngã bóng xuống lòng sông, khói sóng dâng lên nghi ngút.

Người thủy thủ vào báo cho Bá Nha biết thuyền đã đến núi Mã Yên. Bá Nha lập tức đứng ra mũi thuyền xem cùng bốn phía, nhận ra nơi đây, quả là nơi đã gặp Tử Kỳ năm trước.

Sau khi hạ lệnh cấm thuyền, Bá Nha vẫn đứng trông về phía núi Mã Yên, đỉnh núi cao hun hút, mịt mờ trong làn sương xám của hoàng hôn gọi lên một cái gì xa vắng.

Bá Nha nghĩ bụng:

- Năm ngoái vì tiếng đàn mà gặp được tri âm, năm nay ta đàn một khúc nhạc nữa hẳn Tử Kỳ nghe phải lần đến.

Tối hôm ấy, Bá Nha sai tiểu động lấy cây *Dao Cầm* ra, đốt lò hương vãn phím, đem hết tinh thần nhớ nhung xây thành một khúc tâm tư. Khi đang đàn bỗng thấy trong tiếng đàn mình có hơi ai oán nổi lên. Bá Nha kinh sợ, dừng tay lại, suy nghĩ: “Cung thương có tiếng ai oán thê thảm như thế, hẳn Tử Kỳ gặp nạn lớn rồi. Sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi mới được”.

Đêm ấy, Bá Nha nằm thẩn thức với ngọn đèn mờ, suốt đêm không chợp mắt; nỗi lòng nhớ nhung bồi hồi rào rạt dâng lên như nhịp sống trầm trầm bất tận của mặt trăng giang.

Trời chưa sáng, Bá Nha đã truyền cho đồng tử theo mình lên bờ, đem theo cây đàn và mười thẻ vàng, nhắm chân núi Mã Yên thẳng tới.

Ra khỏi triển núi, hai bên cây cối um tùm, và có mấy con đường bằng ngang rất lớn; Bá Nha không biết đi con đường nào, bèn ngồi nghỉ chân nơi một tảng đá, đợi có người nào đi qua sẽ hỏi thăm.

Một lúc sau, có một ông lão tay xách giỏ mây, tay cầm gậy trúc xăm xăm đi tới.

Bá Nha cúi mình thi lễ.

Ông già thay thế hỏi:

- Tiên sinh có điều gì cần hỏi han chăng?

Bá Nha cung kính đáp:

- Thưa lão trượng, trong mấy con đường này, đường nào về Tập Hiền thôn?

Ông già đáp:

- Cả hai con đường, đường nào cũng về Tập Hiền thôn cả. Con đường tay phải về Tập Hiền thôn thượng, con đường bên trái về Tập Hiền thôn hạ, vậy tiểu sinh cần đến thôn nào?

Bá Nha hỏi:

- Thưa lão trượng, Chung Tử Kỳ ở về thôn nào?

Vừa nghe nhắc đến ba tiếng Chung Tử Kỳ, ông già kia bỗng sa sầm nét mặt, đôi mắt sâu ngòm đong đầy cả lệ, thứ nước mắt đặc và mặn chầm chậm tràn ra trên đôi má nhăn nheo, ông ta sụt sùi kể:

- Chung Tử Kỳ chính là con của lão. Năm ngoái cung vào ngày này tháng này nó đi đón củi về muộn có gặp một người nước Tấn là Bá Nha tiên sinh. Vì chỗ đồng thanh tương ứng hai người kết nghĩa anh em. Lúc ra đi, Bá Nha tiên sinh có tặng cho con tôi hai nén vàng:

Con tôi về nhà dùng tiền ấy mua sách đọc, bất kể giờ khắc. Vì ban ngày đốn củi mệt nhọc, tối đến lại lo học hành nên chẳng bao lâu bị bệnh lao mà qua đời rồi.

Chưa kịp nghe ông già nói hết câu, đôi dòng nước mắt của Bá Nha đầm đìa trào ra như hai dòng suối, Bá Nha nghẹn ngào không nói được nửa lời.

Chung lão thấy thế lấy làm lạ hỏi tên tiểu đồng:

- Tiên sinh đây là ai?

Tiểu đồng đáp:

- Thưa lão trưởng, đây là quan Thượng Đại Phu nước Tấn, Du Bá Nha!

Chung lão nghe nói thốt ra hai tiếng “trời ơi!” rồi cũng nghẹn ngào không nói gì được nữa. Cả hai người chỉ nhìn nhau, và thông cảm nhau bằng những dòng nước mắt, hai thứ nước mắt khác nhau nhưng chảy cùng một nhịp đau đớn như nhau.

Cuối cùng, Chung lão gượng gạo thi lễ và nói:

- Mong ơn Đại nhân không chê cảnh nghèo nàn. Con lão lúc lâm chung có dặn, vì lúc sống không tròn được đạo làm con, lúc chết xin chôn nơi chân núi Mã Yên để trọn nghĩa tâm giao với lời ước hẹn cùng quan Đại phu nước Tấn. Vì thế theo lời trăng trối, lão đã đem chôn nó nơi bên ven đường ở chân núi. Con đường tiên sinh đi đến, bên mặt có nắm đất nhỏ, đó là ngôi mộ của con tôi. Nay mới vừa đúng một trăm ngày, lão mang vàng hương đến thăm mộ, mới gặp tiên sinh ở đây.

Bá Nha lau nước mắt nói:

- Sự đời biến đổi, may rủi khó lường, nay đến nỗi này, tôi

xin theo lão trượng đến trước mộ phần, để lạy vài lạy cho thỏa tình mong nhớ.

Nói xong, Bá Nha sai tiểu đồng xách giỏ cho Chung lão, rồi cùng nhau kẻ trước người sau, trở lại nơi chân núi.

Khi đến nơi, Bá Nha thấy nắm đất bên đường có xanh chưa phủ kín lòng gởi lên một mối thê lương. Bá Nha vừa khóc vừa lạy, tuy miệng không nói được nửa lời mà trong lòng nhu đã nói tất cả nỗi hờn biệt ly.

Lạy xong, Bá Nha truyền đem cây đàn đến rồi ngồi trên một tảng đá tấu lên một khúc nhạc “thiên thu trường hận”.

Bỗng thấy gió ngàn rất mạnh, ánh sáng u buồn, mấy tiếng chim kêu u uất vọng lên từ xa như những hồn ma bóng quế dật dờ khi say khi tỉnh.

Bản nhạc ngưng gió ngừng thổi, trời lại sáng dần.

Bá Nha nói với Chung lão:

- Có lẽ hồn Tử Kỳ đã hiện về đó! Chẳng hay lão bá có biết cháu đàn khúc nhạc gì không?

Chung lão đáp:

- Lúc nhỏ cũng biết chút ít về cầm kỳ, nhưng nay tuổi đã già, tâm thần hỗn loạn không có thể phân định được khúc gì.

Bá Nha nói:

- Cháu vừa đàn khúc đoản ca để viếng người tri âm, tài hoa mệnh yếu. Cháu xin đọc thành lời văn để lão bá nghe:

“Nhớ từ thuở mùa thu năm ngoái,

“Trên tràng giang gặp bạn cố nhân.

“Năm nay lại đến Giang Tân

“Dòng sông lạnh ngắt cổ nhân đầu rồi!

“Buồn chỉ thấy năm mỗ bên núi,

“Coi ngàn năm chia cách đau lòng.

“Ôi! thương tâm! Ôi! thương tâm!

“Sụt sùi lai láng bao dòng lệ rơi!

“May sâu lấp loáng chân trời,

“Đêm vui đổi lấy một đời khổ đau.

“Tử Kỳ! Tử Kỳ đâu!

“Ngàn vàng không chuộc được bầu tâm giao,

“Thôi từ đây, với phim đàn.

“Ngàn thu thôi hết mơ màng cổ nhân”.

Đọc xong. Bá Nha hai tay cầm cây đàn đưa lên cao đập mạnh xuống tảng đá. Cây đàn vỡ ra từng mảnh, trúc ngọc, phím đồng rời rã toì bời.

Chung lão khiếp đảm hỏi:

- Sao tiên sinh giận gì mà lại đập cây đàn đi vậy?

Bá Nha đọc luôn mấy câu thơ để đáp lời ông lão:

“Dao Cầm đập nát đau lòng phượng,

“Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai?

“Gió xuân bốn mặt, bao bè bạn.

“Muốn tìm tri âm, thật khó thay!”

Chung lão thở dài nói:

- Chỉ vì không có người biết nghe mà kẻ đàn hay phải đành thất vọng!

Bá Nha hỏi:

- Lão bá ở thôn Tập Hiền nào?

Chung lão đáp:

- Tệ xá ở nơi thôn Tập Hiền thượng, vậy mời đại nhân, nếu không chê nghèo nàn, xin đến đó nghỉ ngơi.

Bá Nha nói:

- Hạ quân xin cảm ơn lão bá, nay nếu hạ quan có trở về đó cũng chỉ gọi thêm nhiều mối nhớ thương mà thôi. Nhân dịp hạ nhân có đem theo mười nén vàng, xin dâng cho lão bá dùng một nửa trong việc cung dưỡng tuổi già, còn một nửa mua mấy mẫu ruộng để làm tự cho Tử Kỳ. Mai hạ quan về triều làm đơn xin từ chức trở về quê cũ, chùng ấy hạ quan sẽ rước Bá phụ, Bá mẫu về sống chung để yên hưởng những ngày tàn. Tôi tức là Tử Kỳ và Tử Kỳ cũng tức là tôi vậy.

Nói xong Bá Nha hai tay dâng mười nén vàng cho Chung lão, sụp xuống đất lạy mấy lạy rồi ra đi. Chung lão đứng nhìn theo, lòng bồi bồi luyến thương..

2. Những Kẻ Nói Xấu. Giang Ất ghét Chiêu Hồ Tuất nên tấu cùng vua Sở:

- Một người có một con chó khéo giữ nhà nên cung nó. Con chó ấy một hôm phóng uế vào nhà người hàng xóm. Người hàng xóm tức giận muốn vào bảo chủ nó nhưng con chó cứ đứng giữ cửa mà sủa nên người hàng xóm không vào được.

Vua Sở hỏi:

- Ông muốn nói cái gì, và nói ai?

Giang Ất tâu:

- Chiếm được Đại Lương, Chiêu Hồ Tuất lấy được khá nhiều báu vật của nước Ngụy. Lúc đó thần ở Ngụy nên biết rõ. Chính vì thế mà Chiêu Hồ Tuất không muốn thần gặp Đại vương.

Vua Sở làm thỉnh, Giang Ất hỏi:

- Có người thích nói cái tốt của người khác, Đại vương cho đó là hạng người nào?

Nhà vua đáp:

- Đó là hạng quân tử nên cẩn thận.

Giang Ất lại hỏi:

- Có người ưa vạch cái xấu của người khác, Đại vương cho đó là hạng người nào?

Nhà vua đáp:

- Đó là hạng tiểu nhân, ta nên tránh.

Giang Ất bảo:

- Đại vương có biết người dưới mà kết đảng thì người trên nguy, người dưới mà chia rẽ người trên an?

Vua Sở đáp:

- Đúng vậy.

Giang Ất nói:

- Như thế có đứa con giết cha, kẻ bề tôi giết vua chắc là Đại vương cũng không hề hay tới.

Vua Sở hỏi:

- Sao có việc ấy?

Giang Ất đáp:

- Chỉ vì Đại vương thích nghe cái tốt mà không thích nghe điều xấu.

Vua đáp:

- Phải lắm, quả nhân xin nghe cả hai. Kể dứt, ông Ngô Ty giải thích ý nghĩa cốt truyện.

- Nếu các anh em ở đây, trong đêm nay, sau khi tập tưởng về nhà nằm nghỉ và chỉ cần lưu tâm một chút thì các anh em nhận ra được điều này: Hầu hết những câu chuyện nói về người vắng mặt đều nhắm vào sự bất hảo hơn là mang tính chất đề cao. Chẳng biết đó có phải là bản tính của loài người hay chỉ vì loài người có quá nhiều tật xấu nên không một ai thấy cạn đề tài, nhất là nói xấu những kẻ đang vắng mặt?

Có lẽ vì không muốn ai nói xấu ai hay vì muốn tránh sự kiện nâng các thói xấu lên hàng đầu câu chuyện mà các bậc hiền nhân thường tỏ thái độ lạnh lùng đối với kẻ quen nói xấu sau lưng. Tưởng rằng đó cũng lại là một ý nghĩ hay nếu không giúp được hoàn toàn cho điều thiện thì cũng làm giảm bớt được một số mầm miệng tanh hôi khiến cho xã hội trong sạch được ít nhiều.

Dẫu vậy, mọi giá trị không nhất thiết đều phải đóng khung. Do đó, Giang Ất đã chỉ cho vua thấy là cứ nghe mãi những điều tốt cũng không phải là người tốt, đặc biệt là đối với cấp có quyền.

Kể ra thì thái độ của vua Sở là thái độ của hiền nhân. Và cũng chỉ có hạng hiền nhân mới thích nghe những điều phải, lẽ hay để tránh cho tư tưởng khỏi bị vẩn đục vì các thói xấu của người bị lôi cuốn theo thói tục. Có điều cần minh định là một ông vua hiền rất có thể không phải là người trị nước giỏi.

Điều này Giang Ất đã vạch rõ ra với ý trách vua không hề hay biết gì tới những hành vi phạm tội của kẻ dưới, bởi vì vua cứ mãi quan niệm rằng kẻ nêu tội người khác là hạng tiểu nhân. Dĩ nhiên đó là một sai lầm lớn, cái sai lầm của những ai muốn mình được thanh khiết rồi bung tai, bịt mắt trước tội lỗi của người đời.

Bởi thế, điều quan trọng là hãy cứ nghe và quan trọng hơn nữa là làm thế nào đừng lẫn lộn nghe với tin.

3- Khi Vua Đòi Nghe Nhạc. Dương Thiết Bật thưa với vua Tấn:

- Thu phục nhân tâm cố tỏ lòng nhân chó phô bày của cải thì chỉ khiến người đổ kỵ thôi.

Tần Bình Công không nghe, truyền xây một cái cung thật đẹp gọi là cung Tư Kỳ.

Tư Kỳ tuy không lớn bằng cung của Sở nhưng tinh xảo hơn nhiều. Vua Tấn đặc ý, gởi thư mời các chư hầu đến dự lễ khánh thành.

Trên đường sang Tấn, vua Vệ đi qua sông Bộc Thủy, bỗng nghe có tiếng nhạc lạ kỳ vọng tới.

Vua cho đòi Thái Su Quyên tới hỏi.

Thái Su Quyên lắng nghe luôn hai hôm thì thuộc cả bản nhạc.

Lúc tới nước Tấn, vua Vệ cho Thái Su Quyên cùng đi với mình lên Tư Kỳ cung dự tiệc.

Giữa tiệc, vua Tấn cho đòi người giỏi nhạc nhứt nước là Su Khoáng tới trở tài.

Vua Tấn hỏi Thái Su Quyên:

- Nghe đồn ông cũng là bậc thầy âm nhạc hãy cho ta nghe thử khúc nào nhạc nào hay nhất?

Thái Su Quyên đem khúc nhạc đã nghe được trên Sông Bộc Thủy ra đồn. Nhưng vừa nghe được nửa bản, Su Khoáng bỗng lên tiếng:

- Không được, đó là khúc nhạc vong quốc!

Tần Bình Công hỏi:

- Sao lại cho là vong quốc?

Sư Khoáng đáp:

- Đó là khúc nhạc do Sư Diên và vua Trụ đặt ra. Sau vua Trụ mất nước, Sư Diên ôm đàn nhảy xuống sông Bộc Thủy trầm mình. Từ đó hễ ai qua sông lúc thanh vắng đều nghe khúc nhạc này.

Vua Tấn hỏi tiếp:

- Nhạc sư có biết đó là điệu gì không?

Sư Khoáng thưa:

- Đó là điệu Thanh Thương, nhưng vẫn chưa bằng Thanh Thủy.

Vua Tấn bảo:

- Khảy cho ta nghe thử khúc nhạc đó ngay? Sư Khoáng đáp:

- Chỉ người có đức mới được nghe.

Vua mắng:

- Người khi quân ư? Nếu từ chối ta giết ngay.

Sư Khoáng bất đắc dĩ ôm đàn lên khảy.

Nhà đạo diễn kiêm văn sĩ Ngô Ty hùng hồn bình luận cho anh em nghệ sĩ chúng tôi nghe truyện “Khi Vua Muốn Nghe Nhạc” rất thích thú như sau:

“Phân biệt giàu nghèo là tính theo số lượng của bạc vàng hay sản vật. Phân biệt sang hèn thì căn cứ vào cốt cách hoặc tinh thần. Bởi thế có lắm kẻ tuy giàu nhưng không được coi là sang, trong khi một số nghèo, song chẳng bao giờ bị coi là hèn cả.

Cùng ý nghĩa với Dương Thiết Bật như anh em thấy, càng phô trương của cải bao nhiêu càng khuấy động lòng tham muốn của những kẻ tham và vô tình bắt cầu cho những điều bất lợi.

Tuy thế, trên phương diện công bằng không một ai có đủ thẩm quyền khẳng định giàu tức là đã bất nhân. Cũng như chẳng có ai gây thơ kết tội đồng tiền vì cho rằng chính nó đã làm cho con người trở nên bất nghĩa.

Do đó, yếu tố chính không phải nhắm vào chỗ giàu nghèo mà là phải xét qua cá tính. Như tôi vừa kể cho anh em nghe, ông vua Tấn không làm gì nên tội khi cố tình khoe của với các chư hầu. Nhưng dựa theo lời khuyên của Dương Thiết Biệt và sự phản kháng của Su Khoáng, người ngoại cuộc có ấn tượng là Tấn Bình Công không thể là một minh quan. Ngay như sự giận dữ của nhà vua, đòi chém đầu kẻ từ chối cho nghe nhạc tưởng cũng đủ để coi như một chứng minh rồi.

Có lẽ vì vậy mà đức Khổng Tử đã phải lên tiếng cho rằng: “Người mà bất nhân thì Lễ và Nhạc để làm gì?”



Tri âm Bá Nha - Tử Kỳ. Hình: T.L.

14.

Nhắc lại mẩu chuyện “*Khi Vua Muốn Nghe Nhạc*” trên đây, tôi có ý định trình bày một câu chuyện lâm thời ở Việt Nam: “*Khi Vua Muốn Cưới Vợ Bé*”.

“*Khi vua muốn cưới vợ bé*” là động cơ đưa đến cái chết một người đàn bà Việt Nam vô tội. Nhà vua nay đã “băng hà”, mồ yên mả đẹp nhưng ông phải nhận lấy trách nhiệm trước “*bia miệng thế gian*” do ông tạo ra bởi cá tính dâm dật, tham lam nhục dục vô bờ bến.

Mưu đồ cưới thêm vợ bé, dù chỉ là mưu đồ hư ảo, khó thành tựu khi nhà vua là hiện thân của hung thần ác quỷ, ba bốn vợ, con cái đùm đê, còn nạn nhân là hàng dân giả và là người đàn bà đã có chồng con đang hoàng. Hơn thế nữa, nạn nhân là “*giai nhân*” tài hoa xuất chúng, sắc đẹp ít ai sánh bằng, tên tuổi được thế gian công nhận cỡ hàng “*danh ca thế kỷ*” thì lại càng không thể nào để “*cho thằng mán thằng muông nó leo*”, ngoại trừ trưng dụng đến bạo lực. Nhưng lịch sử cũng đã chứng minh, rốt cuộc bạo lực vẫn gục đầu trước chân lý của con người.

Sự kiện ông Lê Duẩn mê gái là nguyên nhân xảy ra cuộc thăm sát Thanh Nga - chuyện chỉ “*nghe nói chứ không thấy*”. Du luận đồn đãi chính bà vợ lớn Lê Duẩn nổi cơn ghen cuồng điên, bay vô Sài Gòn ban mật lệnh hạ sát người nữ nghệ sĩ tài hoa này để đánh phủ đầu ông chồng, cho ông bỏ đứt bản tánh thấy gái thì trở mồi dê bản tính.

Du luận đồn chưa hẳn là đúng sự thật. Thế nhưng những người trong cuộc nói ra chắc chắn không phải là không sự thật. “Người trong cuộc” có đủ tư cách đứng làm nhân chứng vì đã có mặt từ ngay phút đầu, giây phút Lê Duẩn tiếp chuyện Thanh Nga và có mặt đến phút cuối, giờ phút hung thủ dùng súng tiểu liên hạ sát Thanh Nga cùng ông chồng của cô. “Người trong cuộc” cũng trực tiếp nhận được lời đe dọa sinh mạng Thanh Nga qua tay chân thân tín của bà vợ lớn Lê Duẩn và trực tiếp xin bà tha mạng, bỏ qua. Người ta biện hộ:

- Ông Duẩn đeo đuổi, dùng quyền cao chức lớn cưỡng bức nàng gập mặt, không phải nàng tự ý tìm đến ông Duẩn.

Nhưng bà nghiêng rằng bác bỏ:

- Bất luận người đàn bà nào đứng gần chồng tôi thì phải bị tội đáng chết!

Mới “đứng gần” chồng bà thôi mà đã vong mạng! Huống chi Thanh Nga đã ngồi hơn 2 tiếng đồng hồ uống nước trà với ông Lê Duẩn tại tư dinh. Trong cuộc truy lùng sự thật về cái chết Thanh Nga có liên hệ đến ông Lê Duẩn, chưa có bằng chứng rõ rệt dù đã có nhân chứng. Và để dễ dàng tìm ra sự thật, tốt hơn nên buoi xối dĩ vãng ông Lê Duẩn, đào tận gốc rễ các cuộc tình vụng trộm mà ông đã sống qua, đeo sát theo ông từng bước chân “hành quân” chống Pháp cứu

nước, chống “Mỹ Ngụy”..., bán nước. Hiểu rõ Lê Duẩn, khi ấy công việc xét người, xét việc sẽ không bị dẫm lên trạng thái chủ quan, tính cảm đê bẹp lý trí. Chúng tôi viết một lần về cuộc thăm sát nữ nghệ sĩ Thanh Nga, quyết định không trở lại vấn đề này lần thứ hai, chỉ làm công việc điều tra ở giai đoạn mở đầu, giai đoạn trung bằng có, vạch mặt thủ phạm. Nối tiếp công việc khai chông hồ sơ ghi cái chết bí mật của Thanh Nga, xin dành những ngòi bút ở thế hệ sau. Họ bình tĩnh hơn, khách quan hơn chúng tôi. Bởi vì họ không chứng kiến những biến cố tang thương, hồi ức không ghi đậm những cảnh đời “sanh ly tử biệt”, những cuộc chiến dài hơn một đời người, những chế độ độc tài sống dai hơn cây cổ thụ!

Chấp chánh, lên ngôi thừa kế ngai vàng theo di chúc, chế độ quân vương trá hình dưới chiêu bài Cộng Sản, nhà vua Lê Duẩn - danh từ đặt cho chức vụ hiện đại là Tổng bí thư Đảng quyền uy tối thượng si tình nữ nghệ sĩ Thanh Nga từ năm 1962. Ông hằng mơ tưởng có một ngày Cộng Sản ngự trị toàn cõi Việt Nam, công khai trở lại viếng miền Nam trên tư cách quốc trưởng, đồng thời gặp tận mặt, vấn an nữ nghệ sĩ Thanh Nga.

Giấc mơ đó đã biến thành sự thật. Ngày 2-6-1975, nhà vua Lê Duẩn vào Nam kinh lý, chủ tọa lễ ăn mừng “Đại thắng mùa xuân”, quan sát bộ đội Việt Công nghênh ngang diễn binh trên đại lộ Thống Nhất. Các vị đại biểu Hội đoàn “ba phải”, lực lượng “thứ ba”, đảng phái ăn com quốc gia thờ ma Cộng Sản: Hội Sinh Viên Yêu Nước, Tổng Liên Đoàn Lao Công, Mặt Trận Tổ Quốc, Lực Lượng Ái Quốc... quần áo sặc sỡ, đầu chải láng mượt sắp hàng chỉnh tề ngoài sân

Dinh Độc Lập (Trụ sở Ủy Ban Quân Quản) châu chực xin yết kiến ông Lê Duẩn. Các vị đại biểu cúi rạp người xuống thật sâu, trịnh trọng chờ ông Duẩn ban bố một cái bắt tay lãnh đạm. Đến khi bắt tay vị đại biểu Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ Việt Nam, bà Phùng Há, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam ân cần hỏi thăm tình hình sinh hoạt sân khấu miền Nam. Sủa vòng vo tam quốc một hồi, ông mới đi thẳng vào điểm chính:

- Cô Thanh Nga khỏe chứ? Bà Phùng Há trả lời:

- Cám ơn ngài Tổng bí thư, Thanh Nga và gia đình vẫn mạnh khỏe.

- Ngày hôm nay toàn thể nhân dân đến đây chào mừng lễ “đại thắng Mỹ Ngụy”, sao Cô Thanh Nga lại vắng mặt?

Câu hỏi đặc sệt mùi vị cảnh cáo, nặng nề sự đe dọa của ông “trùm” đảng Cộng Sản, cặp mắt lạnh tanh, biểu lộ cùng cực mối hận thù dân Sài Gòn đã “ngoan cố” không một lòng một dạ tôn thờ, ủng hộ chủ nghĩa Mác Lênin mấy mươi năm về trước, đội xe tăng Bắc Việt “ủi lảng” miền Nam xông đầu vào đó rồi mới lè phè trung biểu ngữ “hoan hô đảng Cộng Sản Việt Nam muôn năm”. Bà Phùng Há vốn yếu bóng vía, người toát mồ hôi, chân run run bình bịch nhưng cũng gượng làm tỉnh, nhỏ nhẹ kính kính thưa thưa để vớt vát chút cảm tình nơi ông Duẩn:

- Kính thưa Ngài, Thanh Nga bận gom góp anh em nghệ sĩ, chạy mượn vốn thành lập gánh hát, tái khai trương đoàn *Thanh Minh-Thanh Nga*. Tôi mạn phép thay mặt Thanh Nga, kính xin ngài Tổng bí thư thứ lỗi cho cô về sự vắng mặt tham dự ngày “đại lễ mừng bộ đội anh hùng giải phóng miền Nam”.

Ông Lê Duẩn lộ vẻ hài lòng, bật cười hả hê, khuôn mặt lung lay một đồng thịt mỡ, phản ánh một khuôn mặt của mấy anh Ba Tàu tài phiệt lấu cá ở Chợ Lớn hơn là một lãnh tụ “cách mạng chống Mỹ cứu nước”. Khinh thường “quan khách” hiện diện, ông Duẩn đứng sát vào người bà Phùng Há nói vừa đủ nghe:

- Tôi nhờ bà chuyển lời mời cô Thanh Nga đến gặp tôi, đặng tôi có cơ hội “tham quan” tình hình văn nghệ miền Nam. Tôi rất ái mộ tài Cô Thanh Nga, nói văn như thế, chắc bà đã hiểu?

- Ngài muốn gặp cô ở đây?

- Không. Mời tới tư dinh xoi com thân mật, đàm luận, trao đổi ý kiến văn nghệ. Tôi sẽ “nhờ” cô hát một bản Cải lương Nam bộ dành riêng một mình tôi nghe.

- Tư dinh ngài ở ngoài Hà Nội?

- Không. Tôi còn lưu lại trong Nam độ ba tuần lễ, hiện tạm nghỉ ngơi ở số 3 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. Ngõi biệt thự này trước kia do tên đại phản động phụ tá thân tín Nguyễn Văn Thiệu làm chủ (Dược sĩ Nguyễn Cao Thăng).

- Tôi hiểu ngài. Tôi sẽ đứng trung gian thu xếp cuộc gặp gỡ giữa ngài và cô Thanh Nga. Nhưng tôi không dám hứa chắc, vì phải còn hỏi bà bầu Thơ, và ý kiến chồng cô Thanh Nga. Xin ngài thông cảm, Thanh Nga hiện có chồng, có con, tất cả công việc làm ăn, xã giao ngoài đời, “đường đi nước bước” của cô đều do chồng cô quyết định...

Ông Lê Duẩn nạt ngang, cướp lời bà Phùng Há, cấp tốc “giáng chiếu chỉ” ban hành quốc lệnh cưỡng bức thần dân phải tuân theo:

- Chồng cô Thanh Nga, hẳn thuộc thành phần “phần động nặng”, cán bộ cao cấp “Ngụy quyền”, nhà nước sẽ xét đến tội hấn sau. Tôi không cần “quan hệ” đến hấn. Tôi chỉ cần “quan hệ” đến Thanh Nga. Đề nghị bà cứ thu xếp theo như ý tôi muốn.

Nghe loáng thoáng “Nhà nước sẽ xét tội hấn sau”, tức nhà nước có thể bỏ tù hoặc xử bắn thiếu tá Lâm (sĩ quan ủy viên Công tố Nha Quân Pháp), cựu Đồng Lý Văn Phòng Bộ Thông Tin VNCH, báo chí thường gọi tắt là ông Đồng Lâm, bà Phùng Há càng lạnh mủi ác, hàm răng đánh bò cạp, nói giọng ca làm:

- Dạ... Tôi... nói... nói... lại nó phải đi gặp ngài vì đây là... là... lệnh thượng... cấp.

Lê Duẩn tỏ thái độ vừa biết ơn vừa muốn kết thúc sớm, tổng cổ bà Phùng Há ra về cho khuất mắt:

- Cám ơn bà. Cho tôi gọi lời chào anh em nghệ sĩ Cải Lương Nam bộ.

- Dạ. Vàng... vàng... ạ. Bà bầu Thơ lo nghĩ nát ruột héo gan. Ngăn cản vợ chồng Thanh Nga đi “thăm riêng” ông Lê Duẩn, từ chối lệnh ông mời, hậu quả ghê gớm có thể giáng xuống đoàn *Thanh Minh*, gia đình thân tộc không biết lúc nào. Nếu để Thanh Nga lai vãng tới lui tư dinh ông Duẩn, tiếng đồn lan tới tai bà vợ lớn ông Duẩn ngoài Hà Nội, hậu quả chết người có thể xảy đến cho Thanh Nga một sớm một chiều, trước sau không tránh khỏi. Đại tá tập kết Trần Đình, cựu “đệ tử” cố nghệ sĩ Năm Nghĩa, chồng bà bầu Thơ đã “thuyết minh” kỹ càng lai lịch đánh ghen kinh hồn khiếp vía của bà vợ lớn ông Duẩn. Phương pháp đánh ghen cực kỳ hung bạo khiến nạn nhân ít khi còn cơ hội sống sót dưới

những tấm đạn nổ từ súng hầm thanh, từ những toán công an lão luyện đảm nhận công tác giết người chuyên nghiệp.

Ông Duẩn có bốn người vợ chính thức và hàng tá nhân tình. Có một điều kỳ quái, tất cả những người đàn bà “boi lội qua đời” ông, không xây dựng trên điều kiện thông thường, đều phải trải qua một giai đoạn bị cưỡng ép, bị ông hiếp dâm trước khi rơi vào hoàn cảnh “sự việc đã rồi” để làm vợ ông. Các đồng chí ông Duẩn đều xác nhận con người ông Duẩn “có máu hiếp dâm tiền kiếp”.

Bà vợ cả, tên Cao Thị Khê, người gốc Nghệ Tĩnh. Thất học, quê mùa, ăn nói cộc cằn, tánh tình ngang ngược phách lối. Kết hôn với ông Duẩn năm 1940, sanh năm đứa con. Thời gian này ông giữ chức Xứ ủy Nam Bộ. Năm 1942 ông cưới thêm bà vợ thứ nhì sau khi hiếp dâm bà tả toại. Nội vụ đổ bể, Đảng “vận động” nạn nhân làm vợ bé ông. Bà tên Đỗ Thị Kim Nga, con cháu xa gần giòng họ Đỗ Hữu Vị, một gia đình giàu sù, đại Việt gian tỉnh Cần Thơ. Bà Nga đỗ trung học Pháp nên có tư tưởng cấp tiến, đáp lời “kêu gọi non sông” chống thực dân cứu nước, làm thư ký cho ông Phạm Ngọc Thạch, chủ tịch Ủy Ban Hành Kháng Nam Bộ.

Bà vợ thứ ba tên Võ Thị Sánh, người quê quán Quảng Nam, con ông Võ Đức Kinh, nhân viên Ty Hỏa Xa, bạn đồng nghiệp ông Duẩn (ông Duẩn giữ nhiệm vụ phát cờ hiệu, chỉ dẫn xe lửa cập bến Quảng Trị và ga Hàng Cỏ, Hà Nội). Bà Sánh nhập đảng Cộng Sản năm 1948. Năm 1950 bà hoạt động trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng cung cấp tin tức tình báo gởi lên Đệ Ngũ Quân Khu do tướng Trần Văn Trà nắm tư lệnh. Năm 1945, ông Duẩn lại hiếp dâm Cô Đình Thị Thoa, em ruột Đình Bá Thi nổi tiếng hoa khôi thời

kháng chiến chống Pháp. Một lần nữa, ông cây Đảng đứng tổ chức cưới cô Thoa, một người vợ trẻ hơn ông 22 tuổi.

Ba bà vợ bé ôm hành lý “tập kết” ra Bắc khi Hiệp Định Genève 1954 chào đời. Ông chia ra “định cư” mỗi nơi một bà. Nhưng hầu bao kinh tế, cai quản tài chánh tập thể gia đình thì do bà vợ cả lãnh đạo. Ba bà vợ lẽ phải bước qua thời kỳ chịu đấm ăn xôi, bị đánh ghen bầm mày bầm mắt, máu me đầy đầu. Bà lớn chơi chính sách hà khắc, ngược đãi tạo sự khủng bố triền miên đáng dễ bề sai bảo. Tinh thần các bà căng thẳng ngày đêm, khép khuôn các bà vào “tổ hợp một chồng bốn vợ”. Muu tính trốn trở về Nam cũng không còn đường. Muốn la làng nhờ đồng chí trung ương cứu vớt, thoát khỏi bàn tay nanh vuốt bà lớn thì bị Đảng chặn bịt lối thoát thân. Đảng bủa lưới giăng dây nhốt kín tứ bề. Đảng tận lực can thiệp, ém nhem đời tư xấu xa của “đồng chí” Duẩn. Các bà ngậm đắng nuốt cay, buông xuôi cho nghịch cảnh leo lái qua năm tháng rồi phủ phục trước sự bất lực của mình, an phận sống kiếp làm vợ lẽ ông Duẩn tới già. Thịnh thoảng bà vợ cả nổi cơn điên, xách hèo xách gậy tới từng nhà kiểm chuyện đánh đập mắng chửi thậm tệ. Các bà bị hành hạ chẳng khác một con vật.

Ngược dòng thời gian, cách đây 38 năm về trước, thời kỳ uy thế của tướng Giáp xuống thấp nhất. Người đứng ngoài Đảng lắm tưởng rằng, vì cánh Lê Duẩn lên là phe miền Nam lãnh đạo Đảng, sự thật đã sai hết. Ông Duẩn phải núp bóng Ông Hồ Chí Minh, mặc dầu ở miền Bắc ông Hồ đã thành “vị thánh sống” song quyền lực Đảng vẫn nằm gọn trong tay Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp. Ông Hồ tựa vào phe Trường Chinh để tồn tại. Qui luật Cộng Sản,

một khi đã thanh trừng một đảng viên nào thì lệ tay triệt hạ, đến tận ngọn, bứng tận gốc song vì các phe tranh chấp trong nội bộ Đảng sức lực đều nghiêng ngửa nhau, kẻ ôm chân Nga, người vác cẳng Tàu nên dù bị hạ, ông Giáp vẫn an toàn sinh mạng. Có một lúc người ta tưởng ông Duẩn cũng đã đi chuyển tàu suốt khi phe Trường Chinh thân Tàu, lần áp phe thân Nga Lê Duẩn. Kết quả, nạn nhân thê thảm của Giáp, Chinh vẫn là các đàn em hàng loạt bị phe Lê Duẩn trả thù vật, thanh trừng ám sát không nương tay.

Lê Duẩn thuộc phe Miền Nam nhưng vì cánh miền Nam vẫn không ngóc đầu lên nổi ngoài ông Phạm Hùng nhờ khôn khéo chạy theo phe Nghệ-Tĩnh-Bình đứng đầu không phải ông Giáp mà là ông Duẩn. Ông Giáp tuy dân sanh trưởng đất Quảng Bình nhưng bị Hà Nội hủ hóa hồi còn ngồi ghế trung học ở trường Pháp Albert Sarraut và hơn 30 năm sống trên miền Bắc. Ông Giáp lại là bạn nối khố với ông Phạm Văn Đồng, ông Trường Chinh. Ông Phạm Văn Đồng sanh tại Quảng Ngãi nhưng ông già bà già Phạm Văn Đồng người gốc làng Hành Thiện, cùng một quê hương với Trường Chinh. Hơn nữa, ông Đồng đã đi biệt xứ Quảng Ngãi từ thập niên 1920.

Đảng Cộng Sản VN kinh qua hàng trăm cuộc thanh toán rùng rợn, đẫm máu và ông Lê Duẩn cũng xem bao nhiêu lần hụt chết. Cầm thù “đồng chí” nội bộ Đảng tận xương tận tủy, ông Duẩn đưa ra lời nguyên rủa Đảng một cách chính xác khi ông tâm tình với đàn em “thậm chí thân” là Mai Chí Thọ rằng: *“Hồi đó Đảng ta không có phe tả phe hữu, phe xét lại hay bảo thủ như báo chí Tây phương viết mà chỉ có hai nhóm, một nhóm cựu trào tức nhóm dân Nam Định do đồng*

chí Trường Chinh quản lý; nhóm Nghệ-Tĩnh-Bình do tôi quản lý, đại biểu phe miền Nam”.

Ông Duẩn mới bắt mí có phân nửa sự việc, còn phân nửa kia vì ngại nội bộ trả thù nên ém nhẹm luôn. Phải nói rõ hơn, phe Nam là con nuôi của Đảng giống như số phận ông Tôn Đức Thắng. Mùa thu năm 1945, xứ bộ Nam Kỳ còn kết nạp thêm Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Hộ, tuy rằng cán bộ vào loại trung cấp nhưng đã vượt qua mặt ông Lê Duẩn vì họ lập những kỳ công đầu tàn sát đảng phái quốc gia ở miền Nam. Lúc đó hình ảnh ông Duẩn rất lu mờ, gần như không ai biết đến, vì vào Nam hoạt động có ba tháng thì bị bắt giải giao ra nhốt ngoài Côn Đảo. Nhưng năm 1956 trở ra Bắc lần thứ tư lại được ông Hồ Chí Minh trọng dụng, hết mình tin cậy.

Những ngày đầu tháng 8-1945, Xứ ủy Nam Bộ vẫn tự xưng “hùm xám một cõi”, coi như không có lệnh Trung Ương Đảng và hục hặc chia nhau thành ba phe. Trung Ương Đảng khẩn cấp gọi “sứ thần” vô Sài Gòn dàn xếp nạn tranh ăn, tranh giành quyền chức. Tên tuổi ông Duẩn càng thêm mờ nhạt.

Con tàu đầu tiên ra Côn Đảo đón tù nhân chính trị, không một ủy ban nào để cập tới ông Duẩn. Tới tháng 9-45, ông Duẩn mới được trả về đất liền. Thời gian này kháng chiến Nam Bộ đã bộc phát dữ dội, Lê Duẩn mất hết đất đứng, bị quên lãng trước hào quang sáng chói của tướng Nguyễn Bình.

Lưu lại miền Nam thêm hai tháng kể từ ngày được phóng thích, ông Duẩn vượt đường thủy ra Hà Nội, tháng 12 năm 1946 xâm nhập vào miền Nam, nắm chức Bí Thư

Xứ ủy Nam Bộ, cán bộ các cấp không phục tùng. Tánh tình keo kiệt, thêm “chứng bệnh” dâm dật, tham lam, ích kỷ, ông Duẩn không thể hài hòa với cán bộ miền Nam. Anh Ba thuộc hạng “khó chơi” nên anh Ba thui thủi một mình không có em út trung thành, hoàn toàn dựa thế lực Trung ương Đảng. Năm 1951, Hà Nội thành lập Trung Ương Cục Miền Nam, Lê Duẩn được đề cử lãnh chức Bí Thư. Lê Đức Thọ được đưa vào Nam nắm chức đại diện Tổng Bộ Việt Minh cùng lúc gây dựng cơ sở Mặt Trận Liên Việt thay thế Việt Minh khi từ ngữ “Việt Minh” đã lộ tẩy Cộng Sản. Lê Đức Thọ trở thành phụ tá tin cẩn Lê Duẩn. Thầy trò Duẩn-Thọ thành công việc ám hại tướng một mắt Nguyễn Bình, tên thật Nguyễn Phương Thảo, Sáu Thảo (người gốc tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt).

Hạ đối thủ Nguyễn Bình xong, nhưng đường thăng quan tiến chức của Duẩn vẫn còn gặp nhiều chông gai. Tháng 11 năm 1951, Đảng kêu Lê Duẩn ra Bắc để tự kiểm thảo, tham dự khóa “rèn cán chỉnh quân”. Đến năm 1953, Duẩn lại trở vô Nam tiếp tục chỉ huy Trung Ương Cục nhưng vì bất tài, khả năng yếu kém nên hình ảnh Lê Duẩn vẫn là thứ vô danh tiểu tốt đối với đảng phái kháng chiến Nam bộ. Cận thân ông Duẩn quanh đi quẩn lại chỉ hai người: Phạm Hùng, giám đốc ngành Công An Nam bộ (1946-1957) và Mười Cúc tức ông Nguyễn Văn Linh, Bí thư Đặc Khu Thành Ủy Sài Gòn - Chợ Lớn.

Tháng 10-1956, ông Hồ Chí Minh kiêm nhiệm luôn Tổng Bí Thư. Lê Duẩn trở ra Hà Nội đứng vào lúc ông Hồ Chí Minh cần một đàn em Nghệ-Tĩnh-Bình “cật ruột” để quân bình cán cân chia sẻ quyền lực với phe Nam Định

Trường Chinh. Ông Lê Duẩn được ông Hồ Chí Minh căn nhắc lên chức ủy viên Thường vụ Ban Bí Thư Trung ương Đảng thay thế Lê Văn Lương. Bản chất ông Duẩn giỏi “luồn lách, cúi” và rất đê hèn nên chẳng bao lâu, Duẩn được ông Hồ Chí Minh yêu thương còn hơn đứa em ruột thịt cùng cha cùng mẹ.

Đầu năm 1955 ẩn trong căn nhà cán binh CS gài lại sau Hiệp Định Genève 1954, đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn (khu Bàn Cờ), tái tổ chức các cơ sở nằm vùng chống “Mỹ Diệt” và chuẩn bị thành lập Cơ cấu Mặt Trận Giải Phóng. Ông Lê Duẩn ăn nằm với một người đàn bà lẳng lơ, vóc người cao lớn, thân hình hấp dẫn tên LKD, đàn em bà Mã Thị Chu, đại gian thương vùng Chợ Lớn, phụ trách gián điệp kinh tài giúp Hà Nội nuôi quân trong Nam. Chấp nhận làm người vợ thứ năm ông Duẩn, bà LKD cũng tự đặt mình vào hệ thống Xứ Ủy Nam Bộ, tích cực phục vụ theo mệnh lệnh ông Duẩn.

Vừa sanh đứa con trai đầu lòng với ông Duẩn thì được tin ông Duẩn nhận lệnh trở ra Bắc. Bà lái xe chở ông Duẩn lên Nam Vang. Từ đây, ông đáp phi cơ ra Hà Nội. Phút chia tay giữa hai người y hệt như trong tuồng Cải Lương: cũng đâm đĩa ngăn lệ, cũng than vắn thở dài, cũng ngăn ấy lời đưa tiễn, lời thề nguyện thủy chung. Chỉ khác một điều, là ông Duẩn không ca sáu câu vọng cổ lúc lên phi cơ vẫy tay tạm biệt người vợ thứ năm.

Bà LKD mấy năm sau làm ăn phát đạt, mở xưởng dệt, nhà máy xay lúa và có cổ phần 300 triệu hùn với ông Nguyễn Tấn Đồi lập ra Tín Nghĩa Ngân Hàng. Sau năm 1975, dựa hơi hám ông Duẩn, bà LKD thoát móng vuốt

chiến dịch đánh tư bản, cá nhân khỏi bị Công an đưa đi tù vì tội “làm giàu trên xương máu nhân dân”. Tháng 3-1977, Bà mang 1 tấn tài sản cùng tư trang trị giá khoảng 1 triệu đô la và tấm thông hành xuất cảnh, “thoải mái” đáp phi cơ sang Pháp “ty nạn Cộng Sản”. Có lẽ mối tình xưa nay đã lên men, hoặc bà LDK trong không còn “sạch nước cần” như thời kỳ “Diệt Mỹ-Diệt cứu nước”, ông Lê Duẩn tránh mặt, giao ông Phạm Hùng ra phi trường đưa bà lên phi cơ, nói một câu mát ruột: “Đồng chí Tổng Bí Thư yêu cầu tôi chuyển lời, chúc bà thượng lộ bình an”.

Tới Pháp, bà nhiệt liệt ủng hộ các đoàn thể Quốc Gia, hờ hào kháng chiến lật đổ bạo quyền Cộng Sản. Một số người biết tông tích bà, từ từ rút lui có trật tự, tìm cách xa lánh và đẩy bà ra khỏi các buổi sinh hoạt hội họp, biểu tình chống cộng. Bà LDK hận người Việt Nam ty nạn, mồm miệng lép nhép mắng gà chưởi vịt suốt ngày: “Tụi nó ngu thấy con đi mẹ. Nó hiểu Cộng Sản bằng tui không? Tổng bí thư Lê Duẩn có một thời làm chồng tui! Lẽ dĩ nhiên tui biết Cộng Sản từng đường tơ kẽ tóc. Tui dạy tụi nó đánh thềm nghe. Muốn chống Cộng, trước nhất phải có tiền. Quyền tiền đồng bào gây quỹ kháng chiến. Lấy ngân quỹ đó mở nhà máy xay gạo tại Bangkok. Gởi người xâm nhập lậu về Cao Miên thu mua lúa “mão”, giá rẻ mạt. Xay thành gạo, vô bao, đóng nhãn hiệu xuất cảng bán cho cộng đồng người Việt trên thế giới. Nhà máy quân kháng chiến bỏ vốn 50%, tui bỏ 50%, thiếu hụt bao nhiêu tui bao chót. Trừ chi phí, số còn lại chia tui phân nửa, kháng chiến quân phân nửa. Sòng phẳng, chả ai gian lận ai, sổ sách đầu vào đó. Sáng kiến yêu nước của tui dâng hiến cho anh chị em Quốc Gia từ năm 1978 đến giờ,

tụi nó đành đoạn liệm vô thùng rác, uống công tôi ngày đêm nặn óc soạn dự án nhà máy xay lúa. Thôi, tôi nghỉ. Chống Cộng với đám Quốc Gia này mệt quá”.

Tiền của vận chuyển qua Pháp thừa mứa, ăn tới đời cháu ngoại chưa hết. 74 tuổi, đang điều trị những chứng bệnh “thầy chê thuốc chạy”, tuổi nhập nhằng chuẩn bị đóng cửa nắp quan tài, bà “nghỉ” hay “nằm nghỉ” là vừa. Chiều chiều, trên đại lộ Saint Germain, quận 5 Paris, đi dạo khu Odéon giữa rừng người, rừng xe cộ chi chít, bà LKD bước đi xiêu vẹo, từng bước hất hiu, phản ánh trung thực lên vĩa hè một chiếc bóng lẻ loi cuối chiều và cuối một đời người.

Trên 25 năm nay, ở miền Nam không có “thông lệ” giới chức cao cấp chính phủ mê nghệ sĩ dùng quyền hạn cưỡng ép nghệ sĩ lợi đến tư gia khảy đờn, ca hát giúp vui phục dịch có tính cách nô bộc giống như thời Pháp thuộc quan liêu, thời phong kiến vua chúa. Từ ông chủ ấp đến ông thủ tướng, ông tổng thống ái mộ các giọng ca tân nhạc Thái Thanh, Thanh Thúy, Trung Chính, Elvis Phương, các giọng ca cải Lương Thành Được, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan hãy đến phòng trà, đến rạp Quốc Thanh, hãy xem trên màn ảnh truyền hình, nghe trong băng nhựa, đài phát thanh, v.v. Không có cái màn nhân danh ông này bà nọ, ý quyền cao chức trọng bắt ca sĩ đến nhà mình làm trò mua vui cho riêng mình. Mà muốn cũng không xong, hiến pháp đệ nhất lần đệ nhị VNCH không có ghi một điều luật nào cho phép ông lớn bà lớn có quyền chà đạp lên danh dự cá nhân người khác.

VNCH dù nền dân chủ còn non nớt, nhưng rất tôn trọng nhân quyền người nghệ sĩ, người sáng tạo văn học nghệ thuật nước nhà. Đan cử trường hợp tướng Đỗ Cao Trí

làm một ví dụ điển hình. Lúc sanh tiền, tướng Trí hằng để bụng yêu chuộng nữ ca sĩ Phương Hoài Tâm (cô Phương Hoài Tâm năm 1989, khai trương viện sửa sắc đẹp ở San Francisco, Hoa Kỳ). Những khi Cô Phương Hoài Tâm xuất hiện trên băng tần Số 9 đài truyền hình VNCH, tướng Trí tập trung hết tinh thần chăm chú theo dõi, thưởng thức từ giọng ca đến sắc đẹp hồn nhiên của cô qua chiếc áo dài thời trang duyên dáng. Vì ở cương vị thống lĩnh Quân đoàn III, những khi di chuyển đều có cả đoàn cận vệ ồn ào hộ tống. Muốn thân chinh đến rạp Quốc Thanh xem rõ dung nhan cô Phương Hoài Tâm hát trong những buổi đại nhạc hội do Duy Ngọc, Duy Khánh, Tùng Lâm, Hoàng Biểu tổ chức thật vô cùng phiền phức. Một ông tướng đi xem văn nghệ có thể gây náo động cả rạp hát, cả khu vực nơi ông đặt chân tới.

Nhưng nếu không tới rạp, ông chẳng còn cách chi thấy cô Phương Hoài Tâm bằng xương bằng thịt? Sĩ quan tùy viên trình ông tướng diệu kế: “Thưa trung tướng tư lệnh, hay là em đến nhà cô Phương Hoài Tâm, mời cô lên Cầu Lạc Bộ Quân Đoàn hát vài bản để trung tướng nghe?” Tướng Đỗ Cao Tri mau mắn chấp thuận kế hoạch “cứu bồ” của người sĩ quan tùy viên.

Cô Phương Hoài Tâm khẳng khái trả lời:

- Xin thiếu tá về trình lại trung tướng, tôi rất cảm kích lòng ái mộ của trung tướng dành cho tôi. Là ca sĩ tôn trọng nghề nghiệp, tôi chỉ ca trước số đông quần chúng, tại những nơi tổ chức công khai phục vụ khán giả. Tôi không thể hát cho một người nghe, dù người đó là ông tướng. Vậy, nếu có thể, tôi kính mời trung tướng đến nghe tôi hát vào những dịp trình diễn giúp vui binh sĩ ngoài tiền đồn.

Tôi thành thật yêu cầu trung tướng hoan hỉ và tha thứ sự từ chối của tôi.

Chỉ huy hành quân lỗi lạc, xuất sắc điều binh khiển tướng ngoài chiến trận, tánh bộc trực, nóng nảy, quyền tu lệnh Quân đoàn hét ra lửa, nhưng khi bị ca si Phương Hoài Tâm từ chối ý muốn của ông, ông không hề lấy đó làm buồn. Ông biểu si quan tùy viên lái xe từ Biên Hòa xuống Sài Gòn, đến nhà Phương Hoài Tâm chuyển đạt lời nói phục thiện của ông: *“Trung tướng tu lệnh không có ý gì ngoài cử chỉ mến mộ giọng hát cô”*.

Hành vi mời cô lên Biên Hòa hát ông nghe là một việc làm trái tinh thần đạo đức, lạm dụng quyền hạn. Trung tướng ra lệnh tôi đến đây trực tiếp xin lỗi cô”.

* * *

Chế độ Cộng sản khác hẳn: đối cực giữa dân chủ và độc tài, giữa hữu thần và vô thần, giữa xây dựng và hủy diệt. Một chế độ khả ố và bệnh hoạn. Một chế độ được kết hợp bởi những thành phần nếu bỏ súng ống, bỏ quyền lực, bỏ đảng tịch, bỏ tất cả thẩm quyền lãnh đạo quốc gia ra thì không biết làm gì để sống. Cộng Sản muốn tức Trời muốn. Tổng bí thư Lê Duẩn muốn, tức ý muốn của Tần Thủy Hoàng Việt Nam. Ông Duẩn muốn hiếp dâm, muốn tuột quần các cô gái thôn nữ hiền lành, muốn lập “tam cung lục viện” hụp lặn trong vòng truy lạc, “rừng mồi” trên niềm đau khổ của toàn dân, đổ ai dám bước ra đóng vai trung thần can gián?

Tài sản, sự nghiệp sân khấu, miếng ăn, tính mạng hết thầy lột vào bàn tay máu chế độ Cộng Sản. Bà bầu Thơ, Thanh Nga, ông Đồng Lân, thân bằng quyền thuộc đã tinh táo hiểu rõ thân phận mình. Thanh Nga lánh hế, lựa lời khéo, từ chối

đến tư dinh “ra mắt” ông Duẩn, liệu hậu quả tang tóc có thể chụp xuống cả gia đình không? Ông Đồng Lân, công an nửa đêm đến bắt tại nhà. Thanh Nga bị đội mũ “tình báo văn nghệ Ngụy Quyền”. Bà bầu Thơ, bạn thân bà Bút Trà, có một quá khứ liên hệ chặt chẽ với tướng lãnh VNCH, sẽ bị úp lên đầu chiếc nón “Hoạt động CIA”. Đoàn *Thanh Minh* đang kéo màn trình diễn, công an ồa lên sân khấu còng tay đào kép, áp tải về P11 (Sở Công An thành phố Hồ Chí Minh) lấy khẩu cung vi bị nghi ngờ quan hệ với tàn dư phản động Ngụy”. Phải hoàn vé lại khán giả, ban giám đốc vỡ nợ, nhân viên ôm bụng đói tan cư lên “vùng kinh tế mới”. Nhà nước ra lệnh cấm đoàn hát hoạt động vô thời hạn.

“Mùa ly loạn” sau 1975, bức tranh thô bỉ do gia đình cô Thanh Nga vừa hình dung có thể trở thành sự thật treo lủng lẳng trước những cảnh đời bạo ngược, xã hội bi lụy và lòng người hỗn độn. Sau cùng, giải pháp duy nhất đành cam tuyền chọn, là cam phản tuân hành theo “lời mời” bức thiết của ông Lê Duẩn.

Mười tám giờ ngày 4-6 1975, chiếc xe du lịch hiệu Mazda-1500 chở gia đình nữ nghệ sĩ Thanh Nga vừa đỗ trước cánh cổng sắt (có gắn tấm bảng: Coi chừng chó dữ), ông Lê Duẩn thò đầu ra phía ngoài hàng rào, nhe răng cười nịnh đầm chào, hỏi lú lo nữ nghệ sĩ Thanh Nga. Ông vồ tạo một khung cảnh quen trên mức quen biết: thần nhiên choàng vai Thanh Nga, lịch lãm dìu cô bước lên bậc thềm, miệng hót tia lia:

- Góm, mãi đến hôm nay tôi mới được hân hạnh diện kiến cô? Cô Thanh Nga khỏe chứ? Cô vẫn lao động văn nghệ tốt? Sài Gòn tháng sáu dứt cơn mưa thì nóng oi lên. Chả bì ngoài

Hà Nội chúng tôi, tháng sáu trời mát cả người. Mời, mời cô ngồi. Ngồi đây, e then chi. Chúng ta anh em với nhau cả.

Miệng hót tầm phào, tròn mắt sắp nổ lửa, phóng những tia nhìn tham lam mắt dạy rọi thấu vào da thịt cô Thanh Nga. Bàn tay dờ hơi của lãnh tụ “siêu việt cách mạng” máy mó, tọc mạch trên bờ vai người nữ nghệ sĩ khá ái Việt Nam. Cử chỉ tiếp khách quái đản, sàm sỡ khiến người ngoại cuộc chột dạ, mắc cỡ dùm cho ông Lê Duẩn nếu ông còn ý thức được như thế nào là liêm sỉ và vô liêm sỉ. Đẩy khách ngồi xuống chiếc ghế pho toì, ông cùng ngồi xuống một lượt, nhích một cách biến lộn sát người Thanh Nga, nhưng cánh tay mặt vẫn không rời vị trí, cố tình để nằm yên từ ngoài cổng vô đến phòng tiếp khách. Bàn tay trái, hách dịch giao cao, chĩa thẳng vào mặt những người thấp tùng chung với cô Thanh Nga, nói bốp chát”

- Bà là ai đây?

- Thưa ngài, tôi là mẹ Thanh Nga.

- Thế à? Bà ngồi đấy nhé.

Vẫn tác phong xác lảo, trịch thượng, ông Duẩn hỏi người đàn ông có khuôn mặt trắng bệch, hai bên màng tang nổi phồng những đường gân xanh lét, những đường gân “nhục nhàn” kể từ khi tới ngôi biệt thự này, đứng tề đĩnh và uất ức trong lòng chưa biếtúng phó ra sao:

- Anh kia tên chi?

Người đàn ông đáp cụt ngắn:

- Chồng Thanh Nga!

Lê Duẩn trừng cặp mắt sát sanh, nói qua kẻ rằng:

- Lạ thế, anh chưa trình diện học tập à?

Bị phóng ngôn đòn độc bất ngờ, ông Đồng Lâm ú ớ:

- Thưa ngài Tổng bí thư, tôi đang... chờ lệnh gọi trình diện.

Cô Thanh Nga ngượng đỏ mặt. Tìm cách ngồi dang xa ông Duẩn nhưng sợ phật lòng ông, sợ ông bị chạm tự ái vật. Không ngờ Ông Duẩn lỗ mắng, bình dân học vụ đến mức độ thua một tên cai ngục thời Pháp thuộc. Nãy giờ bị ông ôm cứng ngắt, hơi thở tanh mùi máu phà vô mặt cô sắp chết ngộp. Song khi nghe ông Duẩn găm gù nhắc xỏ lá tới bản án “tử hình” ông Lâm sẽ chết chậm, chết thảm lạng trong các trại tù lao động. Cô giựt mình, tim đập theo nhịp trống canh. Phản ứng bình thường trong vị thế của một người đàn bà có chồng bị chà đạp danh dự, cô trả lời có vẻ thách thức ông Duẩn:

- Anh Lâm, chồng em giữ chức Đồng lý Văn phòng bộ Thông Tin Việt Nam Cộng Hòa (chép nguyên lời cô Thanh Nga xài ngôn ngữ VNCH trước mặt ông Lê Duẩn. Không thềm nói bộ Thông tin Ngụy Quyền), đối với chính phủ cách mạng, anh Lâm có tội. Anh Lâm cố nán lại ở nhà 1, 2 tháng phụ em gầy dựng đoàn *Thanh Minh* xong xuôi, rồi thu xếp hành lý đi học tập cải tạo. Tụi em nhất định không trốn tránh. Nhưng em nghĩ, chuyện nhà em học tập để bàn sau. Hôm nay ông Tổng bí thư kêu gia đình em lên thăm ngài nhân dịp ngài vào Nam chủ tọa lễ mừng chiến thắng, nếu đem chuyện cá nhân nhà em vào đây thảo luận, em sợ sẽ mất vui.

Ông Lê Duẩn gặt gù nhưng lại trăn tráo nắm cườm tay Thanh Nga, nói:

- Tôi chỉ mời cô thôi nhé. Bà cụ cô và anh Lâm kia tôi đâu có mời.

Thanh Nga xoa dịu ông Lê Duẩn:

- Em xin lỗi ngài. Mẹ em và nhà em từ lâu rất kính trọng ngài nên đi chung với em lên đây gặp mặt ngài cho biết.

Dọa nạt hoài sợ sẽ giống bọn du côn đứng đường hù con nít, Lê Duẩn bên thay đổi chiến thuật “tán gái”. Ông dài dòng kể lể trong trường hợp nào ông biết Thanh Nga. Tại sao ông “ái mộ” mê mết Thanh Nga? Và tại sao ông muốn gặp Thanh Nga. Theo ông, một tối thứ bảy tháng 3-1960, vô tình mở radio vắn trúng đài Sài Gòn “Ngục quyền” nghe vở tuồng *Người Vợ Không Bao Giờ Cưới*, Thanh Nga đóng vai Sơn Nữ Phà Ca. Giọng Thanh Nga ấm lạ lùng, truyền cảm lạ lùng và có một sức quyến rũ mạnh mẽ.

Từ hôm đó, ông Duẩn tìm hiểu Cải Lương Nam bộ, phân tích điệu hát cải lương, và mê cải lương như dân ghiền mê á phiện. Hàng tuần, mỗi tối thứ bảy, dù công tác chính phủ bận bịu đến đâu, ông cũng bỏ hết, ngã lưng nằm phè trên ghế bố, ôm kè kè cái radio Philip 6 băng, rà trúng tần số đài Phát Thanh Sài Gòn, mắt lim dim nghe Cô Thanh Nga “xuống” vọng cổ. Ông bị cải lương “hớp hồn” bởi giọng hát Cô Thanh Nga. Để biết về cuộc đời Thanh Nga, hình ảnh Thanh Nga, ông gọi “tối hậu lệnh” vô Nam, chỉ thị Cục R điều tra, cung cấp tiểu sử cô Thanh Nga gửi gấp ra Hà Nội.

Cục R hi hục gọi bản lệnh cho Trần Bạch Đằng, thủ trưởng Ban Văn Nghệ Giải Phóng thi hành phân sự. Trần Bạch Đằng hạ bản lệnh xuống tới tổ báo chí nằm vùng nội thành, biểu ký giả Phan Nghị, Hà Xuân Ruật, Nguyễn Văn Trung, Phạm Xuân Ẩn phối hợp trong công tác: “thăm hiểm đòi tư nữ nghệ sĩ Thanh Nga”. Hai soạn giả VC nằm vùng Mai Quân, Thu An lo bốn phận sưu tập đĩa nhựa, bài

ca do cô Thanh Nga hát. Phạm Xuân Ẩn, Phan Nghị đặc trách Công việc tom góp hình ảnh, bích chương, nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san phát hành toàn cõi miền Nam viết về Thanh Nga.

Tiểu sử Thanh Nga, không ai biết rõ hơn bà Thanh Loan. Bà Thanh Loan nhận Thanh Nga làm con nuôi, dạy ca hát, uốn nắn cách diễn xuất từ khi Thanh Nga vừa lên 9 tuổi. Thanh Loan, vợ lớn cố ký giả Trần Tấn Quốc, bạn chí thân bà bầu Thơ, đi “vô khu” theo VC một lượt với soạn giả Trần Đình (tức đại tá Nguyễn Văn Búp giám đốc Sở ngoại kiều VC năm 1975-1979). “Ra thành” năm 1975, Cộng Sản vắt chanh bỏ vỏ, bà Thanh Loan thất nghiệp quay ra làm cố vấn đoàn Thanh Minh. Cậy oai hùm “kháng chiến chống Mỹ Ngụy”, bao che cho ông Đồng Lân, công an không làm khó dễ, khỏi đi học tập, ở nhà quần quýt bên người vợ đẹp, hàng ngày ngồi uống cà phê, đấu láo chuyện cổ tích cho tới ngày bị bắn chết. Bà Thanh Loan từ già cõi đời năm 1987 tại Sài Gòn.

Ông Duẩn “thiệt thà” khẳng định rằng, sau khi “các đồng chí” cung cấp đầy đủ lý lịch Thanh Nga, ông cất kỹ đồng lý lịch đó tại văn phòng Cục Chính Trị BỘ, không dám mang về nhà vì ngại bà vợ lớn có máu sư tử Hà Đông phát giác, nghĩ tầm bậy tầm bạ, đánh giá sai lầm về ông và tập hồ sơ lý lịch cá nhân Thanh Nga. Hai buổi chiều trong một tuần lễ, ông dành hết thời giờ ngồi lật cuốn album dán đầy ứ hình ảnh Thanh Nga ra ngắm. Ngắm không biết chán. Tâm trí ông liên tục hình dung đến một Thanh Nga thật đang ngồi bên cạnh ông để ông thỏa lòng “ái mộ” người nữ nghệ sĩ tài sắc vẹn toàn của miền Nam.

Từ ngữ “ái mộ” được ngụy trang một cách đồn mạt, thoát ra từ đầu môi chót lưỡi của một lãnh tụ khật khùng, loạn óc dâm dục. Từ này giờ ông bất lịch sự không hỏi bà bầu Thơ, không mời ông Đồng Lân uống nước, khả dĩ gọi là một cử chỉ xã giao sơ đẳng, bỏ mặc khách “ngồi đồng” tro mạt ra đó hoặc đứng dựa cột lẳng tai nghe ông tán gái. Lối tán gái ruợng rầy, vô duyên, tràng tráo đến độ phát ngượng dùm cho ông. Thuật đoạn phim mô tả nỗi niềm đau khổ thầm kín nhớ nhung ray rứt cô Thanh Nga, khi đề cập đến đoạn: *“Tôi ngắm hình em không biết chán”*, ông “lả loi” (hai chữ lả loi dùng gượng ép) bàn tay táy máy, sờ mó rất “hệ thống hóa xã hội chủ nghĩa” cọ quẹt vào người vợ ông Đồng Lân. Ông sống sượng gồ gạc, “chăm mút” theo phường “mèo mả gà đồng” hạ cấp. Hành động này chứng tỏ ông Dẫn mời Thanh Nga đến đây, lạm dụng quyền thế, lạm dụng hoàn cảnh, thời gian, không gian và cơ hội chi để bốc hốt bừa, “liếm láp” chút nào đồ chút đó.

Kể truyện dài dòng văn tự, phân trần nhằm lấy điểm với người đẹp, duyên có gì ông tìm hiểu, thương thương mến mến và trần trọc “ái mộ” Thanh Nga chưa kịp chấm dứt thì ông vội loay hoay dẫm sang đề tài khoe khoang thành tích đánh Tây gục, đánh Mỹ nhào. Ông Lê Dẫn nói văng nước bọt và kỷ nguyên hòa bình đã “hiện hồn” trên đất nước Việt Nam. Thay vì đưa tay lên chùi nước miếng đóng khô trên khóe miệng, ông lại đưa tay lên nắm vạt áo dài Cô Thanh Nga, đầu gục gặt khoái chí, lắc lư như cậu trạng lên đồng:

- Cô thấy nhé. Chỉ có Đảng ta mới có quyết tâm kiên cường cùng với sức mạnh như Phù Đồng Thiên Vương đánh đuổi Mỹ cút ra khỏi nước. Hòa bình rồi! Hòa bình

thật sự! Từ đây dân tộc VN nắm chủ quyền vận mệnh tổ quốc, nhân dân sống độc lập, và không còn bất cứ đế quốc nào dám cả gan xâm lăng Việt Nam thêm một lần nữa. Chúng tồn tại già, tới chết. Cô mừng hòa bình đã về trên quê hương ta chứ?

Hòa bình! Một thứ hòa bình quái đản, cay xé nước mắt, đắng như thuốc bắc mà miền Nam trong cơn hấp hối phải uống vào. Hòa bình gian lận, trá trở trong âm mưu độc địa, âm mưu ban da xẻ thịt nướng hàng triệu thanh niên qua hai thế hệ với thành quả đưa cả nước vào bộ máy phục dịch nô lệ không công nuôi một tập đoàn du côn, giết cha lừa mẹ: Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hòa bình ối ra máu, mưa ra uất hận, hiểm thù dâng cao lên tận đỉnh trời. Hòa bình tù ngục, gia đình tan nát, quê hương tan vỡ, con người bị vô tình hóa, bị động hóa hàng súc vật. Hòa bình tẩm xương, đông đầy nghĩa địa, nghệt cứng lao tù, khô nứt tình thương chúng tộc, v.v.

Thanh Nga cảm thấy quá ngượng, song cũng cố giữ thái độ tự nhiên, lấy có đổi thế ngồi, cô lịch sự gỡ tay ông, hất nhẹ trả cánh tay ông trở về nguyên quán và nói:

- Chẳng những riêng em vui mừng mà cả nước đều hân hoan chào đón hòa bình. Là người Việt Nam, ai cũng ao ước xứ sở mình sớm kết liễu chiến tranh, thống nhất hai miền Nam-Bắc, cùng ra sức kiến tạo kinh tế Việt Nam. Nói tới chính trị, em mù tịt. Em chỉ có một nhận xét thành thật của em là như vậy. Nếu có gì sơ sót, xin ngài bỏ qua.

Lê Duẩn trầm tư mặc tượng, chết giấc vì tiếng nói ngọt ngào, hiền hậu kia. Ông thích ngồi lặng yên, kéo dài bất tận cảm giác đê mê bên cạnh nữ nghệ sĩ Thanh Nga. Một

hồi lâu, lâu lắm đối với những người khách của ông Duẩn, Thanh Nga nhả nhận đứng lên thay mặt gia đình cảm ơn ông Duẩn đã mất thời giờ quý báu dành cho gia đình cô một cuộc viếng thăm đầy vinh hạnh. Giờ, xin phép ra về.

Buổi viếng thăm vô tích sự, mang tiếng “ôm cẳng” ông lớn, lại thêm gặp cảnh nhục nhã, hận ứa gan tim ruột kết thúc trong bầu không khí trầm trầm buồn, tủi tủi trong lòng.

Dưa đoàn người ra tận xe, ông Duẩn mở cửa mời Thanh Nga lên ngồi trước. Đại tá Mặt Trận Giải Phóng Trần Đình cầm tay lái. Ông Lân, bà Thơ ngồi phía sau. Nghiêng đầu vào phía trong xe, nhoèn miệng cười toe toét, ông Duẩn dặn dò:

- Có lẽ xuân năm sau tôi trở vô ăn tết với đồng bào trong Nam, mời... em đến mừng xuân với tôi nhé?

Thanh Nga kệt cứng, nhận lời thì sẽ nào nề hơn, không nhận cũng không xong với một vị lãnh tụ có máu tiểu nonh thù vật, nên trả lời nước đôi:

- Dạ, nếu Tết đoàn hát em không bận đi tỉnh lưu diễn.

- Đi đâu tôi cũng gặp em mà. Về mạnh khỏe nhé.

Chiếc xe khuất dạng đã lâu nhưng ông Duẩn còn đứng tần ngần ngoài cánh cổng. Cặp mắt chớp chớp mơ màng phản ánh nét thỏa mãn nhục dục, bưng bưng khí thế hoan lạc sau khi chiêm ngụ được một hình ảnh của người đàn bà mà ông hằng ấp ủ bao nhiêu năm. Chiêm ngụ tưởng tượng. Chiêm ngụ trong ảo giác. Lúc quay vô nhà, ông nở nụ cười đắc thắng rộng toang hoác. Nụ cười rạng rỡ của một người vừa hoàn tất cuộc chinh phục tình ái, no say tình ái. Ông tưởng như vậy.

Người Cộng Sản có chung một hệ lý luận, một ngôn ngữ, một phương cách lừa đảo, một nụ cười. Miền Nam sau 30-4-1975, người ta đi qua Sài Gòn, đi qua Hà Nội, đâu đâu cũng thấy Cộng Sản cười. Những nụ cười yêu đời, há rộng mồm, vồn vã, cuồng nhiệt hiển hiện kín mặt trên các tờ báo Quân Đội, Nhân Dân, Cứu Quốc, Sài Gòn Giải Phóng, Công An Hà Nội, bích chương, bích báo, dán trên đường phố, trên nóc nhà, trên xa lộ, trong bệnh viện, trong nhà bảo sanh, trong phòng cầu tiêu công cộng, v.v. Võ Nguyên Giáp cười, Đỗ Mười cười, Nguyễn Văn Linh cười, Mai Chí Thọ cười, Võ Văn Kiệt cười, Phạm Văn Đồng cười, Lê Đức Anh cười, viên trung tá Công an ở Đà Nẵng cười, viên thủ trưởng Công ty Imexco cười, đội làm cầu cười, đội sản xuất giúp Bình Trị Thiên cười, quán giáo trại cải tạo Suối Máu cười, đại sứ VC tại Pháp Trịnh Ngọc Thái cười, bí thư thứ nhất kiêm trưởng phòng chiếu khán Vũ Mộng Lan (tên giả) cười. Tất cả người cộng sản khi cười đều há hòng, miệng bung rộng đến tối đa kích thước, hàm răng lùa ra khỏi cặp môi đen xỉ trên khối thịt thừ lù, khóa lấp cả khuôn mặt gấp nếp nhăn vì cười quá trớn, quá độ. Cười có huấn luyện. Cười có chỉ đạo.

Mùa xuân năm 1976. Ông Lê Duẩn chung diện bảnh bao trở lại Sài Gòn ăn Tết đúng như lời đã hứa với cô Thanh Nga. Những ngày Tết nguyên đán năm 1976 trôi qua mau như mây bay, như gió thổi, như lượng nước chảy cuộn cuộn ở hạ lưu con sông La Ngà. Một tuần lễ thấp thỏm chờ đợi. Đối với ông Duẩn, thời gian lâu bằng nửa thế kỷ. Ông héo ruột, lửa buồn đốt lên khói cháy nám tim can. Ông sầu muộn và ông thất tình. Chiến thuật gọn nhất là chỉ thị viên trung tướng cắt ruột Đinh Đức Thiện dẫn một bảy cận vệ thân tín

lên đường “hành quân” tìm kiếm người tình trong mộng mang về nạp ông. Bầu đoàn thê tử hộ tống “đồng chí trung tướng lái xe chạy xuống tỉnh Vĩnh Long, nói rõ sự tình bí đất của ông Lê Duẩn với cô Thanh Nga.

Đinh Đức Thiện ước mồi thăm dò phản ứng người đối diện:

- Đồng chí Tổng bí thư triệt để “ái mộ” cô, xin cô vui lòng thu xếp công việc. Nhín chút thời giờ đến thăm đồng chí. Cô hiểu rằng, đồng chí đang lãnh đạo Đảng, tu thể và uy tín nhân dân của đồng chí không cho phép đồng chí đến rạp hát thăm cô. Cô thông cảm chúng tôi nhé?

Cô Thanh Nga dùng lời “mật ngọt” thực thi kế hoạch “hoãn binh”:

- Em hiểu. Em rất thông cảm tình cảnh khó khăn và lòng tốt của ngài Tổng bí thư dành cho em. Nhưng kính nhờ trung tướng trình lại, đoàn *Thanh Minh Thanh Nga* kéo màn diễn thường trực hằng đêm. Em là đào chánh, bỏ đoàn nghỉ hát một đêm trong khi vé đã bán trước mấy ngày rất khó xử cho em. Khán giả sẽ phỉn trách em bất tín: Quảng cáo có Thanh Nga nhưng lúc hát thì vắng mặt Thanh Nga. Thôi thì cho em xin một dịp khác. Gấp gấp gi, đòi còn dài, có thể năm tới đoàn em ra Hà Nội trình diễn. Em sẽ thăm ngài tổng bí thư luôn thể.

Đinh Đức thiện kèo nài:

- Tôi đề nghị thế này. Văn hát xuất chiều thứ bảy vào ngày mai, cô tới sân bay Vĩnh Long. Tôi yêu cầu các đồng chí không quân “vận tải” cô về Sàgòn. Cô đến thăm đồng chí Tổng bí thư năm mươi phút là đủ rồi. Được chứ?

Cô Thanh Nga dẩy nẩy:

- Ấy, chết em! Không được đâu, thừa trung tướng. Em có chồng, đi đâu cũng phải có chồng em. Ngài Tổng bí thư có năm bảy vợ. Dinh lúu lồi thôi, tiếng đòi dị nghị, các bà nổi ghen, nghi bậy tội nghiệp em. Em năn nỉ trung tướng, cho em xin dịp khác ghen?

Đinh Đức Thiện dai dẳng:

- Hết “nhiệm kỳ mùa rối” ở đây. Đoàn cô về Sài Gòn ngay chứ?

Cô Thanh Nga giật sập nhịp cầu “cuộc thương thuyết”:

- Sau Vĩnh Long đoàn em đi các tỉnh Ninh Bình, qua Cần Thơ, xuống Long Xuyên, Châu Đốc... Thời hạn lưu diễn miền Tây 4 tháng. Khoảng tháng 7-1976, đoàn sẽ trở lại Sài Gòn.

Đinh Đức Thiện bí xị, mặt buồn hơn đưa đám ma. Tiếng thở dài thất vọng từng chập phì phò hòa theo khói thuốc lá 555, tỏa ngun ngút trong khu hậu trường chật hẹp, nhộn nhịp nhân công, nghệ sĩ đang bận rộn hóa trang, làm mặt sửa soạn lên khấu. Đành vậy. Đành rút lui êm. Tướng Thiện khệ nệ ôm gói quà trao Thanh Nga, miệng chót chết:

- Quà đồng chí Tổng bí thư mang từ Bắc vô gửi tặng cô ăn Tết.

Gói quà “triu mển” gồm: một hộp nhãn Hưng Yên (nhãn kho), hộp trà Quan Âm, hộp mứt gừng Đồng Xuân, hộp Cốm Vòng.

Cô Thanh Nga rối rít đếm các món quà biếu Tết trước sự hiện diện đông người và nhờ tướng Thiện gửi lời cảm ơn ông Lê Duẩn.

Ông Lê Duẩn lòng “buồn tênh” (chữ của nhà thơ Nguyễn Công Trứ) đi hui trở ra Bắc. Năm 1976, 1977, ông Duẩn nhiều lần vô Sài Gòn kinh lý, thanh tra các cơ quan quân sự, hành chánh trong Nam, đặc biệt tham dự cuộc thuyết trình hành quân chuẩn bị tấn công Cao Miên của tướng Lê Đức Anh, dưới quyền chỉ đạo chính trị của Lê Đức Thọ. Nhưng ông làm ngơ việc ra lệnh đàn em móc nối yêu cần gặp gỡ cô Thanh Nga. Chỉ biểu thuộc cấp nhấn lại: “Đồng chí chuyển lời hỏi thăm sức khỏe cô”.

Tháng 12 năm 1978, một lần nữa, ông lại có mặt ở Sài Gòn, không ngoài mục đích tính kế hoạch gặp mặt cô Thanh Nga, tìm cách bốc hốt như cuộc gặp gỡ lần đầu tiên. Vào thời kỳ này “tình hữu nghị Việt-Hoa” rạn nứt tới cao điểm dùng đại bác trao đổi thay thế lời chào qua lời mắng lại. Các sư đoàn thiện chiến Trung Cộng đang trên đường tiến quân tới vùng biên giới của Ai Nam Quan. Mới hỏi nào còn anh anh em em. Còn “môi hở răng lạnh”. Còn Trung Quốc vĩ đại. Mà giờ đây lại chửi nhau như chửi chó.

Sẵn đây nên ngay thẳng đính chính từ ngữ “Trung Quốc vĩ đại” để thế hệ mai sau không vô tình đến khiếp nhược khi xài hai chữ “Trung Quốc”. Tiền nhân Việt Nam chúng ta từ xưa mỗi khi giao dịch với nước Tàu trên văn tự, qua lời nói đều sử dụng hai tiếng “Trung Hoa”. Dứt khoát không gọi “Trung Quốc” để xác định thể đứng của quốc gia khi nước Tàu tự tôn tự đại phong cho mình là chiếc rún vũ trụ, trung tâm văn minh nhân loại còn những nước khác là Man, Di, Mọi, Rợ nên tự xưng là “Trung quốc”. Vua chúa Việt Nam đặt tự ái dân tộc trước hết và trên hết thành thủ gọi: “Bắc quốc, Bắc phương, Bắc nhân hoặc là nước Tàu”. Người Tàu

hay dùng danh xưng triều đại như thời nhà Đường gọi là Nước Đường. Triều Ngô gọi là Ngô nhân. Thời Minh gọi là nước Minh. Lần thứ nhất trong lịch sử Việt Nam, tháng 2-1949, Trường Chinh kể đến ông Hồ Chí Minh sử dụng danh từ riêng “Trung Quốc”. Chưa đủ cường độ nịnh hót bèn khom lưng tô thêm hai chữ “vĩ đại” thành Trung Quốc vĩ đại.

Qua hai năm khoắc khoải chờ mong. Lê Duẩn mòn mỏi chịu đựng. Ông kiệt sức đeo đuổi một cuộc tình đơn phương, đoạn kết thấy trước ông sẽ một mình bước lê thê vào con đường tự vận. Thừa hơi sức trường kỳ kháng chiến “đánh Tây đánh Mỹ”. Song lại rất bết bát trong hành trình đoàn kỳ rượt đuổi, khắc phục, chế ngự một mối tình không tưởng nhưng lớn nhất trong đời ông, ngoại trừ khả năng chĩa súng vào đầu nạn nhân rồi diễn màn hiếp dâm khốn kiếp như đã từng làm trước kia. Trễ quá, thời đại hôm nay không còn là thời đại hiếp dâm may mắn như các thập niên 35-45, 45-55. Và chẳng, những người đàn bà hiện đây đây số kiếp làm vợ ông đều những người vô danh. Hai khung cảnh, hai thời đại khác biệt.

Ông nán lại Sài Gòn một tháng, nỗ lực hoàn tất kế hoạch cận kề bên người đẹp. Kế hoạch dự định: mở một cuộc tiếp tân thu hẹp. Triệu tập những cận thần thân tín làm dáng, đóng kịch mừng sinh nhật ngài Tổng bí thư. Lễ tức nhiên cô Thanh Nga là thượng khách. Thượng khách và gia chủ ngồi sát nhau. Nếu có thể ngồi chung một ghế càng tốt. Đố cha đứa nào dám há mồm chỉ trích. Ông chồng cô Thanh Nga, hãy cứ mời. Nhưng sắp hẳn ngồi trong một xó tối nào cũng được. Ăn nhậu, cúng ly chúc mừng ngài Tổng bí thư sống trường thọ. Hết màn đón

hít. Lũ nịnh thân cùng chụm đầu “mèo khen mèo dài đuôi”, quay ra nói dóc, thêu dệt công trạng giết người, thành tích lừa đảo thế giới, tài năng đánh tan “Mỹ Ngụy”. Bấy nhiêu chuyện cũng đủ sức câu giờ, kéo dài đến sáng để ngài Tổng bí thư đối diện người đẹp Thanh Nga.

Bao lâu nay giấu diếm, cục lực che đậy, lén lút yêu thầm nhớ trộm người đẹp Thanh Nga nên ít người biết rõ. Ông Duẩn kỹ lưỡng từng nét cử động, ngó trước dòm sau, đảo mắt quan sát bốn hướng xem có ai “trình thám” mỗi khi ông ngồi phi cơ bay vô Sài Gòn. Riêng những người thông suốt tâm tình thâm kín của ông thì toàn là những người kêu đầu dạ đó, hết mực trung thành, cạy răng cũng không nói. Lẻo mép nói bậy ông thanh trừng, “hạ tảng cơ sở”, cuộc đời coi như ăn mày.

Kỹ. Cẩn thận. Giữ bí mật như hổ so tới mật quốc phòng vậy mà không lọt qua nổi cặp mắt tinh báo siêu đẳng của một người! Người ấy, có ai xa lạ chi đâu, chính là em vợ Lê Duẩn. Ông ta tên thật Cao Xuân Diệm, cấp bậc trung tướng, bí danh Dương Thông, cục trưởng Cục An Ninh Nội Chính Cộng Sản từ năm 1976 đến năm 1991. (Cục An Ninh Nội Chính không trực thuộc Bộ Công An, quyền lực bao trùm lên bộ Công An, Cục Tỉnh Báo, Sở Phản gián Hà Nội, nhận lệnh trực tiếp Ban Bí Thư Đảng. Tháng 10-1992, đại tướng Lê Đức Anh Chủ tịch Nước Việt Nam - tương đương quốc trưởng - kiêm nhiệm luôn cục trưởng Cục An Ninh Nội Chính, hất cẳng tướng Cao Xuân Diệm, tức Dương Thông cho về vườn tổ chức buôn đồ lậu lượm bạc). Chi ruột trung tướng Cao Xuân Diệm tên Cao Thị Khê, tức vợ lớn Lê Duẩn, người vợ khét tiếng độc ác, khét tiếng hạ tình địch.

Bà Khê điều động một ê kíp An Ninh Nội Chính thượng thặng, ám sát có trình độ, giết người trong tình táo, siêu việt trong kỹ thuật bôi xóa vết tích, tốt nghiệp Trung Ương Tỉnh Báo KGB đáp phi cơ vào Sài Gòn.

Tin tức bà Khê hiện có mặt Sài Gòn gây rúng động trong giới chức cao cấp Cộng Sản. Người ta quyết đoán không sai, cô Thanh Nga sẽ là tấm bia hữu tình của những tầm đạn nổ có dự mưu, có toan tính và với kế hoạch phát động tình vi. Giữa tình cảnh đáng thương hoặc có thể đáng tiếc này nhân vật nào có đủ thẩm quyền nhảy ra ngăn cản bà Khê, một người đàn bà đánh ghen khát máu, xứng hợp với bản chất khát máu của ông Duẩn? Quả thật, trong cuộc tình đơn phương này, ông Duẩn hoàn toàn “trong sạch”, chưa một lần vi phạm đến nội quy ngoại tình đối với những bà vợ của ông. Và quả thật, cô Thanh Nga chính là nạn nhân bởi hồ máu tham lam đậm đặc của ông Duẩn.

Hay tin bà vợ lớn ông Duẩn đặt chân xuống phi trường Tân Sơn Nhất xấn tay áo giết người. Ông Duẩn đã tặc trách, hững hờ nghĩ đến những hậu quả tày trời do mình gây ra, lặng lẽ lên phi cơ trở về Hà Nội, để hèn trốn trách nhiệm.

Không ai hiểu cái tẩy Cộng Sản bằng một người Sống với “nghề” Cộng Sản - bộ Cộng Sản không phải là nghề sao? Nghề ăn giết, nghề ăn trộm, nghề ăn cướp, nghề Cộng Sản, cũng là một nghề. Đại tá VC Trần Đình đi dép râu trong bụng Cộng Sản. Vì nặng nợ ân tình cũ với gia đình cô Thanh Nga trước khi vượt Bến Hải tập kết ra Bắc. Trần Đình mặt cắt không còn chút máu, 11 giờ khuya hối hả chạy xuống rạp Hưng Đạo tìm bà Bầu Tho báo tin “thập tử nhất sinh!”

Cô Thanh Nga đang diễn màn chót, vai *Thái hậu Dương Vân Nga*. Nội dung vở tuồng đả kích, kể tội ác Trung Hoa trong thời đô hộ cai trị hà khắc nước Việt Nam. Vở kịch giữ vai trò tuyên truyền quần chúng “nổi dậy chống bọn bá quyền Bắc Kinh”.

Buổi họp khẩn cấp cứu mạng người diễn ra ngay khi đó. Bà bầu Thơ run lập cập, đôi mắt lạc thần, mắt hờn, ngơ ngáo ngáo nhìn hết người này tới người kia, không thốt nên lời. Ông Đồng Lân còn thảm não hơn, cơ thể bị các hệ thần kinh giựt co quắp, tay chân lạnh ngắt, mất tiêu sinh lực phản ứng trước một tình thế thập phần nguy khốn. Ông buông tay, phó mặc cho định mệnh giải quyết. Cô Thanh Nga bình tĩnh lạ thường. Có thái độ dửng dưng, bất chấp, sẵn sàng nhận lãnh mọi biến cố khốc liệt. Đại tá Trần Đình chớp nhoáng nảy ra kế hoạch đối phó, định phương hướng chạy trốn tử thần.

- Còn bao nhiêu phút nữa văn hát?

- 45 phút nữa, thưa chú.

- 12 giờ kém 15 phút? Vậy 12 giờ kém 10 phút. Cháu và ông xã cháu có mặt trước cửa rạp. Cháu có một phút thay đồ hát. 1 phút chuẩn bị tinh thần. 1 phút thu xếp tư trang. 1 phút di chuyển ra lộ Trần Hưng Đạo. 1 phút từ cửa rạp đội cận vệ chú hộ tống vợ chồng cháu lên xe. Nhận kỹ, nhận diện đúng chiếc xe jeep chú đi hàng ngày. Tổng cộng cháu có 5 phút thoát khỏi nơi đây.

- Chú tính đưa tụi cháu đi đâu?

- Chú và đội cận vệ ngồi chiếc Simca màu trắng, chạy sau xe cháu, đưa vợ chồng cháu xuống Rạch Giá. Tụi cháu

tạm trú ẩn nhà tình ủy Hậu Giang, bạn tin cậy của chú. Đợi tình hình lắng dịu, chú “móc ngoặc”, tổ chức cho cháu vượt biển.

Thanh Nga dường như có linh tính chuyện sẽ xảy ra rất tàn khốc, nói những lời thối chí, chịu thua trước số phận không may:

- Bữa nay ngày 24-10 âm lịch (1978). Ngày đại kỵ tuổi cháu, xuất hành không tốt. Cháu sợ quá chú à?

- Đừng sợ. Chú lo liệu hết rồi.

Giờ tan hát. Người tỏa ra như ong vỡ tổ: chen lấn, la oí oí. Ai cũng muốn dành nhau ra về sớm, Xe lôi, xe kéo, động cơ taxi, xích lô máy nổ vang râm nghe nhói lỗ tai, long cả óc. Đại tá Trần Đình sử dụng tối đa cặp mắt tình báo nhà nghề quan sát địa thế. Vợ chồng Thanh Nga sẽ đi ra cửa phía bên hông rạp. Chiếc Jeep cặp sát lề đường, cách cửa rạp 3 thước, che khuất xe sinh tố. Khoảng cách nguy hiểm có ba thước tây. Không lẽ xui tận mạng, chỉ có ba thước mà thoát không kịp sao? Bên kia đường là cây xăng, quá xa tầm hữu hiệu cho bất cứ loại vũ khí cá nhân nào.

Trong rừng người đứng chờ xe, tấp nập trước cửa rạp, Trần Đình rải một số đàn em trà trộn vào đó, ra lệnh thấy kẻ nào có cử chỉ khả nghi, tiến gần về phía Thanh Nga, có quyền bấm cò. Chấn chờ Thanh Nga sẽ “rớt” trước, trở tay không kịp. Trần Đình sơ sót một điều tai hại. Ông cẩn cù lo quan sát, đảo mắt nhìn người, nhìn xe cộ qua lại, khoảng lộ rộng thênh thang tiền đình rạp Hưng Đạo. Ông lại quên đi, quên mất, không nhìn lên tòa bình đình nhiều tầng nằm cạnh rạp hát. Nếu ông có cặp mắt thần, ông sẽ thấy một bóng người đàn ông. Chả đoán ra trạc bao nhiêu tuổi, đang

thủ cây CK3 nòng dài, đầu gắn bộ phận hãm thanh, đang thụt ra ló vô điều chỉnh ống nhắm, đo độ xa gần giữa vị trí nổ và khoảng cách xạ trường.

Một viên cận vệ la lên:

- Kia. Thanh Nga kia.

Đại tá Trần Đình Ra lệnh:

- Cho nổ máy xe, mau lên.

Ông Đồng Lân nắm tay Thanh Nga lao nhanh tới chiếc xe Jeep. Khách bộ hành hiếu kỳ đứng đông nghẹt, chặn kín lối đi, sững sờ chiêm ngưỡng Cô Thanh Nga.

Hai vợ chồng còn đứng một thước, 1 thước khít khao vượt thoát sợi dây oan nghiệt. Tính là một chuyện, Sống còn là một chuyện khác. Bỗng dung cô Thanh Nga quy xuống tay chân mềm nhũn, mắt đứng tròn, phía sau ớt rỉ máu nhều xuống bả vai, lưng, đỏ tươi. Ông Đồng Lân hốt hoảng, nghiêng người choàng tay đỡ Thanh Nga, nhưng ông lại ngã nằm ngửa trên lề đường trước khi với tay có phản ứng bảo vệ người vợ. Ông “rớt” nhanh hơn Thanh Nga tính theo tốc độ của một phát súng không nghe tiếng nổ. Màng tạng phía trái ông Lân rỉ máu, trút hơi thở cuối cùng trong nỗi căm hận.

Lẹ như tia điện trời chớp, cùng một tíc tắc, một giây đồng hồ, Thanh Nga chưa kịp tắt thở thì hai thanh niên cao bồi, vóc dáng có vẻ bọn ăn cướp đèo nhau trên chiếc Honda 67, ngừng trước cửa rạp, cách Thanh Nga 25 thước, chĩa mũi súng AK47 lên trời, bắn chỉ thiên 2 phát. Đúng hai phát, không thêm không bớt. Thằng lái xe phóng về hướng Nguyễn Cư Trinh. Khán giả la dậy làng dậy xóm, náo động

khu phố. Khiếp đảm trước một vụ sát nhân diễn ra trong nháy mắt, họ cùng la hét: “Nó, chính hai thằng đó. Bắt, bắt nó”. Đội cận vệ đại tá Trần Đình phản ứng cũng nhanh như tia điện trời chớp, cũng rút súng ra một lượt, cũng bóp cò một lượt gọi cho thằng ngồi phía sau, tay đang cạo nách khẩu AK47, “chính hần là thủ phạm bắn chết vợ chồng nữ nghệ sĩ Thanh Nga”, lãnh nguyên băng K54, lung ăn đạn nát nhừ, té nhào xuống đường, nằm chết gọn bõ. Riêng thằng lái Honda biến mất dạng.

Diễn tiến sự việc xác định như thế này: Súng hăm thanh (từ trên lầu tòa bin-đinh) nổ cùng một lúc với khẩu AK47 của hai thằng lái Honda tấp tới gần vị trí có Thanh Nga. Nhà nước mở cuộc điều tra, căn cứ trên 50 khách đi đường làm chứng hôm ấy, xác quyết chính hai thằng lái Honda, một thằng “đền tội” tại chỗ, một thằng hiện tại đào là hung thủ.

Báo chí VC ồn ào làm phóng sự theo chiến pháp “hội ý” cấp trên, đánh lạc hướng dư luận, điểm mặt thủ phạm là thành phần thuộc băng cướp khu Bàn Cờ, nhiều lần tống tiền Thanh Nga, lần này Thanh Nga chưa kịp nạp thì bị bắn cảnh cáo.

Một tháng sau đó, nhật báo *Nhân Dân* lấy nguồn tin riêng, loan tải rằng nữ nghệ sĩ Thanh Nga bị “nhóm tình báo Trung Quốc nằm vùng Chợ Lớn” thanh toán vì Cô diễn vở *Thái Hậu Dương Vân Nga*, vở hát mang nội dung khiêu khích, gây hấn “bọn bá quyền Bắc Kinh”. Đồ thừa đám ăn cướp, đám du đảng thấy nuốt không trôi, nhà nước liền “bán cái” qua bàn tay “phản động Trung Quốc”.

Ngày 27-6-1979, cựu “chiến sĩ” Công trường 5 Mặt Trận Giải Phóng, đại tá Trần Đình lúc 8 giờ tối, trên đường đi làm

việc trở về nhà, ngồi xe jeep, có tài xế lái, xe ngừng chờ đèn lưu thông bật màu xanh góc đại lộ Võ Tánh-Cộng Hòa bị một kẻ lạ mặt đứng đợi sẵn bắn một phát vỏ giắc ngủ. Ông ngủ thật, ngủ vui trong ngôi mộ vô danh “liệt sĩ”.

Nhà cầm quyền bận không hở tay, lo điều quân lên biên giới chống trả những cuộc tấn công đại quy mô của Trung Cộng, không còn thời giờ điều tra những cuộc ám sát lẻ loi như cái chết đại tá Trần Đình. Nội vụ chìm vào quên lãng.

Ngày trở về thủ đô thân mến dưới ngọn cờ đỏ, hằng chục năm tranh đấu, sản nghiệp ông Trần Đình gồm 1 túi vải ka-ki mang ở vai, đôi dép râu để vỏ xe hơi dưới chân, quần hàm đại tá trên cầu vai với chút uy quyền nhỏ mọn. Ngày trở về, không có gia đình, không có vợ con, chỉ có một thân xác ứa máu của ông nằm dài giữa đại lộ Cộng Hòa vì dỏ thói quân tử tàu chống áp bức, bảo vệ tính mạng cô Thanh Nga. Ngoài khối thi thể nằm bất động chờ xe cứu thương đến tiễn vào nhà xác, đời ông chỉ còn lại những sợi tóc trắng chảy mềm trên kẽ tay lạnh cóng.

15.

Thành phần thiết thời quyền lợi nhất trong bộ môn Cải Lương, là soạn giả. Suy nghĩ bung đầu bổ óc sáng tác bài ca, câu hát, nắn nót tiết điệu, bào gọt lời văn, câu đối thoại... Có nhiệm vụ tìm ra các phương thức tuyệt hảo đưa đào kép bước lên đỉnh danh vọng. Soạn giả nặn tim óc, viết chai ngón tay. Thức đêm cháy lá phổi để hoàn tất vở kịch dưới dạng thức làm dâu trăm họ. Tuồng dựng súc tích, cảm động. Văn mạch lạc, cú pháp uyển chuyển. Vai vế sắp xếp thú vị, lớp lang. Đề cao trung, hiếu. Đả kích nịnh thần. Chiêu thị hiếu khán giả. Khán giả nghe xong, khen một tiếng rồi quên mất, nếu tuồng hay. Ông Bầu gọi lên văn phòng khen một câu vuốt ve cộng sự viên: “Tuồng cậu viết kỳ này khá. Rờ-xét thâm cao. Ráng viết tuồng mới hay hơn. Tôi sẽ tăng lương cộng tác thường trực cho cậu”.

Phân nửa tổng số ông bầu Cải Lương mắc chứng bệnh đãng trí. Nói rồi quên ngay. Soạn giả về cặm cụi viết. Đợi ông bầu tăng lương cộng tác thường trực. Đợi đến khi ho

lao, nằm liệt giường liệt chiếu, mà cũng chưa nhận được tin ông bầu thực thi lời hứa. Giả như tuồng không được ăn khách. Viết có tính cách lãnh lương tháng, trả nợ quỹ thân. Tinh tiết thiếu sinh động. Nội dung cấu trúc gương, lật phèo. Khán giả xem một lần nhả mặt suốt đời. Ông bầu cúp lương tháng, cau có cự nự mỗi lần đụng mặt soạn giả. Ông biểu dương liên thái độ đuổi ngầm: “Tao chưa lên tiếng, nhưng em phải tự hiểu, hãy đi cho khuất mắt tao”.

Gã thầy tuồng quá hiểu, lặng lẽ cuốn gói ra đi. Về nhà ăn bám vợ con. Mài lại cây viết. Ngày đêm mê man xuất hồn bay bổng khắp cõi ta bà đi tìm kiếm đề tài. Tuồng tuồng cốt truyện kỳ diệu. Viết một vở mới đặc sắc. Vở tuồng “lập nghiệp” trong ngày trình diễn phải gây chấn động làng Cải Lương. Nếu còn nuôi mộng có ngày tái xuất giang hồ, trở lại ánh đèn sân khấu. Nếu như chán chê ê ẩm cái nghiệp bán bài ca mưu sinh, có quyền giải nghệ, không ai ngăn cấm. Coi như mất toi một đời người. Uống công thọ giáo các ông thầy già. Năm mười năm bèn gót theo thầy. Hầu hạ cà phê, thuốc lá, chò sai vặt. Chờ thầy biểu diễn lung, giác hơi. Thầy coi tuồng tá, dò xét tính tình, thử lòng dạ. Chùng đó thầy mới hà tiện truyền nghề. Dạy nhịp, dạy viết một số bài bản ngắn. Nếu thầy nghi ngờ bụng dạ đệ tử thiếu thủy chung, thầy chỉ dạy những bài ca giáo đầu, truyền nghề nhỏ giọt. Giống như võ sư tuyển lựa học trò ruột. Buổi sơ giao “xi” ra những miếng võ quảng cáo. Những miếng võ bí truyền thầy giữ kỹ. Chờ đến ngày gần kề miệng lỗ, thầy mới phán bùa Lỗ Ban, truyền hết phần còn lại. Học trò đợi có khi 10, 20 năm. “Tiếp thu” xong miếng võ bí truyền, những thể đánh hiểm hóc thì tuổi đã đến hồi đưa vô viện dưỡng lão. Cũng có khi

sống vừa quá nửa đời người, su phụ bỗng lẫn đùng ra trúng gió, chết bất đắc kỳ tử. Các thế võ thượng thừa, su phụ ôm hết xuống “tuyền đài”, cất vào thư viện Diêm Vương.

Soạn giả. Người nắm vận mệnh Cải Lương. Thống lãnh sân khấu, đào tạo ca sĩ. Cải Lương thụt lùi, tiến bộ, soạn giả lãnh phần trách nhiệm. Trong lúc sáng tác vở kịch, soạn giả thuộc hạng hữu tài, có khả năng canh tân nhạc lý, thay đổi tiết điệu, chế tạo ngôn ngữ để thích hợp, hòa đồng vào trào lưu tiến bộ của xã hội. Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn có ngôn ngữ riêng biệt. Ngôn ngữ của mỗi giai đoạn mang tính chất tiến bộ theo nhịp tiến của xã hội khai sinh nó. Không thể phủ nhận sự biến hóa kỳ ảo của ngôn ngữ Việt Nam thời VNCH khi so sánh cú pháp, từ ngữ, văn phong trước năm 1975 với các thập niên 20, 30, 40. Điều này chắc chắn và xác thật như chiều hướng tiến bộ của văn hóa nhân loại. Khối ngôn ngữ làm trở ngại sự tiến bộ như Cộng Sản đang xài ở Việt Nam dần dần sẽ bị đào thải vì tính chất chậm chạp ứ đọng của nó. Soạn giả thời đại hôm nay không thể dùng văn phong viết tuồng của những ông soạn giả quá cố, động một chút là hạ bút: *“Hỡi ơi, hỡi này Nguyệt Thu Nga em ơi, vì sao mà ra nông nổi đoạn... trường”*.

Thời Pháp đô hộ. Văn hóa Việt Nam bị thôi miên gần như thụ động. Dùng chữ Việt làm phương tiện phỏng dịch, phóng tác, chuyển ngữ nhạc, kịch phẩm, tiểu thuyết, thi ca, truyện ngắn, truyện dài, v.v. của giới văn sĩ Pháp, nhét vào sọ người Việt. “Tàn dư” văn hóa tàu bằng lăng khắp hang cùng hóc hẻm trong làng văn nghệ Việt Nam.

Các thầy tuồng vào những thập niên 20, 30, 40, hình như làm biếng nạo óc sáng tác theo chiều hướng riêng của xã

hội mà các ông đang sống cùng, đang chứng kiến những bị kịch, thảm kịch có thật của nó. Trịnh trọng nâng niu các bộ sách Phong Thần Diễn Nghĩa, Xuân Thu Chiến Quốc, Tam Quốc Chi, Liêu Trai Chí Dị. Đọc phát phơ rồi phóng tác, viết thành kịch bản sân khấu. Bắt cả một lực lượng nghệ sĩ tài hoa Việt Nam phổ biến miễn phí truyện giả tưởng của người Trung Hoa trên đất nước mình. Thật là vong ân bội nghĩa mảnh đất đã chắt chiu đào tạo ra mình, như gã nông dân phụ bạc ruộng đồng. Đã vô ý thức khi tạo thành 21 kịch bản Hát Bội, Cải Lương trong 37 năm, chép nguyên văn truyện Tàu phổ ra điệu hát. Nỗ lực ca ngợi chữ trung, chữ hiếu, chữ tình của *Lưu Bị, Quách Hòe, Trương Phi, Việt Câu Tiễn, Tây Thi, Đường Minh Hoàng, An Lạc Sơn, Đồn Hùng Tìn, Bàn Quan Phi, Gia Cát Lượng, vua Phù Sai, Bao Công*, v.v. Nhai đi nhai lại trên sân khấu, đĩa đá, đĩa nhựa, in thành tập.

Tung ra lời bình phẩm xây dựng. Túc khắc, lớp thầy tuồng thủ cựu, gàn, ý thế hệ đi trước, ra đời trước dặm chân dặm cảnh phản đối cùng một luận điệu mất gốc: *“Lấy sự tích người xưa làm thành tuồng răn dạy người đời nay. Chúng tôi đi đúng thiên chức của một người làm văn nghệ”*.

Rõ ràng là một lập luận lên đồng nhập cốt của mấy ông thầy tuồng bô lão. Tư tưởng đã ra khơi, chỏ khảm văn hóa Chệt trên con thuyền vọng ngoại. Những vị công thần lập quốc. Những anh hùng cứu nguy dân tộc như các đời vua Hùng Vương, Bà Triệu Ẩu, Trưng Trắc-Trung Nhị, Lý Thường Kiệt, Trần Bình Trọng, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Nguyễn Trãi chính là “người xưa” chớ còn gì nữa? “Người xưa” Việt Nam chính danh. Không phải “người xưa” của Chệt, Tàu, Bắc Phương, Trung Hoa, Trung Cộng. Thời kỳ

lớp soạn giả “Tây thuộc”, đứng “đầu nậu” cai thầu Hát Bội, Cải Lương, diễn dịch méo mó sân khấu chỉ là phương tiện để kiếm gái, ảm thêm vợ bé. Không hề có, không hề thấy các ông viết một vở kịch nào với tấm lòng ghi ơn “người xưa”, tổ tiên dân tộc Việt Nam.

Kỷ nguyên treo chuông què hương giống lên văn hóa Tàu đã bị khai tử chiều ngày 5-2-1956. Tại trường Quốc Gia Âm Nhạc. Thế hệ soạn giả trẻ, tâm huyết cuồng nhiệt. Văn phong tràn đầy sức sống. Tuồng tích phản ánh trung thực hoàn cảnh xã hội Việt Nam cuối thập niên 50, Đoàn kết, phấn khởi “lên đường”. Nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, tác giả “*50 Năm Tôi Mê Cải Lương*”, chủ tọa cuộc họp văn nghệ với tiêu đề “*Làm Lại Sân Khấu Việt Nam*”. Khuyến khích giới soạn giả trẻ mạnh dạn chọn đề tài độc lập trong sự sáng tạo vở kịch. Can đảm thách thức văn chương ngoại quốc. Vùng dậy “giải phóng” văn hóa Việt Nam, ly khai ảnh hưởng văn hóa Tây, Tàu, Mỹ, Nhật, v.v.

Hát Bội, Cải Lương sanh ra đòi chỉ để phụng sự thuần túy xã hội, con người, cây cỏ, sông ngòi, núi rừng, biển hồ, cảnh vật, v.v. Việt Nam. Soạn giả Quy Sắc (Giáo sư sử-địa trường Chu Văn An, Sài Gòn) mạnh mẽ đề cao cội nguồn dân tộc. Gào thét giữa hội trường những lời “tuyên cáo” đun sôi phong trào đòi “*Làm lại sân khấu Việt Nam*”: “*Hỡi các bạn có mặt tại đây hôm nay. Các bạn sẽ là những cây viết tiên phong dẫn thân trong sự nghiệp khai quang những khu rừng âm u văn chương nô lệ. Văn hóa vọng ngoại, văn nghệ mất gốc, sân khấu lai căng Trung Hoa để dốc sức xây dựng cánh đồng văn hóa dân tộc. Các bạn có bốn phận đưa bộ môn Cải Lương trở về nguồn. Có bốn phận viết những kịch phẩm súc tích, lời văn trang nhã*

ca ngợi công ơn tiền nhân. Ghi lại các công trình lập nước, dựng nước và cứu nước của các anh hùng dân tộc. Các bạn có bốn phận tống khứ “đám cỏ khô” của văn hóa Trung Hoa ra khỏi Cộng đồng sân khấu. Viết những vở tuồng tình tự quê hương, tình tự con người. Tình tự giữa con người và thiên nhiên. Dùng ngòi bút sắc bén, tâm huyết, và độc đáo ca tụng tình nghĩa vợ chồng, tình mẫu tử, tình huynh đệ, tình bằng hữu, tình chiến hữu, lòng hiếu thảo, lòng nhân đạo của xã hội Việt Nam ngày nay và ngày sau...”

Luồng gió mới buổi hội thảo “Làm lại sân khấu Việt Nam” thổi tạt vào tâm hồn lớp soạn giả trẻ có mặt ngày hôm đó. Tập thể soạn giả này hùng hục “lên đường”. Cặp soạn giả Hà Triều-Hoa Phượng đứng ưu hạng trong bảng danh sách góp sức góp công. Ca ngợi tình mẫu tử, tình mẹ thương con bao la như biển Thái Bình, “nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” qua vở tuồng *Tấm Lòng Của Biển*. Tiếp theo *Tấm Lòng Của Biển*, đồng nghiệp Hà Triều-Hoa Phượng tung ra các vở tuồng khích động lòng yêu nước. Ghi tạc công ơn tiền nhân. Tả bối cảnh đau thương trong chiến tranh Việt Nam lần thứ nhất. Cảnh tình nhân tình thế thái giữa một xã hội điêu đứng vì binh lửa. Ví bả vật chất như: *Tiếng Trống Mê Linh*, *Hồn Tử Sĩ Trên Bạch Đằng Giang*, *Lê Lai Liễu Minh Cứu Chúa*, *Trương Chi Mỹ Nương*, *Chuyện Tình Lan Và Điệp*, *Trọng Thủy Mỹ Châu*, *Lửa Thăng Long Thành*, *Người Đẹp Bạch Hoa Thôn*, *Bà Mẹ Bến Đò Sông Lô*, *Lời Thề Nguyễn Trãi*, *Buồng Cau Quê Ngoại*, *Nửa Đời Hương Phấn*, *Tiếng Hạc Trong Trăng*, *Manh Áo Quê Nghèo*, v.v.

Văn chương linh động. Tinh tiết cấu kết hợp lý, sống thực. Phù hợp nhân quan người xem. Nội dung phản ánh

xác thực các khía cạnh của xã hội hiện thời, mang lên sân khấu. Khán thính giả có cảm giác những nhân vật trong tuồng có phần hơi giống mình, dính dáng đến mình, hoặc gần gũi với mình. Họ thích thú, say sưa thưởng thức. Thành thử tuyệt đối ủng hộ tuồng tích của lớp người viết trẻ tuổi. Các vở tuồng bị sự tích Tàu “nhuộm đậm” từ mấy mươi năm trước của lớp soạn giả cao niên gàn gàn, dần dần chìm vào quy luật đào thải. Các ông thầy tuồng xưa, tu tuồng lạc hậu. Văn chương hắc ám, nhận thức “chúng ta đã hết thời”. Buồn tình, âm thầm gác bút, bẽn lèn, tự ý xin về hưu trí... chậm.

Soạn giả lãnh trọng trách luôn việc cải tiến sân khấu. Canh tân bộ môn Cải Lương. Khi dựng tuồng phải biến chế lối sử dụng ánh sáng hiện thời. Đừng bắt chước kiểu “pha màu” của 40, 50 năm về trước. Cải tổ cảnh trí. Làm lại phương pháp “gút, thắt, mở của miếng kịch”. Tả tâm lý nhân vật phù hợp với những lúc kéo màn, đóng màn. Cốt truyện dựng trung thực, dính sát thời cuộc, khung cảnh xã hội. Dọn sạch những cảnh trí “đầu Sài Gòn đuôi Thượng Hải”. Tả một bối cảnh núi non Việt Nam nhưng thể văn lại phảng phất đỉnh Thái Sơn, rừng Hàng Châu. Tả ngọn nước bình lặng Đồng Nai nhưng mượn cảnh Sông Giang Tử bên Tàu.

Hành văn sáng sủa. Tránh xài chữ Hán. Mô tả cảnh vật phải viết đúng tên, đúng chữ. Thầy tuồng già, đầu óc ứ đầy Nho học. Gặp chỗ đúng vận, kẹt chữ, các ông dùng những từ u ám, rắc rối. Cố ý khoe văn tài học cao hiểu rộng. Người nghe chẳng hiểu soạn giả muốn nói cái gì và viết cái gì? Đây là một thí dụ: Để tả tâm trạng đau khổ của một mối tình tan

vỡ, đến giai đoạn không còn hàn gắn được, soạn giả Lê Hoài Nữ (thầy tuồng Cải Lương từ năm 1933 đến 1951) viết cho kếp ca: *“Hồi thiếp ơi nợ duyên đôi ta tạo hóa đọa đầy chia cách, thiếp giận dỗi trách ta nhiều thêm chi khi xa nhau càng ử dột to... tình”* (xuống Hò, Vọng Cổ Câu 1).

Cũng một ý câu văn trên. Diễn tả dang dở. Viết cho kếp ca. Soạn giả Hoàng Khâm khai triển thêm. Sửa lại câu văn sát nghĩa, rõ ràng. Người nghe sẽ hiểu liên tâm trạng của nhân vật: *“Nghịch cảnh trái ngang xô đẩy chúng ta từ đây mỗi đứa bước về hai lối rẽ. Và đã một lần nói tiếng yêu nhau thì lúc chia tay đừng oán hờn thù hận, đừng đổ lỗi cho nhau để cho niềm đau không giày xéo tâm... hồn* (Hò, Vọng Cổ Câu 1).

Như người họa sĩ tả chân, soạn giả tưởng tượng ra cảnh núi, rừng, sông, hồ thật. Viết cảnh không nên viết mơ hồ: rừng vào mùa thu, lá rụng, lá héo vàng, úa vàng. Không thể viết: “lá màu vàng” khơi khơi, khiến cho nhân viên dàn cảnh khó vẽ đúng sự vật, đúng với không gian và thời gian.

“Không thấy đổ mày làm nên”. Câu này rất đúng cho ngành Cải Lương: Đã biết người nghệ sĩ phải có chân tài. Có giọng hát, năng khiếu diễn xuất. Tuy nhiên, anh ta chỉ hát hò trong phạm vi của người có giọng hát. Hát hay, cất giọng êm dịu, thanh tao, truyền cảm ở những buổi tiệc trà dư tửu hậu, đám cưới, đám giỗ. Chưa có thể trở thành một nghệ sĩ lừng danh, chuyên nghiệp. Anh phải đợi soạn giả khám phá ra anh. Soạn giả khai thác giọng nói, ca, ngâm, dây ngân, âm thanh. Khám phá tướng tá hình vóc của anh. Thấy rằng anh không thể ca vọng cổ. Không thể có những bản “trắc” giọng. Soạn giả “điểm chỉ” cho anh một hướng đi. Luyện

anh ca những điệu “bình” giọng. Chuyên hát bài bản ngắn. Phân tích cho biết giọng anh không ca những chữ mang dấu hỏi, dấu sắc. Trắc giọng, anh sẽ bị “đâm hơi”. Khuyến anh hát nhiều những chữ dấu nặng, dấu huyền. Dựa theo làn hơi, soạn giả viết cho anh những câu ca, câu nói để phát âm đúng giọng anh. Lúc diễn anh sẽ không bị lẹo lười, ca khàn khàn, chất chứa.

Không có Hà Triều, Hoa Phượng viết một vai đặc biệt, riêng cho anh Thành Được, vai hợp sở năng, lột trần thiên tài bẩm sinh Điền Sơn, tuồng *Khi Hoa Anh Đào Nở*. Bất quá anh cũng chỉ là Thành Được quen quen, bình thường như mọi kép hát khác. Vai Điền Sơn, Hoa Phượng moi tìm gan, giốc hết tinh hoa nghệ thuật nặn một vai “để đời” cho Thành Được. Nếu không có Thu An, chắc ít ai biết tới một Trường Xuân lòng lầy qua vai Thành Cát Tư Hãn, vợ *Hai Chiêu Ly Biệt*. Nếu không có Viễn Châu, khán giả không thể hiểu rõ “tài sắc vẹn toàn” của Thanh Nga trong vai Sơn Nữ Phà Ca, tuồng *Người Vợ Không Bao Giờ Cưới*. Đừng vội vong ân. Khi một soạn giả chong đèn thức trắng đêm, moi óc rặn ra từng chữ, từng câu, từng thể văn, từng bài ca lãng xe đào, kép.

Đừng bội ơn. Khi một soạn giả núp trong cánh gà với tâm trạng bồn chồn, lộn ruột lắng nghe đào kép hát tuồng mình có “xuất hồn”, có giúp người nghệ sĩ khai thông làn hơi, xuống câu vọng cổ “ngọt”? “Chụp thần” lấy nước mắt khán giả không? Khán giả vỗ tay tán thưởng cô đào, anh kép đó. Bên trong bức màn nhung, anh thầy tuồng vui rót nước mát. Tên tuổi đào kép lên như diều. Nghề nghiệp thăng tiến vùn vụt. Công-tra ký bạc triệu. Sắm xe hơi, tạo nhà lầu, ăn

xài vung vít. Những giây phút vinh quang đó, đào kép có bao giờ nghĩ đến công lao người soạn giả “gò lưng” gây dựng cho mình không? Có! Con Số rất ít. Phần lớn, chúng tôi thấy họ phản thầy tuồng ngay cả lúc “Cơm còn dính kẽ răng”.

Cô đào B.T. hát 11 năm. Lăn lóc từ đoàn tiểu ban đến trung ban. Hát hoài mà không ai biết tên tuổi. Báo chí không để ý đến. Cô khóc lóc xin xỏ Hoa Phượng rộng lòng “cứu rỗi” cô một lần. Hoa Phượng nói trước: “Ba năm nữa tôi sẽ đào tạo em trở thành Cải lương chi bảo”. Hoa Phượng giữ đúng lời. Cô B.T. ba năm sau đó (năm 1970), nghiêm nhiên bước lên hàng Cải Lương chi bảo. Giao kèo ký giá chót hai triệu. Tiền bạc đếm không xuể. Đổi xe hơi mới, tiện dịp cô đổi luôn chồng. Báo chí giành giật phỏng vấn, viết phóng sự dài dài.

Năm 1973, binh nhì Hoa Phượng nhận được lệnh chuyển ra sư đoàn 3 bộ binh, đóng ở tỉnh Quảng Trị (làm việc dưới quyền đại úy Vũ Ngự Chiêu, tức nhà văn Nguyễn Vũ, ban tâm lý chiến). 3 tháng đi phép một lần về Sài Gòn thăm gia đình. Đời lính bữa đói bữa no. Tiền nhả túi đều đều. Hỏi mượn cô vài ngàn chi trong con túi quần. B.T. đáp hờ hững: “Tiền em gửi quỹ tiết kiệm ngân hàng. Đầu có sẵn ở nhà đưa anh mượn!”

Hay tin sét đánh người bạn tri âm Tử Kỳ mất, Bá Nha đập nát cây đàn. Tuyên bố thế gian chẳng còn ai có đủ “giác linh” thấu hiểu tiếng tơ đồng của ông. Hà Triều cho biết, nếu anh và Hoa Phượng tách rời ra thì khả năng soạn tuồng của hai người coi như vút đi. Hà Triều, Hoa Phượng phải giữ thỏa hiệp mãi mãi. Cộng tác chung, chia sẻ ngọt bùi trên bước đường “hành hiệp” sân khấu Cải Lương. Cuộc hợp soạn khắng khít. Như “chim liền cánh, như cây liền cành”.

Hiếu nhau, thông cảm nhau. Đóng chặt cánh cổng biên giới tự ái. Đặt tinh thần soạn phẩm lên trên những tị hiềm ganh tài ghét tật nhỏ nhen.

Hà Triều, có sở trường chọn đề tài, giàn bố cục, phân cảnh, phân màn, dựng truyện. Hoa Phượng biệt tài về cách viết bài ca, đặt câu, gọt văn. Tên tuổi hai người dính liền từ khi bập bẹ tập soạn nhạc Cải Lương đến khi danh tài trở nên xuất chúng trong thiên hạ.

Phương pháp viết tuồng của hai ông khá đặc biệt. Mỗi khi soạn tuồng, Hà Triều-Hoa Phượng tạm biệt vợ con. Nhét khăn, quần áo, mùng mền vào va li, kêu xích lô chở thẳng vô nghĩa địa. Hai anh tìm một ngôi mộ đá. Thầy hành lý lên một góc. Đóng cột căng lều trên mả, che mưa che gió. Biệt tích anh em bạn bè 1, 2 tháng. Tuồng viết xong mới lủ ra trình diện ông bầu. Ban ngày, hai ông ngủ gà ngủ gật. Đêm về, thắp đèn cây. Ngôi chiêm ngưỡng nghĩa địa. Cảnh vật vắng vẻ, im lìm và lạnh lẽo đến rợn người. Ánh sáng đom đóm chớp lung linh trên hàng ngàn ngôi mộ ma quái. Dưới ánh đèn cây mờ tỏ. Hai ông thả hồn, bay phất phơ trong nghĩa địa, tìm “điểm” hứng.

Hà Triều xác nhận: Ý và lời văn của hai ông chỉ chịu phun ra khi nào ngôi trong nghĩa địa đặt bút viết. *Tuồng Tấm Lòng Của Biển* hoàn thành trong nghĩa trang Mạc Đình Chi. Vợ *Tuyệt Tình Ca*, Út Trà Ôn rạng rỡ tên tuổi vai ông Cò Quận 9, viết xong tại nghĩa trang Đô Thành (đường Lê Văn Duyệt). Vợ *Con Gái Chì Hằng*, Hữu Phước hát “để đời” qua vai Cậu Tư Kiên, màn cuối viết xong tại nghĩa Gò Vấp. Tất cả vở tuồng hợp soạn của Hà Triều-Hoa Phượng đều sáng tác bên cạnh mộ bia, trên những nấm mồ hoang mả lạnh.

Trong chiến tranh chống Cộng bảo vệ miền Nam tự do, điểm nổ không riêng xảy ra ở chiến trường. Người quốc gia còn chống đỡ trên các lĩnh vực: Chiến tranh tâm lý, chiến tranh dân vận, chiến tranh gián điệp, chiến tranh văn nghệ, chiến tranh báo chí, sau hết là chiến tranh sân khấu. Sân khấu là một công cụ tuyên truyền hữu hiệu nhất. Tác động trực tiếp vào quần chúng bình dân ở thành thị, ở thôn quê, những vùng xa xôi hẻo lánh, nếu nắm vững yếu tố khai thác thị hiếu, tâm lý của mỗi tầng lớp dân chúng. Ai nắm chặt sân khấu, người đó là vua không ngai của du luận.

Cộng Sản bao vây, bám chặt sân khấu. Phóng ra những võ tuồng núp chiêu bài yêu nước, cổ võ con cò “mặt trận giải phóng”. Vận động dân chúng căm thù chính thể VNCH. “Bên trong hậu trường sân khấu cải lương”, chiến tranh Cải Lương bùng nổ kịch liệt giữa hai phe soạn giả Cộng Sản nằm vùng và VNCH. Những trận đánh bằng tư tưởng mà vũ khí là cây viết. Tác phẩm là tạc đạn tấn công không chừa một kẽ hở để trao đổi các giải pháp ngừng chiến. Trận đánh trải dài qua 1/4 đời người (1960-1975). Bất phân thắng bại, nếu CS Bắc Việt chưa xua đại quân, lái thiết giáp cán sập miền Nam.

Dẫn đạo vây cánh CS nằm vùng, soạn giả Thu An, soạn giả Mai Quân phụ tá. Họ gây chiến trước tiên qua võ tuồng *Con Cò Trắng*. Đoàn *Hương Mùa Thu* trình diễn dài hạn (Tổ kinh tài Sài Gòn phát cho Thu An 7 triệu tạo vốn thành lập đoàn *Hương Mùa Thu*. Giao Thu An làm giám đốc. Hát những vở phản chiến, chống chiến tranh VN, cốt truyện nguy trạng tài tình, luật pháp không thể vô được. Phòng Kiểm Duyệt, Bộ Thông Tin chịu thua!). Nội dung phi báng

nhà cầm quyền nô lệ ngoại bang. Kết án VNCH tham những hiếu thắng, cai trị độc tài. Về mặt xã hội, vở *Con Cò Trắng* còn tố cáo dân miền Nam là thứ dân đồi trụy, đàng điếm, tráo trở giết giặc theo mô thức xã hội tư bản Âu Châu. Đưa ra đề nghị giáo dục xã hội (cải tạo), thúc đẩy người công dân lầm đường lạc lối quay trở về nẻo “chính đạo” (chính đạo là con đường mà lúc ấy ông Thu An chưa dám lộ mặt: Con đường Cộng Sản).

Phe soạn giả chống Cộng. Ông Hoa Phượng nổi bật nhất, hăng hái nhất. Ngọc Diệp cho em út chớp bản thảo *Con Cò Trắng* mang về “hành dinh” (tư gia soạn giả Quy Sắc). Kêu Hoa Phượng tới. Ba ông đọc thuộc lòng. Phân tích, nghiên cứu chữ, câu, lời ca, bài bản, văn đối thoại đến nát nhừ. Rồi mới đào bới ý tưởng Thu An. Hoa Phượng kết luận:

- Tôi biết ý nó nhắm vào nhóm phản chiến. Thối tụi trung lập, tụi thân Cộng đứng lên chống miền Nam. Mấy ông để tôi lo.

Ngọc Diệp hỏi:

- Anh lãnh phần “bắn trả đũa” nó, hay tôi?

Hoa Phượng phân chia nhiệm vụ:

- Tuồng xã hội, tôi hốt khách hơn ông. Tuồng Hương Xa tôi thua ông. Thu An nó chơi “xã hội”. Ông giao tôi phản pháo nó. Khi nào nó bắn tuồng Hương Xa, khi đó tới phiên ông.

Giới báo chí Sài Gòn lại đăng tin Hà triều-Hoa Phượng chun vô nghĩa địa “nghỉ hè.” Khoảng 1 tháng sau, hai ông lọt tọt quay về rạp Quốc Thanh. Hối thúc nghệ sĩ tập tuồng mới. Vở *Tuyệt Tình Ca* xuất sắc chào đời. Xuyên qua vở kịch

này, người ta nhận thấy Hà Triều-Hoa Phượng trả lời Thu An qua lập luận:

- Ông Cò Quận 9. Một công chức điển hình của chính quyền VNCH. Ông bị đặt lên bàn cân giữa công lý và lương tâm. Nhưng ông nghiêng hẳn về phía công lý. Thi hành theo luật lệ qui định.

Thảm kịch gây ra bởi chiến tranh. Gia đình ông, cũng như hàng ngàn gia đình khác. Phút chốc biến thành nạn nhân chiến cuộc. Năm 1945, Việt Minh nắm chính quyền. Chủ trương công khai tàn sát những thành phần chống đối lại họ. Bắn giết, ám sát, đốt nhà cửa. Trong cơn chạy loạn, ông lạc mất gia đình vợ con. An ninh cá nhân bị Việt Minh đe dọa thường xuyên. Ông Cò Quận 9 tản cư lên Sài Gòn. Tình nguyện làm việc ngành hiến binh Pháp. Năm 1954, ông được chuyển qua ngạch cảnh sát, giữ chức quận trưởng quận 9.

Hai mươi năm sau, đứa con gái thất lạc của ông bị cảnh sát ruồng bỏ, tạm giữ về tội mãi dâm. Qua cuộc thẩm vấn, tình cờ ông nhận ra con ông. Tuân theo luật, ông đã đưa đứa con của ông cho tòa xử tội, lãnh án tù 6 tháng. Ông rất thương con. Nhưng địa vị của một ông Cò, thi hành luật pháp, giữ an ninh trật tự công cộng. Ông cương quyết giải giao con ra tòa lãnh án. Gạt bỏ tình cảm riêng tư với phương châm “luật pháp bất vị thân”.

Qua vở *Tuyệt Tình Ca*, Hà Triều-Hoa Phượng minh xác: Chính quyền VNCH có kẻ xấu người tốt. Quan chức có người tham những có người thanh liêm. Không hẳn toàn thể chế độ đều hối mại quyền thế. Xã hội nào cũng có kẻ hở. Có người sanh ra đời chỉ để lường gạt, tráo trở ăn chơi đàng

điểm. Cũng có người suốt đời âm thầm phụng sự xã hội. Không thể thấy một trái nho chín rồi quả quyết cả vườn nho đều chín. Một viên chức hay nhiều viên chức VNCH phạm tội tham nhũng, đó chỉ là hành vi cá biệt. Đừng vội hồ đồ nhìn VNCH qua một bức tranh tham nhũng toàn diện.

Nhóm Thu An bên bí tấn Công VNCH bằng những vở: *Gánh Cỏ Sông Hằng*, *Tiếng Súng Một Giờ Khuya*, *Trần Minh Khố Chuối*, v.v. Nhóm Hoa Phượng, Ngọc Diệp, Quy Sắc bản trả lễ bằng những vở *Manh Áo Que Nghèo*, *Nửa Đời Hương Phấn*, *Buồng Cau Quê Ngoại*, *Đường Gươm Nguyên Bá* v.v...

Ngày 12-8-1975, Công an nửa đêm đến nhà bao vây, còng tay Quy Sắc, Ngọc Diệp bắt đi học cải tạo 14 năm. Hai soạn giả này trở về với thân hình còn da bọc xương, tiếp tục kéo dài kiếp sống bệnh tật trong những năm cuối cùng.

Ngày 25-9-1979, Hoa Phượng được đưa ra xử trước tòa án “nhân dân” Gia Định. Phạm trọng tội “làm nhân viên tâm lý chiến Ngụy do CIA tổ chức”. Tòa án “nhân dân” xử anh 20 năm tù ở để “trả nợ máu nhân dân”. Cả đời nghèo khổ, ăn uống đạm bạc, khi vô tù dinh dưỡng không đủ, Hoa Phượng chết tại khám Chí Hòa, Sài Gòn.

Trước phiên tòa “nhân dân”, bồi thẩm đoàn Cộng sản tra vấn: “*Tại sao thời Ngụy anh hùng hăng làm văn nghệ chiến tranh tâm lý chống phá chúng tôi? Anh bênh vực bọn Ngụy quyền để được tưởng thưởng chức gì?*”

Hoa Phượng khai thành thật: “*Tôi chống các ông vì không thể sống chung với các ông. Thật là cay nghiệt khi kết tội tôi chống Cộng vì quyền lợi, vì chức tước. Quyền lợi nào ở đồng lương tác quyền soạn tuồng không đủ nuôi vợ con, chạy gạo từng bữa. Quyền lợi nào những ngày Tết đến không có tiền may quần*

áo mới cho vợ con? Bao nhiêu năm sống trong chế độ VNCH, tôi cũng chưa hề được đãi ngộ tối thiểu về mặt tinh thần và vật chất. Tôi đi lính cấp bậc binh nhì, và vẫn bị đày ra vùng hỏa tuyến như tất cả thanh niên sanh trưởng trong miền Nam. Tôi cũng biết rằng tôi phục vụ vô vị lợi cho một chế độ tham nhũng hoành hành. Nhưng thiếu số tham nhũng đó quá nhỏ bé so với tập thể bao la những người chỉ mơ ước có một nền hòa bình không Cộng Sản. Tôi xác nhận trước quý tòa một lần nữa, tôi chống Cộng vì Cộng Sản là một chủ nghĩa vô nhân đạo. Chỉ đơn sơ và giản dị như vậy. Quý tòa sẽ thật là vô liêm sỉ nếu còn khép tôi vào tội chống Cộng vì quyền lợi”.

18 năm nay rày đây mai đó nơi xứ người, tôi chưa có cơ hội trở về thăm lại quê hương khi chế độ Cộng Sản còn ngự trị. Những người bạn cùng một thế hệ. Cùng sinh hoạt giống nhau “kiếp tơ tằm”. Nay kẻ còn người mất. Nay kẻ ở lại người bôn tẩu ra ngoại quốc. Xin phép các bạn, cho tôi được viết tên các bạn lên trang giấy này để lưu niệm cho một thời đã sống bình yên, một thời người vĩnh biệt người sau khi quê hương tàn con binh lửa:

Soạn giả: Hà Triều, Hoa Phượng, Viễn Châu, Mộc Linh, Ngọc Diệp, Quy Sắc, Thiếu Linh, Hoàng Khâm, Thử Hà Vân, Kiên Giang Hà Huy Hà, Loan Thảo, Yên Ba, Hoàng Thị Nguyệt, Nguyễn Linh, Năm Châu, Lê Khanh, Duy Lan, Trọng Nguyên, Thái Thụy Phong, Kinh Luân, Nguyễn Huỳnh, Phong Anh. Trần Hà, Yên Lang...

Sân khấu Việt nam các vở tuồng: *Tấm Lòng Của Biển, Tuyệt Tình Ca, Khi Hoa Anh Đào Nở, Người Vợ Không Bao Giờ Cười, Quân Vương Và Loạn Tướng, Người Đẹp Bạch Hoa Thôn, Tiếng Trống Mê Linh, Hai Chiều Ly Biệt, Thuyền Ra Cửa Biển,*

Lỡ Bước Sang Ngang, Trần Minh Khố Chuối, Chuyện Tình An Lộc Sơn, Con Gái Chị Hằng, Mùa Thu Trên Bạch Mã Sơn, Buồng Cau Quê Ngoại, Manh Áo Quê Nghèo, Khi Rừng Mới Sang Thu, Tiếng Khóc Giữa Rừng Khuya, Chiều về Trên Sông Lạnh, Tiếng Hạc Trong Trăng, Sân Khấu Về Khuya, Kim Vân Kiều, Phụng Nghi Đình, Chiều Mưa Biên Giới, Mất Em Là Bể Oan Cừu, Thảm Kịch Tuổi Xanh, Rồi Hai Mươi Năm Sau...

Nam nghệ sĩ: Năm Nghĩa, Út Trà Ôn, Thành Được, Hùng Cường, Dũng Thanh Lâm, Hữu Phước, Nam Hùng, Hùng Minh, Thanh Nhân, Thanh Sơn, Út Hậu, Út Hiền, Văn Chung, Thanh Việt, Hề Minh, Hề Sa, Văn Hoàng, Kim Quang, Thanh Sang, Thanh Tú, Phương Quang, Văn Khoa, Hoàng Giang, Việt Hùng, Thanh Điền, Minh Đức, Phương Thanh, Hoài Thanh, Thanh Tuấn, Minh Phụng, Minh Cảnh, Minh Vương, Tấn Tài, Thanh Tòng, Minh Chi, Thành Công, Ba Vân, Năm Châu, Bảy Cao, Chí Tâm, Minh Tâm, Bảo Quốc, Hoàng Long, Trường Xuân, Đức Lợi, Hữu Lợi, Hoài Trúc Phương, Chín Sớm, Diệp Lang, Thanh Hải.

Nữ nghệ sĩ: Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Phượng Liên, Bạch Tuyết, Thanh Kim Huệ, Hương Lan, Tài Lương, Tài Linh, Thanh Nga, Mỹ Châu, Tô Kim Hồng, Lệ Thủy, Phương Mai, Kim Tuyến, Hà Mỹ Hạnh, Hà Mỹ Liên, Hà Mỹ Xuân, Kiều Lệ Mai, Mộng Tuyền, Thanh Thanh Hoa, Kiều Phượng Loan, Kim Chuông, Phùng Há, Ngọc Nuôi, Kim Ngọc, Hồng Nga, Ngọc Bích, Ngọc Hương, Thanh Hương, Thanh Nguyệt, Thanh Hằng, Trang Bích Liễu, Bạch Lê, Phượng Mai.



Cặp soạn giả lừng danh Hà Triều - Hoa Phượng. Hình: T.L.



Vở cải lương do Hà Triều - Hoa Phượng biên soạn. Hình: T.L.

16.

Thiếu tá Đồn, Sĩ quan tham mưu của tướng Trình Minh Thế, trải tấm bản đồ hành quân trên bàn giấy. Cầm cây viết Parker chỉ cho soạn giả Ba Luông bầu gánh hát bội Ngưu Lang những địa điểm mà đoàn hát phải hoạt động:

- Chặng đầu, anh đem gánh tới hát tại Lò Gò...

Ba Luông hơi vội, cúp lời thiếu tá Đồn. Trong khi Ông Đồn nói chưa hết câu:

- Sau Lò Gò, tôi đưa đoàn về Long Hoa nghỉ, hả thiếu tá?

- Anh ham nghỉ quá? Chiến dịch “dân vận” chưa chấm dứt, kéo dài đúng 1 tháng. Kết thúc chiến dịch này, ông Tướng mang quân về thành hợp tác chính phủ. Anh nghe chưa?

- Dạ. Em nghe thiếu tá.

- Sau Lò Gò, anh đưa gánh đi trình diễn các nơi này: Xa Mát, Xóm Khoan, Suối Đá, Long Thành, Cầu Khởi, ngã ba Đất Sét, Bời Lời, Trảng Bom, Bến Cầu.

Ba Luông nghe “xướng” lên một danh sách lưu diễn dài mứt chỉ, ngán ứ hự:

- Một tháng làm sao kịp, thừa thiếu tá?
- Ba tháng. Bốn tháng. Nếu không kịp nữa, thì năm tháng.
- Quân mình về thành tháng tới. Đoàn hát bội của em sau đó đi về đâu?

- Giải tán! Sát nhập nghệ sĩ vào cơ quan tâm lý chiến chính phủ. Còn anh, theo tôi xuống Sài Gòn mần việc.

- Ông Tướng cũng về Sài Gòn?

- Về. Anh cần tôi giúp gì không?

- Dạ thưa, cần. Em cần hộ vệ đoàn hát, bảo đảm an ninh trong lúc trình diễn. Đạo này Việt Cộng ưa liệng lựu đạn phá tụi em hơn đạo trước khi đình chiến.

- Anh khỏi lo. Tôi sẽ biểu trung úy Tạ Thành Long rải mấy đứa em nằm đường, đóng chốt bảo vệ gánh hát.

- Cám ơn thiếu tá.

- Thôi, anh đi lo công chuyện đi.

- Dạ. Kính chào thiếu tá.

Gánh hát bội *Ngưu Lang* mệt đừ. Nguyên một tuần lễ, không có một ngày nghỉ dưỡng sức. Tuần này trình diễn Trảng Bom. Tuần sau che lều, dựng rạp miệt Cầu Khởi. Mỗi chỗ, đoàn trình diễn liên tiếp 3 đêm. Y phục, tranh cảnh, cân, đai, áo, mào và nghệ sĩ được “chất đóng” trên những chiếc xe bò kéo lạch cạch xuyên qua rừng, qua đồng trắng đến những địa điểm do cấp trên chỉ định. Có hôm đang di chuyển, bị VC phục kích bắn sê. Đào chánh, kép chánh ôm Garant nhảy xuống đường muong phản công mãnh liệt. Tài

bắn súng không thua tài ca diễn trên sân khấu Hát Bội.

Lãnh trọng trách công tác “thu phục nhân tâm”, ngoài phận sự ca hát, giúp vui khán giả làm ruộng, trồng rẫy, hạ cây rừng và một số dân mới vừa gọi lên vùng “xôi đậu” khẩn hoang lập ấp, nhân công, nhạc sĩ, đào kép thuộc lính Liên Minh Cao Đài được trang bị hỏa lực tác chiến tại chỗ.

Đoàn *Ngưu Lang* tuyển mộ những binh sĩ có khiếu ca hát. Soạn giả Ba Luông huấn luyện thuần thực. Họ ca “chắc” nhịp, diễn chuyên nghiệp như những đoàn hát ngoài thành phố. Tới những khu “giành dân lấn đất”, gánh *Ngưu Lang* lựa mô đất ca ráo dựng rạp làm sân khấu, sau khi chặt cây phát cỏ sạch sẽ. Rồi đánh trống thùng thùng, kéo màn. Khán giả, thành phần tay lấm chân bùn. Cả đời sống cạnh ven rừng, dưới chân núi Bà Đen, biên giới Miền Việt và cạnh hai bờ sông Vàm Cỏ. Cả đời chưa thấy bóng đèn điện, đi chân không, quần áo lấm lem, con cái không có trường đi học. Việt Minh nói họ nghe. Kháng Chiến Cao Đài nói họ cũng nghe. Họ hoàn hô hết cả hai bên. Pháp hành quân tới thì họ bỏ trốn vào rừng.

Chiến dịch “dân vận”, tướng Thế phát động vào mùa hạ 1955. Song song với các cuộc hành quân giải tỏa áp lực Việt Cộng ở chiến khu miền Đông, công tác tâm lý chiến đánh mạnh vào mọi tầng lớp nông dân, thu phục họ ngả về chiến tuyến quốc gia. Công tác tâm lý chiến thực hiện đại quy mô trên ba phương diện: Tôn giáo, kinh tế, an sinh xã hội. Để tập hợp lớp dân chúng quen đời sống mộc mạc thôn quê, không thích liên hệ đến chính quyền, phương cách hay nhất là bày ra những buổi trình diễn văn nghệ ngoài trời. Thời đó họ rất mê hát bội. Chỉ có hát bội mới có thể thu hút,

lôi cuốn họ đến đông đảo. Hát bội là phương tiện dùng cho chính sách chiêu dụ dân chúng.

Ánh sáng sân khấu thiết kế bằng những ngọn đèn khí đá. Gặp những khi gió thổi mạnh (diễn ngoài trời) đèn tắt ngúm. Trong lúc chờ thắp đèn lại, đào kép cứ tiếp tục diễn. Ngung ngang, khán giả mất hứng, đứng lên bỏ đi về. Họ ngồi xếp bằng dưới đất. Binh sĩ Liên Minh Cao Đài bao vòng tròn phía bên ngoài. Suong đêm rất lạnh, ban tổ chức chất củi đốt, sưởi ấm. Binh sĩ Cao Đài đặt trong tình trạng báo động đỏ, đạn lên nòng, canh phòng tối đa, sợ VC trà trộn về bắn lẻ phá rối tập thể khán giả đang “đê mê” thưởng thức Hát Bội.

Gánh *Ngưu Lang* đêm 3-5-1955, ghé chợ Suối Đá trình diễn. Đây là trạm chốt, hát lần cuối trước khi đưa đoàn hát ra thành hợp tác với chính phủ. Ba Luông ra lệnh kéo màn diễn lớp *Mạnh Lệ Quân Thoát Hải*. Vở tuồng được giới khán giả bình dân biết đến rất nhiều. Thời đó, ai cũng thích đọc truyện Tàu. Những người mù chữ thì nhờ người khác đọc cho nghe. Vì thế, vở tuồng *Mạnh Lệ Quân và Hoàng Phủ Thiểu Hoa* gây xao xuyến trong lòng khách mộ điệu vùng rừng núi Bà Đen. Nhân viên quảng cáo, chia thành toán, mỗi toán ba người. Vai mang súng Thompson bá xếp, hai tay cầm chập chĩa vỗ phèng phèng đi sâu vào bìa rừng quảng cáo.

Trời nhá nhem tối. Dân làng đốt đuốc lục tục kéo về hướng chợ Suối Đá xem *Mạnh Lệ Quân Thoát Hải*.

Đoàn *Ngưu Lang* trong 7 năm qua, kể từ ngày ông bầu Luông thành lập và đặt dưới quyền lãnh đạo của Liên Minh Cao Đài, hát miễn phí. Khán giả khỏi tốn tiền vé. Nhưng chỉ xin thông qua một vài điều kiện nhỏ sau đây. Trước khi vô

cửa, ông giáo sĩ đạo Cao Đài biểu khán giả đưa tay lên thề: “*Tôi chỉ tin có Trời, có Phật. Tôi không tin chủ nghĩa vô thần Cộng Sản*”

Ông linh mục miệng cười hiền lành, đứng tặng Thánh Kinh cho tất cả mọi người.

Ban trật tự ghi tên tuổi, kê khai lý lịch khán giả. Phát mỗi người 20 ký gạo, 1 ký khô cá sặc, 4 thước vải trắng. Gia đình có con cháu từ 17 tuổi trở xuống, nếu đồng ý, ban trật tự lấy xe chở ra Tòa Thánh Tây Ninh nuôi ăn học cho tới ngày thành nhân.

Thủ tục vào xem hát diễn biến có bấy nhiêu. Vừa được xem *Mạnh Lệ Quân Thoát Hải*, vừa được các ông giáo sĩ chúc lành, gia đạo bình an, lành vải, lành gạo, con cái được bảo trợ nuôi ăn học. Còn muốn gì nữa? Điều kiện đặt ra cho khán giả muốn xem hát bội, quả là một điều kiện hi hữu trong lịch sử Việt Nam. Duy nhất chỉ có đoàn *Ngưu Lang* của bầu Ba Luông ưu ái với khán giả đến như thế mà thôi.

Đêm 3-5-1955, số người tập hợp thưởng ngoạn đoàn hát bội *Ngưu Lang* có hơn 500 mạng. Ông Ba Luông trong lòng phấn khởi. Chắp tay sau đít đi qua đi lại phía sau sân khấu lộ thiên, quan sát công trình “vĩ đại” của ông và thành quả mỹ mãn chưa từng có như thế này. Khán giả nhìn không nháy mắt. Chăm chú theo dõi đoạn *Mạnh Lệ Quân* cùng đồng tử giả trai lên Trường An dự thi trạng nguyên. Nhưng *Mạnh Lệ Quân* còn cách chợ Trường An khoảng 3 ngày đường, thì chợ Suối Đá đã bị ông Ba Luông nổi lửa hỏa thiêu thành tro bụi. *Mạnh Lệ Quân* xách mào, ôm quần áo chạy trốn chết. Khán giả khóc bù lu bù loa. Một vài khán giả giục sủng của ban trật tự bắn vô bụng tự vận, chết ngay tại chỗ!

Sự việc xảy ra như sau. Tin tướng Thế tử trận ở Sài Gòn đưa về tới Tòa Thánh Tây Ninh lúc 7 giờ chiều, cùng một ngày đoàn *Ngưu Lang* trình diễn tuồng *Mạnh Lệ Quân Thoát Hải*. Phương tiện lưu thông khó khăn. Mãi đến 11 giờ đêm tin khủng khiếp này mới tới chợ Suối Đá. Thiếu úy Đạm, người như mất hồn, kéo Ba Luông ra cửa nói nhỏ:

- Thôi! Tan hàng tại đây! Mình không ra thành nữa đâu, mày ơi!

Ba Luông chung hửng:

- Thủ Tướng Diệm bỏ rơi chúng ta?

- Không. Ông Tướng bỏ tội mình!

- Ông đi đâu?

- Đi đền nợ nước!

Ba Luông bắt đầu chóng mặt:

- Ai giết ông?

- Có trời mà biết!

Soạn giả Ba Luông lăn lộn dưới đất cát, gào thét, kêu Trời kêu Phật:

- Trời ơi! Ông Tướng chết rồi! Ông Tướng không còn! Anh em Cao Đài Sống chi nữa! Tôi, tôi ở lại núi Bà Đen. Tôi không ra thành. Tôi tuyên bố giải tán đoàn *Ngưu Lang*. Bà con cô bác về nhà mau. Về nhà mau. Ông Tướng tử trận rồi!

Khán giả già trẻ bé lớn khóc rộ lên. Tiếng khóc vang động tới vách rừng, dội lên hóc núi Bà Đen. Giữa lúc hỗn độn, người người cùng khóc la thương tiếc ông Tướng, Ba Luông đau đớn quá, nổi lửa đốt chợ Suối Đá. Chợ bị thiêu hủy ra ro. Khán giả thản nhiên đứng nhìn, không có một sự

phản ứng tối thiểu, là cùng nhau chữa cháy chợ Suối Đá. Tin tướng Thế tử trận, là ngọn lửa buồn thiêu hủy niềm tin của họ. Lửa đang cháy trong lòng, không chữa nổi, còn ý lực đâu nghĩ đến ngọn lửa đang cháy ngoài đời!

Ngày 23-8-1955. Tòa án Tây Ninh xử ông Ba Luông 5 năm tù, phạm tội đốt tài sản công cộng, gây thiệt hại ngân quỹ quốc gia. Qua năm sau, Hội Cựu Chiến Sĩ Cao Đài đứng ra can thiệp, xin trả tự do cho Ba Luông. Nhân ngày thành lập nền Đệ nhất VNCH, 26-10-1956, Tổng thống Diệm ký ân xá bầu Ba Luông còn 3 năm tù treo.

Soạn giả Ba luông lên núi Bà lập một cái am nhỏ, xuống tót đi tu. Ông gởi thân vào chốn thiền môn, vui với câu kinh tiếng kệ. Mười một năm sau đó, nhà sư Ba Luông ngã bệnh và qua đời dưới chân núi Bà Đen. Ông để lại di chúc cho các đệ tử, chôn ông bên cạnh ngôi mộ tướng Trình Minh Thế.

Chủ trương chống Cộng, chống Pháp trên hai mặt trận quân sự và chính trị, tướng Thế đặt rất nhiều kỳ vọng vào văn học nghệ thuật, làm phương tiện khắc phục tâm lý quần chúng. Và cũng chính ông là người cho thành lập gánh hát bội *Ngưu Lang*. Do đó, chúng tôi xin phép bạn đọc, quay lại khúc phim dĩ vãng, khúc phim thâm tất cả hình ảnh thời sự cách đây gần 40 năm để tìm hiểu thêm về cái chết của tướng Trình Minh Thế.

Khi cố thủ tướng Ngô Đình Diệm lên chấp chánh, công việc đầu tiên của ông là thống nhất quyền hành, thống nhất quân đội và diệt trừ mọi tệ đoan của xã hội.

Trước nhất 1-1-1955, ông Diệm đã buộc thiếu tướng Bảy Viễn phải đóng cửa hai sòng bạc Kim Chung, Đại Thế Giới và nhà chứa điểm Vườn Lài. Ông Diệm bằng lòng bởi

thường cho ông Bảy Viễn một số tiền lớn để khuếch trương công việc làm ăn đứng đắn.

Từ việc làm ăn bất chánh một cách dễ dàng, kiếm tiền như nước, ông Bảy Viễn và lực lượng của ông đã sống đế vương, xa xỉ. Cho nên, khi quyền lợi này bị va chạm, ông Bảy Viễn bắt đầu bất bình với ông Diệm.

Từ khi quyền lợi bị va chạm đến việc quyền hành mỗi ngày bị hạn chế thêm, ông Bảy Viễn sẵn sàng liên kết với những ai có quyền lợi bị xâm phạm như mình, để gây nên một thế lực nhằm lật đổ chính quyền.

Trước hết là Pháp, Pháp không muốn ảnh hưởng và quyền lợi bị trao sang tay Hoa Kỳ, nên đã xúi giục và hậu thuẫn ngầm cho những cá nhân và đoàn thể chống đối lại chính quyền của ông Diệm.

Kế đến là những phe nhóm thân Pháp và đối lập với chính quyền, những người này không muốn chánh quyền ông Diệm được duy trì. Bởi vì nếu chánh quyền này vững bền thì họ mất hết quyền lợi.

Sau rốt là các lực lượng giáo phái. Bởi vì ông Diệm đã đề nghị cắt những khoản tiền tài trợ cho các lực lượng quân sự giáo phái mà còn muốn biến các lực lượng võ trang của họ thành một quân đội quốc gia duy nhất, đồng thời còn muốn xóa bỏ tất cả những đặc quyền địa phương do Pháp trước đây dành cho họ.

Hiệu quả của sự liên kết này là sự thành lập ra “Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia”. Trong một cuộc họp báo ngày 4-3-1955, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, giáo chủ đạo Cao Đài, công bố đã có sự liên kết của các giáo phái thể hiện trong mặt trận trên.

Ngày 21-3-1955, trong một bản kiến nghị được xem như một tối hậu thư, Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia yêu cầu thủ tướng Diệm trong kỳ hạn năm ngày phải cải tổ toàn diện nội các. Bản kiến nghị đã được ký bởi các ông: Hộ Pháp Phạm Công Tắc, trung tướng Trần Văn Soái (biệt danh Năm Lửa), trung tướng Nguyễn Thành Phương, thiếu tướng Lê Văn Viễn, thiếu tướng Lâm Thành Nguyên, Thiếu tướng Lê Quang Vinh (tự Ba Cụt. Ông là người con thứ ba trong gia đình và bị cụt đứt một ngón tay) và tướng Trình Minh Thế.

Riêng thiếu tướng Trình Minh Thế, là người và hợp tác với chính phủ ông Diệm ngày 13-2-1955, đã có lời ghi thêm trong bản kiến nghị như sau: “Tôi là thiếu tướng quân đội quốc gia cố nhiên không có quyền làm chính trị. Nhưng vì nhận rõ nguy cơ chung của dân tộc, tôi tán thành bản quyết nghị này”.

Phản ứng đầu tiên của ông Diệm đối với bản kiến nghị này là ông xác nhận lại lập trường của chính phủ:

“Phải thống nhất quân đội sau khi chiến tranh chấm dứt. Không còn lý do tồn tại của các lực lượng vũ trang riêng biệt. Phải thống nhất hành chánh, không thể nào duy trì tình trạng địa phương tự trị...”

Ngày 24-3, ngày chót của thời hạn trong tối hậu thư của Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia, thủ tướng Diệm lên đài phát thanh đọc một bản tuyên bố kêu gọi đồng bào và tỏ lời với các lực lượng giáo phái, Ông nói:

“... Trong thời kỳ người Pháp còn giữ quyền điều khiển chiến cuộc ở Việt Nam, vì những quan niệm về hoàn cảnh hồi đó, nên bên cạnh đạo quân viễn chinh Pháp, ngoài quân đội quốc gia

còn có những lực lượng bố túc. Nhưng nay nước nhà đã độc lập, dù ai lãnh đạo chính quyền, cũng phải hợp nhất các lực lượng vũ trang hiện nằm trên lãnh thổ để tạo thành một quân đội quốc gia duy nhất, dưới một quyền chỉ huy duy nhất, theo ý tôi, những đoàn thể vũ trang, sau khi tuyên bố hợp tác, nếu vẫn kiểm soát những khu vực, những địa điểm trên lãnh thổ ta, là trái với nguyên tắc thống nhất quân đội và quyền lợi của quốc gia”.

Ông Diệm nhấn mạnh: “- *Hãy giải quyết dứt khoát vấn đề thống nhất quân đội, rồi sau đó giải quyết các vấn đề chính trị*”.

Sau cùng bản tuyên bố, ông Diệm mời các lãnh tụ giáo phái và đoàn thể vũ trang đến dinh Độc lập thảo luận.

Ngày 25-3-1955, ngày cuối cùng của tối hậu thư, Mặt Trận họp phiên đặc biệt để nghiên cứu bản tuyên bố của ông Diệm.

Buổi họp này đã chia ra làm ba phe rõ rệt:

- Một phe ôn hòa chủ trương thương thuyết với chính quyền. Phe này gồm các tướng Trình Minh Thế và Lâm Thành Nguyên.

- Một phe dè dặt ít phát biểu ý kiến là tướng Nguyễn Thành Phương

- Và phe quyết liệt chống chánh phủ, sẵn sàng dùng vũ lực để nói chuyện, đó là các tướng Lê Văn Viễn và Lê Quang Vinh.

Buổi chiều, cuộc thương thuyết giữa mặt trận và thủ tướng Diệm diễn ra ở dinh Độc lập. Bên Mặt Trận chỉ có tướng Lâm Thành Nguyên là người có chân trong chủ tịch đoàn, còn các vị kia thì nhờ đại diện đi thay.

Thủ tướng Diệm tuy không bằng lòng nhưng vẫn nói chuyện. Mặt trận vẫn đòi cải tổ toàn diện nội các và lập tân nội các với các thành phần được Mặt Trận chấp thuận. Thủ tướng Diệm nhắc lại lập trường đã tuyên bố: “thực hiện sự thống nhất quân đội sẽ bàn tới chính trị”.

Cuộc thương thuyết không đi đến một kết quả nào, tuy nhiên hai bên đều hẹn nhau sẽ bàn lại trong một cuộc hội khác.

Ngày 26-3-1955, tình hình Sài Gòn cực kỳ nghiêm trọng. Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia lại gọi cho ông Diệm một giác thư nhắc:

“Đến 15 giờ ngày hôm nay là mãn hạn năm ngày, bắt buộc thủ tướng phải cải tổ toàn diện nội các như ghi trong bản kiến nghị gọi hôm trước”.

Ngày 27-3-1955, ông Diệm gọi một bức thư cho ông Trần Văn Soái, Quốc vụ khanh ủy viên quốc phòng, đại diện Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia. Trong thư, ông Diệm viết:

“Để chứng tỏ một lần nữa rằng tôi chỉ biết phụng sự quyền lợi tối cao của tổ quốc và nhân dân, tôi tuyên bố sẵn sàng để cho các vị mà người ta ngờ rằng thân tín của tôi, rút ra khỏi chính quyền. Để loại trừ hết các đảng phái, tôi tưởng về phần các đoàn thể chính trị, quân sự cũng phải có một thái độ như vậy. Như thế, tôi sẽ lập lại nội các vô tư gồm những người có tài đức, chỉ biết phụng sự quyền lợi quốc gia dân tộc...”.

Phía Mặt Trận phổ biến thông cáo lên án ông Diệm tham quyền cố vị, và phải chịu trách nhiệm trước lịch sử và dân tộc.

Một quyết định quan trọng tiếp đó, của ông Ngô Đình Diệm như có ý thách thức nhóm Bình Xuyên. Dinh Độc Lập cho phổ biến sắc lệnh ngày 27-3-1955 của thủ tướng Diệm ký thay quốc trưởng Bảo Đại, tách Cảnh Sát thủ đô Sài Gòn khỏi hệ thống chỉ huy của tổng giám đốc Công an toàn quốc, và đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của ông Đô trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn. Bình Xuyên chỉ có phản ứng yếu ớt: một mặt dọn trụ sở cảnh sát đô thành thường gọi là cảnh sát trung ương tại đại lộ Trần Hưng Đạo sang trường huấn luyện cảnh sát kế cận, và mặt khác, ông Tổng giám đốc Lại Văn Sang (ông Sang vẫn còn sống, hiện cư ngụ tại Antony, ngoại ô Paris. Ông Lê Văn Viễn qua đời tại Pháp năm 1972, hưởng thọ 70 tuổi) đánh điện đến thành phố Cannes phản đối với Quốc trưởng Bảo Đại.

Cùng ngày 27-3-1955, thiếu tướng Trình Minh Thế tuyên bố rút tên khỏi Mặt Trận, trung tướng Nguyễn Thành Phương chống đối đường lối cương quyết của Mặt Trận, tức là đường lối chủ trương đến cùng của Bình Xuyên.

Sau đó Mặt Trận đã phải họp bàn và quyết định: “Chủ trương bất bạo động và dùng thể nhân dân làm hậu thuẫn cho chính trị”. Đến 12 giờ trưa, đài phát thanh Bình Xuyên loan báo vừa thành lập Ủy Ban Phong Tỏa Kinh Tế Đô Thành. Ủy ban này khuyên đồng bào hãy chuẩn bị bằng cách tích trữ thực phẩm, nước uống để đối phó với những biến cố sẽ xảy ra.

Ngày 29-3-1955, một loạt các tổng bộ trưởng trong nội các từ chức. Ông Hồ Thông Minh, tổng trưởng phụ tá Quốc Phòng, từ chức vì không tán thành các biện pháp quân sự của ông Diệm nhằm đối phó với các giáo phái Bình xuyên.

Ông Trần Văn Soái, nhân danh lãnh tụ giáo phái Hòa Hảo tham chánh, gởi thư cho ông Diệm báo tin từ chúc của bốn ông tổng bộ trưởng Hòa Hảo: Trung tướng Trần Văn Soái Quốc vụ khanh kiêm ủy viên quốc phòng, ông Lương Trọng Tường tổng trưởng Kinh Tế, ông Nguyễn Công Hẫu tổng trưởng Canh Nông và ông Huỳnh Văn Nhiệm bộ trưởng Nội Vụ.

Đức Hộ Pháp nhân danh giáo chủ Cao Đài, gởi thư cho ông Diệm báo tin sự từ chúc của bốn nhân viên nội các thuộc tôn giáo Cao Đài: Trung tướng Nguyễn Thành Phương Quốc vụ khanh kiêm ủy viên quốc phòng, ông Phạm Xuân Thái (hiện sống ở Pháp) tổng trưởng Thông Tin, ông Nguyễn Mạnh Bảo tổng trưởng Xã Hội và ông Nguyễn Văn Cót thứ trưởng Nội Vụ.

Ông Diệm chấp nhận sự từ chúc của ông Hồ Thông Minh và bốn vị Hòa Hảo, song không chấp nhận sự từ chúc của bốn vị Cao Đài, viện lẽ trong thư từ chúc chỉ có chữ ký của Đức giáo chủ Phạm Công Tắc mà không có chữ ký của bốn vị kia.

Đúng 12 giờ khuya súng nổ tại Sài Gòn. Vụ khiêu khích đầu tiên của Bình Xuyên là cuộc nổ súng vào Bộ Tổng Tham Muu, đêm 29 rạng ngày 30-3-1955 tại đường Trần Hưng Đạo, để thị uy.

Vào đêm đó, Công An Xung Phong của tướng Bảy Viễn bố trí ở đường Trần Hưng Đạo, ngã tư đường nhà thờ Chợ Quán, ngã tư đường Nguyễn Biểu để chuẩn bị tấn công.

Tiếng nổ đầu tiên phát ra lúc 12 giờ khuya ở đại lộ Trần Hưng Đạo. Đó là tiếng nổ của một trái lựu đạn do một Công An Xung Phong đóng ở trường huấn luyện cảnh sát ở sát

bên liệt vào sân bộ chỉ huy cảnh sát trung ương do một đại đội thuộc Tiểu đoàn 1 Nhảy Dù và một chi đội thám thính thiết giáp đóng giữ.

Sau tiếng nổ, Công An Xung Phong tràn vào Cơ sở cảnh sát trung ương và Bộ Tổng Tham Mưu dưới sự yểm trợ của một đại liên 12 ly 7, bốn trung liên và một khẩu 57 SKZ đặt trên các tầng lầu những nhà kế cận.

Nhưng chi đội thám thính thiết giáp chặn đứng được cuộc xung phong.

Vào lúc 0giờ30, binh tiếp viện của Phân Khu Sài Gòn - Chợ Lớn đến. Sau một giờ giao tranh quân đội quốc gia không những giải tỏa áp lực Bình Xuyên mà còn chiếm luôn trung tâm huấn luyện cảnh sát lúc 01giờ30.

Đồng thời trong biến cố này, Dinh Độc Lập, căn cứ đóng quân của Tiểu đoàn 5 Nhảy dù và Sở Quân y bị pháo kích bằng súng cối 81 ly.

Lệnh ngừng bắn được ban hành vào hồi 2giờ30. Tuy nhiên, nhiều cuộc chạm súng lẻ tẻ còn xảy ra trong thủ đô Sài Gòn-Chợ Lớn đến 5 giờ sáng.

Sáng hôm sau, chính phủ cho nhân dân toàn quốc biết: “Công An Xung Phong đã tấn công cơ sở của quốc gia và bị quân đội đẩy lui”. Thủ tướng Diệm hứa sẽ “trừng trị nghiêm khắc những kẻ chủ trương gây rối”. Bên Mặt Trận, ngược lại, ra thông cáo đổ thừa cho chính phủ dùng vũ lực khiêu khích Mặt Trận.

Từ hôm đó trở đi, đài phát thanh Bình Xuyên liên tiếp loan tải những bài có nội dung công kích nặng nề ông Diệm.

Để tạo cho tình thế thêm căng thẳng, sau đêm tấn công, các đồn bót Công An Xung Phong trong vùng Sài Gòn rút bót quân số về khu Bình Xuyên để chuẩn bị chống chính phủ một cách quy mô. Trước đó, ngày 26-3 1955, Bình Xuyên ra lệnh cho 350 Công An Xung phong khác từ Đà Lạt rút về Sài Gòn để tăng cường.

Ngày 31-3-1955, trung tướng Nguyễn Thành Phương, Tổng tư lệnh quân đội Cao Đài chấp thuận việc quốc gia hóa thêm 5.000 quân Cao Đài trong một buổi lễ tổ chức long trọng tại Dinh Độc Lập. Ngoài việc vận động riêng với Cao Đài này, ông Diệm đã lôi kéo được nhóm lực lượng Hòa Hảo của trung tá Duệ và thiếu tá Tư Đây. Ngày 10-3-1955, một buổi lễ đã được tổ chức trọng thể tại Cần Thơ để tiếp nhận nhóm lực lượng Hòa Hảo này sát nhập quân đội quốc gia.

Một sự kiện xảy ra trong cùng ngày là sự từ chức của bốn vị tổng trưởng Cao Đài. Trong thư từ chức tập thể, có câu: “Chúng tôi từ chức để thủ tướng dễ dàng trong việc lập một tân nội các gồm những phần tử ái quốc chân chính...”.

Ngày 2-4-1955, ông Ngô Đình Diệm hiệu triệu đồng bào trên đài phát thanh, lên án hành động phản trắc của nhóm Công An Xung Phong Bình Xuyên, nhưng không đá động tới các giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài và Mật Trận, cốt ý để sau này dễ tiêu trừ nhóm Bình Xuyên mà không va chạm đến hai tôn giáo.

Ngày 3-4-1955, Mật Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia đang yếu thế, lại được trung tướng Nguyễn Văn Thành gia nhập. Tướng Thành trước là Tổng tư lệnh Quân Đội Cao Đài, vì bất hòa nội bộ, được chuyển sang quân đội quốc gia nhưng chưa được giao phó nhiệm vụ gì cả.

Ngày 5-4-1955, ông Trần Văn Hương từ chức Đô Trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ngày 6-4-1955, từ Sài Gòn, nhiều điện văn gửi qua Pháp cho Quốc trưởng Bảo Đại. Phần nhiều là điện văn của Mặt Trận và của Bình Xuyên yêu cầu Quốc trưởng Bảo Đại can thiệp bằng cách buộc chính phủ ông Diệm phải từ bỏ chính sách vô lực nhằm tiêu diệt các giáo phái và đoàn thể đối lập. Ngược lại, Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia, một phong trào mới được sáng lập, cũng gửi điện văn sang Cannes yêu cầu Quốc trưởng Bảo Đại chấm dứt nạn “thập nhị sứ quân”.

Ngày 12-4-1955, Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia thành lập “Ủy Ban Chỉ Đạo Quân Dân Cách Mạng” do ba vị cầm đầu là ông Trịnh Khánh Vàng, ông Hồ Hữu Tường và tướng Nguyễn Văn Thành. Tại Chánh Hưng, Bình Xuyên làm lễ thượng cờ Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia, như một hành động chứng tỏ quyết tâm ly khai và chống lại chính phủ.

Ngày 19-4-1955, lúc 15 giờ 30, Bình Xuyên cho một xe Jeep mang số IC (Infanteriecoloniale) của Pháp đến bắn vào Bộ Tổng Tham lúc ấy còn đóng ở Chợ Quán, và ba trái phóng lựu vào văn phòng Tổng thanh tra quân lực đặt cạnh Bộ Tổng Tham Muu.

Ngày 20-4-1955, Bình Xuyên chạy xe Jeep và bắn lộn với toàn quân Nhảy Dù ở trước cửa trường học Tôn Thọ Tường, trên đường Trần Hưng Đạo.

Buổi chiều, họ bắn vào xe chở nhân viên quân đội của Bộ Tổng Tham Muu, nhưng không gây thiệt hại gì.

Bình Xuyên càng ngày càng gia tăng các hoạt động khùng bố trong Sài Gòn Chợ Lớn, nhất là nhằm vào các quân nhân thuộc Quân đội quốc gia.

Cũng ngày 2-4-1955, một vài phần tử Bình Xuyên tấn công tu thất đại tá Mai Hữu Xuân. (Ông Xuân sau khi cùng với các ông Đôn, Đính, Kim, Dương Văn Minh lật đổ hai ông Nhu-Diệm thành công được thăng lên trung tướng, giải ngũ năm 1965. Từ tháng 5-1975 đến 1982 định cư ở Paris hành nghề thầy bói. Đầu năm 1983 sang Hoa Kỳ cư trú và chết già trong Viện Dưỡng Lão Arlington, tiểu bang Virginia tháng 8-1988).

Ngày 26-4-1955, trong lúc cuộc tranh chấp mỗi ngày thêm quyết liệt giữa chánh phủ và Bình Xuyên, ông Diệm ký sắc lệnh cất chức tổng giám đốc cảnh sát và Công an quốc gia của ông Lại Văn Sang, đồng thời bổ nhiệm đại tá Nguyễn Ngọc Lễ giữ chức vụ quan trọng này. Mặt khác, ông bộ trưởng Nội vụ ký nghị định bổ nhiệm thiếu tá Trần Vĩnh Đắc giữ chức giám đốc Công an Nam Việt thay thế ông Nguyễn Văn Tôn.

Ông Lại Văn Sang viện lẽ quốc trưởng Bảo Đại đã cất cử ông nắm chức này, thì chỉ có quốc trưởng mới có tư cách thay đổi. Do đó, ông Lại Văn Sang dùng lực lượng Công An Xung Phong chiếm giữ trụ sở Công an trung ương.

Để sửa soạn chiến đấu cùng gây hoang mang và tạo sự căng thẳng tại Sài Gòn, Bình Xuyên ra lệnh cho dân chúng sống chung quanh vùng Bộ Tổng Tham Muu, đường Nancy, Cống Quỳnh, Xóm Củi phải tản cư để tránh các vụ pháo kích của họ.

Bình Xuyên còn kiểm soát Chợ Lá khoảng giữa đại lộ Trần Hưng Đạo và các đường Lê Quang Liêm, Kháng Chiến và Nguyễn Văn Cừ.

Để phòng xa, ông Bảy Viễn cho di chuyển bộ chỉ huy về Bến Đổ, cách cầu chữ Y ba cây số. Riêng phòng nhì của Bình Xuyên vẫn đóng cách cầu chữ Y hai trăm thước. Tại khu Chánh Hưng, Bình Xuyên ra sức đào các công sự chiến đấu. Pháp đưa một đại đội nhảy dù đến đóng ở xóm Chùa Phật thuộc trong khu vực Bình Xuyên cố ý cổ võ tinh thần của phe này.

Tại Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Pháp viện lý do bảo vệ các cơ sở Pháp kiều, đã yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa tạm thời được quyền giữ trật tự trong một khu vực với diện tích như sau:

- Về phía Đông tới sông Sài Gòn.
- Về phía Bắc từ con kinh Thị Nghè, những con đường Martin des Pallières, Le Grand de la Liraye, Paul Blanchy cho tới đường Mayer.
- Về phía Tây giới hạn bởi các đường Mayer, de Gaulle, Champagne, Verdun, Chasseloup-Laubat, Blancsubé, Catinat, Lê Lợi.
- Về phía Nam bởi các đường Pellerin, de la Marne, Guillaume, Charles de Corps và Jean Eudel.

Xung quanh Sài Gòn, Pháp vẫn đóng ở những địa điểm xung yếu.

Ngày 28-4-1955, việc phải đến đã đến, quân đội của chính phủ và lực lượng Bình Xuyên đánh nhau tại Sài Gòn.

Tình hình thực sự căng thẳng từ khi chính phủ cất chức tổng giám đốc cảnh sát Công an toàn quốc của ông Lai Văn Sang.

Dân chúng sống trong cảnh đợi chờ. Đúng 13 giờ 00 ngày 28-4-1955, hai bên nổ súng dữ dội.

“... Trước đó, hồi 12 giờ 15, Công An Xung Phong đóng tại trường trung học Pétrus Ký đã nổ súng vô cớ vào một toán binh sĩ quốc gia di chuyển trên đường Nancy ngay trước vọng gác của họ. Một binh sĩ quốc gia ngã gục quần quai trên vùng máu. Không một ai can thiệp! Không một ai dám đến cấp cứu!”

Trung tá Đỗ Cao Trí, tư lệnh Liên đoàn Nhảy Dù tường thuật như trên, trước diễn đàn của trường Đại Học Quân Sự vào tháng 7 năm 1956 tại Sài Gòn.

Trung tá Đỗ Cao Trí nói tiếp:

“Tôi vừa ở trại và ăn cơm trưa và bất ngờ được chứng kiến vụ trên. Tôi dừng xe lại và cho máy gọi về trại ra lệnh cho tiểu đoàn ứng chiến tập hợp. Bởi vì từ ngày tình hình Sài Gòn căng thẳng, tôi luôn luôn đặt một tiểu đoàn dù ở trong tình trạng báo động để kịp thời ứng phó với mọi biến cố xảy ra. Sau đó, tôi liên lạc bằng máy truyền tin với đại tá Trần Văn Minh, Tư lệnh Đệ Nhứt Quân Khu báo cáo tình hình và xin cho ông quyết định hành động. Đại tá Minh còn đợi quyết định ở trên.

Lúc ấy, tôi cứ cho tiểu đoàn Dù đến chỗ hẹn và khi đến nơi tôi cho tiểu đoàn này mở ngay các cuộc tấn công vào trường Pétrus Ký. Lúc đó là 13 giờ 00, để trả lời cho lực lượng của Bình Xuyên tại nơi đây biết là hành động bạo lực của họ vừa rồi phải được trừng phạt đích đáng ngay lập tức. Tôi cho rằng cần phải chứng tỏ cho Bình Xuyên biết, Quân đội quốc gia không yếu hèn như họ tưởng. Và vấn đề tôn trọng kỷ luật cũng chỉ có thể giới hạn tới

mức độ nào thôi chứ không thể làm mất sáng kiến của cấp chỉ huy, để đối phương có thể lộng hành và coi thường sinh mạng của binh sĩ như vậy được...”

Trung tá Đỗ Cao Trí còn cho biết là ông đã hành động trước khi có quyết định của đại tá Trần Văn Minh.

Tuy nhiên, hành động này cũng phù hợp đúng theo đường lối hành động của chính phủ. Bởi vì từ hơn một tháng trước, chính quyền đã chuẩn bị mang lực lượng Dù ở Nha Trang vào cả Sài Gòn. Đến khi nổ súng, cả liên đoàn dù gồm bốn tiểu đoàn đều có mặt quanh thủ đô.

Khi tới Công trường Khải Định, tiểu đoàn nhảy dù kể trên nhảy xuống xe và lấy công trường này làm tuyến xuất phát, để mở cuộc tấn công vào trường Pétrus Ký.

Binh Xuyên có chừng một đại đội Công An Xung Phong, chia chiếm các khu nhà gạch của trường Pétrus Ký và Cán Sự Công Chánh.

Quân Nhảy Dù gan dạ và liều lĩnh mở các đợt xung phong vào căn cứ Binh Xuyên. Song suốt cả buổi chiều vẫn không chiếm được mục tiêu nào. Có một lần, một đơn vị đã xung phong tới sát căn nhà chính do nhiều Công An Xung Phong chiếm giữ, nhưng vẫn bị đánh bật ra.

Bên quân Nhảy Dù có các chiến xa loại nhẹ được đưa tới yểm trợ, một chiếc bị bazooka bắn cháy, rốt cuộc vẫn không chiếm được mục tiêu nào khi đem đến.

Ban đêm, vài quả bích kích pháo 81 ly bắn vào khuôn viên Dinh Độc lập, không gây nên một thiệt hại nào.

Đến sáng ngày 29-4-1955, quân Nhảy Dù tiếp tục tấn công vào trường Pétrus Ký, nhưng Công An Xung Phong

đã rút theo ngả Trần Bình Trọng, về bên kia cầu chữ Y nửa đêm.

Trong ngày này, lực lượng Nhảy Dù kiểm soát trọn cả khu vực Chợ Lớn và dàn quân đối diện với quân Bình Xuyên ở Kinh Đô.

Tại Sài Gòn, quân chính phủ cũng làm chủ được tình hình. Các bót Théophile ở Đa Kao và Catinat bị cô lập. Còn tại những bót khác, Công An Xung Phong của Bình Xuyên đều bỏ trốn hay ra quy thuận.

Ngày 30-4-1955, tình hình thật nghiêm trọng.

Quân đội và lực lượng Bình Xuyên đánh nhau tại thủ đô ngày 28-4, thì ngày 29-4-1955, ông Ngô Đình Diệm tiếp nhận được hai điện văn của Quốc trưởng Bảo Đại ở Cannes gửi về.

Bức thư nhất : Quốc trưởng “mời” thủ tướng Diệm và thiếu tướng tổng tham mưu trưởng Lê Văn Ty sang Pháp lập tức, để quốc trưởng tham khảo ý kiến và dự cuộc họp đặc biệt ở Cannes.

Bức thư hai: đạo dụ của quốc trưởng bổ nhiệm thiếu tướng Nguyễn Văn Võ giữ chức tổng tư lệnh quân đội quốc gia.

Dư luận chính giới tỏ ý xôn xao. Dư luận phía Bình Xuyên tỏ ý vui mừng.

Ông Diệm triệu tập phiên họp bất thường và quyết định:

- Giữa tình thế này, thủ tướng và tổng tham mưu trưởng không thể rời khỏi nước nhà được.

- Việc bổ nhiệm tướng Nguyễn Văn Võ ở chức tổng tư lệnh chỉ làm cho tình hình rối thêm.

Ba tướng lãnh giáo phái Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngộ và Trình Minh Thế ký tên trên một tuyên cáo chung, phản đối việc Quốc trưởng Bảo Đại bổ nhiệm tướng Vỹ vào chức tổng tư lệnh quân đội quốc gia.

Ngày 30-4-1955, lối hai trăm người họp tại phòng Khánh Tiết Sài Gòn, lấy danh nghĩa là “Đại Hội Các Lực Lượng Quốc Gia” lập kiến nghị truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Đại hội được các lực lượng cách mạng quốc gia đồng thanh cử ban thường vụ gồm các ông: Nguyễn Bảo Toàn chủ tịch, Đại tá Hồ Hán Sơn (Cao Đài) phó chủ tịch và ông Nhị Lang tổng thư ký.

Buổi chiều, Thiếu tướng Nguyễn Vỹ có đại tá Nguyễn Tuyên chỉ huy trường lực lượng ngũ lâm quân từ Đà Lạt xuống tháp tùng, đã vào Dinh Độc Lập để nhận chức mới.

Tướng Vỹ bị tướng Trình Minh Thế và lực lượng cách mạng quốc gia (Sau đổi là Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng) áp đảo, nên hôm sau phải lên phi cơ về Pháp.

Liên Đoàn Nhảy Dù bố trí dọc theo Kinh Đôi đối diện với Chánh Hưng. Trong khi đó, trung đoàn 60 của tướng Trình Minh Thế được đưa ở Tây Ninh về đóng tại Khánh Hội, dọc theo lộ ăn thông từ Khánh Hội tới Nhà Bè. Ngoài ra, bên quân đội quốc gia, còn có các đơn vị khóa sinh của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung và một vài tiểu đoàn của Phân Khu Sài Gòn - Chợ lớn và Phân Khu Mỹ Tho tham dự.

Đêm 3-4-1955, quân đội chánh phủ bắt đầu cho bắn đại bác vào khu Bình Xuyên.

Tin tình báo cho biết quân đội Bình Xuyên mất hẳn tinh thần. Các cấp chỉ huy đều tìm đường lánh nạn. Binh sĩ còn

ở lại ngoại ô Sài Gòn chỉ chờ có cuộc tổng tấn công của quân đội quốc gia để rút lui hoặc đầu hàng. Tất cả đều sống trong cảnh phập phồng lo sợ, không biết sống chết lúc nào. Tất cả các khi giới tối tân đều được trung tá Binh Xuyên Tư Đen tháo gỡ trong ngày 1-5-1955 đem xuống Rừng Sát, rồi thay vào đó một số súng cũ kỹ, nhằm mục đích kéo dài sự kháng chiến ở Rừng Sát.

Căn cứ chính và bộ chỉ huy tác chiến Binh Xuyên được đặt ở Rạch Cát. Cuộc phòng thủ từ cầu Tân Thuận chạy về cầu chữ Y sút kém rõ rệt. Binh Xuyên chỉ để chút ít cầm chừng, còn bao nhiêu đều đưa về Rừng Sát.

Tại cầu Nhị Thiên Đường và Rạch Cát, trung tá Tư Đen chỉ huy số đơn vị còn lại. Các ban Công tác Tỉnh báo và ban Công an xung phong cũng đều dồn hết về nơi này,

Do sự kêu gọi bằng phát thanh của quân đội chánh phủ, một nhóm Binh Xuyên cầm đầu bởi đại úy Trịnh Hy Quang đã vượt sông đêm 4-4-1955 về quy thuận. Đại úy Quang là giám đốc Trung tâm Huấn luyện của Binh Xuyên, về sau được trọng dụng trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa với cấp bậc sơ khởi trung úy.

Ngày 1-5-1955, quân Nhảy Dù tấn công Binh Xuyên theo hai mặt: - một mặt, dùng hỏa lực yểm trợ vượt thẳng qua cầu chữ Y; - mặt khác, cho quân xuất phát từ phía Tây Nam Sài Gòn băng qua cánh đồng tiến chiếm khu Chánh Hưng. Tới ngày 2-5-1955, các mục tiêu trên đều đạt được một cách dễ dàng.

Quận Binh Xuyên chỉ chống cự yếu ớt. Quả thực họ đã chuẩn bị từ trước để rút xuống khu Rừng Sát.

Theo dân chúng kể lại, quận Bình Xuyên đã rút theo đường thủy bằng ba tàu LCVP, 4 chiếc vỏ dẹt, 15 tàu nhỏ dòng theo 30 chiếc ghe chài, đi từ rừng Phước Long dài theo nương Chuối, ra sông Soài Rạp, đến cù lao An Thới, rồi từ đó đến Rừng Sát.

Kể đó, các đơn vị Dù được tăng cường các đơn vị khóa sinh thuộc Trung tâm Huấn luyện Quang Trung và các tiểu đoàn của các phân khu, mở các cuộc lục soát vào những nơi trú đóng của Bình Xuyên ở vùng Nam Kinh Đồi.

Một tin làm chấn động cả nước, đột ngột đưa đến: thiếu tướng Trình Minh Thế tử trận tại dốc cầu Tân Thuận, buổi chiều ngày 3-5-1955, trong lúc ông từ Sài Gòn dùng xe tới đây để trực tiếp chỉ huy đánh chiếm các mục tiêu bên kia cầu Tân Thuận. Đào tạo từ trường sĩ quan Nhật Bản, thuộc lòng phương châm “cấp chỉ huy xung phong trước, binh sĩ theo sau”, tướng Thế đi tuyển đầu, một mình tiến trước lên cầu.

Việc tử trận của tướng Trình Minh Thế khiến cho quân đội và toàn thể dân chúng miền Nam luyến tiếc không ít.

Ông là một nhân vật thuộc Cao Đài nhưng lại không chịu đặt mình trong hệ thống quân đội Cao Đài chủ trương chống Cộng Sản nhưng có nhiều giai đoạn hợp tác với Pháp. Ông tách riêng ra, lập quân đội gọi là “Quân Đội Liên Minh Cao Đài” đặt bản bộ dưới chân núi Bà Đen chủ trương chống Cộng Sản và chống luôn thực dân Pháp.

Sau hiệp định Genève ngày 20-7-1954, tướng Trình Minh Thế vẫn tiếp tục chiến đấu tại các chiến khu miền Đông. Tỏ lòng khâm phục, ông Ngô Đình Diệm khi làm thủ tướng đã cho sứ giả đến thuyết phục, rồi chính ông

Diệm đích thân lên Tây Ninh ngày 12-1-1955, để mời ông về hợp tác. Ông Thế về hợp tác, được phong cấp thiếu tướng quân đội quốc gia.

Ngày các giáo phái thành lập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia chống lại ông Diệm, tướng Thế cũng đứng trong hàng ngũ đối lập này, nhưng vẫn mến ông Diệm nên chỉ ít lâu sau lại tách ra. Ông là linh hồn của Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng, tuy ông không có tên chính thức ở trong ban chấp hành. Nói rõ hơn, nếu lúc đó không có tướng Thế yểm trợ thì ông Diệm không thể nào yên ổn ở lại chấp chánh và lập ra chính thể Đệ nhất Cộng Hòa.

Trong cuộc hành quân giao chiến với Bình Xuyên, ông hăng hái tham gia và mang các đơn vị bản bộ của ông về dự trận. Chẳng may ông bị tử trận bằng một viên “đạn lạc”. Ông được truy phong trung tướng và được quốc táng rất trọng thể. Con đường cầu Tân Thuận nơi ông đã ngã gục được chính phủ đặt mang tên ông.

Tính từ ngày 3-5-1955 đến ngày 20-11-1992, ngày chúng tôi viết một chương về cái chết của tướng Thế, thời gian dài 37 năm, nhưng lịch sử cũng chưa chứng minh được viên “đạn lạc” do vô tình hay hữu ý? Ai là thủ phạm? Ai chủ trương xuống tay hạ tướng Thế? Viên đạn Carbine M1 bắn cách 25 thước, vị trí của tầm đạn xuất phát, nằm về phía sau lưng nạn nhân, trở sau ót, xuyên qua não sọ, tướng Thế tắt thở không kịp có một lời vĩnh biệt người thân!



Tướng Trình Minh Thế. Hình: T.L.

17.

Viết về cải lương thì không thể nào bỏ qua “Hát Bội”. Bởi vì chính sân khấu hát bội đã sinh sản ra bộ môn cải lương. Nghiên cứu hát bội, cũng là một hình thức tìm hiểu thêm sân khấu cải lương.

Hàng chục năm qua, người ta suy đi xét lại nhiều lần hai chữ “*Hát Bội*” và “*Hát Bộ*”. Cuối cùng, vẫn còn phân vân, chưa biết gọi như thế nào cho chính xác. Năm 1960, báo chí Việt Nam Cộng Hòa đi đến quyết định chung cùng gọi là “*Hát Bội*”. Để bênh vực lập trường này, tờ Tia Sáng (do ông Nguyễn Trung Thành làm chủ nhiệm) nêu lên giả thuyết và cho rằng kêu là “*Hát Bội*” thì đúng hơn cả. Bởi vì danh từ “*Hát Bội*” đã có mặt từ hàng trăm năm nay, đồng thời nó rất phù hợp với ý nghĩa của điệu hát cổ truyền.

Ông Huỳnh Tịnh Paulus Của viết trong *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* (in tại Sài Gòn năm 1895) giải nghĩa chữ Bội: *Hon, bằng hai. Trò bội: Cuộc ca hát, đàn hát, bạn hát. Bội bè: Con hát, bạn hát. Hát Bội: Con hát, kẻ làm kẻ làm nghề ca hát (trang 67).*

Trong quyển *Dictionnaire annamite Français* của tác giả J.F.M. Génibrel cũng in tại Sài Gòn năm 1898 giải thích như sau: Chữ “Bội” là bằng hai (*double*); Bội số (*Multiple*); Bội nhị (*Double*); Bội bè (*Comédie*); Hát Bội (*Jouer la comédie*)”.

Nói cách khác, “Hát Bội” xuất phát từ chữ “Bội”, Bội Nhị: Thêm bằng hai, bằng ba.

Giới khán giả thích coi hát Bội đều nhìn nhận rằng, tuồng hát này, trên mọi khía cạnh, tất cả động tác biểu hiện sự “gia bội” (thêm, hơn, bằng hai). Một viên tướng có bản tính nóng nảy thi diễn viên hóa trang gương mặt rần rì dữ tợn, điệu bộ hiếu chiến, ăn nói ngang tàng hống hách. Tướng lãnh thời xưa không có những tác phong, ngôn ngữ, mặt rần rì, dữ dằn ác độc như vậy. Nhưng vì để cho người xem dễ phân biệt tâm tính bên trong của vai tuồng, nên nghệ sĩ phải tăng thêm điệu bộ và vẽ mặt mày quá hung ác như thế.

Do đó khán giả không lấy làm ngạc nhiên về sự diễn xuất vượt quá sự thật của điệu hát Bội vì một bộ môn ca diễn “Gia tăng bội nhị, bội tam”. Diễn gấp hai lần, ba lần hơn sự có thật của vai tuồng.

Danh từ “Hát Bội” mới ra đời vào khoảng năm 1930 cùng một thời với nền Cải Lương đang thịnh hành. Một số người thường ngoạ Cải Lương, nhận thấy điệu hát này mang sắc thái tả chân và lối diễn xuất múa men ra bộ không thua gì hát Bội liền đặt cho nó cái tên là hát Bội. Theo cái tên vừa đặt, người ta ngầm hiểu điệu hát có múa bộ nhiều hơn ca để xác nhận điệu nào là điệu Cải Lương. Lâu dần, quen miệng, người ta gọi là “hát BỘI”. Thật ra, nên dùng danh từ “hát Bội” thì đúng hơn.

Một thời gian trước đó khá lâu,... có thể một ngàn năm, có thể từ ngày khởi công lập quốc - bộ môn hát Bội từ Trung Hoa du nhập sang Việt Nam, chắc chắn nước Việt Nam có một điệu hát riêng biệt. Bởi vì một dân tộc, cho dù man rợ đến đâu họ cũng sáng tác một điệu hát giúp vui quần chúng. Trong các buổi lễ cúng, tế đình làng, người dân thôn quê thường hay tụ họp ăn uống, múa ca giải trí. Đây là một sự thật bất khả chối cãi. Như chúng ta thấy, nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam cương quyết đồng hóa những sắc tộc thiểu số vùng Cao Nguyên, cưỡng ép hội nhập vào xã hội. Nhưng các dân tộc thiểu số này không quên nguồn gốc, tận lực nuôi dưỡng và phát huy những điệu hát, những điệu múa riêng của họ.

Dựa vào các điệu hát đã có sẵn, dân gian lấy đó làm nền móng phát triển điệu hát Bội về sau này.

Đến đời nhà Nguyên (Trung Hoa-1285), danh tướng Toa Đô cầm quân sang chiếm nước Việt và bị Hưng Đạo Vương đánh bại. Trong dịp truy nã quan Toa Đô bỏ chạy, triều đình Việt Nam bắt sống một số tàn quân. Trong số tàn quân ấy, có một người tên Lý Nguyên Cát giỏi nghề ca hát.

Vua nhà Trần ra lệnh quan quân hậu đãi con hát Lý Nguyên Cát và biểu hấn chỉ dẫn người Việt Nam hát Bội. Chỉ yêu cầu hấn dạy về hình thức thôi như: múa, cách hóa trang làm mặt, vận y phục, v.v. Phần nội dung các điệu hát, người Việt Nam đã có từ trước, không cần học hỏi. Nói ra điều này, không ngoài mục đích đính chánh cho một số người hiểu lầm, vẫn tưởng rằng nước Tàu cử kép hát qua dạy người Việt về các điệu hát.

Âm nhạc hát bội Việt Nam hoàn toàn khác xa âm nhạc Trung Hoa. Giọng hát là nguồn gốc phát sinh ra âm nhạc. Nhạc Việt khác, nhạc Tàu khác. Mỗi dân tộc có một lối tượng hình âm nhạc riêng rẽ. Đáng kính nể là ở điểm này, là người xưa biết cách biến chế, biết cách dung hòa điệu bộ hát xướng của Tàu với âm điệu nhạc Việt đã có sẵn, xây dựng lên một lối hát đặc thù Việt Nam. Mượn cái hay thế cái dở của chúng ta, rồi đồng hóa cái hay đó thành một điệu nhạc thuần túy Việt Nam. Bao nhiêu công trình đó cũng đủ chứng minh người đời xưa rất có tài về nghệ thuật sân khấu nên mới sáng chế nổi một điệu hát có quy luật, có tinh thần dân tộc, sống thăng trầm qua biết bao nhiêu cuộc bể dâu của mệnh nước và lưu truyền đến ngày nay.

Hát Bội thể hiện bằng một nghệ thuật tượng trưng. Dàn cảnh, dựng màn, phản hồi, ra bộ, cách diễn hết thấy đều mang tính chất tượng trưng.

Hát bội thiết trí sân khấu rất giản tiện. Giữa sân khấu, đạo diễn cho trải một tấm chiếu. Phía trong, đặt một cái bàn. Hai đầu bàn kê vài cái ghế ngồi. Phía sau treo một tấm màn nhung thêu rất đẹp, nghệ sĩ vén lên đi ra đi vô được. Sát tấm màn để cái rương lớn và trên rương chất thêm cái ghế đẩu dành cho vua hoặc vị tướng an tọa khi triều đình mở hội nghị.

Hai phía bên hông, cửa buồng ra vào, treo một tấm màn nhỏ. Hai bên cánh gà sân khấu, nhân viên dàn cảnh thiết kế mỗi bên một cái hàng rào bằng cây sơn son để dựng gươm đao, tàn lọng, cờ xí làm tăng thêm vẻ nghiêm trang và đồng thời có dụng ý ngăn chặn đám con nít chun vô xem

hát “cọp”, sợ các em tràn lên sau khấu phá phách chọc ghẹo diễn viên gây trở ngại cho xuất hát.

Dàn cảnh đơn sơ, thành thử rất dễ cho soạn giả trong việc soạn tuồng, phân cảnh, sắp xếp lớp lang. Sân khấu hát Bội ví như một tờ giấy trắng, trên trang giấy đó, soạn giả mặc tính vẽ rồng vẽ rắn tùy sở thích, không bị chi phối bởi những đoạn đối cảnh phân màn.

Giang sơn triều đình cũng ở đây. Chiến trường, núi non, rừng rậm cũng ở đây. Người xem lắng tai nghe từng câu hát do soạn giả viết rồi tự thả hồn tưởng tượng nhận thức sự diễn tiến của thời gian và không gian ăn khớp theo cốt truyện. Đại đa số khán giả đều đọc truyện Tàu tức biết rõ các chi tiết trong tuồng, vì thế không cần bày biện ra cảnh thật. Vừa nghe xong một câu hát, khán giả đã đoán ra ngay nội dung bản tuồng, ý thức được các sự kiện sẽ xảy ra kế tiếp.

Diệu bộ hát Bội diễn biến theo một khuôn khổ nhất định. Từ các động tác cảm thương cỡi ngựa đến cử chỉ vuốt râu đều diễn có tính cách tượng trưng. Tướng Đon Hùng Tin chuẩn bị tham dự chiến trận, biểu trao thương mã, phía trong cánh gà quân hầu cấp tốc mang ra cây roi ngựa và cây guom đứng chờ. Quân hầu đứng theo tư thế như một người đang cầm dây con ngựa thật, trình lên chủ tướng. Trường hợp thứ hai, Đon Hùng Tin trên đường vào hoàng cung châu nhà vua hay hung tin các tướng dưới quyền tử trận không còn một người, ông lập tức quay trở về tư dinh từ biệt vợ con lấy thương mã vội vã đi ám sát vua Đường.

Vợ Đon Hùng Tín có linh tính kế hoạch giết vua sẽ bất thành, hết sức khuyên lơn ngăn cản chồng. Nhưng vì Đon

Hùng Tín thuộc mẫu người anh hùng, cương quyết phục hận, kêu quân sĩ trao thương mã. Cả hai trường hợp, lần nào cũng đòi trao thương mã tham chiến, nên quân hầu phải diễn như thật lúc dắt ngựa, dâng thương cho Đon Hùng Tín.

Cử chỉ hần học quyết trả thù, cử chỉ giận sôi máu lúc cầm thương lên ngựa, cả hai đều tỏ ra chí khí anh hùng. Và bà vợ bày tỏ tấm lòng trọn nghĩa với chồng ba lần đứng cản trước đầu ngựa, khán giả mục kích các động tác diễn xuất, hình dung được các nhân vật trong cốt truyện.

Vuốt râu. Nhiều cách vuốt râu, cách nào cũng vậy, miễn sao cho trung thực nội tâm của vai tuồng. Quan văn trung thân vuốt nhẹ, kéo phát nhanh qua phía bên mặt hay bên trái (nếu một tay đang cầm quạt). Vị quan võ trung thân cầm ngọn chòm râu hất mạnh qua một phía. Quan ninh thân hai tay nâng bộ râu vuốt từ trên xuống dưới. Ông tướng nóng tính hai tay nắm chặt chòm râu và vuốt nhanh hàm râu ria với điệu bộ dữ dằn. Người có nghĩa khí như Quan Công xòe ngón tay trở và ngón giữa vuốt nhẹ râu mép tay đồng thời nâng bộ râu đưa thẳng về phía trước.

Nghệ sĩ có tài diễn đúng với nghệ thuật là ra các bộ như cách đưa tay, ngồi dựa lưng, mọi động tác di chuyển đều ăn nhịp theo nhịp đờn. Bước đi khoan thai, chậm rãi theo từng nhịp trống.

Trên khía cạnh tâm lý, chinh phục khán giả hội nhập vào những cảnh ngộ vui, buồn, giận, sợ... của nhân vật trong tuồng, diễn viên phải diễn lả lướt và tỏ ra “màu mè” bằng những qui tắc thông thường như sau:

Khi vui nét mặt biểu lộ sự hân hoan, đôi mắt sáng lên, giọng cười giòn giã. Nhưng một ông quan trung cười cách

khác, quan nịnh cười một cách khác. Căn cứ theo giọng cười, người ta phân biệt được kẻ trung người nịnh.

Khi lâm vào cảnh ngộ tang thương bi đát, giàn đèn trời lên bài *Xuân Nữ* trước từ hai đến bốn nhịp. Diễn viên nói lối “thương”, dòng lệ rung rung trào nơi khóe mắt. Vừa dứt nói lối thương, cất tiếng hát liền bản *Nam Ai*, nước mắt tuôn dầm dề, khiến người xem động lòng khóc nức nở.

Trường hợp gặp cảnh giận, nghệ sĩ cầm một miếng cây cờ lòng bàn tay quất mạnh xuống bàn hay ghế nghe bộp bộp. Tay chỉ đối tượng, miệng hét lớn và gằn từng câu dạy bảo. Nhưng nếu diễn viên tài nghệ cao hơn, không cần dùng cây roi, chỉ dùng điệu bộ và lời nói để tỏ sự giận dữ.

Khi bị cấp trên la rầy quở phạt, diễn viên thủ vai cấp dưới qui mọp người xuống đất, mắt lảo liên, khuôn mặt biến sắc, bàn tay chắp lại, chân bước nhẹ, bộ tịch co rúm sợ sệt. Rất nhiều điều bộ khác diễn nổi sợ sệt. Đây chỉ là một điệu sợ điển hình của bộ môn hát Bội.

Một bà chánh hậu lập mưu hại sát con trai bà thứ phi bởi vì bà thứ phi mới vừa hạ sanh một đứa con trai. Bà sợ người con trai sau này lên nối ngôi, mình sẽ mất quyền. Trong lúc bàn thảo kế hoạch giết người cùng với tay chân bộ hạ, ở vào trạng thái ganh ghét, mỗi lời nói bà đều nghiêng răng, sắc mặt hung dữ, tay run run vì giận. Diễn sự ghen tức nội tâm thường thường lộ ra ngoài bằng cử chỉ và bằng lời nói.

Khác với Tây phương, tỏ tình thương yêu, phong tục người Đông phương tuyệt đối không biểu lộ ra ngoài. Vợ thương chồng, chồng thương vợ hoặc cha thương con, con thương cha luôn luôn dấu kín trong lòng. Trường hợp bất đắc dĩ cả hai phải xa nhau, người chồng kín đáo vịn vai vợ,

nói đôi lời than van, an ủi là thôi, tránh sự âu yếm quá đáng như người Âu-Mỹ.

Hát Bội có nhiều giọng hát: *Nói lối, hát Khách, hát Nam, Xướng, Bạch, Thán, Ngâm, Oán, Quân bang, Quân bài, v.v.*

Nói Lối. Nói Lối của hát Bội cất giọng rất cao. Có bốn cách Nói Lối: *Giọng Xuân, Ai, lối Xướng* và nói thường theo thể văn xuôi.

Lối Xuân. Nói chậm, phát âm nghiêm nghị. Qua tuồng “*Kim Vân Kiều*”, chúng tôi xin trích một đoạn làm thí dụ.

*Thiếp Thúy Kiều lăm dự hồng quân,
Nhà Vương thị sớm rơi giai lệ*

.....

*Trịnh, Vệ chi màng thối bạc,
Mạnh, Tào đốc đúc gương trong.
Tuồng đông ai đem dạ bướm ong
Mái tây cũng mặc người trắng gió.*

Lối Ai. Lối Ai là một giọng nói buồn, tả tâm sự của một người chứng kiến cảnh đau lòng ly biệt người thương yêu, người thân ruột thịt, nhà vua mất nước, vợ lìa chồng, cha xa con, v.v.

*Trông con chi ngót cơn sầu,
Nhớ trẻ lại thêm nỗi thảm.*

.....

*Cố quốc tam thu vẫn sắc ám,
Tây thiên vạn lý cổ thanh xa.
Nhớ nước hồn nương gió trở lại quê nhà,*

Ta không quên một lời thề sông núi.

.....

Tế liễu còn lộng tiếng quân reo.

Tai chẳng nghe lạc ngựa bình, Liêu,

Mắt luống nhắm ngọn cờ đất Lỗ.

Lối xẵng. Nói Lối Xẵng là cách nói nhanh hơn Lối Xuân, cũng ngâm theo vần vãn. Lối xẵng xài trong lúc giận hoặc bày tỏ chí khi cương quyết.

Nổi lòi đình chi nộ.

Phấn thích lịch chi oai.

Phú Ôn Đình em khá tranh tài,

Trùng phạt gã, để răn muôn chúng.

Lối Thương. Lối Thương viết bằng văn xuôi. Thí dụ:

Công Chúa giận cũng phải,

nhưng xin Công Chúa nghĩ lại.

Nay tên Bàng Hồng đã xàm tấu cùng Thánh thượng rằng hạ quan là kẻ phản quốc tư thù, nên lệnh trên đã dạy giam tù mẫu nơi ngục nội...

Hát Nam. Không thể chối cãi là một giọng hát khá đặc biệt của Việt Nam: buồn, sâu thẳm, phản ánh sự tương tư, nhớ nhung, v.v. Vì thế nhiều người suy luận một cách phiến diện rằng điệu Nam là do người Chăm sáng tác và lưu truyền lại trong dân gian Việt Nam. Chúng tôi xin cực lực bác bỏ lối suy luận này. Trải qua mấy ngàn năm dựng nước và tạo nên lịch sử văn học, chẳng lẽ Việt Nam không có một giọng hát buồn thẳm, sâu muợn riêng của mình hay sao? Hơn thế nữa cú pháp, câu văn sử dụng trong điệu Nam, lối

hành văn rất đặc sắc và thuần thực Việt Nam như: Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, Lục bát gián thất.

Căn cứ theo từng trạng huống hát *Nam* có cả thầy năm điệu: *Nam Xuân*, *Nam Ai*, *Nam Dựng Nam Chạy* và *Nam Biệt*. Sau cùng là điệu *Lý Nam* chuyển qua *Ai*.

Nam Xuân. Hát *Xuân* hơi ngân thu thả nhưng đượm nét bi hùng. *Nam Xuân* dành hát trong lúc đi đường, tả cảnh, tả tình. Mở đầu bản *Nam Xuân*, soạn giả thường viết bốn hoặc hai câu nói lối *xuân*.

Lối Xuân

*Một sắc thiếu quang tỏ rạng,
Đôi nhành mai liễu đua tươi.
Trời xuân cảnh vật chào người,
Nội tử chị em tách dậm.*

Nam Xuân

*Nội tử chị em tách dậm.
Cảnh vật nhìn vô gấm càng tươi.
Thiếu quang vừa ngoại sáu mươi,
Đây đường hoa nở, lấm người đạp thanh.
Trời thanh rạng vẻ xuân xanh.
Mộ người thanh tảo phi tình cửu thiên.*

Nam Dựng. Bản *Nam Dựng* phảng phất giọng *Xuân* nhưng tiếng phát âm “dựng đứng” biểu lộ tánh tình cứng rắn của nhân vật trong tuồng.

*Tẩu tẩu tấn kỳ xa thượng,
Giã Hạ Bì, chỉ dậm Hứa Xương.*

*Lầu lầu tiết rạng đường gương,
 Chân nơi Bắc Ngụy, dạ hằng nhớ Lưu.
 Tuy là khác giữa đồng bào,
 Lời thề ngày trước vườn đào đâu nguôi.*

Nam Ai. Dù ở địa hạt Cải Lương hay hát Bội, *Nam Ai* vẫn là điệu hát buồn náo nuột nhằm tả tâm sự đau thương. Gặp hoàn cảnh cha mẹ xa xon, anh xa em, vợ xa chồng, triều thần ly tán, v.v. thì hát *Nam Ai* để phơi trần tâm sự nhớ thương của mình đối với người mình thương. Nhờ điệu *Nam Ai*, đào kép hát Bội dễ dàng lấy nước mắt khán giả và thi thố tài nghệ cũng như giọng hát.

Nói Lối

*On dương dục chưa thỏa lòng báo trả,
 Nghĩa ân tôi gắng sức đáp đền.
 Một lạy xin giả nghĩa tôi đòi,
 Trăm năm quyết ghi lời dạy dỗ.*

Nam Ai

*Dạy dỗ ghi lời vàng đá,
 Luống ngậm ngùi ngày hạ đêm đông.
 Thưa Thừa Tướng! Xin mở lượng bể sông,

 Mượn tay cân quốc đỡ lòng tu mi.

 Dẫn lòng một bước ra đi,
 Cha lui ngọc các, con về trường môn.*

Nam Bán Xuân Ai. Là một điệu hát nửa *Xuân* nửa *Ai* tục gọi là *Nam Bán Xuân Ai*. Truyện vui hát *Xuân*, truyện buồn hát trở qua *Ai*. Thí dụ đang ca bản *Xuân*, muốn bắt qua *Nam Ai*, diễn viên phải nên làm dấu hiệu “lau nước mắt” để giàn đờn biết chuyển qua điệu *Ai*.

Nam Xuân

*Đừng làm trai màng chi lao khổ,
Vái Phật Trời phò hộ chứng minh.
Võ Hoàng còn ngự nam thành,
Có hay nông nổi sự tình này chẳng?
Cắm hờn Vệ Luật Lý Lăng
Làm cho lỗi nghĩa đạo hằng quân thân.
Bao giờ... (hát tới đây diễn viên lấy tay giả bộ lau nước mắt)
về tới quê hương.*

Hát qua Nam Ai:

*Mẹ ơi! ngộ cho thấy mặt từ thân chẳng là.
Ngùi ngùi hầu bước chân ra,
Nhớ vua thương mẹ, xót
xa đoạn trường.
Trách Hồ Nhung đem
lòng hăm hiếp,
biết ngày nào xum hợp chúa tôi.*

Hát trở lại Nam Xuân:

*Tiếc sao một cán cờ không
Một người một bóng, bạn*

cùng sớm khuya.

Hồ Vương đọc dữ nhiều bè,

Đời tôi nay biết ra đã lỡ làng!

Nam Chạy. Bản này dùng trong lúc bị quân địch truy nã, tấn thối lương nan hoặc bị lạc đường lạc vào rừng không biết ngõ ra. Diễn viên vừa hát vừa chạy giặc gọi “*Nam Chạy*”.

Thoát được dây oan lưới họa,

Bước gập ghềnh diu đỡ lấy nhau.

Một đoàn tó trước thấy sau,

Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng.

Nam Biệt. Khi vợ chồng, mẹ con, anh em sắp xa lìa nhau, thường hát điệu *Nam* để từ biệt, người ta gọi là “*Nam Biệt*”.

Thể văn *Nam Biệt* bắt buộc viết theo niêm luật song thất, nhưng nhiều khi cũng có thể dùng câu lục bát.

Văn song thất:

Bớ phu quân!

Én quy nam, nhận hồi lãnh bắc,

Ngựa quay đầu, ruột thắt từng cơn.

Văn lục bát:

Bớ mẹ!

Dứt tình, tình lại vấn vương,

Cũng đeo một tấm đoạn trường mà đi.

Đa số các vai tuồng không nói lối trước khi lấy hơi hát bản *Nam Biệt*. Tình cảnh gấp rút, chia tay vội vã, bót nói dài dòng, tốt nhất chỉ nói một câu *Nam* cho vội nổi nhớ thương bịn rịn trước khi xa nhau.

Dù vậy, đôi khi soạn giả muốn long trọng hóa giờ phút sắp ly biệt, tăng thêm vẻ tha thiết của một mối tình không tròn ước nguyện, viết thêm một câu “*lối tán*” dành cho người ở lại than thở và để “lót hơi” cho người ra đi hát điệu *Nam Biệt*. *Lối Tán* là lối nói thật nhanh, phù hợp với tình hình khẩn cấp đang xảy ra.

Lối Tán

Sơn cách, thủy cách, nàng xa cách,

Tinh di, nguyệt di, chí bất di.

Hát Nam Biệt:

Chí bất di, lương đồ ly biệt,

Lệ sụt sùi, chí xiết lòng thương

Nam Thiên. Đây là một điệu hát đặc biệt của giọng Nam, dùng cho vai tuồng xuống tóc qui y, xuất gia đầu Phật.

Nói Lối

Nam Mô A Di Đà Phật

Xe rồng em trở lại,

dặm liễu chị trái qua;

đã bao năm em an hưởng vinh hoa,

phò một mối cho tròn huynh đệ.

Hát Nam Thiên

Một mối cho tròn huynh đệ.

Mặc giả từ tướng sĩ quần liêu.

Mặc ai giàu mển sang yêu;

Mưa mai dễ biết, nắng chiều nào hay.

Hư Vô là đạo mầu thay;

Hữu Công Phật độ, có ngày siêu thăng.

Lý bắt qua Nam Ai. Điều này dùng cho vai đào ngồi dẹt lạy, thêu vải hay chinh phụ ru con ngủ, v.v. *Lý Nam Ai* thường viết bằng lối văn “song thất lục bát”.

Lý

*Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chẳng vay?*

Chuyển qua Nam Ai

*Những mong cá nước sum vầy,
Ai ngờ đôi ngả nước mây cách vời.*

(Trích Chinh Phụ Ngâm)

Để gài câu vô điệu lý, soạn giả viết hai câu *Lối Ai* và sau đó mới cho diễn viên “xuống” chữ *Hồ*.

Lối Ai

*Ngón kinh luân khéo kết tơ vàng,
Khuôn nhứt nguyệt lần đưa thoi ngọc... Hồ!
Có thể thay thế *Lối Ai* bằng cách ngâm thơ lục bát:
Xuân đi rồi Xuân lại về,
Nước non cũng vẫn một bể buồn xuân.*

Hát Lý:

*Kìa một dãy non sông gấm vóc,
Trách ai làm tang tóc cỏ cây
(ngân như vậy: cỏ... ư... ừ... ự... cây).*

Hát trở lại Nam Ai:

*Buồn xuân càng chồng chất đong đầy,
Bâng khuâng nước mắt, ai sầu nhà tan.*

Lý:

*Tiếc cho mình hồng nhan phận gái,
Biết cách nào hồi phục giang sơn
(Trống nhịp chiếc, ngâm: giang... ư... ử... sơn)*

Hát trở lại Nam Ai:

*Hồi ai nam tử bồng tang,
Thay bao da ngựa dẫm ngàn chí trai.*

.....

*Ngâm cay e đứt ruột tâm,
Hở môi sợ vách âm thâm nghiêng tai.*

Hát Khách. *Hát khách* còn gọi là *Bắc Xướng*, một điệu hát có đờn, kèn đưa hoi, tựa tựa như điệp khúc “*Đại Quá Trường*” của Trung Hoa. Xưa kia người Việt gọi người Trung Hoa là *Khách* nghĩa là người khách ở phương Bắc đến đây tạm trú, không gọi người Hoa Kiều như hiện nay.

Điệu *hát Khách* cất lên nghe hùng hồn, dũng cảm tạo sự phấn khởi trong lòng. Điệu *Khách* chỉ dùng cho tướng ra trận truy đuổi quân giặc hay đứng trước một biến cố gì quan trọng.

Hát *Khách* có cả bảy năm điệu: *Khách Thi*, *Khách Phú*, *Khách Tử*, *Khách Tẩu Mã*, *Khách Từu*.

Khách Thi. - *Khách Thi* là một loại Đường luật “Thất ngôn tứ tuyệt”.

*Nam lao quân, Bắc lao quân,
canh giờ cho cho nghiêm nhặt à.
Đông trại, tây trại,*

tuần thủ tử vệ môn ờ:

Cho vào chỗ khá cho ra,

ai nghịch mạng chém đầu làm linh.

Xướng:

Hắc dạ sơ canh thám đông tây.

Hát Khách Thi:

Vị chúa tương tùy bá chiến trung,

Binh cơ tận lực thị anh hùng.

Não can đồ địa tâm bất tại,

Bất phách Tào mang kỷ vạn trùng.

Khách phú. Nếu câu hát khách soạn trên bảy chữ thì gọi là *Khách Phú*. Điệu *Khách Phú* viết văn *Phú Lục* có vần đáp. Khi tồng có hai vị tướng mặt đối mặt tra hỏi về việc giao chiến, thông thường hát giọng *Khách Phú*.

Tẩu tẩu tại tư (chị có nghe tin)

Lưu Hoàng Thúc Nhữ Nam quy tỵ

Lao lao chi thử, quân

Quan Hâu nhứt lộ phò trí.

Thậm nghi, thậm nghi! Bất thính, bất thính!

Phi nghi lại: (Hát Khách Phú)

Tào tháo gian hùng, bỉ tàng

dĩ thiên phương loạn chí,

Quan Hâu nghĩa khí, hà bất

năng nhứt tử thù trì.

Khách tử. Khách tử là điệu hát cho việc từ trần.

*Khả lân, khá lân a, khả tích khóc,
cần khôn chi tú khí,*

.....

*Kham ta hồ, nhứt nguyệt chi tình di,
Quân tử tôn vong bất đảo khuynh.
Huy đao tự bá ly tình kiếm,
Tam xích hương hồn vãng Ngọc cung.*

Khách Tẩu Mã. Lốp tuồng đề cập tới một người lên ngựa mau mau chạy trốn quân giặc hay trốn tình nhân hay thông báo việc khẩn cấp.

Nói Lối

*Thậm cấp chon thậm cấp,
Chí nguy thị chí nguy.
Nó ùng ùng như lửa muôn xe,
Ta chẳng khác nước kia một gáo.*

Hát Khách Tẩu Mã:

*Trục vân sanh phương lữ hổ oai,
Đề thương khóa mã tốc bồn khai,
Vọng khán tể binh truy bá vạn,
Ngô đơn thân tẩn thối cùng đồ.*

Khách Tử dùng để hát khi yến tiệc, vua chiêu đãi quần thần.

Khách Nam Liên Xướng. Một vai hát Nam, một vai hát Khách, nên gọi là “Khách Nam Liên Xướng”.

Hát Nam:

*Bắc mặt Lam Tri tro troi,
Chấn dân trời giữ một niềm ngay.*

Hát Khách:

*Lam Tri huê quyền mã đề kinh,
Cầm hạc tiêu dao tráng thử hành.*

Hát Nam:

*Tang bồng đã trả nợ trai,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.*

Xướng. Xướng là nói lớn, nói một cách chậm rãi, nhấn mạnh từng chữ để mọi người đều nghe. Khi mở màn, diễn viên bèn xướng lên đặng tỏ bày tâm sự hay tả tình cảnh trong vai tuồng của mình sắp diễn ngay bây giờ.

Xướng:

*Thăm quê tịch mịch chánh hoài xuân,
Băng ngọc hỗn vô bán điểm trần.
Thượng uyển danh hoa khoa phú quý,
Đông tường điệp sứ uống lao thân.*

Bạch. Bạch là hình thức trình bày rõ ràng cho mọi người hiểu về vai tuồng. Các vai tuồng, kép mồi, đào thương, đào chiến, v.v. trước khi xưng tên họ, phải “bạch” hai câu hoặc bốn câu nói lên chí hướng, tài nghệ của mình. Ngày xưa tuồng hát Bội thường “bạch” bằng những câu hán văn viết làm bảy chữ.

Lưu Bị (bạch):

*Tam phân đánh túc liệt can qua,
Cái thế Công danh độc ngã kỳ,*

Quan Công (bạch):

Vạn cổ trung can huyền nhứt nguyệt,

Nhứt tâm nghĩa khí định sơn hà.

Trương Phi (bạch):

Thính nhược cự lô khu hổ báo,

Oai như điển xiết tẩu long xà.

Sau đó ba vai này đồng hồ lớn, xưng tên họ:

Hội đào viên tá nghiệp Hán gia.

Ngã Lưu Bị... Quan Công... Dục Đức.

Ngâm. Ngâm theo thơ Đường luật. Giọng nghiêm trang, ai oán và tha thiết hầu tỏ tình thương nhớ vợ chồng, người yêu, người thân một chút nữa đây sẽ xa nhau.

Nói Lối:

Rượu tống biệt lưng voi một chén,

Lệ tương tư chua xót hai hàng.

Hàm sâu thiên các nhứt phang,

Tiến biệt thi ngâm số cú...Hồ...

Ngâm:

Cung thêm mới đặn bóng trăng kê,

Tin nhận mây chia kẻ ở về.

.....

Bờ liễu gió câu trời mấy dặm,

Biển sâu lai láng lụy thâm quê.

Hát Nam:

Thâm quê ở về chua xót,

Đôi mắt nhìn dòng lệ chứa chan.

*Mới gần nhau lại xa nhau,
Chân trời một bước, ruột đau trăm bề.*

Ngâm:

*Tráng sĩ bốn vô nhi nữ lụy,
Hành nhơn yên hữu biệt ly thính.*

Thán. *Thán* là tiếng than thở. Những đêm trời khuya canh vắng lòng ngổn ngang vì xa nhà, vì thương nhớ quê hương, không chớp mắt được, thúc dẩy một mình than trách số phận. *Thán* thường viết từ bốn câu trở lên.

*Đêm năm canh,
ngọn gió buồn,
thổi qua bên hiên nhà.
Người khách buồn thảm,
thính thoảng nghe tiếng chuông ngân
của một ngôi chùa cũ từ xa vọng lại.
mà lòng bấn khoăn thương nhớ
Lo lắng cho mẹ ở nhà cách xa ngàn dặm
và nhớ đến tiếng nói cùng bóng hình của mẹ.*

Oán. Oán là ai oán, dùng để khóc thương cho người chết hoặc oán trách vận mạng của mình.

*Can tràng đoan, can tràng đoan!
Phế phủ phân! Phế phủ phân!
Sử quân tao uống tử,
thị thiếp ngộ lương nhân.
Kỷ tải kinh dinh bá chiến công,
Kim triều vị thiếp ngộ anh hùng.*

Quân Bang. Khi một quốc gia xuất quân đi chinh chiến ngoài biên ải hay một vị tướng điều động binh lính về triều đình hỏi tội đám nịnh thần, quan sĩ cảm quân kỳ đứng tại cửa buông hoặc chạy vòng quanh sân khấu rồi một tập thể quân hầu hát bốn câu gọi là “hát quân bang” với dụng ý dương oai diệu võ, chụp tinh thần địch quân.

Xét trên phương diện văn chương, văn hát Bội độc đáo và lối viết cổ điển. Các câu nói lối toàn xài thể văn biền ngẫu cân xứng với nội dung lẫn hình thức. Cách hành văn chêm chữ Hán xen kẻ chữ Nôm và cấu kết thành từng nhóm chữ: 4, 5, 6, 7, 8 hoặc viết nhiều hơn.

Văn nói lối tôn trọng sự tao nhã dùng tả cảnh tả tình.

*Xịch xạc ba gian lầu cò,
O thò một bức màn gai.
Khi xưa vào cát ra đài,
Chừ lại dầm mưa dãi nắng.*

.....

*Trời xanh nguyệt rạng,
Gió mát sóng êm,
Trăng thanh mặt nước rơi vàng,
Sao tỏ da trời ngậm ngọc.*

Tất cả tuồng hát Bội, văn nói lời chiếm hầu hết phần mô tả nội dung cốt truyện. Ngoài lối văn biền ngẫu, thầy tuồng còn chêm vào tục ngữ ca dao Việt Nam để khai triển ý tưởng của mình.

*Thưa chị, nói làm chi cái giọng,
Chớ em, cam chịu thiệt là phần.*

*Như chị em ta là, thân cây đa,
đa cũng cây thân.
Chớ đừng, kiến ăn cá, cá thời ăn kiến.*

Tại sao đào kép hát Bội vẽ mặt rằn ri? Theo sử tích, các tướng thời xưa đi đánh giặc hay đeo mặt nạ nguy trang trên đường di hành ra chiến trận. Hát Bội căn cứ theo đó mà bắt chước. Sách *Nhạc Phủ Tập Lục* có viết: “Dùng mặt nạ để nguy trang sanh ra trước nhất ở bắc Tề (49-501 sau TC.). Lan Lăng Vương có sức mạnh, đánh giặc giỏi, nhưng nét mặt trông chẳng oai hùng, nên mỗi lần ra trận đều đeo mặt nạ, trăm trận trăm thắng”. (Kẻ thù nhìn thấy mặt nạ ghê sợ nên mất tinh thần chiến đấu). Thoạt tiên đào kép hát Bội đeo mặt nạ hát, mãi về sau thấy phiền phức quá, bỏ lần lần và vẽ mặt bằng màu sắc thay thế vào. Phương thức vẽ kiểu mặt, màu sắc phân chia như sau: Đỏ tươi, đỏ bầm, hồng lợt, vàng, màu vàng kim, tím, xanh da trời, xanh lá cây, xám tro, màu bạc, đen và trắng.

Không có vấn đề muốn vẽ gì thì vẽ. Bởi vì mỗi màu giữ nhiệm vụ tượng trưng cho mỗi vai trong tuồng.

- Ông quan văn (vai trung) để nguyên mặt lên sân khấu hát. Nhưng nếu gặp vai lão thi lông mày trắng, gắn bộ râu bạc.

- Ông quan võ vẽ mặt màu đỏ, đỏ có trông táo.

- Ông quan võ (vai trung) để mặt thật, bôi thêm chút phấn lợt.

- Gian thần, nịnh thần mặt vẽ màu trắng mốc, màu xám hoặc màu hồng lợt.

- Tượng võ: mặt vẽ vằn đen và trắng (mắt trông trũng).
- Tượng võ nịnh hóa trang vằn đen trắng, xen một chút chấm đỏ.
- Tượng phiến: mặt vẽ rần ri, lót thoa phấn nhiều màu (có ý nghĩa tượng man rợ).
- Quý yêu: mặt nhiều màu rần ri, xen kẻ màu đỏ.
- Kép mùi: mặt vẽ màu xanh xám, mắt trong xéo, má đỏ, đen hay xanh. Trên đầu chít khăn đen.
- Thần, Tiên: để nguyên mặt thật, chấm hai điểm son trên gò má, râu đen dài.
- Đào: để mặt thật, thoa một ít phấn son.

Những cách vẽ mặt đúng theo các màu sắc như vừa trình bày trên, không hẳn là tuyệt đối. Diễn viên có thể thay đổi một vài chi tiết cho hợp với nhân vật trong tuồng, nhưng nguyên tắc hóa trang căn bản thì bao giờ cũng phải tôn trọng.

Xong phần màu sắc làm mặt biểu tượng các bản tánh: Trung, nịnh, ngu, hiền, hát Bội còn chú trọng đến nguyên tắc vẽ các loại mày, khoen mắt, miệng và trán.

Yếu tố quan trọng nhất là vẽ cặp chân mày. Để mô tả nhân vật đôn hậu, cặp chân mày vẽ hiền từ; người ác vẽ chân mày thô, mặt lớn; người đặc ý vẽ mày như bay, như múa, người nóng tính hay giận hờn vẽ đôi mày dựng đứng, người hay buồn rầu vẽ đôi mày cau có, v.v.

Các loại chân mày được phân chia ra như sau: Mày thường, mày thẳng, mày xụ, mày thua, mày rậm, mày răng cưa, mày răng sói, mày dùi đục, mày bướm bướm, mày tầm, mày vòng nguyệt, mày chữ nhật, mày chữ vạn, mày lưỡi dao, mày lửa ngọn, mày lá liễu, v.v.

Khoen mắt: Khoen mắt thẳng, khoen mắt già, khoen mắt chim, khoen mắt tròn, khoen mắt nịnh, khoen mắt gian hùng, khoen mắt xù, khoen mắt bầu dục, khoen mắt bầu thúng, khoen mắt trông táo, mắt trông xéo, mắt trông trúng, v.v.

Miệng: Miệng nén bạc, miệng cộp, miệng lời công, miệng vìm lửa, miệng củ ấu, miệng quai xách, v.v.

Trán: Trán thái cực, trán bắc đầu, trán quái tượng, trán não vàng, trán núi lửa, trán chữ hổ, trán chữ thọ, trán trái bầu, trán trái chùy, trán mặt trăng, trán trái táo, trán hình vật, trán thường, v.v.

Đối với đào kép hát Bội, vẽ mặt, hóa trang là một nghệ thuật rất công phu. Nhưng khán giả không biết và cũng không để ý đến.

Mão, xiêm y là sắc phục do nhà vua ban thưởng các quan trong các buổi lễ chầu. Từ vua tới các quan, các phẩm cấp đều có sắc phục riêng.

Đào kép hát Bội ăn mặc giống hệt các quan trong triều: cũng mào, áo rộng, áo giáp, cân đai, hia, hốt, cò xí và binh khí.

Vua đội mào “Cửu Long” (chín con rồng), mặc áo “Long bào, Long Cốn” thêu rồng.

Quan văn đội mào “Văn công” chóp mào tròn (quan su, hoạn quan) hoặc mào “Bình thiên” chóp bằng màu đen (thái su, hoàng đệ). Khi vào hoàng cung chầu vua, mặc áo Bào tay rộng thường. Những ngày dự “Đại triều” bận áo “măng” có gai, thêu rồng.

Quan võ đội mào “ngạch”, mặc áo “long chấn” màu xanh hay đỏ, tay hẹp có đai.

Tướng ra mặt trận đội mào “kim khôi”, vận áo giáp nam, mang hia. Sau lưng đeo hai chùm cờ “lĩnh tiền” hình xéo.

Kép mùi đầu quần khăn đen, dưới vành khăn xếp hai con én bằng vải trắng và đỏ. Bạt áo đen thường, lưng thắt “xiêm trường” và quần giáp, từ lưng trở xuống đi chân không hay mang giày đen.

Hoàng Hậu đội mào “Cửu Phụng”, gắn bông và thêu chín con phụng vàng. Vợ quan thi cài trâm giắt bông mặc áo rộng thêu, dưới mặc xiêm trường, mang vớ trắng hay giày thêu.

Đào chiến đeo đai, đầu giắt lông trĩ, tay cầm cong kiếm.

Sân đây cũng nên biết một chút khái niệm về trống “châu” có tác dụng rất nhiều trong điệu hát Bội.

Là một loại trống lớn đặt trên cái giá chia làm ba chân. Trống châu không lệ thuộc vào âm nhạc sân khấu, nó đặt dưới quyền sử dụng trực tiếp của khán giả. Người cầm châu, một người am tường ngành cổ nhạc thay mặt khán giả trọn quyền khen thưởng diễn viên trên sân khấu. Người cầm châu thưởng phạt công bình, nắm vững chỗ nào nên khen chỗ nào nên phạt. Thưởng phạt trên tinh thần khách quan là một yếu tố cần thiết nhất để khuyến khích nghệ sĩ diễn xuất húng khởi hơn.

Ra bộ đúng nguyên tắc, giọng hát xuất sắc, và một câu văn viết cảm động đều được ban thưởng. Nếu nhìn nhận hay, đánh “thùng” một tiếng vào trung tâm mặt trống. Hay hơn, thưởng hai tiếng trống gọi trống châu đôi”. Nếu diễn xuất sắc, cả rạp vỗ tay ngợi khen, trống thưởng đánh ba tiếng gọi “châu ba”. Cầm châu nên cầm đúng phương pháp, nghĩa là chờ đào kép dứt một câu *Nói Lối*, một câu bản *Nam* hoặc hát

Khách, v.v. rồi mới nhịp trống châu. Cấm ngặt đánh trống châu kiểu “lấp họng”. Diễn viên chưa kịp mở miệng đã gõ trống thùng thùng như muốn nhảy vô họng người ta làm cho họ tức tối thêm và không còn phần khởi để hát. Trống châu đánh lên thường đúng lúc, đúng chỗ, đúng người chớ không có quyền đánh loạn cào cào thiếu điều suýt vỡ rạp, khán giả nhức tai nhức óc. Nói cách khác, người cầm châu không có quyền châu lấy le, biểu diễn tài đánh trống một cách ấu trĩ.

Trong trường hợp ra bộ sai, hát “sượng”, hát “gãy”, tức bị phạt, người cầm châu gõ ngoài bìa trống, âm thanh nghe “tang” một tiếng, diễn viên ý thức được rằng mình đã hát sai, tự động cáo lỗi khán giả và hát lại. Hát phạm lỗi lớn hơn thì tiếng phạt gõ vào vành trống nghe “cắc” một cái, cảnh cáo diễn viên đã đi quá xa quy luật của nghề nghiệp.

Trống châu còn quán xuyến thêm vai trò thúc giục người xem. Chừng 20 phút trước khi mở màn, người cầm trống đánh liên hồi nhịp châu ba, cùng lúc đó tiếng chiêng họa theo, khán giả nghe nồn ruột, hấp tấp đến rạp chen chân mua vé.

Tục ngữ Việt Nam có câu “Nghe trống châu, cái đầu lảng muốt. Nghe trống chiến, nó điếng trong bụng”, diễn tả cảnh rạo rực của các bà, các cô quên trước quên sau vì sắp đến giờ sửa soạn đi xem hát Bội.

Nhạc khi hát bội gồm bảy loại: Trống, chiêng, chập chõa, đàn, kèn, ống sáo.

Tổng cộng có cả thảy năm thứ trống.

Trống chiến sử dụng khi giao chiến, khi xuất quân ra trận. So với các trống khác, trống chiến xài thường trực hơn.

Người cầm trống chiến được mệnh danh là “điều khiển viên”, trưởng ban giàn nhạc hát Bội.

Trống cái, loại trống nhỏ dùng ra hiệu ba nhịp hướng dẫn tiếng đàn, đưa hơi cho diễn viên biết để nói lối hay hát điệu *Nam*.

Trống com, loại trống dài đánh khi hát *Nam Xuân*, *Nam Ai* đưa hơi ca sĩ và phụ họa với tiếng đàn.

Trống “bắc cầu” đánh một lượt với chập chửa khi các quan lâm triều đứng chầu nhà vua và đánh lúc văn hát.

Trống “lịnh” móc hai sợi dây treo bên trong sân khấu đánh khi nhà vua ngự đại triều hoặc lúc mới mở đầu vở tuồng.

Chiêng treo tòn ten dưới cái giá, đánh phụ họa theo thống chiến. Chiêng được đánh bằng hai miếng tre, nếu không có tre, lấy hai miếng cây thay thế, gọi là cặp “sanh”.

Chập chửa đánh chung với trống *bắc cầu*. Cây đòn chính trong hát Bội là đòn Cò (nhị cầm). Kế tiếp là đòn Gáo, đòn Kim, đòn Tam, đòn Sến.

Kèn thổi khi diễn viên hát Khách hoặc để gọi hứng lấy giọng hát điệu *Nam*. Ống Sáo hòa với giàn đàn lúc diễn viên ca bài *Nam* hay hát *Khách*.

Không giống như Cải Lương gò bó trong nhịp đòn, diễn viên hát Bội ca tự do. Vì lẽ ấy mà khó phô diễn hết tài nghệ.

Thí dụ khi diễn viên hát điệu nói lối *Xuân*, giàn nhạc hòa tấu bài *Hạ*, diễn viên cứ tự do hát theo thể văn vần. Nghệ sĩ không ca theo điệu bài *Hạ*, miễn hơi cao thấp giữ đều đặn, ăn khớp với tiếng đàn là xong.

Nghệ sĩ ca bản nói lối Ai, ban nhạc rao đàn bài *Xuân Nữ*, gọi về buồn buồn, không cần lời ca đúng từng tiết điệu với nhạc lý. Người hát, hát một đường. Người đồn, đồn một nẻo.

Ngoại trừ điệu hát *Khách*, đồn ăn rập lời hát, tất cả các giọng hát Bội đều có bài đồn đưa hơi tạo cho khán giả một cảm giác vui buồn lẫn lộn, nhưng đồn không hề bị ép buộc đi sát câu ca. Cây kèn thì ngược lại. Kèn thổi đưa hơi người ca, và người ca phải hát nương theo cây kèn. Trong điệu hát *Khách* cũng thế, nghệ sĩ hát tự do, không lệ thuộc nhạc lý nên dễ trình bày làn hơi giọng hát.

Do nhu cầu phục vụ cảm quan khán giả, trên phương diện nghệ thuật, hát Bội là một bộ môn sân khấu bị “đô hộ” bởi nhiều qui tắc rườm rà, bị khép khuôn vào phương thức nhất định.

Múa men cầm dụng cụ binh khí, hoặc múa tay không, tất cả cách thức ra bộ đều hòa hợp nhịp nhàng với giọng hát. Vì rằng nếu hát Bội mà loại bỏ “công thức” múa tay múa chân thì không còn là hát bội. Điệu, bộ, lời, nhạc và kỹ thuật sân khấu của hát Bội được nghiên cứu kỹ lưỡng, xếp đặt rập khuôn, có quy củ hẳn hoi. Muốn học nghề hát Bội, phải “thọ giáo” nhập môn từ lúc còn nhỏ, khoảng 9, 10 tuổi trở lên. Và nếu có giọng hát Trời cho, để trở thành một kép hát Bội danh tiếng, người đó phải sống chết với nghề nghiệp liên tục từ 15 đến 25 năm!

Một cái nghề khó đeo đuổi vô cùng, truân chuyên khổ nhọc, dài công trau dồi học hỏi, có khi 10, 15 năm mới đạt được mức chuyên nghiệp, vậy mà bất hạnh thay, ngành hát Bội đã bị đào thải từ năm 1918, sau khi Cải Lương ra đời. Từ

năm 1918 tới ngày nay (1992), hát Bội sa sút và bị tiêu diệt dần bởi những nguyên do trọng yếu sau đây:

- Cải Lương, phim ảnh, truyền hình cạnh tranh và phát triển không ngừng.

- Tuồng hát Bội buồn, thiếu tính chất linh động, vui nhộn như Cải Lương.

- Hát Bội bị thế hệ đi sau lên án là “phong kiến”, lỗi thời.

- Thời kỳ nền Nho học còn thịnh hành, xã hội còn nhiều nhà nho, khi xem hát Bội, phần đông khán giả thông hiểu ý nghĩa câu văn chữ Hán, ảnh hưởng văn chương Trung Hoa, thông suốt truyện Tàu nên biết thưởng thức điệu hát Bội. Sau đệ nhất thế chiến nền Nho học phai tàn, nhường chỗ đứng cho tân học. Xã hội lúc ấy bắt đầu chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nền văn minh Tây phương say sưa thưởng ngoạn bộ môn Cải Lương, một điệu hát tân thời. Tuồng tích phỏng theo các kịch bản lớn của Âu Châu. Hát bội thuộc “thế hệ” già, xưa, cũ kỹ. Bị Cải Lương tấn công đè bẹp, chưa đủ sức ngóc đầu cầm cự, thì khoảng 1950 đến 1975, lại bị bộ môn điện ảnh đánh bồi thêm một phát, điệu hát bội chết chằm chằm, chết không kèn không trống.

- Tuồng hát Bội lúc nào cũng chất chứa vẻ thê lương, thiếu hẳn đặc tính trào lộng, vui nhộn nên hạng khán giả trẻ, nhìn đời qua ánh mắt lạc quan, vừa xem xong thì chán ngấy. Bài hát, giọng ngâm náo nùng ai oán. Khán giả trẻ rất bực mình ngồi cả mấy giờ đồng hồ xem những vở tuồng dài lê thê, những cảnh than khóc vì tử biệt, vì loạn lạc, tàn sát lẫn nhau vì cướp đoạt ngai vàng.

Dù sao thì Hát Bội cũng đào tạo ra một số nhân tài phụng sự sân khấu cổ điển Việt Nam. Chúng tôi xin ghi ra đây danh

sách diễn viên hát Bội vang danh để cảm ơn những người đã trọn đời cưu mang cái nghiệp: nghiệp “tơ vương đến thác”.

Nữ nghệ sĩ: Năm Chung, Tư Bốn, Năm Nhỏ, Sáu Xén, Ba Quyên, Tư Minh, Ba Đắc, Cao Long Ngà, Sáu Bê, Năm Sa Đéc (Bà Năm Sa Đéc từ trần tại Sài Gòn tháng 12-1991), Ba Út, Năm Đồ, Hai Nhỏ, Ba Sáng, Kim Anh, Ba Nganh, Kim Bông, Tư Nét, Ngọc Lượng, Lệ Hồng, Bảy Sự, Sáu Muối, Lệ Ánh, Thúy Mạnh, Huỳnh Mai, Thanh Thế, Mộng Lành, v.v.

Nam nghệ sĩ: Nhung Tri, Nhung Do, Nhung Lắm, Nhung Phi, bầu Thắng, bầu Lễ, bầu Luông, Minh To, Thành Tôn, Hữu Thoại, Hoàng Sóc, Năm Gòn, Mười Sự, Chính Tài, Thiệu Cửa, Ba Kiên, Tám Hiễn, Sáu Hửu, bầu Tảo, Chăn Luông, Bảy Lập, Tám Văn, Hoàng Nở, Hai Thành, Thanh Tòng, Văn Thịnh, Ba Luông, Năm Thao, Ba Thái, Long Ẩn, Bửu Truyen, Thanh Bình, Hoàng Bá, v.v.

* * *

Cầu Bến Lức hẹp. Xe cộ lưu thông thường hay bị kẹt. Xe tới đầu cầu sắp hàng dừng lại. Chờ xe phía bên kia cầu vượt qua hết thì đoàn xe phía bên đây cầu mới có thể chạy được. Trong lúc kẹt cầu - thường thường không dưới 25 phút - hành khách có thể bước xuống xe nghỉ “xả hơi”, uống nước giải lao, mua trái cây, bánh mứt địa phương làm quà cho gia đình. Năm 1962, nếu hành khách ngồi xe đò xuôi ngược Sài Gòn - Hậu Giang, ngang qua cầu Bến Lức, sẽ thấy một em bé miệng hát lanh lảnh, tay cầm lon sữa bò, tay dắt một ông lão mù hai mắt, xin ăn. Ông lão đồn, em bé ca. Tiếng đàn của ông lão khiến hành khách xốn xang, gieo vào lòng một nỗi buồn làng làng. Tiếng đàn “buồn diệu vợi”. Khách nghe ông lão đồn, khách lưu luyến cây cầu Bến Lức và

thương cảm cho cuộc đời không may của ông lão. Ông lão đó, tên Hoàng Văn Quỳnh, biệt danh bầu Quỳnh, chủ gánh đoàn *Sao Ngàn Núi*.

Soạn giả Viễn Châu động lòng, chia sẻ mảnh đời tang thương của ông bầu Quỳnh, sáng tác 5 câu *Vọng Cổ*, phối hợp điệu “tân cổ giao duyên” (Tân nhạc và cổ nhạc) chân thành tặng ông bầu Quỳnh. Và Hội Nghệ Sĩ Việt Nam yêu cầu Đài phát thanh Sài Gòn mỗi tháng một lần, truyền thanh bản nhạc tựa đề *Sầu Vương Nhạc* do Minh Cảnh ca. Qua làn sóng điện của Đài phát thanh, HNSVN có thành ý muốn nhắc nhở với thính giả bốn phương nghĩ đến một nghệ sĩ tật nguyên nghèo khổ: Hoàng Văn Quỳnh.

Vọng Cổ

Câu 1- *Mỗi khi có dịp xuống Hậu Giang và đi ngang cầu Bến Lức, tôi còn nhớ mãi những lời ca nào nuốt của một em bé thơ ngây hát dạo ở ven đường...*

Nắm chiếc gậy tre em dắt theo một ông lão đui mù...

Em cất tiếng ca lên buồn rười rượi:

“Mưa rừng ơi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sầu vì lòng người duyên kiếp không lâu”, (tân nhạc) ôi buồn làm sao tiếng ca đầy tham nào.

Câu 2- *Không ai bảo ai nhưng cả xe đều im lặng và nghe đầu đây như có tiếng thở dài...*

Gió lạnh từ xa như họa theo tiếng nhạc u hoài...

Ông lão sửa dây đàn em bé cũng trở sang điệu khác:

“Ai đang đi, trên đường đê, ai lắng nghe vang câu hò đê mê, vô đây em, dù trời khuya, anh vẫn đưa em về...” (tân nhạc) giữa trưa buồn nghe nào nuốt lòng ơi.

Câu 4 - Những đường tơ như chùng theo mấy ngón tay gây guộc đang run run bấm nhẹ mấy cung đàn...

Chiếc đàn long phím tang thương như một kiếp cơ hàn...

Đôi hồ mắt sâu thăm thăm như chứa đựng một nỗi niềm đi vắng xa xăm. Xe đến rồi đi, kẻ xuống Hậu Giang người về đô thị, ai không nghe cõi lòng băng khuâng với lời ca ngây thơ vụng dại vang vang trong tiếng nhạc thâm trầm...

Câu 5 - Cầm chiếc lon sét đưa lên, vài bàn tay bỏ vào tờ giấy bạc, Ông lão run run để lộ nét vui mừng...

Cô bé cũng hân hoan cất tiếng ca rằng:

“Qua thiên san kia ai tiễn rượu vừa tàn, vui ca xong rồi đi tiễn binh ngoài ngàn, người đi về vạn lý quan san, người mong chờ trong bóng cô đơn.. “ (tân nhạc) hơi ơ buồn làm sao như người đi kẻ ở, buồn làm sao như rạn vỡ tâm hồn.

Câu 6 - Bàng trắng đã lên rồi! Đoàn xe từ từ chuyển bánh, tôi nhìn lần cuối cùng hình ảnh cha con người hát đạo, lòng bỗng dâng tràn ngập một niềm thương: người ly hương, ta cũng ly hương, họ nhạc sĩ ta cũng nhạc sĩ, đời của ai rày đây mai đó thì đời của ta cũng sương gió lâu rồi. “Mưa rừng ơi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sâu vì lòng người, duyên kiếp không lâu” (tân nhạc).

Paris, ngày 1-12-1992.

Trần Trung Quân sinh ngày 30 tháng 12 năm 1948 tại Tha La xóm đạo, Tây Ninh.



Đã viết:

* 62 bài vọng cổ;

* 11 tuồng cải lương: Tóc em bay giữa trùng dương. Tình sử Huyền Trân Công chúa. Biên giới một chiều mưa. Nước mắt người đi. Chiều về trên sông lạnh. Trăng thề soi lửa hận. Chim trời vong quốc. Buồn cao quê ngoại. Những giòng sông còn ly biệt. Tiếng khóc giữa rừng khuya. Đường về quê mẹ.

Mục lục

Lời dẫn nhập	5
Chương 1.....	9
Chương 2.....	17
Chương 3.....	31
Chương 4.....	37
Chương 5.....	51
Chương 6.....	71
Chương 9.....	117
Chương 10.....	133
Chương 11.....	145
Chương 12.....	169
Chương 13.....	209
Chương 14.....	235
Chương 15.....	271
Chương 16.....	289
Chương 17.....	315

